

Tác Giả và Tác Phẩm

Trần Thùy Mai

Tiểu sử

Sinh ngày 9.8.1954 tại Hội An, Quảng Nam. Hiện đang ở Huế.

Tác phẩm

Tập truyện ngắn : Một Mình Ở Tokyo - Onkel Yêu Dấu.



tranh Ngọc Dũng
(1930-2000)

Mục Lục

Thị trấn hoa quỳ vàng – 2

Trần Thùy Mai viết văn không vì... – NTHai - 7

Thương nhớ hoàng lan – 9

Cảm thức....trong truyện ngắn Trần Thùy Mai – Hoàng Thị Huệ - 13

Lửa của khoảnh khắc - 17

Phụ đính I:

**Trái xanh - Chị Hai ơi – Mắt nhân sư – Lời hứa
Tháng tư trở lại - Trăng nơi đáy giếng – Biển đời người
Bài hát đêm cuối năm – Em Dung – Cánh cửa thứ chín**

Phụ đính II:

**Một mình...trong tập truyện mới của Trần Thùy Mai – Mai Ninh
(trích từ những tập truyện ngắn)**

**Nơi có những cây tùng xanh biếc – Cổ nhân
Hoa phù dung dưới núi - Nàng công chúa té giếng
Thiên thạch – Gió thiên đường – Bức tranh cuối cùng**

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Thị trấn hoa quỳ vàng



Bây giờ, Ng. cũng không nhớ tại sao hai người lại chọn cái thị trấn xơ xác ấy làm nơi gặp gỡ. Mười năm trước họ không biết gì về nó, ngoài địa danh bất chợt nhật ra từ trí nhớ mông lung, địa danh mơ hồ, gọi lên một vùng đất xa xôi ven biển. Dường như sự lựa chọn ấy cũng có tiền định, vì trong những giấc mơ căn đường thoáng của mình. Ng. luôn luôn thấy người ấy hiện ra trước mắt nàng giữa tiếng sóng gầm dữ dội. Biển. Biển sôi trào, và trái tim nàng cũng sôi lên như biển.

Trong mười năm trời, năm nào họ cũng gặp nhau vào ngày tháng ấy, bên chân sóng ấy. Lần này Ng lại đến, y như trong lần đầu nàng bước xuống xe và ngo ngoác nhìn ánh nắng hoe vàng, lấm tấm bụi. Mỗi năm, thị trấn mỗi khác đi, những ngôi nhà như sinh nở thêm, mái tôn, mái ngói xúm xít quanh bến xe. Mấy chiếc dù hoa sặc sỡ vừa mọc đây đó, như những chấm màu vui vui trên khung cảnh lộn xộn của một vùng nửa thôn quê, nửa phố xá. Chỉ có ngọn gió thổi qua đỉnh rặng phi lao là vẫn thế, đắm mùi nước mặn, mùi nồng nàn của ngàn khơi.

Ng. gọi một chiếc xe ngựa, người xà ích khẽ lắc đầu, tiếp tục dong cương. Tiếng vó lách cách trên đường một điệp khúc đều đặn buồn. Ng. nhìn theo một lát mới nhớ ra bây giờ xe ngựa chỉ dùng để thờ gạch đá. Tuyến xe lam vừa thành lập đã lấy hết khách đi lại trong thị trấn. Ng. lau mồ hôi trên trán, đặt chiếc túi xách xuống vệ đường. Nàng tiếc nuối cái ý nghĩ sẽ đi ngựa đến nơi hẹn bên kia bờ biển, y hệt như khi nàng đến lần đầu, bao nhiêu năm nay nàng vẫn lặp lại đúng như thế, như thể cử hành một nghi lễ thiêng liêng đã thành truyền thống. Khi đó nàng mặc chiếc áo đẹp nhất của mình, mớ tóc dài bay theo gió, đôi giày păng túp trắng, ngồi một mình sau lưng bác xà ích, tiếng vó ngựa gõ rộn ràng như nhịp tim sôi nổi trẻ thơ. Chiếc xe đi qua những con đường bụi bặm, những con đường toát lên mùi tỉnh lẻ, với những hoa quỳ vàng mọc ngo ngoác từ lùm bụi, ven đường. Ngay lần đầu đến đây, nàng đã tìm ra một địa danh mới: Thị trấn hoa quỳ vàng. Từ đó mãi mãi nàng chỉ dùng cái tên ấy khi muốn nói về hành tinh nhỏ bé mà hai người đã chọn.

Thị trấn hoa quỳ vàng. Lúc đó, nàng cũng mặc áo vàng, và giờ phút họ gặp nhau bên bờ biển, mặt trời chiếu những tia vàng chói lọi xuống mặt sóng xanh. Người đàn ông muốn giữ Ng. lại trong tay, nhưng nàng né tránh và chạy vòng quanh các gành đá. "Em không mong gặp anh ư?" Ng. nghe những lời ấy lẫn trong tiếng rì rào của biển, tiếng nói trầm, ấm làm nàng hồi nhớ một tuổi thơ không thường được dỗ dành và chột rưng rưng nước mắt. Nàng vừa gạt đầu vừa dụi mắt vào vai người đàn ông "Thế tại sao?" "Em cũng không hiểu. Dường như những gì em quá đổi trông chờ, khi hiện đến, đều làm em hoảng sợ". Nàng thì thầm, và cảm thấy mình run rẩy. Người đàn ông bật cười, tiếng cười nghe rất xa vì bật đi trong gió. Ngoài những ngọn

đèn đánh cá bắt đầu sáng lên, và cả hai người trong phút lơ đãng xuất thần, đều ngỡ rằng những vì sao vừa đột ngột rơi xuống mặt nước. Một đứa bé có khuôn mặt màu đồng hun, tay bưng một rổ đầy cua, dừng lại trước hai người mời mọc. Ng. chọn một con lớn nhất và tháo lại buộc cho nó bò về biển. Đứa bé tròn mắt nhìn, rồi bỡ ngỡ cười ngây ngô, còn người đàn ông thì hiểu rằng đây là một tục lệ tôn giáo mà Ng. đem theo từ thành phố cổ xưa nơi nàng ở vào một ngày vui trọng đại, người ta có thói quen chia sẻ niềm hạnh phúc của mình với tạo hoá bằng cách đem lại cho những con vật sống mà tưởng chừng chúng đã mất. Ng. nghịch ngợm xoè bàn tay che trước mặt mình khi khuôn mặt người đàn ông ghé sát gần bên. Nàng thì thắm qua khe tay:

- Nó bắt đầu cuộc sống lần thứ hai, cũng như em hôm nay.

"Anh cũng vậy". Người đàn ông nói, dứt khoát kéo hai bàn tay nàng xuống và ngạc nhiên thấy chúng mềm như lá cỏ. Họ hôn nhau lần đầu, hết như trong giấc mơ. Sóng gầm lên trong bóng tối, và biển cũng rối tung theo gió.

Họ ở lại một lữ quán nhỏ hẹp mang cái tên rực rỡ. Hướng Dương. Cái tên quá đẹp, quá sang trọng so với căn phòng trống trải, chiếc ghế tựa cũ kỹ và ngọn đèn trần đã cháy từ lâu. Nhưng thật kỳ lạ, cả hai người chẳng hề thấy vẻ khập khiễng đó. Khi ấy, họ tràn ngập niềm tin mãnh liệt rằng tình yêu của mình có thể biến mọi xó xỉnh nghèo hèn thành thiên đường trên mặt đất. Chính ở căn phòng đơn sơ còn thoáng chút ẩm mốc đó, lần đầu tiên trong đời họ nhận ra linh hồn cũng như thân thể của mình là một thứ nhạc cụ kỳ lạ, chỉ vang ngân dưới bàn tay sinh ra để dành riêng cho nó. Gió biển thổi lồng lộng qua cửa sổ, tấm drap trải giường được phủ sơ sài bằng bành những đọt sóng. Trăng cũng vào theo cửa sổ. Có vị mặn của biển và có vị mặn của da thịt; có cái dịu ngọt của trăng, và nỗi dịu ngọt của vuốt ve. Bắt đầu từ phút đó cả hai không nói một lời nào, đều hiểu mình đã thành hai nửa của một con người duy nhất.

Sau này, năm nào trở lại thị trấn hoa quỳ vàng, họ cũng gặp nhau, nơi lữ quán ấy, căn phòng ấy. Nơi mà họ đã đắm mình trong khúc hát địa đàng, lần đầu tiên và mãi mãi. Suốt năm này qua năm khác, khúc nhạc ấy hoài vang vọng trong ký ức rất riêng của hai người, như một tiếng gọi tử tế, lặng lẽ, đau đớn, không ngừng thôi thúc họ đạp lên những vành đai để quay trở lại.

Và bây giờ, Ng. đang đứng một mình trước thị trấn cũ. Cảm giác say sóng làm Ng. vánh vát trước ánh sáng lúc sắp trưa. Dù rất mệt, nàng nhất định khước từ chuyến xe lam ồn ã và chất chông quang gánh. Do không thể tìm lại chuyến xe thổ mộ và con ngựa bồm vàng mọi năm. Ng. đã nảy ra ý muốn ngông cuồng là sẽ đi bộ, từng bước, từng bước lặng lẽ đến nơi vùng biển cũ. Nhưng Ng. không đi đến được cuối đường, mặc dù nàng đã thấy hiện ra dưới chân dốc bãi cát dài trắng xoá, với những ghềnh đá đen nhám lỗ chỗ vết hào. Đôi chân phù nề chột nhói lên đau nhức, khiến Ng. phải dừng lại ở một khách sạn trong lòng dãy phố chính của thị trấn.

Khách sạn mới xây, khá tiện nghi, ở đó những người phục vụ đã đem đến cho Ng. nước nóng và muối để ngâm đôi bàn chân sưng phồng dị dạng. Ngồi trong phòng, Ng. nghe tiếng di chuyển bàn ghế, tiếng nhân viên đi lại rộn rịp, tiếng tính toán chi phí vọng lại từ phía hội trường. Hình như ngày mai là ngày chính thức khai trương khách sạn. Hoá ra Ng. là một trong những người khách đầu tiên. Cô bé bồi phòng với đôi mắt ửng đỏ đưa cuốn sổ lưu niệm đến cho Ng. viết cảm tưởng. Ng. mỉm cười ghi và ký tên, không nghĩ ngợi:

"Tôi đã đến. Tôi ở lại. Và tôi mong muốn được quay trở lại"

Ng. gập cuốn sổ lại, mừng tượng nhớ một hôm nào từ lâu lắm rồi, vào một năm nào đó không rõ, khi cùng với người ấy đi dọc theo bãi biển hoang hôn, nàng đã nghe dân chài nói với nhau về một lời sấm đang lan truyền trong dân gian. Lời sấm tiên báo rằng cái thị trấn nhỏ

đáng thương này được thành lập trên một doi cát phù du đang bị xói lở dần dần và chỉ trong thời gian ngắn sẽ hoàn toàn sụp đổ. Ngày hôm ấy ở bến xe, các tiệm phở, các quán ăn người ta xôn xao về diêm báo khủng khiếp ấy. Mặc dù biết rất rõ những lời đồn thường không có gốc rễ, không hiểu sao, tối hôm ấy Ng. cảm thấy bầu trời dường như nặng nề hơn. Khi dừng lại trên ghềnh đá, nàng xiết chặt tay quanh lưng người đàn ông yêu dấu, như thể anh sắp bị cuốn đi cùng với doi đất mỏng manh.

- Rồi tất cả sẽ sụp lở hết, và mình chẳng bao giờ gặp nhau lần nữa Ng. thì thầm. Gió biển thổi tan tác những âm thanh trên môi nàng run rẩy.

"Không thể có điều đó. Với anh sẽ chẳng bao giờ có kết thúc cả, cho dù mình sẽ già đi, sẽ không còn nữa". Người đàn ông trả lời sau khi hôn nàng rất lâu- Anh hiểu câu nói của nàng theo nghĩa khác. Buổi chiều ấy anh cũng chọn một con cua biển và thả cho nó đi theo con của Ng. xuống chân sóng với hy vọng đôi tình nhân sẽ bắt đầu lại cuộc sống, không cô đơn, và sẽ gây dựng nên một vương quốc của loài cua bên dưới những ghềnh đá này.

Ng. duỗi thẳng những ngón chân tê dại trong nước, mỉm cười. Bây giờ có lẽ cả những sinh vật mà họ thả hàng năm xuống biển đang sinh sống nơi miền rong rêu ấy, phía xa kia, chúng đang góp phần chứng minh bãi biển ấy, ghềnh đá ấy là vĩnh viễn. Đôi chân Ng. như dụi lại trong nước muối mặn. Cách đây ba hôm, rất đột ngột, cơn phù xuất hiện, có lẽ là dấu hiệu của bệnh suy tim hay suy thận gì đấy như nhiều người phỏng đoán. Lẽ ra Ng. nên đi khám và nghỉ ngơi vài hôm. Nhưng ngày ấy đã đến và Ng. không thể không lên đường. Nàng không thể bỏ một cuộc gặp gỡ đã thành điều giao ước thiêng liêng, vào giờ đó, ngày đó; ngày giờ ấy, nơi chốn ấy đã trở thành diên lý, với sự chứng kiến của lũ quán nghèo nàn và thơ mộng. Trên đường đi, Ng. cảm thấy đôi chân sưng tấy trong đôi giày nhỏ. Nàng can đảm chịu đựng nỗi đau nhức trong hồi ức về chuyến đi đầu tiên mười năm về trước. Mười năm về trước, xe tàu cực kỳ khó khăn như thể hai bến xe nằm ở hai hành tinh khác nhau. Chiếc xe đưa Ng. đi trong khói than mù mịt, tiếng máy nổ ù ạch mệt mề, vượt năm trăm cây số trong vòng hai ngày đêm; trên băng ghế chật chội, Ng. ngồi im lặng, hai chân tụ đầy máu. Hồi ấy Ng. mạnh khỏe, vô bệnh và suốt hành trình nàng vừa chịu đựng đôi chân đau nhức vừa nhớ lại câu chuyện nàng Maryushka đi tìm người yêu mòn dập hết ba đôi giày sắt. Lần đầu tiên đến vườn địa đàng của mình, trong hạnh phúc nàng không nhớ gì về cơn đau nữa, nhưng lúc nửa đêm về sáng, nàng đã phải nén tiếng rên rỉ để khỏi làm kinh động giấc mộng tuyệt đẹp còn vương vấn đâu đó trên những chần nệm bông bành gió biển.

Và bây giờ, cũng cơn gió ấy, ngọn gió vĩnh viễn thổi qua đây, lần này lại thổi rối mái tóc Ng. khi nàng ngồi soi lại dung nhan bên cửa sổ. Với hai ngón tay, nàng xoa nhẹ khắp khuôn mặt; lần đầu tiên Ng. nhận ra thứ kem thường ngày hình như đã biến chất, không ăn da như mọi lần. Nàng xoa rất lâu và cuối cùng lại dùng khăn ướt lau sạch tất cả, vì thấy chẳng thà để làn da trần như thế trông lại được mặt hơn. Một chút hồng cam trên môi, một chút xanh trên mí mắt làm khuôn mặt nàng tươi lên và thoáng vẻ trẻ thơ kỳ quặc. Gió, gió và gió, Ng. chải lại mái tóc rối, dùng chiếc khăn mỏng buộc chặt lại, theo cầu thang bước xuống đường. Trời vẫn nắng một thứ nắng hư ảo, chập chờn theo lối mòn dẫn ra bờ biển cũ.

Ng. bước đi, bàn chân nàng vùi sâu vào lòng cát nóng ẩm. Nàng ngạc nhiên, hơi bâng khuâng khi thấy hai bên vệ đường vắng bóng những bông quỳ vàng. Từ nơi nào đấy, vắng lại âm điệu của một bài hát buồn xa xưa. Đi theo tiếng nhạc Ng. tìm đến một quán cà phê ven đường quán cà phê mà mỗi năm nàng đều nhìn thấy từ trên ban công nhỏ bé của lũ quán. Nhưng lần này, không hiểu sao đã đến đây, nàng vẫn không tìm được trong những dãy phố lố nhố đối diện tấm bảng hiệu quen thuộc- Tấm bảng đề hai chữ Hướng Dương với một bông quỳ vàng rất to làm nền- Dấu hiệu thường năm vẫn cho hai người biết cuộc hành trình đã đến, họ đã trở về điểm xuất phát đó để có nhau sau một năm lặn lội trên trần gian. Vào lần gặp gỡ năm ngoái, màu sơn vàng của bông hoa đã phai gần hết và tấm bảng gỗ cũng nứt nẻ. Có thể

người ta đã thay đổi nó bằng tấm bảng khác và nhân đó, đổi luôn cả tên để hy vọng thay đổi luôn số phận ế ẩm của lữ quán. Thuở đó đã nhiều lần người đàn ông bảo Ng: "Anh tin là có định mệnh trong cuộc gặp gỡ tay ba này. Anh, em và Hương Dương. Em thấy không, nó giống mình một cách kỳ lạ". Ng. chỉ cười, trong niềm hân hoan say đắm của hạnh ngộ nàng trở nên lơ đãng đến nỗi chẳng hiểu người yêu muốn nói gì. Mãi hôm sau khi ngồi trên chuyến xe rời thị trấn, nàng đắm chìm trong những hồi tưởng dịu ngọt và chợt cảm thấy cũng như cái lữ quán, cuộc đời hai người luôn luôn có hai thực tại, một thực tại mỗi ngày, tầm thường, bất lực, cay đắng và thực tại trong khát vọng, huy hoàng, rực rỡ, không bến bờ. Ng. trực nhận vì sao hai người lại gắn bó với nhau như thế, cả hai đều muốn vượt tới cái gì đó bên ngoài cuộc sống đầy giới hạn này. Tại đây, trong căn phòng ấy, họ đến với nhau, kể cho nhau nghe tất cả những cuộc phiêu lưu trong một năm rông. Chỉ một đêm thôi họ đã sống cho đủ ba trăm sáu mươi lăm ngày, và chẳng bao giờ dám ở lại lâu hơn, bởi vì cũng như tất cả những kẻ không đầy đủ trên đời, họ cảm nhận hạnh phúc như một thứ bánh thánh chỉ có thể kính cẩn đựng môi đến một lần mỗi kỳ rước lễ.

Bao giờ cũng vậy, buổi sáng người đàn ông dậy sớm, thu xếp hành lý và lặng lẽ ra đi, trong lúc Ng. nằm quay mặt vào vách giả vờ như còn ngủ. Họ đã giao ước với nhau không bao giờ nói lời từ biệt, để suốt năm sau đó vẫn mãi mãi sống cùng nhau trong ký ức. Một đôi lần, không tự chủ được, người đàn ông xoay mặt Ng. lại trong đôi bàn tay để hôn nàng trước khi ra đi, người Ng. nằm yên, bất động mắt nhắm nghiền. Khi tiếng chân đã xa rồi. Ng. mở mắt, những giọt mặn rơi xuống hai bên thái dương nóng hổi, những giọt nước mắt đầm mùi gió biển. Adam và Eva còn có nhau khi bị đuổi ra khỏi địa đàng, còn Ng. chỉ có một mình khi từ giả căn phòng đầy gió.

Bây giờ căn phòng đầy gió ấy ở đâu. Tại sao tôi có thể quên được căn nhà thiết thân dường ấy chỉ vì nó thiếu đi một tấm bảng, một cái tên. Dù sao thì cũng không phải chỉ duy nhất trí nhớ của Ng. Có lỗi. Đúng là đã có sự thay đổi, từ bao giờ, nàng không biết. Có lẽ sự thay đổi ấy có dần dần từ rất lâu nhưng đến bây giờ Ng. mới thực sự nhận ra. Trong ánh sáng chập chờn- Thứ ánh sáng kỳ lạ có màu của ráng chiều và bọt nước- Ng. rẽ thẳng ra bờ biển. Sóng ào ào xô vào ghènh đá. Một cô gái dân chài đi ngược lại phía Ng. đầu đội thùng nặng, đôi má màu nâu hồng. Thân thể thiếu nữ khỏe mạnh căng tròn làm Ng. không nhận ra đó là đứa bé mọi năm- Mùa đông qua, cô bé gái đã lớn phồng lên đến mức không ngờ. Điều an ủi Ng. là cô ta vẫn nhận ra nàng mặc dù ánh mắt thật lạ kỳ, chiếu vào khuôn mặt Ng. soi mói như thể nàng đang mang một vết sẹo trên mũi. Ng. mỉm cười nhớ lại những con cua biển khi nghe chất giọng địa phương lơ lơ quen thuộc- Giọng nói mà thuở xưa nàng nghe lạ tại đến nỗi tưởng mình đang tiếp xúc với một thứ thổ ngữ xa lạ. Ng. hỏi thăm về lữ quán Hương Dương và được cô gái cho biết nó không còn nữa. Lữ quán bé nhỏ và nghèo nàn không còn khách tới kể từ khi thị trấn mọc thêm nhiều khách sạn có cửa kính, có bàn ghế kiểu mới và những ngọn đèn trần luôn cháy sáng. Cô gái chỉ nhớ có thế, còn lữ quán thực sự chấm dứt vào ngày nào, bây giờ biến dạng ra sao, những người trong lữ quán đi đâu thì cô không biết rõ. Giờ đây, từ bờ biển nhìn lên, trong dãy phố mới lộ nhô, không ai xác định nổi căn nhà nào thực sự là Hương Dương ngày xưa. Nó đã tự biến đi, tự xóa tên trong cái trí nhớ của người qua lại.

Ng. quay đi. Nàng chợt nhớ mình quên không cầm theo chiếc kính mát. Gió chiều thổi mạnh, mắt nàng bắt đầu nheo lại trước những đợt cát biển. Biển, biển và biển. Mặt trời đã xuống rất thấp, những đám mây hình thù quái dị sáng rực lên trên mặt sóng. Ng. nhìn thấy trong màu vàng của mây những hình ảnh quá khứ, rõ ràng, lạnh lẽ. Đã có một lần thôi, hai người đã phá lệ và ở lại với nhau dưới vòm trời ấy hơn một ngày một đêm. Chiều hôm trước, con cua biển trước khi trở về với sóng đã hốt hoảng kẹp vào tay nàng. Vết kẹp sưng lên và sáng hôm sau

khi xoay mặt nàng ra khỏi vách tường để giã từ, người đàn ông nhận ra Ng. bị sốt. Nàng đẩy hai bàn tay anh ra và bảo hãy đi đi, nhưng anh không đi. Trong vòng tay của anh, nàng lại chạnh nhớ một tuổi thơ không mấy khi được vỗ về và chọt thút thít khóc như đứa trẻ.

"Anh đi đi". Ng. cố gắng nói một lần nữa. Trong trí óc đầy những huyền tưởng và chuyện thần tiên, nàng vẫn thường bị ám ảnh bởi lời của bà tiên dặn cô bé lọ lem không được vui chơi quá nửa đêm. Cô bé đã quên và đã trở về với y phục tả tơi rách nát. Những phép màu của bà tiên thời tuổi nhỏ nay nàng đã hiểu là phép màu của tình yêu. Nàng tự biết người đàn ông của mình là một luồng gió ngang ngược không chịu dừng lại trong bất kỳ thung lũng nào, nên đã quyết tâm cầm giữ anh bằng sự vô hạn của cả vòm trời. Nhưng ngày hôm đó khi bàn tay anh đặt lên vàng trán hâm hấp sốt của Ng. nàng chọt thấy lòng dấy lên một ước muốn rồ dại, được giữ chàng lại trong vòng tay mình vĩnh viễn.

Dĩ nhiên điều đó không thể được. Nàng vốn đã biết điều đó không thể được. Gió biển mặn thổi vào mắt nàng cay nồng.

Giờ đây mắt nàng cũng một cảm giác cay nồng như thế. Anh, em và Hương Dương, bộ ba không còn nguyên vẹn. Rất có thể chiều nay, người đàn ông sẽ đến, như đã mười năm nay anh vẫn đến vào ngày ấy, giờ ấy, với chiếc túi bạt trên vai, mái tóc dày rậm và đôi mắt nâu lơ đãng quen thuộc. Rất có thể hai người sẽ lạc nhau trong thị trấn nhỏ xíu này, khi cùng đi tìm một địa chỉ không còn nữa.

Ng. đã quay về đến vùng phố xưa kia có Hương Dương. Nàng bước vào quán cà phê với ý định ngồi đấy để nhận ra người đàn ông khi anh đi qua. Tiếng bản nhạc xa xưa vẫn vọng ra từ chiếc Stereo kiểu mới có ghi chữ Autoreverse trên bệc băng: Suốt buổi chiều băng nhạc được quay đi, quay lại trong một vòng tròn âm thanh khép kín. Ng. bước tới chiếc bàn con ngoài cùng, ngồi xuống. Có một người cùng ngồi xuống với Ng. Đó là bóng nàng trong chiếc gương dài trên vách. Ng. tỉ mỉ soi mình trong thời gian trống rỗng. Đôi chân phù nề. Khuôn mặt mệt mỏi. Nàng nhận ra màu áo vàng không còn thích hợp. Ng. muốn về lại khách sạn để thay chiếc áo khác để nhìn hơn nhưng chọt thấy một cảm giác lạnh lạnh chạy dọc sống lưng. Nàng đột nhiên nghĩ đến ánh mắt của cô gái bán cua. Cô ta vừa nhận ra, vừa không nhận ra nàng nữa. Ng. ngồi im trong quán nhìn ra xa rất xa. Biển. Biển và biển. Những đám mây quái dị đủ màu đang sà sát xuống mặt sóng.

Nửa giờ sau nàng lặng lẽ ra khỏi quán. Người đàn ông không đến. Hương Dương không còn, chàng không còn. Và tôi cũng không còn. Với đôi chân phù nề. Ng. trở về khách sạn. Gió thổi bay nhòa những dấu chân nàng trên cát.

Ngày mai khách sạn sẽ làm lễ khai trương. Hội trường trang trí đủ màu sắc xanh đỏ. Cuốn sổ lưu niệm Ng. vừa viết hồi sáng đang nằm trên chiếc bàn phủ khăn ren. Ng. băng qua hành lang để trở về phòng: Nàng thu dọn quần áo son phấn cho vào túi du lịch. Trong khi kiểm tra lại hộp kem thường dùng, nàng đã phát hiện ra không phải là kem đã biến chất mà chính làn da mặt mỗi của nàng đã khô lại sau một chuyến đi xa.

Nằm một lát, Ng. trở dậy mở cửa sổ nhìn ra phía biển, nơi đã từng có một lữ quán Hương Dương dưới ánh mặt trời. Một bóng người đang đi đi lại lại trên con đường ven biển. ở rất xa, nhưng Ng. vẫn thấy rõ dáng đi quen thuộc ấy, với chiếc túi bạt trên vai, và dầu tất cả đường nét đều xa mờ, nàng lại thấy từ ký ức mái tóc rậm và đôi mắt nâu lơ đãng. Đôi mắt ấy đang tìm cái bảng có vẽ bông quỳ vàng. Bông quỳ vàng chỉ còn trong tưởng nhớ. Bông quỳ vàng...

Ng. gục xuống thành cửa sổ. Lúc ngẩng lên, mặt trời đã biến mất, những đám mây đột ngột xám lại như màu tro. Ng. thấy người đàn ông của mình ngồi trên ghềnh đá nhìn ra khơi. Anh đã kiếm tìm và đã thất vọng, như bao nhiêu người đi tìm điều gì đấy không có trên đời. Sóng quật trắng xoá vào những hòn đá đen trơn nhẵn. Phía dưới những hòn đá ấy, có lẽ vẫn tồn tại cả một vương quốc của loài cua biển đang góp phần chứng minh rằng doi đất ấy không bao giờ sụt lở như lời sấm vu vợ một thuở nào xa lắm.

Ng. ngồi lặng im cho đến lúc quanh nòng chỉ còn đêm tối. Tôi đã đến, đã hạnh phúc và đã đến lúc ra đi. Hãy ra đi không từ giã, bởi trong giao ước của chúng ta, không có lời giã từ.

Sáng hôm sau, trên chuyến xe rời thị trấn Ng. mệt mỏi thiếp đi, nàng mơ thấy hai người gặp nhau trên ghềnh đá cũ. Gió thổi tóc nàng rối tung bên vai người đàn ông, và nàng thấy hai bàn tay mình chọt mềm như lá cỏ, nàng thấy nắng chiều chiếu những tia vàng chói lọi trên mặt sóng xanh. Nàng thấy lại vòng tay ấm và cái hôn vị mặn- Giây phút của phép lành đã ban cho nàng sự sống lần thứ hai trong đời. Đứng vào lúc ấy, ngọn gió lốc chọt thổi lên, cuốn xiết; mặt biển trở nên một vực xoáy khổng lồ; trong tiếng cát bay dữ dội, doi đất cong cùng thị trấn hoa quý vàng từ từ bị cuốn theo dòng cuồng lưu vô tận. Ng. thanh thản mỉm cười và nép mình trong vòng tay người yêu dấu trong khi cả hai cùng với ghềnh đá trôi theo một hành trình xa hút. Hành trình ấy dẫn đến một xứ sở rất xa, xa hơn mọi ánh sáng mặt trời- Bởi vì chính mặt trời cũng không vĩnh cửu.

Trần Thùy Mai viết văn không vì thương hiệu NTHai

Với văn chương, chị là người không ồn ào nhưng có sức lan tỏa và ổn định lượng độc giả riêng. Ít khi thấy chị góp mặt giữa văn đàn.

- Chị viết văn khá lâu, cũng chăm chút độc giả đến từng chi tiết nhưng sống ở Huế, chị thấy mình thiệt thòi những gì so với đồng nghiệp ở Hà Nội và TP HCM?

- Có cái mát và cái được, điều này thì ngay cả những người ở hai thành phố lớn như Hà Nội và TP HCM cũng thế. Mát vì biết được các thông tin nghề nghiệp chậm hơn, quyền lợi hội viên cũng ít hơn... nhưng ngược lại mình không phải dính dáng tới phe này nhóm nọ... Dù được hay mất thì mình luôn mong muốn được sống và viết ở đây, vì cả cuộc đời và trang viết của mình đã gắn chặt với vùng đất này nên khó mà đi xa được.

- Điều này có vẻ hơi phiến diện?

- Có ba thứ khiến mình gắn bó lâu dài với vùng đất này: Thiên nhiên đẹp để nuôi dưỡng cảm hứng, không gian yên tĩnh để viết, và... mạng internet giúp mình có thể bay ra khỏi không gian giới hạn của một thành phố nhỏ để đi đến những nơi mình muốn đi, gặp gỡ những người mình muốn gặp và gửi tác phẩm đến những tòa soạn và nhà xuất bản ở hai đầu đất nước.

- Là một nhà văn đương đại ở Việt Nam và có độc giả của riêng mình, nhưng cái tên Trần Thùy Mai dường như "rất xa" với các giải thưởng văn chương?

- Có vẻ như người hỏi không quan tâm đến tôi lắm (cười). Nói thật là mình cũng quan tâm đến giải thưởng nhưng ở mức độ chừng mực thôi.

- Thế chị có nhận xét gì về một số giải thưởng văn chương gần đây?

- Mỗi kỳ trao giải thường phát hiện được ít nhất là một tác phẩm xứng đáng. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn nhiều trường hợp được giải do nể nang, hoặc do quan hệ của tác giả. Cần phải kêu gọi tinh thần công chính của các thành viên trong hội đồng chấm giải, nếu các vị này có bản lĩnh để không rơi vào tình trạng nể nang, thỏa hiệp, thì giải thưởng sẽ có uy tín cao hơn và người viết cũng như độc giả sẽ quan tâm hơn.

- *Trong truyện ngắn của chị, người ta thấy nhiều bóng dáng của Phật và thiên, điều gần như trở thành đặc trưng của Huế trong đời sống thực lẫn văn chương. Chị cũng khó thoát khỏi quy luật ấy khi mình là một nốt trầm của ca Huế, hay chị còn gửi gắm ý niệm gì?*

- Những yếu tố văn hóa thoát thai từ tôn giáo luôn tiềm tàng trong đời sống tinh thần của con người. Xu hướng tâm linh rất mạnh mẽ trong tâm hồn người Huế, mà mình chắc người Việt Nam các nơi cũng đều vậy, dù rằng biểu hiện có khác nhau ít nhiều.

- *Trong góc nhìn của một nhà văn, nói một cách ngắn gọn, đâu là vẻ đẹp tiềm ẩn của Huế?*

- Đó là xu hướng nội tâm và tâm linh của người Huế, chịu ảnh hưởng nhân sinh quan và vũ trụ quan phương Đông, xu hướng này thấm sâu tiềm tàng trong kiến trúc, mỹ thuật, văn chương và cách sống của con người. Ta hay giới thiệu đền đài lăng tẩm với vẻ tự hào, thực ra kiến trúc của mình tuy cũng đẹp nhưng không phải là kỳ vĩ cho lắm trong con mắt của du khách đã đi qua nhiều nơi, nên giới thiệu phần hồn trong đó, hơn là chỉ dừng lại ở vẻ đẹp bên ngoài...

- *Có người bảo truyện ngắn của chị mang hơi hướng tính nữ nhiều hơn?*

- Đương nhiên rồi. Vì mình là phụ nữ nên văn chương nó cũng ít nhiều mang hơi hướng ấy.

- *Vì vậy mà đã dần hình thành một "thương hiệu" Trần Thùy Mai...*

- Mình hơi ngại hai chữ "thương hiệu" vì hai chữ này có vẻ thuần túy mua bán, mặc dù sách cũng là một món hàng trên thị trường. Cũng như trước đây mình rất sợ mấy chữ "kỹ sư tâm hồn" vì mình không thể nghĩ tâm hồn có thể chế tạo hay sửa chữa như một món hàng trong nhà máy.

- *Gần đây người đọc bắt gặp trong nhiều truyện ngắn của chị, không gian được mở rộng ra ngoài biên giới Việt Nam. Vì sao vậy?*

- Tôi vẫn nghĩ con người có rễ, nhưng cũng có ngọn nữa. Nếu bạn đến Huế vào những ngày lễ, hoặc vào những tháng cao điểm của mùa du lịch mà không đặt phòng trước, bạn sẽ chật vật lắm mới kiếm được khách sạn. Những năm gần đây nhiều người đến Huế. Người Huế cũng có dịp ra nước ngoài để học hành, làm việc, giao lưu văn hóa. Từ đó nảy sinh quan hệ tình bạn, tình yêu, công việc. Đó cũng là một phần của Huế, hay một phần của Việt Nam ngày nay, qua những câu chuyện mình muốn viết về những chỗ gặp nhau và khác nhau giữa người Việt và người nước ngoài trong mắt nhìn của riêng mình...

- *Có ý kiến cho rằng ở Việt Nam không có nhiều nhà văn chuyên nghiệp lắm, họ chỉ là những người viết theo cảm xúc, lâu lâu tập hợp in thành một cuốn sách. Chị thì sao?*

- Tôi nghĩ, phân biệt nhà văn chuyên nghiệp với nhà văn không chuyên là một việc khó khăn và cũng không cần thiết. Cái quan trọng là tác phẩm được người đọc đón nhận hay không.

- *Ngoài công việc viết văn, chị còn là biên tập viên của nhà xuất bản. Nhưng gần đây, độc giả yêu văn chương khá thờ ơ với những sáng tác văn học trong nước nhưng lại rất hào hứng với*

những cuốn sách văn học mua bản quyền nước ngoài. Độc giả sai lầm hay các nhà văn phải nhìn lại mình?

- Theo tôi quan sát, độc giả thích đọc cả sách trong nước lẫn ngoài nước. Mỗi thứ đáp ứng một nhu cầu khác nhau. Và mỗi thứ đều có những cuốn bán chạy, những cuốn không. Văn học Việt Nam hiện nay chưa thể nói là đã đáp ứng được lòng mong đợi của người đọc, điều đó có nhiều nguyên do, nhưng tôi tin nó sẽ đáp ứng được, và trách nhiệm đầu tiên là của các nhà văn. Tất nhiên, với những tác phẩm văn học nước ngoài đã thành công trên khắp thế giới thì người đọc dành nhiều quan tâm hơn cũng là điều dễ hiểu, trong sự quan tâm không phải chỉ có cảm thụ văn chương mà còn có cả khao khát thông tin.

- *Xin cảm ơn chị!*

Thương nhớ hoàng lan

Tôi sinh ra dưới một mái chùa. Nghe kể rằng sư phụ tôi khi ấy còn trẻ, một hôm đi ngang bỗng động tâm hỏi: "Mô Phật, sao sau chùa lại phơi tã lót?". Nghe chuyện đời cha tôi, thầy bo: "Hãy nhớ ngày này. Nếu có duyên, mười năm sau ta sẽ trở lại". Trở về thầy bỏ tăng viện, lên một ngọn núi hẻo lánh trong rú xa, dựng mấy nếp nhà cỏ. Từ ấy, thầy ẩn tu, hiếm khi xuống núi.

Lớn lên, tôi giống cha như đúc và rất được mẹ yêu chiều. Cha tôi mắt sáng, mũi cao, tiếng nói trầm ấm, tính tình hiền hòa trung thực. Khi còn là một chú tiểu đầu để chỏm, người đã nổi tiếng thông minh, mười lăm tuổi chép rành kinh chữ Hán. Rồi vì học giỏi, được cử làm giáo sư ở trường Trung học Bồ Đề, một trường phổ thông tư thục của Giáo hội. Lúc người sắp được phong Đại Đức thì gặp cô bé nữ sinh tinh nghịch, có đôi mắt hút hồn, đôi môi đầy đam mê và cái tính thích gì thì làm cho bằng được. Ban đầu, cô bé chỉ định quấy phá chi để thử bnlĩnh của thầy. Nhưng rồi tình yêu là lửa, chính người muốn đốt lại cháy. chùa ngẩn ngơ khi người thanh niên đạo hạnh vòng tay thưa trước sư cụ trụ trì: "Yến bệnh nặng đã bốn tháng rồi, sợ rằng cô ấy chết. Thầy dạy con tu hành để cứu chúng sinh. Nay con có thể cứu một sinh linh, sao lại khước từ". Cha tôi rời chùa, cô Yến khỏi bệnh rồi hai người thành vợ thành chồng. Ông bà tôi để lại một ngôi nhà, cha tôi cho dỡ đi, xây vào chỗ đó một ngôi chùa tư. Đã không bỏ đời theo đạo được, thì ông đem đạo về giữa đời. Sau khi đã có con, ông vẫn ăn chay, mặc áo nâu và tụng kinh sớm chiều. Có lần mẹ tôi đi chợ mua một xâu ếch, nhưng con ếch theo phn xạ cứ chắp hai chân trước vái lia lia. Một bà đi ngang bo mẹ tôi: "Mấy con ếch lạy khéo không thua thầy M.H". Rồi bà cười h h: "Đi tu mà chẳng chót đời, làm thân con ếch cho người lột da". Tính mẹ tôi mau nước mắt, cứ vừa đi vừa khóc thút thít cho đến lúc tới nhà. Tối đó bà kéo nheo mắt, năn nỉ mãi cha tôi tội gì không để tóc, ng mặ, làm người trần cho sướng cái thân. Tu kiểu này, người ta nói không chịu nổi. Cha tôi chỉ cười, dường như chẳng để tâm. C đời người không tranh giành với ai mà như có phép thần thông, chạm vào đâu thì phát lên đến đó. C sở làm hưng trầm của người càng phát triển, mẹ tôi càng béo đẹp ra thì lời đàm tiếu của thiên hạ càng rần rần. Cuối cùng, chẳng hiểu vì sao, mẹ bỗng đột ngột bỏ đi mất tăm...

Cô ruột tôi giận lắm bo: "Mẹ mi là con yêu tinh, khi trước đã phá đời tu của cha mi, chừ lại phá luôn đời tục của ông". Ai cũng khuyên đừng báo tìm nhưng cha tôi chỉ nói: "Đừng". Ông không trách móc gì, nhưng có lẽ ông buồn, tiếng tụng kinh đêm khuya nghe chùng khắc khoi. Chao ôi, với những con thuyền khắc khoi ấy, kiếp nào cha mới đến Tây Phương? Từ đó phó mặc cho cô tôi. Cô tôi cho chặt cây, nhổ cỏ, sửa sang lại cho khu vườn sáng sủa: "Thiệt là hư sự, ai đời lập chùa mà lại trồng hoàng lan trong sân. Mùi hoàng lan là mùi ma, hèn chi ma chướng nó phá cho như thế nì".

Tôi dần dần nước mắt nhìn người ta chặt cây hoàng lan, cành lá vút bừa bãi trên mặt đất. Ngày xưa, gội đầu xong mẹ tôi thường hái hoa giấu vào búi tóc cho thơm. Bây giờ người đã đi, hoa cũng không còn...

Năm tôi mười tuổi, có vị Đại Đức trên núi về thuyết pháp ở chùa Diệu Đế. Tôi đi theo cô tôi đến nghe. Khi trở về tôi xin xuất gia. Cha tôi bo: "Kinh sách ở đây, chuông mõ ở đây, con còn đi đâu?". Tôi chỉ lắc đầu...

Ni thầy tôi ẩn tu là Bích Vân am - am Mây Biếc. Mười năm khai sinn, thầy đã cùng đồ đệ trồng hơn hai chục mẫu bạch đàn và ba ngàn giò phong lan đủ loại. Các sư huynh dạy tôi chăm hoa, tưới cây mỗi sáng. Buổi chiều đi học ở trường Nam Giao. Năm mười lăm tuổi, tôi bắt đầu chưởng tính. Sư huynh hạch tôi: "Bạch thầy, Đãng Ninh trốn học, la cà ở quán cà-phê Tím. Người quanh đó ai cũng chê cười, họ nói cô ruột Ninh làm hưng giàu có, cúng dường nhiều tiền nên thầy th cho Ninh tha hồ tự tung tự tác". Tôi ức, lầm lì không nói, thầy cũng không quở. Tính thầy rất nghiêm, không mấy khi la rầy mà đồ đệ ai nấy tuân lời răm rắp. Chỉ riêng với tôi, không hiểu sao thầy đặc biệt khoan thứ. Sợ thầy phạt, đợi lúc sắp vào tụng kinh, tôi biện bạch: "Bạch thầy, ngày xưa cha con thường bo: tu trên núi dễ, tu giữa chợ mới là khó. Không ở giữa đời làm sao hiểu đời đục mà tránh?". Thầy hỏi: "Ai bo con là đời đục? Đời không đục, không trong". Tôi hệt hững, không hiểu ý thầy định nói gì?

Tu trên non bây giờ thật ra cũng không phi dễ. Thầy tôi tránh đời vào núi sâu, nhưng rồi vườn lan Mây Biếc nổi tiếng quá nên người trần lại kéo lên thưởng ngoạn. Thứ bảy, chủ nhật, học trò đạp xe lác đác trắng trên con đường mòn tới tho am. Mấy cô nữ sinh nhỏ tuổi mê hoa ngẩn ngẩn bông súng tím trong hồ, chạy vào đến tận hiên, chỗ thầy ngồi viết sách. Thầy không quở, cũng không ngẩng lên nhìn. Một cô bé chạy đến gần tôi, nhìn làn sung li ti mà tôi đang xịt lên những chồi đang đơm nụ. Cô hỏi tôi tên hoa, tôi gíng: "Đây là giống Tiểu Hồ điệp, nghĩa là bướm bướm nhỏ. Em thấy không, trông xa chấp chới như đàn bướm ci màu vàng". Cô chia hai bàn tay với những

ngón búp măng, hứng sương. Tôi cau mày: "Này, đừng nghịch". Cô bé cứ đùa với những bụi nước, chẳng để ý lời tôi. "Anh cứ tưới đi, em cũng là Lan". Tôi cáu, xịt cho nước ri ướt c tóc, c áo cô bé. Mấy cô bạn cười rúc rích, khi về có cô còn nói vọng lại: "Con Lan hên quá, gặp chú tiểu vừa đẹp trai, vừa quậy". Tôi tủm tỉm cười. Sư huynh tôi cáu kỉnh: "Mấy con Thị Mầu đời nay quá quắt lắm. Bay không biết quyến rũ sư tăng là tội đọa địa ngục hử?". Tôi cự: "Người ta chỉ đùa thế, có gì mà gọi là quyến rũ".

Từ đó, vài ba hôm một lần, Lan lại đến giúp tôi tưới hoa. Tôi dạy cho cô biết về phong lan, đây là c một thế giới còn đa dạng hơn thế giới người. Phượng Vĩ đỏ rực, Tuyết Điểm thì trắng, Vũ Nữ thì như đang múa trước gió. Lan phụng phịu: "Hoa nào cũng có tên riêng, chỉ em không có". Tôi nhìn khuôn mặt cô, đôi mắt trong trẻo với cái miệng cười hồn nhiên như trẻ th. "Vậy tôi đặt cho cô một cái tên. Tên cô là Tinh Khôi".

Thầy biết tình thân giữa tôi và Lan. Sư huynh không vui lòng, thầy chỉ bo: "Không can gì". "Bạch thầy, người này có bạn thì người kia có bạn, rồi con gái kéo đến đầy tho am, còn cái thể thống gì nữa?". Thầy gật đầu. Chiều lại, tôi mài mực hầu thầy, thầy đem cho tôi xem bộ tranh mười bức vẽ mực đồng chân trâu: "Đây là thập mục ngư đồ, cũng là quá trình tu học của một con người. Trâu không là trâu, mà chính là cái tâm ta đó". Tôi động lòng, hỏi: "Bạch thầy, con xem bức vẽ cuối cùng, không còn trâu chẳng còn người, chỉ còn trăng soi. Vậy có gì phi sống trong đây trời. Ngày xưa Tuệ Trung Thượng Sĩ là bậc ngộ đạo mà không kiêng rượu thịt, vì chay mặn chỉ là hình tướng bên ngoài, không can hệ đến sự giác ngộ bên trong". Thầy cười: "Đúng, con ạ, với bậc đắc đạo là thế. Nhưng khi ta còn là một người phàm, thì cũng như con

trâu kia, phi có sợi dây buộc, có người chặn dắt. Đến khi cái tâm vững rồi, sáng rồi mới có thể như trâu đen thành trâu trắng, không ràng không buộc, chẳng những nhón nh trên cỏ xanh mà còn bay lên đến chín tầng mây". Tôi vái thầy mà thưa: "Con hiểu rồi, nhưng nhà chùa chẳng thể xua đuổi ai. Từ mai con xin thôi không giữ vườn lan nữa".

Mấy hôm sau, Lan thấy sư huynh ra tưới vườn, còn tôi thì chẻ củi. "Anh không thích phong lan nữa sao?". "Không. Muôn hồng nghìn tía, chẳng qua cũng chỉ để nhìn trong chốc lát. Một đời tôi chỉ riêng nhớ hoa hoàng lan". Tôi cho cô bé biết hoa hoàng lan cánh mnh mai, vàng như màu chim hoàng yến. Thuở trước, cứ sắp rằm, mồng một, các bà hàng hoa lại đến mua, họ gói hoa trong lá chuối, từng gói nhỏ xinh xinh tỏa thm ngây ngất. Lan bo: "Thích ghê, em chưa thấy bao giờ". Ừ, loài cây ấy có lẽ giờ đây đã tiệt giống rồi hay sao, nhiều lần theo sư huynh đi chợ mua bông chuối, tôi để ý tìm mà không thấy nữa. Tôi lớn lên lòng băng khuâng như thiếu vắng một thứ gì, cứ mơ hồ nhớ nhớ, thương thương...

Cuối năm, anh em tôi kẻ kéo, người đẩy, chở phong lan xuống phố đổi gạo. Ông chủ tịch hội hoa cnh hài lòng lắm khi thấy những giò mუმ mუმ với chồi xanh đầy nụ. Ba bao gạo lớn được bung ra. "Cha i, con có làm một ít bánh trái cây để cúng đường". Tôi nghe tiếng quay lại, sững người vì thấy Lan. Ông chủ tịch âu yếm bo: "Cúng đường thì phi cung kính. Con phi tự lên chùa lạy Phật mà dâng". Tôi hã hỏn, vội nói: "Thôi thôi, khỏi phiền nữ thí chủ. Nhận ngay ở đây". Lan bật cười, lại cái cười tinh khôi. Rồi Lan nhìn tôi buồn thiu: "Sao lâu nay anh không ra vườn? Em lên chùa, biết anh trong bếp mà mấy chú không cho vào. Riết rồi em buồn không muốn đến nữa".

Mấy buổi sau, tôi theo các bạn cùng lớp vào quán. Lan ngồi ở đó, sau chiếc bàn con bên cửa sổ. Các bạn tôi ai cũng nhìn về phía Lan còn cô bé chẳng nhìn ai, cứ lặng lẽ một mình. Ngồi ở một bàn xa mà tôi như thấy c bầu trời hoàng hôn tím, tím ngát ngoài kia đang in trong đôi mắt Lan. Mãi đến khi chúng tôi ra về, Lan mới ngoái nhìn, ánh mắt th ngây mà náo nùng. Bỗng dưng đỏ mặt, rồi tôi thấy hong sợ vì mình đã đỏ mặt...

Một người con gái chiều nào cũng ngồi ở quán Tím, chẳng bao lâu đã thành đề tài để bọn con trai bàn tán. "Con Lan sửa tui trông xinh vậy chứ nó mắc bệnh, bệnh sợ đàn ông. Đếch thằng nào đến gần được, nó tránh như tránh tà". "Không phi đâu, nó giữ giá để chờ lầy Việt kiều, thằng Hùng ở Cali về ngày nào cũng trực ở nhà nó". "Giữ giá cái gì, nó ưa thằng Quán chạy bàn ở cà-phê Tím. Tao thấy nó ngồi một bàn với thằng Quán, khóc rưng rức". Tôi im lặng, một lát sau mới bo: "Khó tin". "Ờ đời chuyện gì mà chẳng có thể xy ra - Bạn tôi nói, về ông cụ non - Chiều qua chính mắt tao thấy nó chạy ra sau quầy đưa bức thư cho thằng Quán". Đạp xe về đã đến quá lǎng Tự Đức, tự nhiên tôi bứt rứt không chịu được. Tôi quay xe, đạp về nhà Lan. Mưa phùn lướt thướt trên con đường về Bao Vinh xa tấp. Mẹ Lan hỏi: "Nhà chùa có việc gì mà nhắn cháu lên? Thấy Quán về nhắn, tôi cho cháu đi ngay rồi". Tôi tái mặt, không kịp chào, đạp xe đi như tên bắn. Tim tôi dội thình thịch vì âm vang những lời của sư huynh khi Lan mới lên tho am lần đầu: "Cô gái này đẹp đẽ thanh tú nhưng đuôi mắt dài quá, môi mỏng, cổ cao, tai nhỏ. Đây là tướng hồng nhan mệnh yếu..." Trời nhập nhoạng tối, tới Nam Giao. Nhìn dáo dác hai bên đường, tình cờ thấy Quán và Lan cùng ngồi trong quán ốc. Quán gọi rượu, đang ép Lan uống. Lan lắc đầu. Quán cố nài. Tôi đi vào, đấm mạnh vào mũi Quán. "Đồ lừa đo. Từ nay chừa cái thói dỏ gái đi". Quay sang Lan, tôi nạt "Đi về!". Không biết Lan có bị một thứ thuốc mê gì không, mặt ngây ngây như bị bỏ bùa. Tôi chở Lan đi. Quán biết tôi có võ Thiếu lâm nên đành chịu phép, hậm hực, chùi máu mũi nhìn theo, cái nhìn của con thú mất mồi...

Trên đường về, Lan tỉnh lại, gục mặt vào lưng tôi khóc: "Em nhờ Quán chuyển đến anh nhiều thư, anh có nhận được không?". Tôi cau mặt: "Em khờ lắm, sao lại đi với thằng Quán?". "Quán bo em uống vài chén cho ấm rồi lên đàn Nam Giao chờ Ninh đến". "Em đừng quên, tên em là

Tinh Khôi. Đừng dại dột để bọn lưu manh làm nh bản". Nước mắt Lan chy thấm qua chiếc áo lam của tôi, thấm vào đến da thịt. Dừng xe, tôi ngồi xuống vệ cỏ bên đường. Lan ngồi bên tôi. "Đêm nào cũng nằm m thấy anh dắt em đi thăm vườn phong lan. Mình về trồng lan trong sân nhà em đi, có thích hn không?". Tôi không tr lời, ngắt những cọng cỏ, vò nát trong đôi tay run run. Trên kia, trăng sáng quá, tròn và rực rỡ như chiếc mâm vàng giữa trời. Bỗng nhiên lòng tôi miên man nhớ những câu chuyện cha tôi vẫn kể ngày xưa... "Em có thích nghe chuyện cổ tích không?". "Thích". Tôi kể cho Lan nghe chuyện người tử tù đội chiếc mâm vàng đầy nước đi từ cổng hoàng cung vào trước ngai vua mà không sách ra ngoài một giọt, Lan nghi ngờ: "Sao có người làm được như thế?". Tôi gật đầu: "Ngày ấy, nhà vua cũng đã hỏi như vậy. Vị thiền sư tr lời: "Bệ hạ đã hứa nếu y làm được thì sẽ tha tội chết. Vì lẽ sống chết của y, nên dù việc khó vô cùng mà y vẫn chăm chăm làm bằng được. Nay nếu bệ hạ cầu gii thoát cũng như người này cầu sống, thì việc tu hành dù khó mấy cũng có thể vượt qua". Lan ngược nhìn tôi, lần đầu tiên tôi nhận ra trong hai cái giếng êm như nhung của mắt cô bé những tia sáng ửng ngạnh lạnh lùng. "Em hiểu rồi. Anh xem tu hành là chuyện sinh tử của anh. Vậy nếu em lại xem anh là chuyện sinh tử của em thì sao? Anh và em, ai đi trọn đường, ai bỏ cuộc?". Tôi bo: "Em nói gì thế? Chuyện sống chết mà nghe cứ như là trò chi sắp giữa của trẻ con". Lan cười... Bàn tay nhỏ nắm lấy tay tôi, ngón thon vuôn vuốt như cánh hoa ngậm sữa. Vẻ đẹp này có phi phù du? Vẻ đẹp này là sắc hay là không? Chỉ thấy ngọc vì trắng. Trăng sáng quá. "Thôi, về đi em". Tôi đạp xe, trước mặt tôi chập chờn lấp lóa những con đường. Những mê lộ giữa đạo và đời, giữa ma và Phật...

Việc lộn xộn ở quán ốc chẳng mấy ngày đã đồn đến chùa. Cô tôi biết, tức lên ngay. Tôi bo: "Cô đừng lo. Chẳng có chuyện gì đâu". "Không có lửa, sao có khói. Ăn ốc, đánh lộn, giành gái. Thế còn gì là tu hành? Tau mà gặp con ma nữ đó, tau tước từ dưới tước lên". Tôi ngăn người một lúc rồi hiểu ra, không nín được cười. Cô bực tức: "Cháu tưởng chuyện gì cũng cười là xong sao?". Quả là chuyện không thể cười mà xong. Mấy hôm sau, gia đình Lan mời tôi về. "Con ma nữ" đã uống hai mui viên thuốc ngủ, may sao nhà biết được chở đi cấp cứu. Mẹ Lan chấp tay lạy tôi như lạy Bồ Tát: "Bác biết tính con Lan lắm, từ nhỏ nó đã nói là làm, đã làm là làm tới cùng. Sợ e cứu thoát lần này, nó lại tự sát lần nữa. Con cứu nó cho bác đi con". Tôi cuống quýt: "Bác bo con làm sao được?". Con cứ gì vờ ừ đi, bây giờ nó mới lớn, tính còn ngông cuồng, vài ba năm nữa chừng chặc rồi tự nhiên nó hiểu ra". Ông chủ tịch hội hoa cnh mắt đỏ au, nhìn tôi chờ đợi một lúc rồi bo vợ. "Nói như bà cũng khó. Chú Ninh đây tướng mạo khôi ngô, trước sau rồi sẽ có phước được che lọng vàng. Lẽ nào vì con mình mà để người ta mang tai mang tiếng". Tôi thờ dài: "Cháu đi tu không phi là mong lọng vàng che đầu. Chỉ vì nguyện giữ thân trong sạch để tụng cho mẹ cháu một nghìn lần kinh Thủy Sám". Nhớ tới mẹ, tôi bắt giác đau đớn trong lòng, đứng dậy đi...

Tôi về chùa, từ ấy không đi đâu. Thầy bo: "Sao con bỏ học?". Tôi nói: "Suối ở xa, con muốn ra triển núi đào giếng". Tôi tự đày mình trong những nhát cuốc trên sỏi đá, đêm về tụng kinh, vẫn đôi khi chợt nghe tiếng mình khắc khoai. Có lúc nửa đêm chợt tỉnh, thấy thầy ngồi bên giường, lâm râm niệm chú. Tôi hốt hong vùng dậy: "Bach thầy". Thầy tôi bo: "Con giật mình, nói mê luôn, hắt tung c chăn". Tôi nói: "Con tỉnh rồi. Rước thầy đi nghỉ, con xin ra bệ Phật niệm Cầu An". Thầy lặng lẽ một lúc, rồi bo tôi: "Tâm không an, có cầu cũng vô ích". Tôi gật đầu thú nhận. Bao nhiêu đêm, cứ chợt mắt là thấy Lan hiện ra, mnh dè, thanh thoát, đầu đội chiếc mâm vàng sáng sánh nước đi thẳng đến bờ vực. Tôi nghe tiếng thét của nàng vang động c giác m, nàng nhào xuống ri thẳng vào không gian mênh mông như chiếc lá lia cành trước gió. "Thầy i, nếu vào Niết bàn mà phi đạp lên một chiếc lá, Phật có làm không? Xin thầy cho con hay, trời đất nặng hn hay chiếc lá nặng hn?". Thầy nhìn vào mắt tôi: "Chỉ có con tự tr lời được thôi. Ngày mai con hãy về, cứ nhìn thẳng vào nghiệp duyên mà tự quyết định lòng mình". Tôi lắc đầu: "Thầy quên sao? Con đã thề khi nào đào xong giếng mới xuống núi".

Ra xuân, đường lên núi khô ráo. Hai tay tôi ướt bùn đỏ, những giọt nước đầu tiên đã ứa ra từ

lòng đất sâu. Tôi chạy về chùa, định vào trình thầy nhưng người đang làm lễ. Có người thí chủ dâng hương trong bộ Phật, mùi trầm mới thm thm trong không gian.

Đang dội nước rửa tay, tôi nghe có người bước đến. "Chú Ninh!". Tôi ngẩng lên. Mẹ của Lan. "Bác lên chùa cầu cho em đi bình an. Có cái này, em nó gửi lại...". Bà đưa cho tôi một cái túi nhỏ, rồi vừa quay đi vừa đưa khăn lau mắt. Những dòng chữ trong thư, mnh mai và run run như những cánh lan. "Bốn trăm ngày chờ anh ở quán Tím, cuối cùng em cũng hiểu ra là mình thua cuộc. Đã đi mà chẳng tới, lẽ ra thì phi chết. Nhưng em chết thì anh làm sao yên lòng đi trọn con đường tu. Vì vậy, em đã quyết định lấy chồng xa xứ. Trong cái túi này là cây hoàng lan con, em nguyện tìm cho anh bằng được rồi mới ra đi. Em vẫn nhớ lời anh nói, một đời anh chỉ thích hoàng lan... Người ta cứ bo là em khôn, lấy ông Việt kiều đi Tây đi Mỹ cho sướng chứ theo chi chú tiểu trọc đầu. Nhưng đi Tây đi Mỹ không phi là chí nguyện của em. Lấy một người mình không thương, đến một ni xa lạ với em còn khổ hơn là chết. Xin anh hãy tụng cho em một lần kinh cầu siêu thoát, một lần thôi...".

Bất giác, tôi òa khóc. Nước mắt theo nhau lăn trên má tôi như ép cho hết những dòng tục lụy cuối cùng. "Cứ khóc đi con" - Thầy vỗ về khi thấy tôi luống cuống che mặt - Thầy chưa nghe nói gỗ đá thành Phật bao giờ". Tôi nức nở: "Bạch thầy, thầy có cho con trồng cây hoàng lan không?. Thầy bo: "Cỏ cây vô tội, sao mình không thể bao dung?". Rồi một tay dất tôi, một tay cầm túi cây đến bên góc vườn, thầy tự mình trồng xuống. Tôi tưới cây bằng nước giếng chùa. Hoàng lan lớn lên, năm này qua năm khác, nở hoa vàng mong manh. Mong manh như tất c những gì đẹp trên thế gian.

Tôi cảm lòng thôi thương, thôi nhớ.

Cảm thức văn hoá Huế trong truyện ngắn Trần Thùy Mai Hoàng Thị Huệ

Nói đến văn học Huế không thể không nhắc đến nhà văn Trần Thùy Mai - một gương mặt nữ khá quen thuộc với bạn đọc trong và ngoài nước từ lâu nay. Sống gắn bó với đất và người xứ Huế từ nhỏ, con người và cảnh vật của xứ sở cổ kính này đã thấm đẫm những trang văn Trần Thùy Mai. Người đọc có thể cảm nhận những âm vang của đất trời và lòng người qua một chút bằng lăng khói sương, hay những thanh âm trầm mặc, u buồn của tiếng chuông chùa Thiên Mụ, Từ Đàm, một chút mộng mơ trong đôi mắt buồn thương nhớ băng quơ của người con gái Huế.

Nhắc đến con người xứ Huế, người ta thường nói nhiều đến sự dịu dàng kín đáo, vẻ đoan trang nền nã của nét người chốn đất thần kinh - nơi từng là kinh đô của mười ba triều vua nhà Nguyễn. Quan niệm sống, ứng xử, cách sinh hoạt... đều mang vẻ trang nghiêm, đài các của một thời quá khứ, được nâng niu, gìn giữ và gần như trở thành một nét tính cách đặc trưng của con người xứ Huế. Đó là cuộc sống của những con người như Trang (*Khói trên sông Hương*), cô tiểu thư khuê các Thế Cúc (*Thế Cúc*), Minh và Lan (*Thương nhớ Hoàng Lan*), là Bội Hoàn, là Phượng (*Huyền thoại về loài chim phượng*), hay chị Trúc (*Chị Hai ơi*), chị Vân, Vy, Mi, Kiều Dung... những con người, những khuôn mặt của đời thường thân quen, bình dị. Không gian nghệ thuật - môi trường tồn tại của những nhân vật này cũng là những không gian đặc trưng của miền đất Huế "*Khu vườn rộng, nằm khuất nẻo trong một góc đình làng Lại Thế. Mít và đào trải rộng những tán lá xanh. Trước nhà là những chiếc bình phong chèo tàu. Cây song thọ đào đầu mùa xuân nở những hoa lấm tấm hồng...*". Những ngôi nhà vườn Huế với hàng chèo tàu bao quanh, cao vừa đủ để vẫn cảm nhận được sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên, nhưng

cũng đủ để ngăn cách hai không gian trong vườn và bên ngoài - hàng rào nhưng đồng thời cũng tồn tại như một giới hạn của con người Huế - kiểu con người với đời sống nội tâm phong phú, nặng về tâm linh, cuộn mình trong trách nhiệm và phận vị. Người Huế thường sống nội tâm, thiên về cảm tính, ít hướng ngoại. “*Người Huế cảm nhận sự vật bằng trực giác hơn là lý tính, tâm hồn Huế thì Thiên hơn Nhân*” [5;tr12]. Nét riêng đó trong tính cách người Huế đã được Trần Thùy Mai thể hiện khá rõ trong tác phẩm của mình. “*Trong mối quan hệ với người khác, người Huế lấy cái tâm làm gốc. Cái tâm bao gồm tình thương, sự nhường nhịn, lòng bao dung để bỏ qua thù hận, sự điềm tĩnh để không cuồng tín...*” [5;tr13]. Đời sống tâm linh với người Huế như một cõi riêng, một điểm tựa về tinh thần, để họ thoát tục, lãng quên phiền muộn trong đời thực, phiêu bồng vào cõi mơ ước... Vì vậy, ảnh hưởng của tôn giáo thường mang màu sắc huyền ảo, tác động lớn đến đời sống tinh thần của con người, tạo cho con người sức mạnh để vượt lên nỗi đau (*Trăng nơi đáy giếng*). “*Văn hóa nằm trong các tâm trí, sống động trong các tâm trí, mà các tâm trí thì đều nằm trong văn hóa, sinh tồn trong văn hóa*” [1;tr37]. Bà Hạnh và ông Phương, một tín đồ và một thánh sống, khi hình ảnh thánh sống trong đời thực vỡ tan, mất niềm tin, mất tình yêu và lý do sống, bà Hạnh tìm chốn trú ngụ cho tâm hồn ở một nơi khác - trong cõi tâm linh - một cách thể bày tỏ khát vọng hạnh phúc gia đình, khát vọng sống thắm sâu, mãnh liệt, không gì ngăn trở nổi.

Người Huế nặng suy tư, trăn trở nên cõi đời và cõi đạo, cõi chung, riêng nhiều lúc là những kết hợp lạ lùng của thực và ảo, của khoảnh khắc và vô tận, của thực tế trần trụi đầy cám dỗ và khát khao mơ ước... Những trăn trở, dằn vặt, giằng xé trong nội tâm của Minh (*Thương nhớ Hoàng lan*) phản ánh sâu sắc bi kịch thể xác và tâm hồn, trách nhiệm phận vị, lý tưởng và tình yêu... của con người nơi đây. Huế vốn là mảnh đất lắm chùa chiền, những ngôi chùa nhỏ nhắn, xinh xắn, ẩn sâu giữa vườn cây như một nơi cư ngụ của tâm hồn. Hầu hết các làng ở Huế đều có chùa, với hơn 400 ngôi chùa, niệm phật đường, chiếm 1/3 số lượng chùa chiền trên cả nước, ảnh hưởng của văn hóa chùa đã tác động không nhỏ đến đời sống tâm linh của người dân nơi đây. Người Huế đi chùa, đến với tôn giáo không cầu danh lợi mà cầu sự bình an, thanh thần cho tâm hồn. Đạo không nằm ở những gì cao sang, xa vời mà ngay giữa đời thường trần tục, trong nếp sống, nếp nghĩ, trong ứng xử hàng ngày, đem đến cho con người sự cân bằng trong đời sống. “*Đời không đục không trong, mà trong hay đục đều ở cái tâm của mình, phải giữ cho tâm của mình trong sáng đó mới là chân tu*”, để đến cõi niết bàn mà phải đạp lên dấu một chiếc lá thì cũng đã không nên (*Thương nhớ Hoàng lan*). Niềm vui và bất hạnh của Niết (*Lửa của khoảnh khắc*) cũng được nhận thức như một lẽ cân bằng của tạo hóa, hạnh phúc trong khoảnh khắc đã đốt bỏng rất nỗi đau cả một đời, nỗi đau tưởng là gánh nặng, sự trừng phạt lại hóa ra là lẽ sống, lý do sống mà chỉ đến khi mất đi con người mới ngộ ra.

Kiểu con người Huế với đời sống nội tâm, nặng tâm linh là một tính cách riêng, nhưng đồng thời xứ sở này cũng là môi trường sinh ra những con người có những tính cách nổi loạn - được hiểu như một nét phá cách, lệch chuẩn, so với trật tự chuẩn mực chung của xã hội. Kiểu con người nổi loạn, bút phá, quấy đập vượt thoát mọi ràng buộc từng là cô Thị Mầu trong vở chèo *Quan Âm Thị Kính*, cô Xúy Vân giả dại qua ải... Trong tác phẩm của Trần Thùy Mai có những nhân vật nữ dịu dàng, hiền thực, đoan trang nhưng hàm ẩn tính cách quyết liệt, dám sống, dám yêu, dám giành giật, đấu tranh với số phận để đạt được khát vọng của mình, nhưng dám bút phá để tạo nên một chuẩn mới thì không có nhiều, chính sự lưng chừng đó cũng là một nét riêng của tính cách Huế. Nguyệt - người vợ, người mẹ tảo tần, nhẫn nại, giàu đức hy sinh với dáng đi khập khiễng, một chiều nao đã vĩnh viễn ra đi không bao giờ trở lại. Dấu nơi nàng đến là một xứ hắt hiu, người nàng yêu là một thi sĩ chân đất nhưng nàng đã thoát được “*sức nặng của một vùng đồi hoang vắng đang chờ bão tới*” (*Quý trong trăng*). Câu chuyện kết thúc bỏ ngỏ trong dư âm của nỗi buồn, bởi người đọc mãi mãi không biết Nguyệt đi đâu, sẽ sống như thế nào, hạnh phúc hay khổ đau, cuộc đời Nguyệt không có đoạn kết, chỉ biết rằng “*nơi hoang vu thường có quý*”. Đó là kết thúc mà Trần Thùy Mai muốn khắc dấu trong người

đọc về một xứ sở, về những con người *tĩnh* nhưng không *lặng* ở Huế “*Tôi viết Quỷ trong trăng với ý niệm muốn phác họa một chân dung Huế tiêu điều buồn lạnh ngày xưa. Trong đó có những kiếp người bình lặng đang tìm cách bút phá*”... “*Sao lúc nào em cũng như đang đợi. Thế nhưng em cũng không biết mình đợi điều gì...?*”

Người phụ nữ Huế từ nhỏ đã chịu ảnh hưởng của lễ giáo phong kiến, phải công, dung, ngôn, hạnh, tam tông tứ đức, phải nhẫn nại hy sinh, chịu thương chịu khó, nhường nhịn và chịu đựng để mọi cái đều được quy củ và tốt đẹp. Edgar Morin gọi đó là hiện tượng *đóng dấu ấn (imprinting)* về văn hóa và *chuẩn mực hóa (nor-malisation)* với vai trò áp đặt của văn hóa [1;tr50]. “*Những con người thuộc nền văn hóa nào đó, do cách nhận thức của họ đều sản sinh nền văn hóa và văn hóa này lại sản sinh ra cách nhận thức của con người*” [1;tr42]. Ngay từ khi ra đời, dấu ấn văn hóa đã ăn sâu vào bộ não ấu thơ của con người do quá trình ổn định hóa các tiếp xúc có chọn lọc. Do sống trong môi trường văn hóa cung đình, người Huế xưa phải chịu những áp lực của các chuẩn mực văn hóa từ các triều đại nhà Nguyễn trong tương quan chung với văn hóa Việt Nam, văn hóa phương Đông. Đó là sự ấn định những ranh giới không thể vượt qua, những quan niệm không được truyền bá, không được chấp nhận, nếu làm ngược lại thì sẽ bị khinh ghét. Chị Vân không được yêu Luân bởi chị hơn Luân mười tuổi, chị Trúc bị đuổi khỏi nhà vì yêu một người chỉ đáng tuổi em mình. *Thập tự hoa, Lễ cưới bạc*, cũng vậy, đó là những tình yêu lệch chuẩn, những chuẩn do thể chế văn hóa, do con người tạo ra để phục vụ cho tính ổn định xã hội. Nhưng bên trong những chuẩn mực hóa ấy luôn tồn tại những lệch chuẩn do sự khác biệt giữa các cá nhân trong thái độ đối với chuẩn mực, quy tắc, lễ luật văn hóa. Họ có thể đặt mình ra ngoài lẽ, hoặc nổi loạn. Chính vì vậy, Quỳnh Thơ - một công chúa chôn lều son gác tía đã làm mẹ nàng là Hoàng Quý Phi phải lo lắng, bởi ở nàng luôn tiềm ẩn những dấu hiệu của sự bút phá khỏi những quy tắc lễ luật “*Trí thông minh và sự tò mò chẳng bao giờ là ưu điểm cả, nó chỉ là điểm báo những tai họa*” (*Lửa hoàng cung*). Khát vọng được sống tự do vượt thoát khỏi bốn bức tường cung cấm, đặc biệt ý muốn nhìn mặt một người đàn ông để thỏa trí tò mò của nàng đã khiến nàng trở thành hiện tượng dị biệt, như người bị ma ám, bị đày xuống lãnh cung. Nét phá cách, muốn bút tung mọi ràng buộc trong tính cách của người phụ nữ Huế ngày xưa chỉ có thể được hóa giải bằng sự trả giá của chính cuộc đời họ. Quỳnh Thơ ra đi về nơi mặt trời ẩn náu trên yên ngựa của người tráng sĩ. Khánh (*Ngôi đền sống*), Lilly (*Giấc mơ núi ngựa trắng*) chết như những người tuần tiết vì đạo, đạo của những con người này là tình yêu. Luân, Cường cả đời sống như kẻ vô hồn bị trói buộc, ám ảnh bởi quá khứ, cuộc đời trở nên vô nghĩa bởi đánh mất tình yêu, đánh mất ý nghĩa sống. Akiko từ bỏ những giấc mơ tím hồng ngũ sắc và tình yêu say đắm với Vũ để tìm một hình bóng Vũ khác đẹp như tranh vẽ dấu biết chỉ đi tìm ảo ảnh. “*Ước mơ vượt khỏi kích thước hữu hạn của đời người dù chỉ trong khoảnh khắc*” (*Thuốc ba màu*) và khát khao cháy bỏng được sống lại cùng Akiko những gam màu huyền thoại khiến Vũ uống thuốc ba màu một cách vô thức. Con người rơi vào bi kịch giữa ước mơ và thực tại hiện hữu, chỉ có thể lưu giữ cõi mơ trong ký ức - thế giới không bến bờ của những khát vọng, bởi nếu chạm vào nó sẽ tan biến thành hư vô. Trang (*Khói trên sông Hương*), Mi (*Thiên đường mong manh*)... đều là những con người khao khát tình yêu và hạnh phúc, trong tâm hồn những người phụ nữ này có nét mộng mơ lãng mạn từ những câu ca, điệu nhạc trên sông, tiếng đàn đêm thơ của Nguyệt (*Quỷ trong trăng*), có điệu Valse du dương quyến rũ và có cả sức nóng của những điệu nhảy hiện đại và ánh đèn vũ trường đêm đêm (*Thiên đường mong manh*). Đó cũng là sức nóng khiến sông Hương bốc khói giữa những ngày lạnh giá - một dòng sông đẹp để hiện hòa, dịu dàng chảy qua thành Huế nhưng phải nhìn thấy dòng Hương mùa lũ mới thấy hết sự dữ dội, sức mạnh dâng tràn, bút phá của nó. Mặc cho lời khuyên của cha có chân thành sáng suốt đến mức nào, dấu đã ném vị ngọt ngào lẫn đắng cay khủng khiếp của tình yêu, Mi (*Thiên đường mong manh*) cũng chỉ sống và nghe theo tiếng gọi của trái tim. Để biết thế nào là yêu thương và chịu đựng, Mi đã phải tự mình băng qua thảm cỏ xanh mượt mát rượi lẫn sa mạc bỏng rát của tình yêu với Hiếu, phải chịu đựng những vết thương lòng không bao giờ hàn gắn được. Quyên trong *Cánh cửa thứ*

chín cũng vậy, khát khao “*được cháy rực suốt quãng đời còn lại*”, tình yêu đã đưa cô thoát khỏi bốn bức tường lạnh lẽo của thế giới thực tại, viễn du vào một vùng trời mơ ước với niềm say mê khám phá, tìm kiếm những giá trị mới mà “*anh, anh cũng là một thế giới*”... “*muốn cùng anh lang thang trên bãi hoa dầu trắng phau... sẽ chịu bỏng, chịu cháy để được đau đớn, được yêu thương, muốn chịu đựng mọi thứ trên đời, ngoại trừ sự tẻ lạnh để thấy anh ở bên tôi. Chúng tôi đang bay lên và đang lơ lửng trước vực thẳm... cánh cửa thứ chín. Cánh cửa biết mở ra là tại họa mà mọi người cuối cùng đều đã mở*” (*Cánh cửa thứ chín*). Dầu chỉ là những khoảnh khắc nổi loạn, dầu cam tâm làm một người tù, dừng lại vĩnh viễn trước cánh cửa thứ chín, lấp vùi đi một thế giới vừa được mở ra, nhưng Quyên đã nhìn thấy chân trời, thấy được khát vọng đời mình và nhìn thấu bản thể chính mình.

Dấu ấn văn hóa mà Quyên chịu tác động, tính phục tùng văn hóa, phục tùng những trật tự xã hội của mỗi cá nhân khiến cô không thể có sự chọn lựa nào khác. Thậm chí ngay cả khi sức mạnh của sự cấm đoán vượt ra khỏi cánh cửa thứ chín có suy giảm, Hòa, chồng của Quyên không hề hay biết những đổi thay trong tâm hồn vợ, thì Quyên vẫn khước từ những lựa chọn không tương hợp với các tín niệm của cô. Đó là trường hợp mà Edgar Morin gọi là *sự thoái miến về văn hóa từ thời thơ ấu* [1, tr52]. Sức nặng của thể chế văn hóa vẫn đè nặng lên đời sống tinh thần của người Huế, thỉnh thoảng tạo ra những kiểu ảo giác tập thể, ảo giác khiến người ta nhìn thấy cái mà thực chất không phải là chính nó, là cách làm cho con người mù lòa do che khuất những cái thật sự tồn tại. Nó khiến Quyên cam tâm dừng lại trong hai cánh cổng, khóc cho chính mình và một thế giới vừa vỡ tan, khiến Ng. (*Thị trấn hoa quỳ vàng*) chấp nhận thực tại không thể níu kéo và ra đi không lời từ giã, “*bởi vì chính mặt trời cũng không vĩnh cửu*”.

Dấu viết về những vùng đất khác nhau hay về vùng đất Huế, cảm thức văn hóa Huế vẫn in đậm trong những trang văn của Trần Thùy Mai, như một nét riêng, sức mạnh làm nên tên tuổi của nhà văn. Văn hóa Huế thấm sâu sự lựa chọn từng chi tiết trong tác phẩm của nhà văn, trong ngôn ngữ, giọng điệu, kết cấu đến quan niệm nghệ thuật về con người.

Tất cả đều mang đậm nét đặc trưng của văn hóa, con người xứ Huế. Đó là những con người giàu tình nặng nghĩa, tha thiết yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên, đất nước, có một đời sống nội tâm phong phú, nặng tâm linh, với một vẻ dịu dàng, kín đáo, trang đài, quý phái của cung đình và sức sống mãnh liệt. Trong những sinh hoạt, lối sống, ứng xử hàng ngày, những giá trị chuẩn mực của một thời vẫn được nâng niu, gìn giữ. Sự am hiểu, gắn bó máu thịt với văn hóa Huế khiến Trần Thùy Mai chuyển hóa nhuần nhuyễn những đặc trưng văn hóa vùng miền, từ nếp sống, nếp nghĩ, thói quen của con người nơi đây đến những không gian, thời gian văn hóa, ngôn ngữ, giọng điệu... riêng biệt độc đáo chỉ có ở chốn kinh thành Huế. Từ đó thấy được nét riêng, giá trị độc đáo của truyện ngắn Trần Thùy Mai trên văn đàn Việt Nam đương đại, đồng thời khẳng định vai trò lưu giữ và sáng tạo văn hóa của văn học nói chung, truyện ngắn Trần Thùy Mai nói riêng.

H.T.H (272/10-11)

- 1-Edgar Morin (2008) *Phương pháp 4. Tư tưởng* - Nxb ĐHQG Hà Nội.
- 2-Phan Ngọc (1999) *Một cách tiếp cận văn hóa*, Nxb Thanh Niên.
- 3-Trần Thùy Mai (2004) *Đêm tái sinh*, Nxb Thuận Hóa Huế.
- 4-Trần Thùy Mai (2005) *Mưa đời sau*, Nxb Văn Nghệ.
- 5-Trần Văn Khê, *Văn hóa Huế dưới góc nhìn của người nước ngoài*
- 6-Hoàng Phủ Ngọc Tường (2001) *Huế - Di tích và con người*, Nxb Đà Nẵng.
- 7-Hoàng Phủ Ngọc Tường (2002) *Tính cách Huế*, Tuyển tập Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nxb Trẻ.
- 8-Trần Ngọc Thêm (1997) *Tìm hiểu bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Tp HCM.

Lửa của khoảnh khắc

Thằng Cọt ngồi trên chiếc ghế gỗ, đôi mắt trừng trừng ngó ra ngoài vườn. Trên đầu nó, mái hiên chùa im mát rợp bóng. Không gian im vắng thoang thoang mùi nhang trầm tinh khiết. Tất cả sạch sẽ, tinh tươm, thanh tịnh. Trên cái nền ấy, thằng Cọt nổi bật lên như một vật kỳ dị, lạc lõng.

Đã hơn mấy mươi năm, nó vẫn ngồi đó. Khuôn mặt nó già đi mỗi ngày, mái tóc rậm, đôi tai vênh và tròn. Chỉ có cơ thể và tay chân cứ hoài quắt queo, không nhỉnh ra thêm một tí nào, mãi mãi vẫn là thân thể một đứa trẻ bên dưới cái đầu của một người đàn ông không có tuổi.

Thằng Cọt không có tuổi. Nó hiện thân như nỗi ám ảnh của quá khứ. Dưới mái chùa này, vãi Thông sống với nó như sống với nghiệp chướng. Mỗi buổi sáng, vãi thức dậy từ sớm. Sau giờ trì tụng công phu, vãi lo nấu cơm, vục thằng Cọt dậy và lặng lẽ đút từng muỗng vào cái mồm xám xỉn. Cứ thế từng ngày, vãi sống lơ lửng giữa cõi tu và cõi tục. Sau những giờ trầm lắng trong hoa hương, kinh kệ và viễn cảnh siêu thoát mà vãi hằng khao khát, là những giờ đối diện với đứa con trì độn, với đôi mắt mở trừng nhìn vào khoảng không.

Bao giờ cũng thế, đôi mắt ấy giữ trong đáy sâu của nó hình ảnh cái làng quê trên vùng bán sơn địa cần khô. Vùng đất bốn mươi năm trước Niết đã về làm dâu. Đám cưới đi bộ qua cánh đồng cỏ úa. Đồng cỏ rộng và hoang vu như một cái trường dài. Để được an tâm, nhà chồng Niết cho Cu Dong, lực điền giúp việc trong nhà vác ngọn lao đi đầu phòng khi gặp mãnh thú trong cỏ lau. Ở vùng này, nước khan, người ta chỉ làm ruộng một mùa. Nghề phụ kiếm sống là săn bắn.

Người ta sử dụng cung tên giáo mác và giải tài đặt bẫy hơn cả người tiền sử...

Hoài niệm về đám cưới quá xa mờ, chỉ còn hình ảnh đoàn người đi sau mũi giáo, băng qua con đường đất đỏ như màu tiết đọng, giữa hai bên lau cỏ vượt quá đầu người. Niết cúi đầu đi dưới nắng, giữa các bà già đi quanh. Thoáng nghe tiếng xì xào: "Thằng Dong đi đầu, vác ngọn giáo mà mũi lại hướng ngay về cô dâu chú rể, thật chẳng hay tí nào". Niết nghe nói nhìn lên. ánh mặt trời tụ lại trên mũi lao thành một chùm sáng lóe. Những bắp thịt của người tráng đinh cuộn lên dưới nắng. Gió thổi qua trường ào ào, cuốn theo tiếng lao xao của đoàn người.

Đêm cưới Niết, trong sân nhà chồng tụ lại đông như ngày hội. Đống lửa hồng trên sân. Mùi thịt nướng tỏa lan trong không khí. Niết nằm trong buồng nhìn qua khe cửa sổ. Tiếng ông trùm phường sẵn đang hát bài tế sơn quân trước xác con vật cách đấy mười tiếng đồng hồ còn thuộc về rừng núi: "Aaa...aa... sơn quân trong rừng sâu, sơn quân trên núi cao. Thú vào bẫy, người nhỏ máu. Rừng núi rộng lòng, người ta nương náu...". Trong tiếng hát, một tráng đinh lực lưỡng đang dọc ngang trên xác con heo rừng, tay cầm con dao sáng loáng. Lúc hắn quay mặt ra ánh lửa, Niết nhận ra người đàn ông vác mũi lao đi đầu đoàn người qua trường. Thịt đã chia xong cho mỗi nhà, theo đúng tục cưới trong vùng này. Ngọn lửa dần tàn, người tản đi bớt. Đêm dần lặng yên, trong lúc Niết mệt nhoài vì chuyến đi, vì những xúc cảm của ngày đầu xa nhà và những lạ lẫm ở vùng đất mới. Nàng thiếp đi, trong giấc mơ ngọn lửa cứ bập bùng cho đến khi một bàn tay chạm vào cánh tay nàng. Niết giật mình. Bàn tay đầy mồ hôi, nhớp nháp lạnh. Nàng mở mắt. Thầy Thông, người chồng mà giờ phút này nàng mới nhìn rõ mặt. Niết nằm im lặng, mở to mắt, chờ đợi. Trong giờ phút lặng yên ấy nàng có cảm giác như vẫn nghe rất rõ tiếng lách tách của những mẩu than cuối cùng trên đống tro ngoài kia, và mùi lông, da thú cháy khét lẫn quất trong không khí.

Thầy Thông làm việc dưới thị trấn. Một viên chức, dù chỉ là viên chức ở một thị trấn nhỏ bé, cũng là một danh giá lớn. Mặc dù có tiền và thuộc loại "ăn trên ngồi trốc" trong làng, thầy Thông hiền như đất. Dự định của hai vợ chồng là khi nào ông bà cụ trăm tuổi sẽ cùng ra ở thị trấn, giao cơ ngơi ở quê lại cho ông Chánh Hội, trùm phường sẵn, chú ruột thầy Thông. Nhưng cho đến khi thầy Thông biến mất khỏi vùng đất khô cần này, Niết vẫn chưa ra khỏi cuộc sống quanh

quần trong ngôi nhà ba gian với cái sân gạch nơi đã có đồng lửa hừng lên trong đêm nằng mới đến nhà chồng. Từng năm qua, nằng dần quen với phong tục kỳ lạ của vùng sần. Bài hát tế sơn quân hầu như cứ mười hôm một lần, được hát lên trong sân nhà nằng, cái sân gạch duy nhất trong ngôi làng đìu hiu khô cằn này. Ở đây, nghề sần là một thu nhập chính. Bởi vậy nhà chồng Niết, vốn không có trảng đình, phải nuôi cu Dỗng để vừa giúp việc làm ruộng, vừa đi sần. Dỗng lảm lì, ít nói. Hắn là trảng đầu phường, lúc nào mũi giáo đầu tiên xuyên vào con thú cũng là của hắn.

Những ngày mưa, hắn vừa vá lưới sần vừa kể cho mấy đứa tớ gái kinh nghiệm của hắn với các loại thú rừng. Con lợn lòi da dày, lông lờm chờm. Mũi giáo không đâm thủng. Muốn hạ nó phải bình tĩnh xuyên mũi giáo vào dưới nách, hoặc nhắm vào chỗ khấu đuôi. Gấu càng nguy hiểm hơn, hề thấy người là lao tới móc mắt. Phải đối diện với nó trong lúc nó lao tới, ở tư thế quỳ, mũi giáo cầm chắc, chéch mũi lên hướng phía trước. Con gấu theo đà phóng tới rơi gọn trên mũi thép, cổ bị xuyên thủng. Hoặc là mũi giáo đâm trúng cổ gấu, hoặc là xương thịt người đi sần sẽ bị cắn nát. Hai đứa tớ gái nghe say sưa đến há hốc miệng. Còn Niết, nằng chỉ nghe một cách lơ là. Nằng vẫn thế, đứng đưng và buồn nản với mọi người. Công việc trong nhà với những động tác giản đơn và lặp đi lặp lại biến cuộc sống của Niết thành một vòng tròn những bồn phận và những thói quen. Kể cả lúc thầy Thông thỉnh thoảng trở về, cái vòng tròn ấy cũng không hề bị phá tung, bởi Niết luôn sống trong cõi đời với tư thế một người chấp nhận, trước cả nỗi buồn và niềm vui, chia xa và hội ngộ. Mỗi lần về thăm, thầy Thông ăn cơm với ông bà Bá ở nhà trên. ăn xong, thầy rửa răng rồi đi thăm đủ bà con trong làng, theo đúng phong tục ở nông thôn, không bỏ sót ai để khỏi bị phiền trách. Thường thầy trở về thì căn nhà đã vắng lặng, ai nấy ngủ yên, kể cả Niết. Nằng tỉnh giấc khi bàn tay chồng chạm vào người. Cảm giác nhòn và nhóp nháp lạnh làm nằng bắt giấc co người lại. Mọi điều sau đó, nằng lặng im chấp nhận một cách ngoan ngoãn, để mặc mọi chuyện xảy ra trên thân thể mình, như đang làm một công việc cuối cùng trong ngày. Sau đó, nằng tự thắt lại dây lưng, gài lại nút áo và quay mặt vào vách ngủ tiếp. Vòng tròn lại khép kín. Bao giờ cũng thế, cho đến ngày cả làng xô xao lên vì vụ án giết người ngay trong sân nhà ông bà Bá, cha mẹ chồng Niết.

Thằng Cọt lại chấp chấp môi, ú ớ. Nó khát nước. Nó kêu. Vãi Thông lại gần. Trán nó nóng hầm hập. Nó ốm đã mấy hôm nay. Khi nó ra đời ai cũng tiên đoán nó chết non. Nhưng ngược với lời tiên tri, thằng Cọt vẫn sống, sống dai nhách một cách vô lý và oái ăm. Mặc dù chính vãi Thông, người sinh ra nó cũng mong cho nó được sớm giải thoát khỏi số phận còi cọc. Ba mươi năm qua, mưa nắng không chạm tới nó, chiến tranh không động tới nó. Nó sống để ám ảnh người còn sống.

Vãi Thông nghiêng chén nước vào miệng thằng Cọt. Người ta gọi nó là Cọt, tiếng vùng quê gọi là còi cọc, không lớn lên. Nhưng bọn trẻ con quanh chùa thường gọi nó là Gấu. Nom nó giống hệt một con gấu, với những nếp nhăn hằn sâu trên trán, với đôi tai vểnh và cái mũi thỉnh thoảng khịt khịt đánh hơi. Khuôn mặt nó còn in những nét của cái đầu con gấu nằm ngửa bất động bên đồng lửa cháy. Đến nửa khuya lửa tàn, phủ bụi tro lên cái xác thú bị bỏ rơi...

Trong mắt vãi Thông hiện lên muôn ngọn lửa. Lửa. Lửa. Lửa bùng bùng khắp nơi trong đêm đen. Những ngọn đuốc truy lùng khắp nơi trong đêm tối. Tiếng mõ khua lóc cóc. Tai biển đã xảy ra trong phút chốc, hết sức bất ngờ và vô lý, sau một cuộc cãi cọ trong lúc chia phần thịt giữa những người đi sần. Trên thân xác con gấu nằm kia, ai là người đâm giáo đầu? Vốn hững hờ với mọi việc, Niết chỉ nghe tiếng quát tháo của thằng con Chánh Hội, tiếng nó sỉ nhục lạnh lạnh như giọng đàn bà vắng vào trong nhà. Khi nằng nghe tiếng gầm của Dỗng, nằng chột giật mình nhìn ra, bởi tiếng gầm ấy rất giống tiếng gầm của loài thú dữ.

Sau đó khi tất cả tán loạn trong một nỗi khiếp hãi ghê gớm, khi tiếng khóc gào của người nhà Chánh Hội, tiếng hò hét truy đuổi trong đêm âm ỉ vang lên, Niết mới hiểu là tai họa đã xảy đến. Trong cuộc ẩu đả, con Chánh Hội đã chết. Người ta tìm bắt Dỗng. Còn thằng con trai Chánh

Hội, hấn đã nằm mở mắt nhìn lên bầu trời đêm, hấn đã thoát ra ngoài mọi cuộc truy bắt. Niết không dám đến gần để nhìn vào đôi mắt hấn.

Mọi xôn xao rồi cũng dịu xuống dần. Nhà Chánh Hội treo giải: ai bắt được Đông sẽ cho mười thúng thóc. Mười thúng thóc ở cái vùng vừa ven núi vừa ven biển ấy quý lắm. Bởi vậy người ta lùng sục khắp hang cùng ngõ hẻm còn quá hơn con thú trên rừng lùng sục kiếm ăn. Nhưng vô hiệu. Người ta phải nhờ thầy Thông về để dàn xếp mọi việc, vì bên nhà Chánh Hội đòi kiện tụng. Cũng may vì hai nhà vốn là chỗ thân thuộc, và cả vì sự trọng nể đối với thầy Thông, câu chuyện được thu xếp êm xuôi và dần dần đi vào quên lãng.

Lần thầy Thông về thăm nhà ấy, từ ngày cưới, tính đã sáu năm. Đêm đó Niết tỉnh giấc khi bàn tay lạnh và nhờn mồ hôi của chồng chạm vào người. Im lặng. Một lát, Niết nhận ra trộm lên căn chái nhỏ không còn ánh lửa tàn, không còn mùi lông da cháy khét. Một cảm giác ngụi lạnh chợt nhắc đến điều lâu nay vẫn lờn vờn trong tâm trí: Sự muộn màng của một đứa con. Chồng nàng yên lặng không trả lời. Thêm một lần, Niết im lặng chấp nhận cái công việc cuối cùng của một ngày, trước khi quay mình vào vách chờ giấc ngủ.

Không bao giờ Niết tưởng tượng được con người thường ngày điềm đạm và gần như lạnh giá ấy lại có lúc cầm con dao kềm vào ngực nàng, với khuôn mặt điên cuồng vì ghen tuông. Người đàn ông ghen, khủng khiếp gấp mấy trăm lần người đàn bà, bởi vì ngoài lòng căm thù man rợ họ còn có quyền lực và sức mạnh. Hai hàm răng nghiến ken kết trong lúc hạch hỏi, rất nhỏ, để khỏi làm kinh động những người đang ngủ bên ngoài căn chái: "Khai ra không thì tao cho mày chết". Niết nằm rũ liệt, mồ hôi lạnh vã ra khắp người. Hôm nay chồng nàng đã nhìn thấy dấu hiệu thai nghén nơi hai bầu ngực đầy vun, hai núm vú sưng lên, đen thẫm.

Nàng tự biết mình mở miệng nói thì tất cả sẽ sụp xuống như ngàn cân đá. "Tôi xin chết. Cậu đừng hỏi, tôi không nói đâu, đừng nào tôi cũng chịu chết". Mũi thóp ấn xuống. Bất chợt, cả sức nặng đe dọa tan biến... Niết mở mắt, thấy chồng đã quăng dao, ôm mặt khóc như đứa trẻ.

Nàng ngồi dậy, định đến nâng chồng lên nhưng thầy Thông đẩy nàng ra. Niết ngồi yên, một phút sau nàng bảo: "Cậu tha lỗi cho tôi. Tôi có tội. Ngày mai tôi xin đi khỏi nhà này". Thầy Thông lắc đầu: "Mày ra khỏi nhà, mày chết đói. Tao nuôi mày, mày cứ ở đây. Tao không bỏ mày đâu nhưng từ đây tao không đụng đến mày nữa".

Niết gãy gập xuống như cái cây bị bão. Lòng quảng đại bất ngờ của chồng làm nàng bị hành hạ đau đớn hơn mọi lời rủa sả. Hình như hình phạt lớn nhất không phải là roi đòn mà là sự bao dung.

Về sau này, nghĩ lại, đôi khi Niết tiếc tại sao lúc đó mình lại không chết thì nhẹ nhàng biết bao. Nhưng nàng đã sống; mà cả thầy Thông cũng muốn cho nàng sống, bởi dù gì, cả gia đình cũng đang cần một đứa con... Chồng nàng đã được an ủi bởi ý nghĩ, dù sao khi đứa bé ra đời thì cái cộng đồng quanh nó cũng sẽ xem nó như một sự chứng nhận: chứng nhận cho một điều gì đấy không hề có, nhưng lại rất cần...

Nhưng chín tháng sau, khi đứa trẻ ra đời, mọi hy vọng cuối cùng đã sụp đổ. Thầy Thông bỏ đi. Phía trước là con đường đất đỏ mòn lầy giữa ruộng lau. Gió lạnh quất buốt rát. Niết chạy theo hồn hèn khóc: "Tôi lạy cậu, cậu quay lại với ông bà..." Thầy Thông hất mạnh, nàng ngã vật ra đất. Hai đứa trẻ gái chạy theo, khóc lóc, níu lấy chủ. Thầy Thông đành quay lại, mắt đỏ au nhìn trừng trừng khoảng không. Đêm hôm ấy, thầy lặng lẽ ra đi. Và không bao giờ về nữa.

Bất hạnh chồng chết làm Niết muốn ngã gục. Nhưng phải sống. Vì đứa con không thành người. Vì cha mẹ chồng đang trong cảnh già tuyệt vọng. Không ai biết điều gì để phiền trách nàng. Ai cũng tưởng nàng là nạn nhân của bất hạnh như họ. Chỉ có nàng biết mình là thủ phạm. Niết xuống tóc và ăn chay từ ngày đó. Nàng chỉ còn một mong mỏi, được quên.

Sau khi ông bà Bá mất, Niết bán hết nhà cửa rồi lưu lạc theo những cơn lốc của thời cuộc vào phía nam. ở đó, trên mảnh đất ngoại ô, Niết đem hết lượng vốn thu gom xây một ngôi chùa tu nhỏ. Hơn năm mươi, Niết được chung quanh gọi là Vãi. Vãi tu hành và nuôi con. Đứa con

mà vãi đã để ra với khuôn mặt dị dạng, đôi tai vênh to, đôi mắt lệch lạc ngay khi nhìn tia sáng đầu tiên. Không hiểu tại sao vãi lại không chết ngay khi nhìn thấy nó lần đầu. Nó đã từ chối sự lừa dối mà một người lớn quảng đại nhất đã dành cho nó. Tại sao ? Sao tôi lại sinh ra một con thú nhỏ trong lúc đã thai nghén nó trong một khoảnh khắc rất người?

Vãi Thông cúi đầu, một giọt nước mắt lăn tăn trên mí mắt đã khô nhăn. Mãi mãi, dù sớm chiều kinh kệ, vãi biết mình chưa thật đi vào giải thoát, chừng nào còn nhìn thấy trong đôi mắt trừng trừng vô cảm của thằng Cọt cái khoảnh khắc xa xưa ấy. Một khoảnh khắc vang dội và mãnh liệt trong một đời người dài, rất dài. Không biết do sự tình cờ nào chiều hôm ấy khi đi củi về Niết ghé vào hang Cổ Gà ngồi nghỉ. Cảm giác của người bị nhìn từ sau lưng làm nàng quay lại: Dong, con người bị truy lùng đang ở sau lưng nàng. Lẽ ra nàng đã hét to lên và bỏ chạy, nếu nàng không kịp nhớ rằng hồi còn ở nhà, hấn rất hiền, và bây giờ nom hấn tiêu tụy thảm thương quá.

Hấn không trốn về xã Quảng Thụy, quê hương hấn, hay đi giạt dọc như lời đồn đoán của dân làng, mà lặn theo dòng sông trong đêm tối ngược lên khe rồi trốn trong hang Cổ Gà, ăn trái cây và dơi để sống. Không có gì tùy thân, nên hấn không thể đi xa. Hấn thêm gặp người, nhưng không dám. Chỉ qua Niết hấn mới dám nối lại mối dây liên hệ với cộng đồng của mình - cái cộng đồng lúc này đang muốn tìm hấn để nạp cho lưỡi dao chém sắc lém của người đao phủ. Niết nhìn hấn và chợt nhớ đến hình ảnh chùm lửa trên mũi giáo hấn vác ngược sau lưng trong ngày cưới của mình. Hôm sau, nàng quay lại hang Cổ Gà, đem cho hấn thịt khô, lưỡi dao để cạo râu tóc, và cả một bộ quần áo cũ để chống chọi với cái rét lúc về đêm. Một tuần sau, nàng bắt đầu ít sợ hãi hơn, đã có thể ngồi lại trong hang một chút. Lúc đó lần đầu tiên nàng thấy ánh mắt hấn khẩn cầu. Một bàn tay hấn đặt lên chân nàng. Niết sợ, vội vàng đứng dậy, hấp tấp ra khỏi hang. Những con dơi chồn vờn đập cánh trên trần động. Niết đi như chạy vì sợ Dong đuổi theo, nhưng lúc đến bên khe nước mặn, ngoái đầu lại, nàng chỉ thấy một bóng mình trong hoàng hôn.

Trong bóng chiều, cảnh hoang vu của khe núi làm nàng chợt thấy trợ trợ. Nàng đã trợ trợ như thế bao lâu mà không nhận ra. Nàng thấy hình ảnh Dong nằm trong cái túi đá kia, cô độc và bị bỏ rơi. Hấn trợ trợ giữa rừng núi, cũng như nàng trợ trợ giữa những vòng tròn khép kín.

Niết run chân. Nàng đứng sững trước khe cho đến khi hòn đá lớn giữa dòng bị nước dâng lên ngập đến hai phần ba - mặt nước lúc hoàng hôn đã dâng cao, chắn đường về. Hoặc là liều lội qua khe. Hoặc quay trở lại... Lần đầu tiên nàng đứng trước một lựa chọn. Cả cuộc đời nàng dừng dừng, chấp nhận, bây giờ nàng phải tự quyết lấy cho mình.

Nửa giờ sau, trong lòng hang, Niết thấy Dong dựa lưng vào vách đá. Hấn không hấp tấp khi thấy Niết. Hình như hấn đã tiên liệu rằng Niết sẽ trở lại, với cái linh khiếu thông tuệ của người luôn luôn ước lượng được chỗ hiểm chính xác của các loài dã thú.

Niết thì thầm: "Nước ngập hòn Ông rồi". Dong gật đầu và một giây sau nàng cảm thấy hơi nóng rừng rực từ thân thể người đàn ông. Nàng thấy đầu hấn ở trên hai gò ngực mình, khát khao như đứa bé rúc tìm mẹ. Hấn không hung bạo như nàng thoáng lo sợ, trái lại hấn xúc động như đứa trẻ được quà, mắt đỏ au và rạn rỡ. Hai cánh tay to và thô vừa ôm siết vừa lót quanh lưng Niết như để giữ cho nàng khỏi bị nghiêng vào nền đá. "Lát nữa anh sẽ công em sang sông. Đừng sợ". "Nhưng anh không thể..."

Niết muốn nói Dong không thể sang bên kia khe mà không bị nguy hiểm đe dọa. Nhưng nàng không nói được hết câu. Nàng nhìn vào mắt Dong, ánh mắt của lửa chớp trong cơn giông và biết trong giờ phút này, với hấn và cả với Niết nữa, cái chết chẳng có ý nghĩa gì hết.

Sau khoảnh khắc đó, Dong lại nhớ đến lưỡi gương treo lơ lửng trên đầu. Hấn công Niết qua khe nước mặn. Phút giây đó hấn chợt trở nên can đảm. Hấn nói đến ý định trốn đi, nhân chuyến vượt khe này.

Niết ứa nước mắt nhìn theo bóng người đàn ông biến mất trong đêm tối. Nàng biết, hấn không thể sống suốt đời trong hang Cổ Gà. Hấn đi rồi, Niết quỳ sụp xuống đất, úp mặt trên đám cỏ. Nàng thầm thì cầu nguyện cho hấn được sống và có ngày trở lại.

Đúng một năm sau khi thầy Thông bỏ nhà ra đi, Niết bế thằng Cọt đi tìm chồng. Khi đi ngang

cầu Đa Lý, trước ngã rẽ về Quảng Thụ, nơi vốn là quê cũ của Dõng, Niết bắt giác ngừng lại. Không biết một sức mạnh nào đưa đẩy chân nàng đi về hướng đó. Để làm gì? Không, chẳng để làm gì cả. Nàng không thể và cũng không muốn đòi lại những gì nàng đã cho. Nhưng trái tim nàng bỗng rất ê chề, cứ muốn tìm một giọt nước mát. Dù chỉ một giọt chia sẻ mà thôi!

Đến Quảng Thụ, hỏi tung tích Dõng, nàng nghe kể một chuyện vừa xảy ra chưa đầy ba tháng. Dõng đã trốn về làng và lại làm lực điền cho một ông xã. Nhưng có lẽ biết mình không thể sống yên, Dõng đã trốn đi. Lần này hẳn không đi một mình. Cùng trốn theo hẳn là cô con gái ông xã với nhiều tư trang của nả. Người ta đồn hai đứa đi lên mạn ngược. Có người lại bảo cả hai cùng vào nam... Chẳng rõ hư thực ra sao.

Niết lủi thủi bé con ra đi. Nàng nghĩ tới những cơn lửa trời trong trướng vắng. Giữa sấm sét, lửa bùng lên, mãnh liệt, thiêu đốt dữ dội rồi tàn lụi. Bây giờ nàng tin người ta chỉ có mặt trên đời này như những ảo ảnh. Những ảo ảnh hiện ra, di động, gặp nhau rồi dang xa. Rồi tan biến, như bọt đầu sóng nước.

Nhưng thằng Cọt vẫn còn. Nó không phải là ảo ảnh. Nó sống thực, lì lợm và gớm ghiếc. Giờ đây nó nằm thoi thóp, y hệt con gấu bị xiên thủng họng nằm trước đống lửa. Hơn ba mươi năm rồi. Những đớn đau đã chìm vào năm tháng. Lưng vải Thông đã công. Tóc bạc hết. Vải ngồi khom bên con thú người đang nằm chệnh vênh giữa hai bờ sông chết. Con thú người ấy là hình ảnh của quá khứ. Quá khứ không buông tha, đeo riết, trì kéo linh hồn bà.

Xin hãy buông tha tôi. Xin ngủ yên, những gì trong lòng lỡ một đời. Vải Thông một tay đặt lên trán thằng Cọt, một tay lần tràng hạt. Ba mươi năm nay, nhắm mắt niệm Phật, vải thấy niềm an ủi của viễn cảnh siêu thoát. Nhưng mở mắt ra, nhìn đôi mắt vô hồn trừng trừng man dại, vải lại thấy hiện ra miệng hang Cổ Gà, những con dơi quạt cánh vào vách đá, và bóng tối đang trùm xuống từ vòm cao...

Thằng Cọt chết. Nó chết vào một đêm trời giông. Vải Thông quỳ bên giường, lẩm bầm tụng kinh. Nó đã thoát nghiệp. Và vải được tha tội. Vải tự liệm và chôn con trong góc vườn chùa. Vải chôn thằng Cọt, chôn cả nỗi ám ảnh suốt đời người.

Ngày Đản sinh sắp tới. Giờ đây chỉ có một mình, vải định đi hành hương ba ngày lên Chùa lớn để nghe thuyết pháp.

Nhưng chuyến đi ấy mãi mãi chỉ có trong dự tưởng. Một tuần sau, những người làm hương không thấy vải đến nhận hương liệu về làm như thường lệ. Rồi cỏ trong sân chùa cứ mọc cao, mọc cao dần, che khuất cả lối đi.

Khi dân trong xóm đổ vào thì đứng ở tam cấp, người ta đã ngửi thấy mùi của cái chết.

Trái tim héo hắt của vải Thông đã ngừng đập vào đúng lúc người đàn bà ấy nhận ra, không có nỗi ám ảnh của quá khứ thì cả cuộc đời của bà cũng chẳng còn gì để sống. Dù trì độn và điên dại, đôi mắt thằng Cọt vẫn không ngừng phản chiếu ánh lửa của một khoảnh khắc bất tử. Ba mươi năm qua ngay trong từng giây đày đọa, vải đã sống với hồi niệm về ánh lửa ấy mà không hề tự biết. Và giờ đây, khi ánh lửa tắt đi vĩnh viễn. Tất cả tháng ngày của bà chỉ còn lại hư không.

Phụ đính:

Trái xanh

Chỗ Mạn tạm trú nằm trong con hẻm khuất nẻo. Phía trước là chùa, bên hông là trường học. Trong khung cảnh nghiêm trang kia, căn nhà sơn màu đỏ tím lòe loẹt nằm nghiêng nhiên như thách thức, với cái bảng hiệu được trưng lên như một nụ cười trắng tráo: *Nhà nghỉ Đoàn Trang*.

Khi tôi ghé vào thì Mạn đang xách váy bước qua, bước về trên một trách than hồng. Bà chủ và đàn em đi đầu chẳng thấy. Cô bạn ngồi xổm trên đất, ném từng nắm nhựa *chai* vào lửa,

mùi *chai phà* bốc lên làm tôi sặc mũi. "Ồi trời ơi, may quá!". Thấy tôi Mận rú lên cười, rũ rũ váy rồi đon đả chạy lại. Cô bạn lườm dài dằng dặc, cất giọng nặng nề đưa đũa:
- Đang ế ngáp dài ngáp ngắn ra, tau bày cho xông hơi một chút là trai dẫn xác tới liền liền. Nói rồi cô ta cũng đứng dậy, vén váy nhảy qua nhảy về như con thoi trên trách lửa còn nghi ngút khói.

Cánh cửa sập sau lưng. Mận bật máy, bộ hình karaôkê bắt đầu điếu ra trong tivi. Tôi ngả người xuống ghế nệm, kéo tay Mận:
- Thôi. Đẹp đi. Anh đến đây có phải để hát hò đâu, em yêu.
Mận vận nhỏ âm thanh :
- Kê, có chút nhạc cho đúng điệu, ra vẻ mình đang hát kara thiệt.

Nói rồi Mận lại gần, đổ ập xuống, hai cánh tay rắn chắc xiết quanh tôi. Nằm đè trên mình tôi như thế, nàng đưa tay xoa trán, bóp huyết. Mận đã quen tính tôi rồi. Trước hết phải xả cho bộ dây thần kinh chúng xuống, các cơ thịt trên mặt giãn ra. Những giờ dài cầm lái trên đường làm tôi căng cả óc, mắt nhức, nhìn vào đâu cũng muốn gây sự. Tay Mận thô, nhưng lòng bàn tay và mười đầu ngón rất mềm, ấm nóng. Mận có lần kể tôi nghe hồi mới vào làm ở đây, học lóm được của bà chủ cách ngâm tay bằng nước nóng rồi nhẹ nhẹ gỡ lần những cục chai to. Gỡ hàng tháng, da tay mới được như thế này. Cô lật sấp tôi lại. Những cái vuốt mạnh mẽ dọc theo lưng làm cơ thể ngổn ngang của tôi dần dần hồi tỉnh.

Cái ghế bành to đến nỗi tôi nằm thoải mái như nằm trên giường. Mận ngồi dậy, hai tay tuột cái áo chun qua đầu.
Giống như một ngọn lửa bùng lên, tôi cháy rất nhanh, rất đơn giản, rồi tắt.
Nhổm dậy, tôi quờ chân tìm giày.
"Khoan, để em khuyên mãi thêm một chầu tắm quất".

Tôi ngồi nán lại để cho Mận vừa vỗ rôm rốp sau gáy tôi vừa thẩn thỉ hỏi : "Anh có ghé Cổ Kỳ không? Bữa ni chỗ nớ ra răng anh, có chi lạ không?"

Tất nhiên là tôi có ghé. Cái làng trọ với những mái tranh, điểm vài căn nhà xây bê đơn giản. Những bức vách không tô trát, những cánh cửa gỗ ván cong vênh. Lần nào tới đây tôi cũng cố kiếm một cái tin nào đó cho Mận. Mấy bữa này thấy người ta chở gạch vào làng, xây giếng. Dạo này mới có cái đập nước mới xuất hiện gần ngã ba. "Chỉ có rứa thôi à?". "Ừ, anh chỉ thấy có vậy".

Lúc sắp đi, tôi rút bóp. Mận xua tay : "Miễn phí cho anh đó". Tôi cự nự: "Đã ế, xông hơi xả xui, lại còn chảnh". Mận đẩy tôi ra : "Đi đi. Nếu qua đây thì ghé vô, kể chuyện làng cho em nghe là đủ rồi".

Tôi cười, gật gật : "Dễ mà".

Trong khi tôi cài lại khuy áo, Mận bó gối ngồi, nhìn trân trân vào vách. "Mau thiệt, rứa mà em xa quê sáu năm rồi". "Chưa hề về à?". "Có chứ, hai năm đầu em nói với xóm giếng vô học uốn tóc, về thăm luôn. Được hai năm thì thằng On xóm trên có lần vô chơi, trời xui đất khiến hấn vô trúng chỗ em, hết chối. Từ đó ông nội không cho về nữa, ông nói vác mặt về là ông chém chết". Mận cười khừ khừ trong cổ, nghe như tiếng rên rì. Tôi hỏi: "Vậy trước đó em gửi tiền về, ông không hỏi tiền đâu mà có à?". Mận thờ ắt ra, mắt ráo hoảnh :

- Ông cũng lờ mờ biết em làm nghề ni chớ. Nhưng khi xóm giếng chưa biết thì đâu có sao. Xóm giếng biết rồi là chuyện khác.

Tôi chịu, không hiểu nổi cái logic của ông cháu nhà Mận.

Làng Cổ Kỳ, quê Mận nằm không xa trục đường Bắc Nam. Đường vào làng phải rẽ vào một ngã ba, có dãy đồi chạy lan từ phía núi đến sát đường quốc lộ. Nhờ dãy đồi này mà phong cảnh Cổ Kỳ đẹp như tranh, nhưng cũng vì nó mà ngôi làng cách biệt hẳn với những vùng lân cận. Trong khi nhà ngói mọc lên ở hai bên đường một thì ngôi làng này vẫn tuềnh toàng chẳng khác gì mười lăm năm trước. Thật tình mà nói, Mận không lấy tiền tôi cũng phải. Nếu không có lời khẩn cầu của Mận thì tôi chẳng việc gì phải cho xe vào đây. Mất thêm ba mươi phút ra vào, mà chẳng có việc gì ngoài việc liếc qua xem "có gì lạ không".

Thỉnh thoảng Mận gửi tôi cảm về một ít tiền, một gói quà. Cô chẳng bao giờ nói cho tôi biết nhà ở đâu, chỉ bảo ghé đến chỗ bưu điện xã đưa cho người quen nhờ chuyển về cho Mận Xanh. "Lại cũng Mận à?". Mận gật đầu : "Chị là Mận Chín, em là Mận Xanh".

Hai chữ Mận Xanh làm nước bọt tôi tứa ra. Vì chợt nhớ thói quen trèo cây hái quả non chাম muối ớt hồi nhỏ, chứ không phải vì thói đàn ông ham hố. Mận liếc nhìn cục tội trên cổ tôi phập phồng, nguýt dài thậm thụt. Tôi bảo:

- Sao em không chỉ nhà, anh đến đưa tận tay cho chắc.

- Thôi... Mận ngập ngừng lảng tránh, lát sau mới nói : - Con bé còn đi học, tội nghiệp nó mà anh.

Tôi cáu :

- Em coi thường anh quá. Ăn có nơi, chơi có chốn, anh có phải là yêu râu xanh đâu.

- Biết rồi, nhưng anh mà vô nhà, hàng xóm biết quà em gửi, ông nội em ném ra cửa ngõ liền.

Với lại, em sợ Mận Xanh thấy anh chi hán cũng nèo nèo hỏi cho ra em ở đâu.

Tôi gật đầu, hiểu ý Mận.

Tôi là hình ảnh của phố phường. Bộ quần áo Jean, chiếc dây chuyền nơi cổ, cái đồng hồ trên tay. Hình ảnh tôi sẽ gọi lên tiếng gọi còn cao từ một cuộc đời no đủ hơn, có thể sẽ làm nung nấu trong lòng Mận Xanh thơ ngây ý muốn bỏ làng ra phố. Như Mận Chín sáu năm trước. Phải, như Mận Chín cái hồi đi nhờ xe tôi vào đây, chưa biết xúc nước hoa, mang giày cao gót và cố tẩy cho hết về quê mùa như bây giờ.

Cầm lái đường dài thật buồn. Xe tôi băng qua những quãng đường miền Trung, hai bên là ruộng khô trơ trụi. Tiếng nhạc boléro từ chiếc máy nhạc làm tôi đỡ cô quạnh : "*Đường dài, miệt mài tôi đi...*".

Lần này ghé về thành phố thì đêm đã tối. Tôi tìm chỗ đậu an toàn dưới lùm cây bằng lăng. Một bóng đen từ xa sáp đến gần, với ngọn lửa sáng lập lòe. "Ai trụng lộn không?". Người đàn bà gầy nhom tay xách đèn, tay bụng thúng rà lui rà tới. Tiếng rao trụng lộn lập đi lập lại trong đêm mưa, thoát nghe thật ảo não, nghe lâu dễ khiến người ta tủm tủm cười. Thấy bóng đen cứ lảng vảng không chịu đi, tôi chọc :

- Có mỗi một cái mà cũng xách đi bán hả o?

Người đàn bà thấy tôi bắt lời, lập tức chào hàng :

- Anh cần thì tui đi kêu, mấy cái cũng có.

- Thôi. Đang mệt bã cả người, vả lại mắc hàng hóa trên xe không đi đâu được.

- Thì phục vụ tận nơi, lo chi anh. Năm chục chơ mấy.

"Được rồi, chị tới chỗ nhà nghỉ Đoàn Trang, kêu cho tôi..."

Mận lom khom che dù đi tới trong mưa. Tôi đóng sập cửa xe. Một tiếng ho từ cổ nàng phát ra.

Tôi bật đèn xe, Mận xua tay :

- Tắt đi anh. Ra đây thì phải cẩn thận, chớ không em lãnh đủ.

Trong bóng tối tôi cảm thấy vai nàng mỏng hơn, hơi thở cũng nóng rực. "Coi chừng, em đang sốt đó". Mận cười khàn:

- Đạo này em đang đất nên phải cố.

- Đát?

- Bà chủ em giỏi lắm, có người âm phò trợ mà lại có cả người dương che chở nữa. Bà mới mua thêm căn nhà, mở thêm quán cà phê.

Mận cười uể oải : "Cà phê phía trước bốn ngàn một ly, ra mé sau bốn chục ngàn một ly... Mà thôi, kể chuyện làng em nghe đi..."

Tôi kể. Người ta đang kéo cáp về làng, chắc sắp có điện. Người quen ở bưu điện xã báo tin là Mận Xanh đã ra nhận tiền. Đúng như Mận đoán, nó nặng nạch hỏi thăm Mận đang ở đâu. Tôi đưa thư cho Mận. Trên đường vào, lúc nghỉ chân tôi đã đọc lên bức thư, những dòng chữ non nớt nguệch ngoạc: "Chị ơi đi học xa quá, trên thị trấn đưa mô cũng có xe đạp một mình em không có. Chừ em ưng ra phổ học may ...". Không dám bật đèn xe, Mận mượn tôi bật quạt, che ngọn lửa đọc giấm giúi. "Không được! Không cho hấn lên phố. Bắt hấn phải đi học. Thiếu tiền em gửi!"

Mận rủ rỉ, giọng mệt mỏi nhưng đầy tự hào : "Em phong trần thiệt nhưng em của em học hành tử tế, ở làng con gái không ai được đi học như hấn mô."

Tôi nhét tiền vào túi áo Mận, Mận giãy nảy, nhưng tôi đã mạnh tay đẩy nàng xuống khỏi xe :

- Lần này cầm lấy, liệu mà tấm bổ kéo rạc người ra bây giờ.

Mận vào toalet rửa tay thật lâu rồi trở ra nằm xuống bên tôi. Tôi lùa tay vào áo nàng. Thịt nàng lạnh và mềm, chỉ còn đôi vú xộc xệch là có chút hơi ấm. Tôi nắn nã sượt tay trên vùng ẩm mong manh đó. Mận rúc cái đầu phẳng phát mùi nước hoa rẻ tiền vào ngực tôi như mọi lần. Một lát, nàng đẩy tôi ra, về khổ sở.

"Sao thế? - Tôi nhồm dậy : - Anh có tiền mà".

Mận nhăn nhó:

- Em có tiếc gì với anh đâu, chỉ vì em đang bệnh.

Tôi lặng thinh. Buồn nhưng không quá bất ngờ. Kiếp giang hồ trước sau rồi cũng có lúc thế này. Mận kéo tôi nằm xuống, cười gượng :

- Anh đừng buồn, em vẫn có cách làm cho anh vui được mà.

"Thôi, không cần. Em mở cửa ra cho anh hút thuốc".

Chân Mận lê lệt xệt trên sàn gạch. Hồi Mận mới vào làm, bà chủ mắng mãi vì cái tội lê dép.

"Chỉ có đồ nhà quê mới đi nặng nề như voi đạp, nghe tiếng chân người thấy cả cái mùi nước mặn đồng chua!". Bỏ cái thói đó, Mận đã phải tập tành vất vả lắm... Thấy Mận ngồi rụt rè cách một khoảng xa, tôi kéo nàng lại gần :

- Sao không đi khám chữa đi, muốn chết à.

- Đi chứ, gắng tới hết tuần đã. Ngoài làng em...

Ngoài làng em có chi lạ không, tôi trả lời câu hỏi của Mận không biết bao nhiêu lần rồi. "Điện vào làng rồi. Bữa qua nghe nói có người bị điện giật chết". "Ai? Anh có nghe tên ai không?".

"Nghe nói ông Bình, ông Bình chi đó, ông kẹp máy xịt nước trong nách mà tưới cây, xui xẻo điện hở mạch truyền vào nước". Mận than thở, chất lặn chất lười một hồi. Nghe Mận nói hồi nàng đi thì ông ngày còn nghèo, mấy năm nay trồng vườn mới khá lên chút đỉnh thì chết oan chết uổng.

Tôi nói lảng qua chuyện khác :

- Ngã ba vào làng tráng nhựa rồi. Bữa này Mận Xanh đi học khỏi lộn lộn bụi.

"Dạ". Mận lẩm bẩm như nói cho mình nghe: Không biết có khỏe mãi mà lo cho hấn được không?

Bỗng, mắt Mận sáng lên :

- Này, sao anh không lấy vợ đi, lang bạt mãi.

- Lù khù như anh, lấy ai bây giờ.

- Thôi mà, lù khù ôm lu cũng nổi. Lấy Mận Xanh không, em làm mối cho.
Tôi phá ra cười. Thật bất ngờ. Mận có vẻ tự ái :
- Em đi giang hồ thiệt nhưng nhà em đã từ rồi. Từ em rồi thì nhà em vẫn là nhà đảng hoàng, anh làm rể cũng đâu có xấu.
Tôi lắc đầu : "Quý. Ai mà nghĩ rắc rối như vậy".
- Vậy anh chê Mận Xanh cái gì?
- Ai chê. Có điều đã thấy mặt mày, tiếng tăm chi. Mấy năm nay em giữ khư khư không cho anh giáp mặt. Còn hơn gái cấm cung, rồi dùng một cái biểu lấy làm vợ. Biết hẳn có ưng mình không, hay hẳn cho mình cái tát, hẳn chửi vào mặt mình là đồ vô duyên, chạy không kịp.
Mận cười, cố nín cơn ho :
- Nói nghe tội chưa. Anh mà thiệt bụng ưng Mận Xanh, em chỉ nhà chỉ xóm cho mà tìm. Anh cứ hứa đi đã, hứa chắc rồi em chỉ.
- Không hứa. Chuyện nhân duyên là số trời, ai dám hứa trước được. Tin thì tin, không tin thì thôi.
- Tin chớ sao không. Nghe em đi, cưới vợ ở quê cho chắc - Mận cầm tay tôi, trong hố mắt trộm sâu chợt ánh lên một tia lấp lánh : "Em làm gái mà anh còn từ tể thế này, mai sau chắc đối với vợ con cũng tốt, phải không anh?"

Ông già sờ soạng trên mặt bàn, đưa mấy ngón tay quều quào mân mê gói giấy. Nhượng đôi mắt mờ đục về phía tôi, ông hỏi :
- Tôi hỏi khí không phải... Mấy thứ này có phải là của con Mận gửi về?
Tôi nín khe một lúc, rồi nói dối :
- Dạ không. Có người bạn cháu quen với Mận Xanh, nhờ cháu cầm quà về giúp.
- Con Mận Xanh cả đời ở làng, làm sao quen ai ở xa.
Hai bàn tay xương xẩu run run mở gói giấy, những ngón tay lần mò quanh hộp chè và mấy chai dầu xanh. Hai giọt nước mắt lặn tẩn từ từ ứa ra trong hai cái tròng mùa lòa. Ông già bập bệu:
- Anh đừng giấu tui, tui biết của con Mận đây mà. Anh biết hẳn ở đâu thì nói giùm hẳn về cho tui gặp. Làng bữa ni cũng khá rồi , về mà làm ăn đừng đi trôi nổi nữa làm chi.
Thái độ của ông già làm tôi bất ngờ. Lúng túng một lúc, tôi khẽ "Dạ". Mừng cho Mận, mà cũng lo nữa, dù sao thì nàng đang bệnh, đâu thể về lúc này được. Tôi bảo ông cụ :
- Hay là cụ nói Mận Xanh viết thư nói rõ ý cụ như thế, chứ cháu chỉ nói mồm, sợ cô ấy không tin.
-Khô, con Mận Xanh lại đi mô rồi... Anh cứ nói với con Mận Chín là tôi già rồi, sắp chết rồi, kêu hẳn về.
- Thôi cụ cứ yên tâm, cháu sẽ nói, có gì lần sau cháu quay lại.

Từ già ông già ra đi lòng tôi lâng lâng. Không rõ Mận Chín có đủ can đảm về không, nhưng ít nhất nàng cũng có một mái nhà chờ đợi. Mãi vui mà tôi quên cả đói, lúc xe ra đến ngã ba ven đồi, mới nhớ ra từ trưa đến giờ mình chưa có hạt cơm nào trong bụng.
Đúng là vùng này giờ đây đã khác nhiều lắm so với cái thời Mận Chín ra đi. Nhà ngói mọc lên đến vài chục nóc. Trên mặt đầm tĩnh lặng, mấy chiếc quán tranh mọc lên trên mặt nước. Những mái tranh được cất tĩa gọn gàng, xinh xắn. Bãng qua chiếc cầu tre mỏng mảnh, tôi vào một quán có chiếc nia bằng tre treo lủng lẳng ngoài cửa, trên nia vẽ mấy chữ "Cơm Quê". Chủ quán, một người đàn ông vạm vỡ đón tôi vào ngồi trên bộ bàn ghế gỗ thấp lè tè cạnh cái chiếu cói. "Dùng chi, eng? Cháo cá hỉ? Cá vớt ngay dưới hồ đây, tươi lắm".
Con cá giầy đành đạch trong chiếc vớt sùng nước, người đàn ông xách vào căn bếp khuất sau bức vách nứa. Còn lại một mình, tôi nhìn ra cửa sổ. Quán nào cũng đầy vẻ bình yên với ngọn khói nhẹ nhàng vươn lên nền trời. Bên vệ đường, cạnh xe tôi còn vài chiếc ô tô khác đậu trong bóng cây - đa số là những chiếc xe bốn chỗ ngồi từ xa tới.

Tôi chao nghi ngút khói đặt trước mặt. Tôi ngược nhìn : Không phải gã chủ quán mà một cô bé, gọn gàng, chắc lặn trong bộ quần lụa áo cánh. Da thịt trẻ trung rục rờ trong bộ áo quê mùa mộc mạc. Cô bé nhìn tôi, cười ngây ngô. Bất giác tôi hít vào một hơi đầy lồng ngực, cảm thấy quanh đây cái gì cũng tươi tắn, mới mẻ, nguyên sơ.

Tôi húp một muỗng cháo, ruột gan thấy dịu lại, ngọt đến đầu lưỡi.

"Mận ơi, có quạt chưa?" Gã chủ quán hỏi vọng vào. "Có". Cái tên Mận làm tôi chững lại. Tôi buông thìa quay nhìn. Cô bé cười, vẻ mặt hồn nhiên, tay phe phẩy chiếc quạt mo rất chân quê :

- Thì anh cứ ăn đi đã, đi đâu mà vội.

Dứt lời, không dừng tay quạt, cô nằm xoài xuống bên tôi. Đưa tay lật thân áo trước lên lên, cô ưỡn người để lộ một khoang bụng nâu mịn với cái rốn sâu tròn trĩnh. Hai bắp vế căng đầy xoài ra dưới lớp quần lụa. Dáng nằm vụng về, thô thiển mà gợi cảm, làm chốc lát tôi hiểu ngay ý nghĩa hai chữ "Cơm Quê" treo lủng lẳng ngoài cửa quán.

Dưới chân tôi, Mận Xanh đưa hai bàn tay xòe ngón lên, cho tôi biết giá cả. Thấy tôi cứ đờ ra, có lẽ cho rằng tôi chê đắt, cô ta nói, tỉnh queo :

- Anh thông cảm, vàng lên thì l...cũng lên chứ. Thời buổi ni, cơm quê có giá hơn cơm phổ đó anh...

Tôi sững sờ, cúi mặt. Cảnh tượng như nhòe đi, chỉ còn hình ảnh đôi mắt của Mận Chín trộm sâu đầy bóng tối, với những tia lấp lánh chờ mong...

Chị Hai ơi !

Hè năm ngoái, từ Sài Gòn về, tôi ngạc nhiên: ra mở cửa không phải mẹ tôi mà là một thiếu phụ có cặp mắt to đen láy. Chị nhanh nhẹn đỡ lấy cái túi tôi đang mang:

- Út Hiệp đây phải không, chao, lớn ghê!

Tôi hơi phật lòng vì cái lối chào hỏi dành cho trẻ con. Đã hai mươi một tuổi, sắp tốt nghiệp Đại học Sư phạm, tôi đâu có phải là con nít. Đến bữa cơm, mẹ tôi bảo:

- Má vừa có con gái, từ rày, con phải gọi nó là chị Hai.

Khi chỉ có hai mẹ con với nhau, mẹ tôi mới thủ thỉ kể: Chị Trúc là người ở Lăng Cô, vợ chồng bỏ nhau, nhà cửa thân thích không có. "Tội nghiệp, má đào phận bạc vậy đó con. Cho nó ở đây sớm hôm với mẹ cho vui khi con vắng nhà".

Có chị Trúc mẹ tôi đỡ vất vả. Mẹ tôi bày ra nuôi gà vịt, làm ruốc biển... Toàn là việc mệt nhọc mà các chị tôi đều đã lấy chồng, chẳng ai san sẻ được.

Suốt ngày tôi càu nhàu: "Thằng Tí con chị Hai nó quậy phá, ồn ào con chịu hết nổi". Mẹ tôi an ủi:

- Kệ, chịu khó đi con, rồi má biểu con Hai không được thả cu Tí vô chơi trong buồng con là yên. Chị Trúc biết nỗi khó chịu của tôi nên cố gắng vừa cạp con vừa làm việc nhà. Quần áo tôi thay ra, vứt giữa giường, chị vuốt lại phẳng phiu rồi treo lên móc. Vẻ nhẩn nhặn của chị làm tôi áy náy cảm thấy mình giống như một tên... bạo chúa. Một hôm, thấy chị tay ôm con, tay giã ruốc, tôi ngược ngược cười cười đỡ đứa bé:

- Ở... Để cậu bông chơi, cho mẹ đỡ mỏi, nghe cu Tí.

Thằng bé bạo dạn, nó ngã vào tay tôi ngay. Chị Trúc ngược lên nhìn tôi, cái nhìn biết ơn từ đôi mắt đen láy. Tôi ôm đứa bé mà không hiểu sao không thể nào đứng dậy nổi! Nhưng thằng bé lại nhào qua lòng mẹ, quờ tay với vào đôi bầu ngực phập phồng dưới chiếc áo cánh lụa. Vội vàng, tôi phải bế nó đi...

Từ đó thỉnh thoảng chị Trúc lại nhờ tôi bế cu Tí. Mỗi lần tôi tung hứng thằng bé, khiến nó cười vang khoe hàm răng sữa ngây ngô, chị lại ngược lên nhìn tôi biết ơn. Cái nhìn xoáy buốt làm tôi nhận ra chị thật đẹp, khuôn mặt trái xoan, nước da rời rọi trắng. Không hiểu sao người như thế

mà chồng chị lại nở lòng chê bỏ?

Những lúc rảnh rỗi, chị ôm con ngồi trên bậc cửa, mắt nhìn mông lung về phía xa. Chắc chị đang nhớ đến căn nhà hạnh phúc ngày xưa của mình. Có hôm chị tâm sự:

- Hiệp biết không, chị học tới lớp đệ nhị thì mẹ mất. Không còn ai nữa, đành lấy chồng sớm để nương tựa. Tưởng yên thân, ai dè ông chồng phi công của chị đã có vợ trước rồi! Vậy là bỗng con đi liêu vào trong này mong nhờ bà con, nhưng bà con cũng hất hủi. Nhiều lần chị đã nghĩ tới chuyện chết...

Chị không khóc mà mắt tôi đỏ. Tôi an ủi:

- Đừng buồn chị Hai. Hồng cần chồng, hồng cần bà con. Chị cứ ở đây với mẹ con Hiệp, cũng vui chán.

Câu nói ngớ ngẩn làm chị bật cười. Nụ cười với cái răng khểnh mới thơ dại, tươi tắn làm sao. Năm ấy chị hai mươi bảy tuổi, lẽ ra là những năm đẹp nhất đời người.

Một buổi chiều, tôi vác đàn ra sân hát nghêu ngao:

Cây trúc xinh... (tang tình là) cây trúc mọc

(Qua lối nọ í như) sân đình

Chị Hai xinh... (tang tình là) chị Hai đứng, đứng một mình (qua lối í như) cũng xinh.

Chị Trúc đang giặt áo quần, liếc nhìn tôi rồi nguyền một cái sắc như nước. Từ đó chị đâm cảnh giác với thằng em. Làm gì chị cũng lằm lì, tìm cách tránh xa tôi.

Tôi thì như thằng khùng, cứ đeo theo chị như bóng với hình. Gặp lúc vắng, tôi kéo tay chị, chị rầy ra dẫy nẩy như đĩa phải vôi:

- Này, cậu tưởng chị Hai là mẹ mìn, thích bắt cóc trẻ con hay sao. Đi mà tán các cô hàng xóm ấy!

- Chị ơi, nhưng Hiệp hồng nằm mơ thấy mấy cô ấy. Hiệp cứ nằm mơ thấy chị Hai thôi. Chị Hai không thương Hiệp, hết hè Hiệp không thèm đi học nữa.

- Chưa thấy ai lì như cậu. Buông ra cho chị đi, không má thấy thì chết.

Chị giặt áo ra, không thèm ngó cái mặt si dại của tôi. Tôi phát giận, không thèm ăn cơm mấy bữa liền.

Mẹ tôi sợ quýnh, mua thuốc giải cảm, mua dầu cù là Mac Phsu, mua chuỗi tiêu hột gà. Rồi mẹ lại còn sang ông lang cắt mấy thang thuốc bổ. Tôi phát ngượng, đành phải ra ăn cơm. Đến tối, mỗi lưng quá, mẹ tôi ôm cu Tí nằm ngủ, giao siêu thuốc cho chị Trúc.

Đêm khuya, nằm trong phòng, tôi ngủi thấy mùi thuốc bắc lan tỏa khắp nhà. Mùi vị đắng đắng, ngọt ngọt vừa nôn nao vừa dễ chịu. Tiếng than dưới đáy siêu reo lách tách... Rồi mùi thuốc dịu xuống, lửa tàn, tiếng than im bật. Mặt lát khá lâu sau, tôi mới nghe tiếng chị Trúc khê khàng:

- Hiệp ơi, ra uống thuốc.

Tôi lặng im không ư hử. Chị Trúc lại gọi, tiếng chị hơi run run. Mãi không thấy tôi ra, chị đành bưng bát thuốc vào. Chỉ chờ có thế, tôi vùng lên ôm đại lấy chị. Chị hốt hoảng, thuốc đổ tung toé xuống giường:

- Hiệp, buông ra không chị la lên cho má đánh chết.

Tôi cứ giữ rịt lấy chị. "Đồ chị có gan la lên. Má đánh chết Hiệp không lẽ chị không thương tí nào sao?". "Đồ quỷ, không thấy ai liêu như cậu". Hai tay chị ra sức vả vào mặt tôi nhưng chẳng ăn thua. Rồi hai tay và cả thân mình chị đã bị tôi giữ chặt. Tôi vùi đầu vào vai chị, hít mãi mùi cơ thể chị nồng mặn và ngọt ngào, mắt tôi nhắm lại, mê man... Bất chợt tôi mở choàng mắt, vai nhói đau, rụng rời. Chị đang ngóc đầu lên, lấy hết sức lực cắn thật mạnh. Hàm răng chị dứt da dứt thịt tôi. Tôi bặm môi chịu đau chứ không chịu buông. "Chị cứ cắn đi, rồi ít bữa chị nhớ đưa Hiệp đi chùng ngựa". Chị Trúc không trả lời, răng vẫn nghiến chặt. Đau hết chịu nổi, tôi đành buông chị ra. Vai tôi ứa máu. Chị Trúc vùng dậy, hốt hoảng vừa xoa vết thương cho tôi, vừa mếu máo:

- Trời đất, có sao không, Hiệp ơi!

Lúc ấy, toàn bộ sinh lực trong người tôi đang dồn ứ bỗng tiêu tan. Tôi rã rời như một cái thây ma, chỉ còn sức gạt mạnh tay chị: "Thôi đi đi! Mặc xác tôi!".

Đến mai, vai tôi sưng vù, nhức nhối. Lần này tôi sốt thật sự nhưng vẫn phải ra ăn cơm uống

nước kéo sợ mẹ tôi hỏi han. Khốn khổ, trời Nha Trang tháng sáu nóng như thiêu như đốt nhưng trưa nào tôi cũng mặc áo sơ mi nghiêm chỉnh để che cái dấu răng thật đáng ngờ. Mười ngày sau, vết thương lành, để lại một vết lấm sâu tròn. Dấu chiếc răng nanh mọc khểnh của chị. Da thịt lành nhưng tâm hồn tôi nặng trĩu. Điều làm tôi lo lắng nhất là dường như sinh lực của tôi đã ra đi hẳn, không bao giờ trở lại nữa, thân xác tôi hoàn toàn nguội lạnh. Chị thì ngược lại. Hình như có điều gì đẩy đã vùi chôn giữa thất vọng, muộn phiền và những công việc buồn tẻ thường ngày, nay chợt thức dậy, nhuộm trên toàn thân chị một vẻ gì khó tả. Dường như vóc dáng chị mượt mà hơn, mắt nhìn da diết hơn...

Rồi một hôm rằm, mẹ tôi đi chùa, dẫn cả cu Tí đi theo. "Nó đã lên ba rồi, cho nó quy y để phật phù hộ cho nó". Còn lại có hai người, chị Trúc có vẻ sợ sệt, ra ngoài sân xắt chuối cho vịt ăn, không dám vào nhà. Thật ra lúc ấy tôi buồn rười rượi như cơm nguội, đâu có gì đáng cho chị sợ. Chợt giữa đàn vịt con đang ăn lúp súp, một chú vịt nhỏ bỗng quay đơ ra đất, giãy đành đạch. "Chắc là nó bị dịch, đang giãy chết" nghĩ vậy tôi phóng ra, chị Trúc cũng chồm tới, cùng đưa tay nắm lấy con vịt. Kỳ lạ thiệt, chú nhóc chỉ lảo đảo vì... nghẹn có một lúc rồi lại tươi tỉnh, còn tay chúng tôi lúc này cầm con vịt thì bây giờ lại cầm lấy tay nhau... Như sự tình, chị Trúc rụt lại, nhưng tôi đã giữ lấy bàn tay chị:

- Chị đừng sợ, Hiệp chẳng làm gì chị nữa đâu.

Tôi cũng muốn thổ lộ nỗi lo lắng của tôi cho chị nghe nhưng xấu hổ không sao nói được. Chẳng hiểu từ lúc nào, hai chúng tôi đã ở trong tay nhau. Chị vừa phục tùng, vừa dẫn dắt tôi. Cơ thể tôi dần dần hồi sinh trở lại... Đó là lần đầu tiên trong đời tôi biết đến thân thể một người đàn bà. Trưa hôm ấy trời nắng, ngoài cửa sổ phòng tôi có lùm cây nhỡn xanh ngắt rung rinh, tiếng ve râm râm thật gần, có lúc lũ ve vùng kêu to làm Trúc giật mình, tôi phải ghì thật chặt để chị khỏi rời tôi...

Những ngày sau đó tôi tươi như cây khô gặp mưa. Chiều chiều, tôi lại vác đàn ra ngõ hát vang:

Cây trúc xinh, (tang tình là) cây trúc mọc

(Qua lối nhỏ í như) sân chùa

Chị Hai không yêu, (tang tình là) tôi đây cũng bỏ đạo bùa (Qua lối nhỏ í như) cùng yêu...

"Mày hát cái gì đấy, hở út?" Tôi giật mình quay lại. Chị Ba Thìn, chị ruột tôi sang chơi từ sáng, đang đứng tỉa rau dền trong sân mà tôi đâu có hay. Tôi đáp ứng:

- À... Em hát... hát dân ca.

Chị Ba trừng mắt lên:

- Dân ca à? Dân ca cái con khỉ!

"Thiệt là bà chằn, người ta hát mắc mớ chi tới mình?" Tôi làm bằm. Chị Thìn về, tôi chẳng nhớ, cũng chẳng thắc mắc gì thêm. Lúc đó tôi có để ý gì đâu, tôi chỉ thấy trời đất thật đẹp, tiếng ve thật du dương, tôi ước sao mùa hè dài vô tận. Trúc cũng vậy, chị đẹp ra trông thấy, má đỏ và mắt cứ ướt long lanh. Chị không ngời bạc cửa và trông xa vời về phía quê nhà nữa...

Một hôm, cây hoa râm nở thơm ngát, tôi hái một chùm, chạy xuống bếp đưa lên mũi Trúc. Chị đang rửa bát, né người qua bên, nhìn quanh rồi thềm thì:

- Khi nào cô Ba đến, thì Hiệp phải ý tứ nghe.

- Mình việc gì phải sợ. Khi chị Ba lấy anh Hải, cả nhà phản đối, riêng Hiệp còn ủng hộ nữa.

- Hai chuyện khác nhau lắm, Hiệp nói dở òm.

- Khác gì mà khác. Rồi đây mình cũng cưới nhau thôi, để chị Ba khỏi thắc mắc lộn xộn.

Trúc giật mình, tôi phải chộp lấy cái chén trên tay chị để cho khỏi rơi. "Không được đâu Hiệp ơi!" Trúc vừa nói vừa rưng rưng nước mắt. "Được! Nhất định được!". Tôi vừa ôm chị vừa nói như riu chém xuống đá. Nước mắt chị tuôn chảy trên vai tôi, nước mắt hối tiếc, nghẹn ngào. Lát sau, chị kéo áo lau mắt trấn tĩnh lại:

- Nói bà xàm. Ai thềm lấy đồ con nít.

Tôi tức mình: "Con nít được à? Từ nay phải gọi Hiệp bằng anh".

- Gọi không được, khó gọi vậy lắm Hiệp ơi - Chị thật thà bảo tôi.

- Ít nữa thì phải gọi nhau bằng tên, không được xưng chị với Hiệp nữa.

Tôi bắt chị thay đổi cách xưng hô cho được. Cuối cùng rồi chị cũng ngoan ngoãn nghe lời tôi.

"Nhưng Hiệp phải giữ gìn làm sao cho má và cô Ba đừng ghét Trúc đó nghe". Nước mắt đã ráo, Trúc cười, mặt ánh lên niềm vui thơ dại. Có lẽ Trúc đã dần dần tin rằng chúng tôi sẽ ở bên nhau mãi mãi.

Hôm sau tôi nói với mẹ: "Má ơi, con muốn lấy vợ". Mẹ tôi vừa cạo nước xong, thủng thỉnh vừa xĩa răng vừa nói vắn:

Nực cười cái chuyện ó đằm

Trai tơ đòi vợ khóc rầm cả đêm

Dỗ hoài mẹ phải mắng thêm

Vợ đâu mà cưới nửa đêm cho mày!

Chị Ba tôi phá ra cười nghiêng ngả. Trúc ở dưới bếp thất kinh, đưa tay ra dấu cho tôi đừng nói nữa. Tiếng cười của chị Ba làm tôi tự ái. Tôi quyết định không cần nói thêm gì hết. Hè đã sắp qua, tôi sẽ vào trường, học thật giỏi, sẽ có nghề, sẽ tự lập, sẽ lấy vợ, và gia đình phải nghe tôi...

Vào Sài Gòn, tôi cấm đầu cấm cổ học. Nhưng mới vừa được một tháng, nhớ Trúc quá, tôi vội vã về thăm nhà.

Ra mở cửa chỉ có mình mẹ tôi, dáng gầy mệt mỏi vì một mình lam lũ với bao công việc. Trên dây phơi, những cái áo cánh, những cái quần nhỏ xinh xinh của cu Tí không còn nữa.

- Má ơi sao không thấy... - Tôi run run không hỏi được hết câu, vì mẹ tôi đã nghiêm ngay nét mặt:

- Lại còn hỏi à, tao đuổi nó đi rồi! Mày tưởng qua mặt được tao sao?

- Trời ơi, đi đâu? - Tôi sững sờ.

- Đi đâu mặc xác! Tao đã thương mà chưa chấp, không biết ơn lại quyến rũ con tao, thì tao bỏ hẳn, cho nó chết cho biết thân!

Tôi thả cái xách rơi xuống đất. Muốn khóc mà không dám khóc! Mẹ tôi hiền hậu là vậy, mà bây giờ mặt đanh lại, mắt long lên, như dáng vẻ con gà mái bảo vệ bầy con trước nanh vuốt lũ diều. Mẹ ơi! Mẹ làm sao hiểu, có bao giờ Trúc quyến rũ con đâu?

Tết năm ấy, tôi nói dối là ở lại Sài Gòn học thi, đi ra tận Lăng Cô xa xôi, tìm xem Trúc có ở quê hay không? Chuyến tìm kiếm vô vọng, tôi về Sài Gòn, người gầy rộc đi như que củi. Đến hè, tôi lại một lần nữa ra Lăng Cô, theo lời chỉ dẫn của người làng tìm đến Huế, gặp người chồng cũ của Trúc. Ông này đang sống yên ổn với vợ con, không biết mà cũng không muốn nhắc đến số phận của con người từng là nạn nhân của mình. Ông ta nhìn tôi như thể nhìn một thằng nhóc bị bệnh tâm thần, đã cất công lặn lội chỉ vì một chuyện vớ vẩn. Tôi nghẹn ngào ra đi, đầu óc hoang mang không sao hiểu nổi: tôi còn chưa vợ, Trúc không có chồng, vậy mà sao chúng tôi không được sống với nhau?

Trúc đi hẳn. Không âm vang, không tin tức. Nhưng mấy mươi năm qua rồi, trên vai tôi vẫn còn một vết sẹo, dấu của chiếc răng khểnh. Bây giờ nhớ lại, tôi biết mình đã may mắn hơn nhiều bạn trai cùng lứa tuổi. Bài học vỡ lòng về điều bí ẩn của tồn sinh, tôi đã không phải học với những cô gái làng chơi gian dối, mà trong vòng tay ấm áp của một người đàn bà dịu dàng, chân thật và thương yêu tôi.

Chẳng biết bây giờ Trúc ở đâu, còn sống hay đã chết. Cứ mỗi lần sờ tay trúng vết sẹo trên vai, tôi lại nhớ mùa hè ngây dại của tuổi hai mươi, có lùm cây che khuất cửa sổ, có tiếng ve râm râm giữa trưa hè. Bất giác tôi nhắm mắt lại gọi thầm: "Chị Hai ơi!".

Mắt nhân sư

Bọn choai choai ở đây thích dùng hàng hiệu cho ra vẻ sành điệu, vậy mà cái bật lửa này còn hơn cả hàng hiệu, nó là hàng độc, không thể có cái thứ hai.

Tôi phóng tới, nắm lấy vai thằng mất dạy. Tôi đã học mấy năm với thầy Dũng võ. Thầy dạy tôi "Kiến nghĩa bất vi vô đồng dã". Thấy việc nghĩa mà không làm là hèn, hèn lắm.

Nhưng tôi không được làm việc nghĩa, vì lúc tay tôi và tay thằng kia còn gài lấy nhau thì Ngọc đã kéo áo tôi lại, trừng mắt nhìn vào đối thủ:

- Có muốn ta gọi Rôn tới hay không?

Nàng móm điện thoại ra, nhưng không phải gọi, vì thằng kia đã ù xù như bánh đa nhúng nước, đặt cái bật lửa xuống bỏ đi ngay. "Rôn là ai mà ghê vậy?". Tôi hỏi nàng sau khi dọn cà phê của tôi sang chung một bàn. "Anh muốn biết à, chút nữa về trường bán trú của em đi".

Chín giờ đêm, chờ sau lưng một cô gái xinh xắn nhưng lòng tôi không phấn khởi mấy, tôi đang mang tâm trạng cụt hứng. Cô ta đã chứng tỏ nắm đấm của tôi không hữu hiệu hơn uy danh của một gã Rôn nào đó. Ngọc cười khúc khích: "Em biết anh có võ, nhưng thằng nhóc đó mang "hàng" trong người, anh không thấy sao?". "Hàng là gì?". Ngọc chồm ra trước nhìn vào mặt tôi: "Ồi, Mặt Sữa ơi, vậy mà đòi đánh nhau. "Hàng" là mã tấu đó, khi nó cúi xuống em thấy ống quần nó cộm lên, biết liền". Tôi cũng bất giác quay lại nhìn những nét thơ ngây trên khuôn mặt Ngọc. Ngọc hiểu ý: "Anh đang hỏi em còn nhỏ sao mà biết nhiều chuyện phải không? Rôn dạy em đấy".

Tôi chờ nàng lên ngã ba Thánh giá, qua những vùng mờ mả nhấp nhô rồi đến ngôi nhà ba tầng trên dốc vắng.

Ngôi nhà ấy có những đường nét cổ xưa, hiện ra trong ánh vàng ử ê của chiếc trụ đèn trước sân. Trông có vẻ là nơi ở của loài dơi hơn là của người, tôi nghĩ thế khi bước lên lối đi sát thềm nhà, giẫm chân trên cỏ dại mọc len trong các khe gạch hoa cương. Rôn ngồi trên tầng hai trước ly rượu, mình mặc áo đen, một tay buông thõng xuống, một tay đặt trên mặt bàn. Cây đèn chong có chụp lụa màu nhuộm ánh sáng đỏ quanh chỗ y ngồi. Màu đen và vẻ lạnh lẽ của người đàn ông trong đêm làm y giống con cú thu mình trên cành cây rậm. Thấy Ngọc, mắt y sáng lên. Tôi quan sát vẻ mặt y: hốc hác nhưng không xấu, trái lại có một vẻ đẹp góc cạnh đầy bí ẩn.

"Fan mới của em đấy à?", Rôn hỏi Ngọc. Ngọc mỉm cười, vẻ nũng nịu và tự hào. Rôn hỏi tôi:

"Cậu đến đây làm gì?". Câu hỏi của y đi cùng nụ cười thân thiện nên không giống một lời tra hỏi, mà giống một tiếng mời chào. Tôi khó trả lời được Rôn, khi tôi cũng không biết ma lực nào đưa chân tôi tới đây. Tôi bỗng buột miệng hỏi:

- Tối nay em ở lại đây được không?

Rôn đưa mắt nhìn Ngọc, một cái nhìn sắc lạnh. Ngọc hơi nhăn mặt, nhưng tôi đã vội nói cho nàng khỏi hiểu lầm:

- Em chỉ ngồi ở cửa phòng Ngọc thôi mà.

Rôn cười:

- Ta biết rồi, cậu thuộc tốp người thích mùi rượu hơn là uống rượu.

Tôi ở lại. Tôi còn rất trẻ, cánh cửa nào mở ra trước mặt tôi cũng muốn đi vào xem thử bên trong có gì. Có thể sau mỗi cửa động là hàng đồng xương người mà cũng có thể là hàng kho châu báu, biết đâu.

oOo

Ngọc cởi chiếc áo khoác jean, ném lên lưng ghế. Rồi nàng ngồi xuống giường, tháo dây đôi giày păng-túp da lộn. Chừng như để cho sướng tay, nàng quăng hai chiếc vào hai góc phòng rồi ngã mình trên nệm.

Tôi ngồi bệt bên giường nàng. "Sao em lại đến đây ở?". "Thích. Mà em có ở hẳn đâu, thích đi là đi, thích về là về!". Tôi lặng nhìn sống mũi thanh tú, cái cổ cao, đôi môi kiêu kỳ của Ngọc, nét nào trên mặt nàng cũng giản dị và cao sang, nhất là khi giờ đây nàng chỉ mặc một cái áo hai dây đơn sơ trên chiếc quần jeans ngắn. Một cô bé rất bụi, bụi một cách rất tiểu thư, vậy mới gọi là bụi.

Ngọc bật lửa châm thuốc, hai mắt con nhân sư nhấp nháy như nhìn tôi. "Mẹ cho em cái bật lửa này trước khi ra đi. Mẹ bảo, khi nào mắt nhân sư sáng rực khác thường là vận may sắp đến".

- Mẹ đi đâu?

- Sang Đức. Đi với dượng Michael - Ngọc nói, giọng tự hào - Bốn mươi tuổi, mẹ em kết hôn với một người đàn ông mà nhiều cô gái hai mươi năm mơ cũng không thấy.

Tôi ngạc nhiên. Ngọc kể tiếp:

- Chỉ có em là quýnh. Ngày cưới mẹ, em hát tặng bài Mẹ yêu, rồi bỗng nhiên em khóc. Thật vô lý. Dượng Michael đến ôm em, dượng bảo sẽ không quên em. Em xin lỗi dượng, em rất ân hận đã làm cho mọi người bớt vui.

Tôi cảm lấy cái bật lửa, nhìn sâu vào đôi mắt nhân sư, cố tìm xem có tia sáng nào khác thường không. Ngọc như hiểu ý tôi, bảo:

- Chưa đâu. Phải vài năm nữa, vận may mới tới. Mẹ em đã hứa rồi, mẹ sẽ về, đem em qua bên đó. Em sẽ được đi học ở trường Đại học Dresden.

Ngọc nheo mắt, lim dim mê đắm như đang nằm mơ.

"Mẹ có biết em đi bụi thế này không?". Ngọc cười ranh mãnh: "Còn lâu mới biết".

Ở tầng dưới có nhiều tiếng ồn ào, tiếng ca hát của người say. Ngọc bảo tôi:

- Tụi nó về rồi đó, anh đóng giùm em cánh cửa.

Dưới cầu thang, một lũ vong vị đang trở về từ các quán nhậu, chúng rôm rả hào hứng với nhau một lúc rồi chia nhau ngã lưng trên những tấm nệm cũ. Chúng lè nhè: "Ngọc ơi, sao em bỏ tụi anh". Tôi quay vào với Ngọc. "Tại sao cả thằng vong lúc này bắt nạt em cũng có mặt ở đây?".

Ngọc cười:

- Nó là thằng Tín, hiệu là Tín ke. Nó say em như say thuốc.

- Có bao giờ tụi nó lên đây chọc ghẹo em không?

- Rõn không bao giờ cho ai động tới em. Em không thuộc về ai cả.

- Thế nghĩa là em thuộc về Rõn.

- Không hẳn thế - Ngọc nhún vai - Không phải như anh nghĩ.

- Ai tin được?

Ngọc nhìn vào mặt tôi: "Này anh, tin hay không tùy anh thôi. Bây giờ hoặc là anh về, hoặc là ra hành lang cho em ngủ".

Đêm ấy tôi ngồi thâu đêm ở cầu thang, nhìn qua khoảng trống ộp kính, ngắm những vì sao trên trời. Vào khoảng hai giờ sáng, có tiếng chân nhẹ như tiếng dơi vỗ cánh đằng sau lưng tôi. Tôi quay đầu nhìn: người đàn ông áo đen đứng lặng lẽ nhìn tôi trong ánh sáng đỏ nhờ đang tỏa xuống. Rõn. Y đến bên tôi, ngồi xuống, rút thuốc ra mời.

- Cảm ơn anh, em không hút.

Ban đầu tôi có ý nghĩ là Rõn muốn vào phòng Ngọc, nhưng thấy tôi nên ngại. Nhưng sau đó tôi hiểu là không phải thế. Trong thế giới kỳ quặc này làm gì có chuyện ngại ngần hay nể nang, chỉ có thích hay không thích, thế thôi.

Rõn khoác tay qua vai tôi, bàn tay với những ngón dài đeo một cái nhẫn bạc. Y vừa quàng vai tôi vừa cầm điếu thuốc bằng một bàn tay. Lúc bấy giờ tôi mới nhận ra tay bên kia của Rõn bị cụt. Tôi băn khoăn: Làm sao một người đàn ông chỉ có một tay lại đủ sức mạnh để thống trị cả bấy lâu la dưới kia, đủ sức mạnh để độc chiếm một người con gái mà có thể hấn ta không hề động đến?

Nhưng tôi không nghĩ ngợi được nhiều vì Rõn đã hút hết thuốc, bàn tay mềm của y đang luồn vào trong áo sơ mi tôi mơn trớn. Tôi bảo: "Đừng anh, em nhạy nhột lắm". Rõn khựng lại, rồi hấn phá ra cười, tiếng cười nghe như tiếng gương vỡ trong đêm.

oOo

Trường bán trú của Ngọc nhanh chóng trở thành trường bán trú của tôi. Rõn vẫn bảo cả bọn: "Lên đây với anh. Việc gì phải ngồi nhà với những bữa cơm đầy nước mắt". Phần lớn bọn con trai lẳng nhẳng đi theo Ngọc về đây, rồi khi về đây thì chúng phát hiện ra một thiên đường. Nơi đây không có những lời dạy nghiêm, những bài rao giảng, không có sự chịu đựng lẫn nhau. Chỉ có những bài học về thú vui và tự do tuyệt đối.

Tôi thì không mặn mà những bài học của Rõn cho lắm. Tôi chỉ muốn luôn ở bên Ngọc. Nàng sôi nổi và mỏng manh, một vật thể rất giòn và dễ vỡ. Có lần nhìn hai má hồng rục của Ngọc, tôi hỏi đùa: "Em có xài doping không?". Ngọc cười: "Không rảnh". Những lúc không có tôi, nàng đùa với những món đồ chơi linh tinh vứt trong phòng. Khi tôi đến, tôi kéo cái mặt nạ quỷ ra khỏi mặt nàng; chất cao su đặc chế lạnh lạnh, trơn trơn trong tay tôi. Ngọc níu lại, rồi như muốn trêu

tức tôi, nàng áp cái mặt nạ đen đũi gồ ghề vào mặt mà hôn lấy hôn để. "Hàng ngoại đây anh, vài trăm đô một chiếc đó, không tồi mà cũng không dễ mua được". Tôi bảo: "Em tiêu tiền như phá". Ngọc phá ra cười: "Mẹ bảo cứ mua bất cứ cái gì em thích. Anh không thấy nó đẹp à? Gu của em là vậy, em không chịu được cái gì trơn tru tròn trặn". Tôi nhìn Ngọc, lần đầu tiên nhận ra vẻ giằng xé lạ kỳ trong mắt nàng, đấy là sự cứng cỏi pha lẫn với khổ ải, kiêu sa lẫn với nhục nhằn, giống như mắt một con thú rừng bị trói. Tôi mù mờ nhận ra những gì ẩn náu bên trong nàng: tâm trí nàng bị loạn chuẩn, nàng không có chuẩn mực nào để dựa vào, vì thế nàng đã dựa vào Rôn.

"Ít nhất thì em cũng đã thích được một thứ không dữ dằn góc cạnh", nàng nghĩ ngợi một lát rồi bảo. "Nó là cái gì anh biết không? Là Mặt Sữa của anh". Nàng nói rồi cười khúc khích, nhả khói thuốc quanh tôi, mùi khói thơm làm tôi ngây ngất. "Sao em mời mãi mà anh không hút?".

"Không, anh không hút. Chỉ nhìn em hút ngày này qua ngày khác cũng đủ lảm rồi". "Có phải trong mắt anh, em nhiều cái hư lảm phải không? Em hư vậy mà sao anh cứ thương?". Tôi áp đầu tóc tơ mịn của Ngọc vào lồng ngực tôi: "Không biết". Ừ, tôi cũng không hiểu nữa. Mấy tháng trôi qua, ngày nào cũng ở bên Ngọc, niềm hưng phấn như từ nàng ngấm vào tôi. Tôi chợt nhận ra có những ngày tôi chỉ ăn một bữa mà không hề thấy đói, không hề thấy mệt, chỉ nhìn thấy Ngọc, người mùi khói thuốc quanh nàng là tim tôi nhảy múa như ngày hội.

Nhưng sau ba tháng, sự hưng phấn trong tôi bỗng biến dạng. Tôi chớm cảm thấy sự nô dịch vô hình mà nàng tròng lên cổ tôi. Đúng vào thời điểm đó, một hôm ba tôi bỗng có một buổi tối rảnh rang, phòng mạch của ông hôm đó không hiểu vì sao vắng khách. Một sự việc có vẻ rất đơn giản và nhỏ nhặt thế mà đã tác động rất lớn đến cả đời tôi: hôm đó tình cờ cũng là một buổi tối hiếm hoi tôi có mặt ở nhà. Ba tôi phát hiện ra hai bàn tay tôi một bên ướt đẫm mồ hôi còn một bên khô ráo. "Con có dùng ma túy không?".

oOo

Những chuyện xảy ra sau đó chẳng có gì đáng nhắc lại. Đó là chuỗi ngày khủng khiếp nhất của tôi. May mà tôi chỉ bị nhốt trong nhà chứ không phải vào trại cai nghiện. Dù ở đâu thì đấy cũng là những tháng ngày đầy ải, thì ra lâu nay thân thể tôi đã trở nên trống rỗng. Những làn khói nàng thổi vào tôi đã tràn vào trong khoảng trống đó đầy ắp, giờ đây không có nữa, cơ thể tôi yếu ớt lạ kỳ, không còn sức sống. Tưởng chừng chỉ một cái búng nhỏ, là toàn thân tôi vỡ tan. Khi tôi bình phục, ba tôi vẫn chưa yên tâm, bắt tôi phải đi thật xa. Ngày tôi sắp đi, bỗng mẹ tôi bảo có người muốn gặp. Bỗng nhiên, tim tôi đập thình thịch, rất có thể đấy là Rôn.

Nhưng không phải Rôn mà là Ngọc. Nàng ngồi trong phòng khách, thanh tú, cao sang và vẫn cái vẻ dễ vỡ như ngày nào.

"Đi một vòng lần cuối đi anh".

Tôi lạnh người, sợ hãi, không muốn một lần nữa rơi vào sự nô dịch.

Ngọc nhìn tôi khẩn khoản:

- Đi đi, em hứa hôm nay em không hút.

Tôi rùng mình. Ba tôi thường bảo: Con là đồ đại gái. Hình như đúng thế thật. Giờ đây, tôi không còn làm nô lệ cho chất khói mỏng mảnh ấy. Nhưng sức hút tỏa ra từ Ngọc là sức hút của chính nàng.

Tôi và Ngọc thuê một chiếc thuyền thiên nga, đạp ra giữa sông. Ngọc dựa đầu vào vai tôi. "Mặt Sữa, anh đi Singapore phải không?". "Ừ, anh đi học". Ngọc thở dài: "Lại thêm một người bỏ đi". Bỗng nhiên tôi áy náy khôn cùng. "Khi nào về...". Tôi rất muốn nói: "Khi nào về sẽ gặp em", nhưng kịp dừng lại. Ngọc hiểu, nàng bảo:

- Không cần, chừng anh về thì có thể em đã sang cùng mẹ rồi. Sang bên ấy em sẽ cai, nghe nói bên ấy cai không phải chịu đau đớn.

Nàng cười như biết lỗi: "Em sợ đau lắm. Chỉ vì sợ đau mà em ra nông nỗi này. Anh biết không, trong đời có những lúc toàn thân như bị đè dưới nghìn cân đá. Lúc đó mình có thể làm bất cứ điều gì... Biết hít là chết nhưng cũng còn lâu mới chết, còn hơn là đứt phụt dây thần kinh chết ngay".

Tôi lặng yên, một lần nữa áp mái tóc tơ mịn của nàng vào ngực tôi. Tôi biết mình cũng như tất cả những thằng cùng cảnh ngộ đã bị nàng thu hút về ngôi nhà đó - ngôi nhà mà Rôn ngự trị, nơi hấn dùng nàng như một con mồi để bắt giữ những gã trai mới lớn về cho hấn ôm ấp và mớm cho chất bột trắng. Bao giờ thì Ngọc mới thoát khỏi sợi dây thòng lọng của Rôn ? Biết bao giờ tôi mới đủ sức mạnh của một người trưởng thành để nâng đỡ được nàng? Tôi nhớ lại khuôn mặt của Rôn khi lần đầu mới gặp, chợt nhớ lại mình đã đọc ở nơi nào đó: người ta cứ tưởng tượng ra những tội phạm với bộ mặt xấu xí, nhưng thật ra đa số những người phạm vào tội ác lại có khuôn mặt đẹp.

Dưới chân Ngọc và tôi nước sông trong vắt, tung những cuộn bọt lăn tăn quanh bàn đạp nước. Ngọc rút rờ rút điều thuốc, mắt nàng nhìn tôi với vẻ năn nỉ. Tôi chụp lấy bật lửa trong tay nàng, bỏ vào túi. "Em đã hứa với anh rồi mà".

Ngọc thở dài:

- Nhớ rồi, hôm nay em không hút, anh cất cái bật lửa ấy đi. Nhớ thỉnh thoảng xem chừng. Có thể khi nào mắt con nhân sư sáng rực lên, là em đã đi rồi đấy.

Tôi gạt đầu, tự nhủ: Khi tôi về, nếu Ngọc chưa ra khỏi ngôi nhà ấy, thì chính tôi sẽ dắt nàng ra. Tôi không muốn một mình thoát ra, bỏ mặc nàng.

Mấy năm sau quay về, tôi đi tìm ngôi nhà cũ. Nhà đã bị niêm phong. Rôn đã ngồi tù, mãi đến khi Rôn vào tù người ta mới biết y không phải là chủ ngôi nhà ấy. Chủ nhân ngôi nhà đang ở một thành phố lớn, ông ta sở hữu nhiều biệt thự rải rác trên cả nước, và cả một hòn đảo nhỏ ở Nha Trang. Khó mà truy ra được người ấy là ai, bởi ông chưa hề bước chân đến ngôi nhà mà Rôn cai quản.

Bọn con trai đã tan tác hết. Người duy nhất tôi còn gặp lại là thằng Tín ke, vừa từ trại cai nghiện trở về. Tôi hỏi thăm: "Ngọc đi chưa?". "Rồi, hơn nửa năm, mà không được tin tức gì à?".

Trên chóp đồi cao nhất trong nghĩa trang thành phố, tôi đặt hoa hồng đỏ trên mộ Ngọc. Trong tấm ảnh trên bia nàng vẫn thế, chiếc mũ bê-rê đội lệch trông thật bụi, bụi một cách rất tiểu thư. Tín ke bảo: "May cho mày. Không phải nhìn mặt Ngọc vào những ngày cuối. Nó không chịu nổi buồn nên chích nhiều quá, cả người teo quắt lại".

Tôi rút bật lửa đốt những tờ giấy vàng cho Ngọc. Chiếc bật lửa lâu nay tôi vẫn ngấm nhìn nhưng chưa hề thấy đôi mắt nhân sư sáng, trái lại qua thời gian hai chấm lân tinh cứ phai dần và trở nên mờ đục. Có lẽ đây chỉ là một huyền thoại mà mẹ nàng đã để lại cho con trước lúc ra đi.

Người bán linh hồn

Người đàn bà ngồi trên chiếc ghế chạm trổ, đẹp lộng lẫy với cái mũi dọc dừa cao quý và đôi lông mày vút lên như hai cánh hạc.

Đó là nữ chủ nhân gallery Kinh Dương. Vào 8 giờ tối nay, gallery sẽ mở cửa lần đầu. Chừng hai trăm nhân vật trong thành phố đang chuẩn bị đến dự lễ. Những người giàu tưởng tượng bị hình ảnh con nhân sư trên tấm thiệp thu hút, còn những người thực tế và tò mò thì bị hấp dẫn bởi tin đồn rằng gallery Kinh Dương, tọa lạc nơi một tòa nhà bốn tầng đồ sộ, ngay một mặt phố lớn, sẽ là ngã tư của các đường dây buôn bán tranh quốc tế, và sở dĩ nó có được sức mạnh đó chính vì có một thế lực ngầm rất lớn đằng sau nữ chủ nhân xinh đẹp.

Suốt hơn tháng này, những gì liên quan đến Kinh Dương đều trở thành chất men kích thích tính hiếu kỳ của mọi người: sắc đẹp của Tuyết N., lai lịch miêng đất và nguồn tiền xây dựng ngôi nhà, những họa sĩ và nhà thơ thường lui tới đó, những bức tranh sẽ được trưng bày... Tất cả đều khơi nguồn cho những câu chuyện nóng bỏng với nhiều chi tiết thêu dệt chẳng khác nào truyện cổ tích.

Tuyết N. cũng hiểu rõ rất nhiều ánh mắt đang nhìn về phía mình, vì vậy, nàng đốc thúc đàn em phải tổ chức lễ khai trương thực chu đáo, không được để xảy ra một sơ xuất nhỏ nào. Nàng muốn ngày mai, mọi chi tiết của buổi lễ sẽ được trầm trồ trên cửa miệng của mọi người dân thành phố, tạo thành một thanh thế vô giá cho nàng.

Đoàn tiếp viên được lựa chọn thật kỹ, tất cả đều là những thiếu nữ trạc hai mươi, khoác áo dài cách tân may bằng lụa tơ tằm đỏ thắm. Người cầm giỏ hoa, người bưng khay rượu, tất cả đang thướt tha tiến lên, lui xuống theo sự hướng dẫn của một viên đạo diễn. Tuyết N. ngồi nhìn, chân đặt lên cái đôn thấp bọc nệm. Bàn chân nàng trắng, nhỏ và nuột nà, làn da ở gót mỏng và ửng hồng, nằm ngay ngắn như một bảo vật trên tấm nệm nhung.

"Hầu hết thời gian của buổi tiệc đứng, chị sẽ ngồi ở đây". Viên đạo diễn dặn dò. "Tất cả việc thù tiếp đã có người lo. Chị chỉ có một nhiệm vụ duy nhất, là phải đẹp". Tuyết N. gật đầu, nàng mỉm cười với đạo diễn, nụ cười cao sang và quyến rũ như một thứ hào quang vụt sáng khiến anh ta cúi đầu thuận phục.

Giữa lúc ấy ngoài cửa có tiếng lao xao, Tuyết N. quay đầu lại, cử chỉ ngoạn đầu làm căng lớp áo mỏng khiến một phần bộ ngực tươi tắn như hiện ra đập vào mắt người đàn ông đang cúi xuống. Y không rời mắt khỏi nàng, miệng kêu lớn:

- Hôm nay không tiếp khách nữa đâu nhé, bà chủ và tôi ai cũng bận lắm.

Hai gã bảo vệ ngoài thềm đã nhanh chóng đóng sập cửa chính, ngăn không cho người vừa đến bước vào. Đây là một cô gái mảnh dẻ có mái tóc dài xõa bung xuống hai vai. Cô nhìn như muốn xuyên thấu cánh cửa khép kín, nài nỉ:

- Cho tôi vào gặp bà chủ đi. Một chút thôi, không mất nhiều thời giờ đâu.

Gã bảo vệ khinh khỉnh nhìn cô gái. Ánh mắt gã lướt trên đôi chân che kín trong chiếc quần Jean đã bạc, chiếc áo sơ mi rộng lưng thùng cho phép người ta đoán ra một khuôn ngực mỏng không mấy hấp dẫn, còn mái tóc thì chẳng theo một kiểu gì dứt khoát: nó quăn dài, lộn xộn như những đợt sóng đang bóp chát lẫn nhau trên bãi biển vắng. Ánh mắt gã đàn ông lướt qua với vẻ鄙夷 như ánh mắt người ta thường ném lên những món hàng thứ phẩm trên sạp chợ hạ giá; cuối cùng thì ánh nhìn anh ta cũng tươi lên đôi chút khi dừng lại nơi đôi mắt to đen với hàng lông mi dày và cong, trông man dã và nồng nàn.

"Này cô em, biết điều thì xéo đi thôi. Ở đây..."

Câu nói được bỏ lửng, nhưng cô gái hiểu ngay gã muốn nói "Ở đây có ai như cô đâu". Đúng thế, hai gã bảo vệ này ăn mặc lảng bóng từ đầu đến chân, đứng trên thềm đá lảng bóng, trước những tấm kính lớn cũng lảng bóng. Cô gái hiểu ra mình đang xuất hiện trên cái nền sáng loáng này như một vật sù sì và luộm thuộm nhất. Mím môi, cô lùi lại, trong mắt phát ra những tia sáng giống như từ mắt một con beo nhỏ bị thương.

Chỉ mất một giây để tính toán, cô gái quay ngoắt lại, bỏ đi. Con phố lớn trước gallery Kinh Dương có nhiều ngõ nhỏ, các ngõ cũng được trải nhựa đường, có thể nói là những con đường nho nhỏ dù chẳng có tên: Đây có thể xem là những phố dành cho người đi bộ, nơi khách du lịch thường đi dạo để tìm mua những món quà lạ. Cô gái đi quẹo vào ngõ, bước vào một căn hộ. Căn hộ ấy trông chẳng giống nhà ai, bởi nhìn vào thấy toàn những tranh vẽ treo la liệt; đây

là một xưởng vẽ, với những tác phẩm được trưng bày chẳng theo một trật tự nào nhưng lại toát ra một vẻ hài hòa kỳ lạ làm người ta nhìn mãi không chán mắt.

Cô gái đi thẳng vào, rồi bước qua cái cửa nhỏ dẫn vào phòng trong.

Trái ngược với gian bên ngoài xinh xắn, căn phòng này tiêu tụy và luộm thuộm, đồ đạc chỉ có độc một chiếc giường đôi với mấy cái ghế nhỏ xíu, nhỏ đến nỗi có thể làm là mấy chiếc đôn. Một cái giá vẽ nằm trong góc, chung quanh là rất nhiều tranh vẽ dở dở, dựng bừa bãi ở chân tường. Một cửa sổ nhỏ phía sau đủ cho một luồng ánh sáng tỏa xuống, soi rõ gian buồng ảm đạm.

Trên cái giường bừa bộn, một người trẻ tuổi ngồi dựa vào vách. Chàng đang nguệch ngoạc những nét phác thảo trên một phiến giấy trắng. Ánh sáng từ cửa sổ đọng lại trên bờm tóc quăn rũ trước trán và sống mũi thanh tú. Cô gái đứng lại trên ngưỡng cửa, ánh mắt cô đầy vẻ yêu thương.

Chàng trai ngược lên, thấy cô, chàng không giấu được vẻ vui sướng. Quảng cả bút và giấy xuống giường, chàng reo lên và vươn tay ra; cô gái như con mèo nhảy thót vào lòng chàng.

Họ ôm nhau rất lâu, bất động, những cánh tay càng lúc càng riết chặt. Mũi họ hít càng lúc càng sâu vào lồng ngực mùi da thịt của nhau, một nỗi hứng khởi sâu sắc và mãnh liệt làm cả hai như bay lên, bay mãi.

Khi không thể riết chặt hơn nữa, cô gái buông tay ra, ngã vật xuống giường. Cô vùng dậy, lao vào góc phòng, lục lọi trong chiếc tủ cũ và lôi ra một bộ váy màu tím vốn bị nhét trong một góc. Cô vuốt vuốt mớ váy áo, chất thun tốt còn mới nhanh chóng duỗi ra, cho thấy bộ y phục còn khá đẹp và sang trọng.

Đây là bộ cánh Na sấm từ thuở mới ra trường, đã từ lâu không động đến.

"Em làm gì vậy?" Chàng trai hỏi. Cô gái vắt bộ y phục lên thành ghế, bắt đầu ngồi xuống trước gương, chải tóc, kẹp gọn lên, đôi mắt vốn đã to và sáng càng long lanh hơn.

- "Tuấn ơi, sáng nay bà chủ nhà có đến không?"

- "Có" - Vẻ mặt Tuấn đang vui chợt cau lại. "Mụ ta thật láo, nhất định chỉ muốn gặp em thôi. Na à, có phải ý mụ ta xem anh là một gã vô tích sự không?"

- Không phải thế đâu, chẳng qua là vì em đã dặn mụ ấy không được làm phiền anh về những chuyện tầm thường.

Nàng kéo bàn tay phải của chàng trai, cầm từng ngón lên nhìn, rồi lại nhìn từng ngón của bàn tay trái. Mười đầu ngón của Tuấn, có đến chín ngón có hoa văn tay. Cô gái hôn lên từng cái hoa tay ấy, vẻ như đang lục lại những viên ngọc trong kho báu của mình.

"Một ngày kia anh sẽ là một họa sĩ vĩ đại" Cô thì thầm với vẻ thương yêu sùng kính.

Tuấn vẫn không thôi lo âu:

- Nhưng chuyện gì vậy? Anh thấy dạo này em đứng ngồi không yên, lúc nào cũng như đang nghĩ ngợi đầu đầu. Em giấu anh làm gì?

Na đắn đo một giây, rồi nàng lắc đầu quyết định không nói cho Tuấn biết.

Có người đang muốn dành thuê căn hộ hai người đang ở.

Hai nghìn rưỡi đô cho ba năm, số tiền đó có thể không đáng kể với nhiều người, nhưng với đôi tình nhân họa sĩ này là một thách thức quá lớn. Vì vậy Na đã giấu chàng con số mà nàng cho là quá kêch sù ấy để chàng khỏi khiếp hãi.

Nàng đứng vụt dậy, chạy đến sau lưng Tuấn kéo mạnh bức màn, để lộ một bức tranh sơn dầu cỡ lớn. Trong tranh là một phụ nữ bán khỏa thân: đó là Na, dưới nét cọ tài hoa của người đàn ông yêu nàng. Vẫn mái tóc ấy, đôi mắt ấy, vẫn thân thể mỏng manh ấy nhưng dường như là một Na khác: bất cứ ai đứng trước bức tranh cũng bồi hồi xúc động mà không hiểu vì sao. Họ không biết đã có một ngọn lửa cháy rực từ nỗi say đắm của người họa sĩ, ngọn lửa thần ấy chiếu lên thân thể người đàn bà để soi sáng cho người ta thấy phần linh hồn ẩn sâu đằng sau da thịt. Cả bờ vai mỏng và đôi vú nhỏ - mà những gã đàn ông dung tục vẫn đánh giá như thứ hàng chất lượng kém - ở đây cũng hiện nguyên hình với vẻ đẹp khắc kỷ xót xa mà người ta thường gặp ở những tranh thánh thời Trung Cổ.

Na tiếc đau tiếc đớn khi nghĩ đến chuyện phải rao bán bức tranh, nhưng chẳng còn cách nào khác. Nàng tự an ủi rằng rồi đây nó sẽ được lưu giữ trong sưu tập của một người am hiểu hội họa. Rồi biết đâu đấy, một ngày kia nó sẽ vào nằm ở một bảo tàng, và tình yêu của nàng được ký thác trong đó sẽ còn mãi mãi cùng với giấc mơ bất tử mà nghệ sĩ nào cũng từng ấp ủ.

Na và Tuấn yêu nhau từ năm đầu tiên học chung ở trường nghệ thuật. Tuấn là sinh viên trội bật nhất, còn Na ở trong đám đông những cây còi trẻ tầm thường làm nền cho lớp học. Nàng luôn khổ tâm vì những ngón tay không quyền năng, chúng bất lực không giúp nàng diễn tả những rung cảm thuần khiết nhất trong lòng nàng. Nàng cũng từng vẽ người mình yêu, nhưng bức chân dung ấy lúc nào nàng cũng giấu kỹ trong một góc tủ. Mỗi lần nhìn thấy nó, nàng lại xấu hổ, bởi cũng là mái tóc rũ trước trán, cũng là gương mặt với vẻ đẹp đàn ông, nhưng chẳng có một tí gì là quyến rũ và sức sống. Gương mặt thiên thần của người mẫu khi bị nhốt vào tranh đã hóa thành một bộ mặt thô thiển, nông cạn và chẳng có tí linh hồn.

Sự kém tài là nguyên nhân khiến nàng dần dần xem người yêu như một thần tượng. Về sau khi đã sống chung, nàng là người yêu, người bạn, người phục vụ và bảo vệ chàng, ngủ cùng giường với chàng ban đêm, nấu ăn cho chàng ban ngày, làm người mẫu thường xuyên cho chàng vẽ, bởi chàng chẳng có tiền thuê mẫu, mà cũng không muốn vẽ ai ngoài nàng.

Na bước lên thềm gạch bóng loáng của gallery Kinh Dương, những bước chân nàng vững vàng, đầu ngẩng cao, dáng vẻ kiêu sa. Hai gã bảo vệ nhìn nàng, định hỏi, nhưng mắt nàng chỉ hững hờ lướt qua trên đầu họ. Nàng mạnh dạn bước thẳng vào với vẻ quen thuộc và tự tin, khiến họ bỗng nhiên đứng im, ngoan ngoãn mở cửa cho nàng bước qua.

Khi nàng bước vào đại sảnh, đoàn thiếu nữ tiếp tân đã xong phần luyện tập của mình, đang ngồi nơi hai dãy tràng kỷ dài dọc theo vách. Nữ chủ nhân Tuyết N. đang bước từng bước uyển chuyển trên tấm thảm nhung màu huyết dụ, tiến về phía chiếc ghế lớn với dáng dấp như một nữ hoàng đang tiến đến chiếc ngai của mình. Theo sau Tuyết N., gã đạo diễn không rời mắt khỏi từng cử động.

"Được rồi, tốt lắm, rất đẹp. Chị lưu ý trước khi ngồi xuống, chị sẽ xoay mình, mọi người đang nhìn tấm lưng thanh tú của chị sẽ có cơ hội nhìn thấy toàn bộ nhan sắc của chị từ phía trước. Cảm giác của họ sẽ từ tò mò vụt chuyển sang choáng ngợp, bị chinh phục hoàn toàn. Vì vậy cái xoay người này không hề tầm thường. Đây nhé ..."

Tuyết N. đứng dậy, làm lại động tác. Gã đạo diễn ra vẻ cẩn thận, sửa chữa ø từ dáng vẻ của ngón tay đến độ nhanh chậm của hai bàn chân duỗi ra trên tấm đệm nhung dưới chân ghế.

Giữa lúc đó người nữ khách xộc vào. Tuyết N. cau mày lại:

"Tôi đã bảo với cô rồi. Tranh trưng bày đã chọn xong từ hơn mười ngày. Giờ này tôi không tiếp các họa sĩ nữa".

Từ lúc vào, Na đã cố đè nén cho trái tim mình đừng đập rộn lên dưới cái vỏ lạnh lùng kiêu ngạo; giờ đây lồng ngực nàng lại loạn xạ lên với nhịp tim thon thót. Nàng cố giữ bình tĩnh:

- Thưa bà, nghe nói mới lúc này họa sĩ B.D, họa sĩ T.Đ.N vẫn còn cho người đưa tranh đến.

Tuyết N. cười, tiếng cười nàng nghe như tiếng thủy tinh và sứ chạm nhau, sang trọng nhưng rất lạnh lẽo. "Họa sĩ B.D, họa sĩ T.Đ.N? Cô là ai mà dám so với những tên tuổi ấy? Gallery của tôi chỉ nhận giới thiệu những tranh thật xịn, tác phẩm lớn của các danh họa". Tuyết N. nói rồi dừng mắt trên dung nhan và vóc dáng của người khách vừa tới. Với cái nhìn sành đời, bà ta phát hiện ra ngay những chi tiết lỗi thời trên bộ cánh mới mấy phút trước đây đã giúp Na qua mặt những người bảo vệ. Ánh mắt đóø hàm chứa sự đánh giá, khiến Na bất giác co người lại, rơi rụng hết tất cả những vẻ kiêu kỳ quý tộc mà cô đã cố đắp vào người. Tuy vậy, trong mắt cô ánh lửa dữ dội của sự liều lĩnh vẫn cháy bừng lên; cô cố gắng nói, sôi nổi và thuyết phục:

- Thưa bà, tôi đến đây không phải vì tôi, mà vì một người khác. Một thiên tài, thưa bà. Nếu bà nhìn thấy... Bà sẽ không thể ngoảnh mặt đi. Người ta đồn rằng bà là tri âm của các họa sĩ, bà phát hiện và khơi dậy những tài năng.

Nói rồi nàng quả quyết rút trong ngực áo ra một tấm ảnh. Đây là ảnh chụp bức tranh lớn mà Tuấn đã vẽ, bức tranh mà chàng trai tâm đắc và yêu quý nhất trong suốt quãng đời từ khi cầm cọ đến giờ. Na cầm nó bằng hai tay, run run đưa cho người đàn bà.

Tuyết N. đã ngồi trên cái ngai lộng lẫy, bà ta liếc qua phiên ảnh trên tay cô gái. "Thiên tài của cô đâu, sao hấn ta không đích thân đến đây?"

Na ngắc ngứ không nói ra lời. Nàng sợ làm phật lòng người đàn bà nếu nói ra sự thật, rằng Tuấn không bao giờ chịu cúi mình cầu lụy các gallery; rằng anh cảm thấy phải đặt tài năng mình dưới sự mặc cả của những đầu nậu là nhục nhã; rằng nàng muốn gánh lấy cái phần tọc lụy của nghệ thuật để cho tâm hồn anh khỏi bị tổn thương. Làm sao giải thích chuyện này với Tuyết N.? Na lúng túng và lặng im. Dù sao bà chủ Tuyết N. đã chịu bắt lời nói chuyện với mình, đấy đã là điều đáng mừng rồi.

Tuyết N. nhìn tấm phóng ảnh một lúc, rồi trả lại cho Na.

- "Thưa bà ...?"

- "Cô bảo tác giả là một thiên tài. Nhưng tôi chưa nghe tới tên y bao giờ cả".

- "Thưa bà, thiên tài nào khi đầu cũng đã từng là người vô danh... Nhưng nếu bức tranh này được treo ở gallery trong đêm khai mạc, thì nó có rất nhiều cơ may lọt vào mắt xanh của những nhà buôn tranh có cỡ; có thể họ sẽ mua nó với một giá lớn, lúc đó Kinh Dương sẽ có cả lợi nhuận lẫn tiếng tăm, vì người ta sẽ hiểu rằng đây là nơi giới thiệu với họ những giá trị mới".

Những mơ ước nóng bỏng trong lòng khiến cả lời lẽ lẫn vẻ mặt Na nhuộm một vẻ say sưa đầy thuyết phục. Ngồi trên bệ, dưới chân bà chủ, gã đạo diễn lặng lẽ quan sát cô, vẻ chán chường dần tan biến trên khuôn mặt y.

Tuyết N. đáp lời cô gái bằng một cái nhún vai:

- Cô nói đúng, nếu một gã vô danh tiêu tốt được treo tranh ở đây, ngày mai người ta sẽ nhìn y kính nể như nhìn một bậc thầy.

Câu nói khinh bạc của người đàn bà như thử thách kịch liệt lòng tự ái của Na. Mặt Na nhăn nhúm lại thê thảm. Gã đạo diễn nãy giờ nhìn cô, bật lên cười hề hề. Tuyết N. nói tiếp, không nhìn người đối thoại:

-Nhưng cô nghĩ xem,tôi sẽ được gì trong việc làm hệ phóng cho những con người vô danh?

Na lùì lại. Nàng dường như đang cố hiểu ý người đàn bà,dù vậy gần ba phút qua trên khuôn mặt nàng vẫn chỉ có vẻ ngẩn ngơ tội nghiệp. Tuyết N. thấy tấm ảnh về phía Na.

- Thôi, thế là đủ. Tôi không còn thời gian.

Na chụp lấy tấm ảnh cho nó khỏi rơi xuống đất. Nàng hốt hoảng, thất vọng thấy cơ hội đã sắp vỡ cánh bay mất. Vì thế nàng không kìm giữ mình nổi nữa, cuống quýt lên như đứa trẻ cuống quýt chụp lấy một con chim sắp thoát khỏi tầm tay. Nàng bắt giắc kêu lên, tha thiết:

- Thưa bà, bà có thể giúp được một tài năng trong cơn khốn khó, xin bà đừng tiếc công. Nếu bán được tranh, chúng tôi sẽ nhớ ơn bà mãi mãi.

Người đàn bà quay đi. "Tôi không biết ai có tài mà lại phải chịu khốn khó. Tôi làm nghệ thuật, không phải lập trại tế bần". Dứt lời, bà ta ném một cái nhìn sắc sảo về phía gã đạo diễn; thế là gã này chồm dậy, chụp lấy cườm tay Na, kéo ngược nàng ra khỏi đại sảnh.

Niềm hy vọng tắt ngấm, vẻ mặt Na giờ đây lạnh như tro. Nỗi tủi nhục vò xé trong lòng nàng, khiến nàng quờ quạng, lẩy bẩy như đang ngậm phải một hòn than hồng, bỏng rát. "Ông cứ để mặc tôi. Ông thật vô lương tâm, tôi có làm gì phiền đến ông đâu".

Gã đạo diễn vẫn lời xẻnh nàng đi dọc theo hành lang. "Này cô bé - Gã ghé miệng vào tai cô nói thầm - Cô còn đại dốt lắm, không đặt chân đến những nơi này được đâu".

"Tuần cũng bảo như vậy... Anh ấy không cho tôi đi. Nhưng tôi..." Không cầm được, Na gần như nước nỏ. Gã đạo diễn vẫn thăm thì:

- Với bọn người này, cô phải mua sự đồng ý của chúng. Không đủ sức mua thì thôi, đừng van xin. Phải nói thách giá của mình để chúng khiếp hãi, đừng gọi lòng thương của chúng, vô ích.

"Tôi chịu thôi. Tôi không thể..." Na nghẹn ngào. Người đàn ông lắc đầu:

- Cô có đem theo sổ tay không? Không có thì một mẫu giấy cũng được. À, phía sau bức ảnh ấy, được rồi. Tôi đọc cho cô ghi cái này. Có thể đó là một cơ hội cuối cùng...
Gã đọc cho Na ghi một địa chỉ Email trước khi hai người ra đến cánh cửa lớn, nơi gã buông tay cho Na một mình bước ra, như một con bọ rơi ra khỏi chiếc hộp vàng.

Tên vệ sĩ ngồi trên bậc thềm, bộ quần áo của hắn dày, lưng thùng và có vô số túi; những đường xếp và túi lớn trên y phục giúp hắn giấu kín những vũ khí nhỏ làm bằng thép quý. Hắn chỉ giấu nhẹm chúng vì yêu cầu mỹ quan thôi, chứ ai cũng biết Hùng Rô không bao giờ đi đến đâu với hai bàn tay không.

Gian phòng hắn đang ngồi rộng và sâu hút, ở cuối phòng là một giàn cửa kính lớn nhưng những tấm màn dày đã ngăn hết ánh sáng bên ngoài, thành thử mọi thứ chỉ còn được chiếu sáng bởi bốn ngọn đèn mắt cáo nhỏ xíu gắn lút vào bên trong trần nhà. Giữa phòng, trên chiếc ghế bành lớn, một người đàn ông mảnh dẻ ngã mình; Mái tóc và cái mũi đổ bóng xuống che hầu hết những đường nét khác của khuôn mặt. Lúc này đây, người đàn ông đang cầm hồ hững trong tay một chiếc xi gà lớn gắn vào cái tẩu bằng ngà, vốn là một cổ vật. Y rút thuốc bằng vẻ đủng đỉnh của một con mèo già đang thu mình. Mỗi lần điều thuốc cháy đỏ, chút ánh sáng bừng lên hắt ánh lửa vào đôi mắt lim dim trên khuôn mặt gầy. Màu xanh lơ mờ nơi những gốc ria trên mép sát cạnh màu hồng sậm của đôi môi mỏng.

Một người đàn ông vào trạc tuổi đã 60 nhưng còn có màu môi như vậy, kể cũng kỳ lạ. Gã vệ sĩ ngồi dưới chân y, mắt cũng lim dim, gã đang khoan khoái và thèm thuồng vì hít phải mùi thơm tỏa ra từ chiếc thuốc kia: mùi thơm của một vườn nhãn chín.

Một màn hình vi tính đặt cạnh chiếc ghế bành giúp người đàn ông có thể nhìn thấy cảnh tượng ngoài đại sảnh từ trong căn phòng kín. Trên màn hình, Tuyết N. đang cười mãn nguyện. Người đàn ông nhìn nụ cười ấy với khuôn mặt bất động, nhìn về mặt ấy chẳng ai có thể hiểu y đang nghĩ gì.

Rút chiếc điện thoại di động trong túi ra, y mở đọc các email đang được gửi tới, cũng với vẻ mặt đóng kín.

Bỗng y dừng lại, đôi mắt lim dim hơi mở to ra nhìn vào màn hình nhỏ xíu của điện thoại. "Hùng Rô!" Nghe tiếng gọi, gã vệ sĩ to lớn đứng phất dậy. Thấy chủ chỉ về phía màn hình máy vi tính, y hiểu ý ngay, tắt mạch phím đang truyền dẫn từ đại sảnh, mở sang mục check mail. Chốc lát, bức tranh người thiếu nữ đã hiện ra. Qua ánh sáng của màn hình tinh thể lỏng, những đường nét của người trong tranh như tỏa hào quang làm chói mắt người nhìn.

"Hùng Rô!" Người đàn ông lại gọi. Tiếng gọi khàn khàn phát ra từ thân hình lép kẹp đó lại có sức mạnh khiến cái thân thể to lớn dềnh dàng của Hùng Rô phải tuân theo răm rắp.
Hùng Rô đi ra cửa.

Mấy phút sau, có tiếng giày cao gót hấp tấp gõ lách cách ngoài hành lang. Rồi cánh cửa mở, Tuyết N. lách qua tấm màn nhưng tiến vào.

Nàng đến bên chiếc ghế bành, ngồi dựa vào lòng người đàn ông:

- Anh muốn xem bức tranh đó sao? Em đã từ chối rồi. Một bức tranh tầm thường. Em không chịu nổi những gì tầm thường, trong gallery của em, tất cả phải là tranh của những tên tuổi lớn.

Tuyết N. ép sát mình vào thân người đàn ông, chiếc soirée cổ rộng xếp nếp hững hờ, thân thể nàng tươi mát và gợi mở như mâm cỗ hoan lạc. Người đàn ông đưa một tay lên ngực Tuyết N., tay kia vẫn tiếp tục cầm điệu xì gà. Tuyết N. khép nhẹ mắt, nàng mơn trớn y bằng cả thân thể, về mặt và giọng nói rử rỉ như những giọt mật. "Em chọn đủ số tranh, con số này phù hợp với cung số của anh trong năm nay, thầy chiêm tinh đã dặn lui dặn tới không được làm sai, nguy hiểm lắm anh à".

Người đàn ông gật đầu, về mặt không lộ vẻ tán thành hay phản đối. Tuyết N. lay nhẹ vai y, nũng nịu:

- Vậy em gọi Hùng Rô quay lại nhé?

Người đàn ông lắc đầu. Tuyết N. hát mạnh bàn tay y ra, đứng phất dậy, ngồi dịch ra khỏi lòng y. Nàng kêu lên như xé tai:

- Vậy mà anh nói tôi là chủ gallery này!

Người đàn ông vẫn điềm đạm hút thuốc. "Anh không hiểu em muốn gì. Coi chừng, khi giận dữ trông em xấu hẳn đi".

- Em muốn một là anh tôn trọng quyền làm chủ của em ở đây, hai là đừng nhìn mặt em nữa.

- Thực sao? Anh cứ nghĩ em thích ở vị trí hiện nay hơn là quay về cái quán karaoke nơi anh gặp em lần đầu.

Câu nói uể oải của người đàn ông làm Tuyết N. bỗng im lìm, bao nhiêu vẻ giận dữ thoáng chốc bay đi đâu hết. Nàng đứng đó, lơ lảo, như một chiếc xe đang chạy đột ngột bị rút hết xăng.

Người đàn ông nằm duỗi ra trên ghế bành, khẽ ngo nguậy bàn chân. Y nhếch mép nói trống không:

- Tất chân của anh dày và chật quá.

Một vẻ u ám man rợ thoáng qua trong đôi mắt Tuyết N., nhưng chỉ một giây thôi. Nàng ngọt ngào: "Anh chờ em một chút". Nàng đi vào trong rồi nhanh chóng trở lại với một đôi tất khác. Quỳ xuống, nàng ôm chân người đàn ông, cởi giày và thay tất cho y.

Răng người đàn ông nghiêng lại sau đôi môi tươi cười. Người đàn ông lơ đãng nhìn lên những hoa văn trên trần nhà, chân chìa ra cho Tuyết N. "Em cũng thông minh đấy. Có thể sống với anh lâu dài được". Co chân lại đặt lên nệm ghế, y nói tiếp: "Bây giờ thì em đi được rồi, quay ra tiếp tục làm nữ chủ đi".

Người đàn ông im lặng quay lưng. Khi nàng ra tới đại sảnh, da mặt nàng xám ngoét kỳ dị đến nỗi gã đạo diễn sững sờ khi nhìn thấy nhân vật chính của mình.

"Tại sao cô không đưa tranh đến đây?". Người đàn ông hỏi. Khi ngồi ngay ngắn, trông gã đầy uy lực. Dù thân hình gầy guộc và khuôn mặt xanh xao, giọng nói gã lớn, mạnh và âm vang.

Cô nàng họa sĩ nghèo không thể không cảm thấy xao xuyến trước sự tráng lệ của gian phòng,

trông như một u cung. Ở đây, tất cả toát ra cái vẻ lẩn át lạnh lùng, như một con thú khổng lồ đang chực há mồm nuốt chửng lấy nàng.

Na cảm thấy vướng ở cổ họng, nàng không nén được mấy tiếng ho khúc khắc. "Tôi chờ một lời thỏa thuận. Người của ông bảo rằng chẳng những nhận trưng bày, ông còn muốn mua đứt bức tranh".

Người đàn ông nhếch mép. "Cô muốn bao nhiêu?"

Trái tim Na lồng lên, đập rộn rã trong lồng ngực. Cố giữ vẻ mặt lạnh lùng, cô thốt lên với vẻ khinh khỉnh:

- Hai nghìn rưỡi đô, thưa ông.

Người đàn ông ngả lưng vào thành ghế, y bắt đầu bẻ các đốt ngón tay khiến chúng kêu lên lổp bốp. Mặt y không đổi sắc, ánh mắt đảo từ đầu đến chân người phụ nữ trước mặt.

- Cô tưởng đây là Hồng Kông hoặc Singapore sao? Hai nghìn rưỡi đô cho tác phẩm của một họa sĩ chưa hề tiếng tăm?

Na không chuẩn bị cho mình một thái độ nào tiếp theo, nên nàng khựng lại. Rồi đôi mắt nàng đột ngột sáng lên, lần này là ánh sáng của một niềm tin mạnh mẽ thực sự:

- Hôm nay nếu ông mua nó, ngày mai Kinh Dương sẽ sánh vai với những nơi ông vừa nhắc.

Người đàn ông cười hoài nghi, mắt không rời ánh chớp trên mặt cô gái. Y buông sống:

- Được rồi. Tôi mua. Tôi trả cho cô ba nghìn, không kém một xu.

Na bất ngờ quá, cô không kịp chế được nổi vui sướng, hai tay ôm lấy mặt.

Chờ cho cô ngừng lên, gã đàn ông nói tiếp:

- Với một điều kiện. Cô là người mẫu của bức tranh phải không? Tôi muốn cả bức tranh và cả cô. Ba ngàn đô, cả hai. Cô hiểu chứ?

Bên tai Na như có một thanh sắt đang nung đỏ chọt bị dụi và nước lạnh.

Cô lùi lại một bước, vẻ như muốn tát mạnh vào mặt gã đàn ông, nhưng gã đang ở ngoài tầm tay cô.

- Ông nói gì thế? Ông có điên không?

Người đàn ông ồ mỉm cười không đáp .

Na hụt hẫng, quay ngoắt lại, bỏ đi với vẻ mặt hằm hằm ghê tởm.

Người đàn ông điềm tĩnh nhìn theo.

Bước chân Na chênh choáng như người ngủ mơ vừa tỉnh. Trước mắt cô hiện ra hình ảnh Tuấn, giờ này đang miệt mài vẽ trong căn phòng nhỏ.

Ngày mai, một người giàu có sẽ đến chong tiền thuê nơi ấy.

Lúc sắp bước ra khỏi phòng, bỗng nhiên Na òa lên khóc thảm thiết, rồi nàng quay lại, những giọt lệ căm hờn ứa ra từ đôi mắt lửa cháy.

Người đàn ông khẽ gật đầu. Lặng lẽ, y ngắm nghía vẻ đau khổ của cô gái với vẻ khóai trá, như người ta nhăm nháp một cốc rượu vang khai vị. "Lại đây, em bé - Y quay sang nói với tên vệ sĩ - "Lúc nào ta cũng khâm phục phụ nữ ngày nay, họ quyết định trong vài giây những gì mà ngày xưa phải đắn đo nhiều tháng trời".
Na lắc đầu. "Tôi đồng ý, nhưng không phải bây giờ. Hai giờ sau tôi sẽ quay lại."

Dù trí óc mê mụ và đau buốt, Na vẫn còn nhớ bây giờ là năm giờ chiều. Như lệ thường giờ ấy dù đang đi đâu họ cũng quay về bên nhau. Nàng pha cà phê và hai người ngồi nhìn ra khoảng trời xanh trên cửa sổ; Họ nói với nhau về những niềm hy vọng, những bức tranh đang áp ủ, những chuyến đi xa trong tương lai.....

Giờ đây nàng phải về. Nàng muốn gặp Tuấn, bởi nàng biết lát nữa đây khi đã bán mình, sẽ không có gì như trước nữa, không bao giờ có lại một giờ trong trẻo và ngọt ngào như thế.

Trên ghế bành, gã đàn ông không tỏ vẻ gì nôn nóng. Y bảo:

- Được thôi. Hai giờ sau cô sẽ trở lại, mà này, đừng mặc bộ váy ngớ ngẩn này, hãy mặc cái gì khác. Luộm thuộm cũng được, rách rưới cũng được, tôi rất thích cái vẻ thiên thần vô lại của cô, chớ có tìm cách tĩa tốt nó.

Na đi rồi, Hùng Rô nhìn chủ:

- Biết đâu cô ả sẽ chuồn thẳng.

Gã chủ lắc đầu:

- Con bé cần tiền đến cháy da. Món tiền của ta là sợi dây đã buộc vào cổ nó.

Hùng Rô cười hèn hếch:

- Giá quá cao. Một đứa con gái lép kẹp, có gì là hấp dẫn? Tệ hơn những con mái bèo nhất.

- Chú lắm. Người phàm ăn không thể hiểu cái thú ẩm thực của người sành. Chú có thấy cái eo của con bé không? Ta chưa thấy đứa con gái nào có cái eo nhỏ như thế.

- Eo nhỏ thì sao?

Gã chủ cười, giờ đây khuôn mặt của gã căng hết cỡ với vẻ hân hoan tự đắc, đôi môi hồng giãn rộng ra giữa những chấm râu xanh xanh:

- Tiểu yêu âm hộ đại, trường túc bất tri lao. Hồi ở Thượng Hải ta đã bỏ ra bảy ngàn đô để thử một đứa thực sự là trường túc. Cái giá hôm nay không cao đâu, quá hời là đằng khác. Nói phải tội, chỉ bức tranh này thôi ta cũng kiếm lại hơn thế rồi.

Trong lúc hai thầy trò nói chuyện thì bên ngoài, Tuyết N. đang đi đi lại lại. Giờ đây, dáng vẻ nàng là dáng vẻ của con hổ cái bị thương.

Một cô giúp việc trẻ tay bưng khay rượu đến nói thào vào tai nàng. Tuyết N. chăm chú nghe rồi cười gằn:

-Đồ điếm!

Mắt Tuyết N. phát ra những tia sáng hung hãn. Rồi như chợt nghĩ ra, nàng bỗng dịu vẻ mặt, nhòe một nụ cười đắc ý. Thấy nụ cười ấy, cô bé giúp việc sợ hãi nhìn quanh, rồi bưng khay đi.

Tuyết N. gọi với theo:

-Gọi Hùng Rô ,bảo ta có việc cần gặp y.

Quãng đường từ gallery tuy không xa, nhưng đôi chân lảo lộn khiến Na loanh quanh mãi giữa những con đường nhỏ. Nàng vừa đi vừa khóc rồi cuối cùng cầm nín, lặng lẽ, mắt ánh lên nỗi đau đớn gan lỵ của người tuấn đạo. Khi Na về đến trước nhà, chẳng còn giọt nắng nào trước hiên, và trên da mặt nàng cũng chẳng còn một giọt máu.

Có tiếng động ở phòng trong. Na giật mình, theo thói quen, nàng lo lắng, có thể Tuấn sẽ nổi cơn giận khi thấy nàng đã lên đi với bộ váy dỏm dáng này, chắc chắn là đến những nơi chàng không thích.

Trong phòng, chàng trai đang cầm bút vẽ, lưng quay về phía cửa sổ.

"Na! Na ơi!" Chàng kêu to khi nghe tiếng chân nàng, mắt vẫn không rời bức vẽ. "Anh đã gặp vận đỏ rồi. Anh đã nói mà. Thần may mắn đã đến!"

"Anh nói sao?" Na kêu lên, tưởng chừng tim vỡ ra. Có thể nào? Nàng phấp phỏng

"Một người đàn bà, em ạ, một người đàn bà tuyệt đẹp, bà ta bảo rằng gallery của bà ấy sẽ rất vinh dự giới thiệu bức tranh của anh. Bà ta đến bằng xe hơi! Anh chưa bao giờ nhìn thấy ai đẹp và lịch lãm như bà ấy! Gã vệ sĩ dẫn đường cho bà ta còn bảnh hơn một ông chủ!"

Tuấn không ngừng tay đập những tảng màu lên khung vải. Na chạy tới, nhìn vào bức tranh lớn chàng đang tô sửa. Chợt nàng hét lên, chết điếng.

Đó là bức tranh về nàng, giờ đây Tuấn đang vội vã trét những đường nét mới lên. Vẫn màu nền đỏ, vẫn dáng người đó, nhưng thay vì mái tóc xõa rối là mái tóc búi cao quý phái, và bộ ngực nữ tu giờ đây đã hóa thành bộ ngực đồ sộ mỡ màng của nữ chủ nhân gallery Kinh Dương.

Na gào lên một tiếng tuyệt vọng, nàng gằn như húc đầu vào bức tranh.

- Anh điên sao? Anh làm gì thế?

- Bà ấy đề nghị anh sửa chữa một vài chi tiết. Phải chiều theo thôi em ạ!

Na vật vờ, lảo lộn, lao vào níu lấy tay Tuấn. Tuấn gạt mạnh nàng ra, chàng hét lên:

- Cô không được làm hỏng cơ hội của tôi!

Vội vã, điên dại, chàng trét tiếp những nhát bay cuối cùng.

Đúng tám giờ tối gallery Kinh Dương được cắt băng khánh thành. Tháp sâm banh tuôn trào, những khách mời nâng ly, lót tay bằng những chiếc khăn lụa trắng nõn.

Trước cổng gallery, xe hơi đậu bóng loáng dọc vệ đường. Trong buổi tiếp tân, nữ chủ nhân Tuyết N. tươi tắn và sung mãn, xuất hiện như một bông hoa bằng pha lê rực rỡ dưới ánh đèn chùm muôn màu chiếu sáng. Bên cạnh nàng là một gương mặt mới, một họa sĩ còn trẻ nhưng được lưu ý nhiều nhất vì vẻ hào hoa lãng mạn và cả vì bức tranh đang được trưng bày ở chỗ sáng nhất, quan trọng nhất trong đại sảnh. Đó là bức vẽ về nữ chủ nhân gallery, kết quả của sự chấp nối dị dạng vô hồn, trông giống như một thứ côn trùng đang biến thái dở dang. Mặc dù vậy, nhiều người đã tấm tắc khen ngợi nó, một số nhà phê bình hội họa còn phát hiện ra nơi đây một bút pháp mới đầy sáng tạo, pha trộn giữa hư và thực.

Hai giờ khuya, Tuấn mới về đến nhà. Thứ men quyến rũ của vinh quang lần đầu thấm vào hồn anh, khiến chân anh cứ lâng lâng như đang đi trên mây khói. Ngả lưng một lúc lâu Tuấn mới nhận ra Na không có trong căn hộ, những xống áo của nàng treo trên vách cũng biến mất. Tuấn nhồm dậy, nhìn kỹ lại quanh phòng. Chiếc lược, chiếc bút chì tô môi, chiếc mũ vải gai màu beige của nàng cũng không còn nữa. Tuấn bồn chồn, muốn đi tìm Na nhưng đã quá khuya. Đi lui đi tới một lúc, anh chợt kéo tấm màn trước kia vẫn che bức tranh lớn...

Nơi khoảng trống mà bức tranh để lại, Na đã đặt một cái bàn nhỏ, trên bàn là bức chân dung của anh mà trước đây nàng đã vẽ: một bộ mặt thô thiển, nông cạn và chẳng có tí linh hồn.

Trước bức tranh là một bát nhang mới, trên đó cắm cây nhang đang còn cháy dở. Kể từ hôm đó, người trong phố chẳng ai còn thấy Na ở đâu nữa.

Còn Tuấn thì càng ngày càng nổi tiếng. Sự nghiệp của chàng không phải chỉ ngừng ở gallery Kinh Dương.

Lời hứa

Dù đã thấy nhau trên webcam nhiều lần, song Miên không thể không lúng túng khi lần đầu gặp Bent. Trong webcam anh trông trẻ hơn bên ngoài. Khi đối diện, nhìn những nếp nhăn nhỏ trên trán, Miên đoán chừng anh cũng phải lớn hơn mình đến chục tuổi "Sao anh đến mà không báo, làm em không kịp mua hoa?", "Anh muốn dành cho em một ngạc nhiên bất ngờ. Vậy mà em vẫn biết". Bent cười, ôm chàng lầy Miên... Miên lúng túng bởi thấy mọi người đang quay lại nhìn mình. Đây là sân bay một thành phố nhỏ, rất nhiều người quen... Mà mình có giữ ý thái quá chăng, đây đâu phải một người lạ. Con người này và mình đã hiểu nhau từng li từng tí hơn một năm nay rồi.

Tự nhủ mình thế nên khi taxi đi được ba phần tư con đường từ sân bay vào thành phố thì Miên đã xua được gần hết cảm giác ngại ngùng. Miên nhớ lại lời cô bạn tham mưu: "Tất cả những ai quen nhau trên mạng khi lần đầu gặp gỡ đều cảm thấy một chút thất vọng. Ai vượt qua được cảm giác ban đầu đó thì còn, mà không được, thì coi như tiêu luôn". Liếc nhìn Bent, Miên thấy sau phút nồng hậu ban đầu, giờ anh cũng đang ngồi im, đôi mắt xanh lơ bối rối. Biết đâu chừng

anh ấy cũng đang thất vọng... Bỗng cảm giác thân quen từ hơn ba trăm bức email chọt tràn ngập trong Miên, cô rụt rè đưa tay cầm lấy tay Bent... Anh quay lại, mỉm cười thật hiền, thế là phút lóng ngóng ban đầu đã qua đi.

Xe dừng trước khách sạn, Bent nhìn Miên, ngạc nhiên. Như đã nói trong email, anh tính sẽ ở lại nhà Miên. Trong không gian mạng anh đã đánh thức Miên dậy mỗi buổi sáng, uống cà phê với cô, đưa cô đến sở làm. Buổi tối Miên nấu cơm đợi anh về, anh vừa ăn vừa luôn miệng khen ngon... Ăn xong anh còn làm việc thêm ba tiếng đồng hồ trên máy tính, đêm nào Miên cũng phải nhắc anh đi ngủ sớm.

Vậy mà bây giờ Miên đưa anh đến một khách sạn! Miên lúng túng giải thích: Ở đây không giống trên mạng. Muốn được ở chung một nhà thì còn phải qua nhiều công đoạn lắm.

Khách sạn Hoa Tím nằm bên sông, nhỏ xinh và sạch sẽ, xây dựng đơn giản nhưng đẹp nhờ cảnh thiên nhiên bao quanh. Chọn khách sạn này, Miên đã hỏi thăm thông tin từ nhiều bạn bè trong ngành du lịch. Theo lời các bạn Miên, khách sạn này trông có vẻ giống một nơi ở ẩn, không có tiếng gõ cửa lúc đêm khuya. Trong lúc chờ Bent lên phòng cất hành lý và tắm, Miên đọc lại thực đơn để đặt bữa tối. "Theo em thì chị đừng gọi món vả chua. Sợ người nước ngoài chưa quen bụng với đồ ăn lên men của xứ mình". Cô gái ở khách sạn e dè đề nghị. Miên nghĩ cô ta có lý, nhưng món ăn này cô đã nhiều lần tả với Bent trong những bữa ăn chung trên mạng. Anh vẫn thường hỏi mỗi khi ngồi vào bàn ăn tưởng tượng giữa hai người. Vậy hôm nay cũng nên để anh nếm thử một chút, Miên tự nhủ, mình sẽ cẩn thận bảo anh ăn ít thôi.

Bữa ăn tối tuyệt vời. Một đĩa nhạc Schubert nhẹ nhàng tha thiết. Bàn ăn đặt bên cửa sổ. Xa xa là nhịp cầu lấp lánh đèn soi bóng trên sông. Bent ăn ngon miệng, anh đánh sạch cả đĩa vả chua. Đúng là bên ngoài trông anh hơi thô, bụng đã hơi mập, không lung linh như trong trí tưởng tượng của Miên. Nhưng cái quan trọng là mình phải biết mình muốn gì!

Ba mươi sáu tuổi, Miên không còn trẻ. Cuộc hôn nhân đầu đời đổ vỡ làm cô trở thành làm li khép kín hơn mười năm. Hơn mười năm sau khi chia tay Tuấn, Miên không quen thân được với một người đàn ông nào, chỉ vì luôn bị ám ảnh: họ lại sắp nói dối, sắp nói dối...

Sau này, khi công tác ở bộ phận đối ngoại có lần Miên nghe một khách nước ngoài than vãn: "Ở đây thật lạ, đôi khi chỉ một chuyện đơn giản, lý do đi trễ chẳng hạn người ta cũng không chịu nói thật". Ấn tượng về Tuấn bỗng quay lại, Miên bắt giác lạnh người. Mười năm trước, điện thoại di động chưa phổ biến như bây giờ. Lần nào cô đi công tác, Tuấn cũng gọi điện cho cô mỗi đêm. "Anh đang ở đâu?". "Ở nhà, xem tivi, nhớ em lắm!". Miên xuyết xoa khuyên chồng đi ngủ sớm... Một hôm tình cờ nghe lọt vào trong điện thoại một âm thanh lạ, cô tò mò kiểm tra tổng đài, phát hiện ra số điện từ đó Tuấn gọi là số điện của một hộp đêm... Lúc đó, cô lạnh da gà, mỗi chân lông đều sồn ọc.

Từ đó Miên thận trọng, thận trọng thái quá đến nỗi chẳng tìm được cho mình một người đàn ông nào khác. "Muốn có tình yêu thì phải mở lòng ra chút" - Bạn gái khuyên. Họ giới thiệu Bent. "Anh ấy là người tốt. Những người Việt qua bên đó công tác đều được Bent giúp đỡ. Thật thà như đêm và dễ tính vô cùng". Mấy dòng lý lịch trích ngang đó làm Miên tạm yên tâm. Khoảng cách xa làm Miên không bị ám ảnh bởi nỗi sợ đàn ông, rồi sự cô đơn làm cho trò chơi lừa dối trên mạng dần dần trở nên một nửa cuộc sống.

Bây giờ Bent ngồi đây. Miên bắt đầu thôi không nhìn thấy cái bụng đã hơi mập, mái tóc bắt đầu thưa và những nếp nhăn nhỏ trên trán. Bây giờ cô thấy ánh mắt anh cười mở, miệng cười thân thiện, những câu nói đùa hóm hỉnh thật dễ thương, đúng là hình ảnh đã thấy qua những bức thư. Những bức thư luôn kết thúc bằng dòng chữ ấm áp: "Lots of love from Bent" rồi "Lots of kisses from Bent" - rất nhiều tình yêu và cái hôn từ Bent.

"Anh muốn đến thăm nhà em, nơi anh đã đến nhiều lần lắm rồi". Bent bảo. Miên do dự. Bây giờ trời đã tối. Hàng xóm sẽ nghĩ sao khi thấy cô đột ngột xuất hiện với một ông Tây cao lêu đêu.

"Để mai đi anh", Miên hẹn. Miên đưa Bent đến một quán cà phê nhạc để anh có thể nghe Beethoven và uống một ly Brandy như anh vẫn thường miêu tả về những buổi tối một mình.

Một nghệ sĩ vĩ cầm đang chơi nhạc cạnh cái lò sưởi cũ hắt lên một thứ ánh sáng ấm áp. Khi nghe hết bài Sonate moonlight, Bent đặt tay lên vai Miên, rồi cánh tay anh quàng quanh vai cô. Họ chưa dám nói gì về tương lai, bởi cả hai đều cảm thấy trước hết phải làm sao cho những gì trong không gian mạng bước ra ngoài cuộc đời. Họ tiếp tục câu chuyện thường nói: những món ăn, thời tiết, những bộ phim rồi những dự tính cho tương lai, những kỷ niệm trong quãng đời quá khứ...

Miên bất giác bật ra một câu từ đâu đó sâu trong tâm tưởng: "Em chỉ mong lúc nào anh cũng nói thật với em về mọi chuyện". Bent mỉm cười: "Tất nhiên. Nói dối là một tội trọng, anh sẽ không bao giờ hạ mình làm chuyện đó".

Một tuần sau Bent đi. Miên hỏi cảm tưởng, Bent cười: "More than I can dream" - Còn hơn những gì anh có thể mơ. Anh ôm Miên thật chặt khi chia tay, lần này Miên không còn thấy ngưng ngưng nữa. "Anh sẽ quay lại chứ?". "Tất nhiên" Anh cúi xuống hôn từ biệt. Miên vòng hai tay quanh người anh siết chặt, cái bụng hơi cộm cộm của anh chạm vào dưới ngực, một cảm giác ngộ nghĩnh và thân thương. Bent chỉ vắng có hai hôm đi đường, sau đó lại trở về ngay với Miên... trên mạng. Những bức thư lại tiếp tục. Bây giờ hơi khác đi, những bức thư kết thúc bằng "Warmest hugs from Bent" - Bent ôm hôn thấm thiết. Sao thế, Miên cười thầm, bây giờ anh đã nhiễm ngôn ngữ chính trị rồi chắc?

Bốn tháng sau, đột nhiên Bent gửi mail hỏi Miên về giá đất, giá nhà. "Anh định sống ở đây sao?", "Tại sao không? Đi đi về về giữa hai châu lục, đó là cuộc sống mà ở đây nhiều người mơ ước". Một tháng trời, Miên đi hỏi rồi mail cho Bent cả một danh sách giá cả đủ loại đất từ mặt tiền đường phố đến đất rẻo ở ven sông.

Bent thì miệt mài làm việc. Bây giờ anh làm việc đến mười ba giờ một ngày, nhiều đêm ngủ gật bên máy tính. Kể với Miên, Miên xót cả ruột. Miên chẳng biết làm gì để giúp anh ngoài những lời chăm sóc. Nhớ ăn nhiều trái cây, ăn nhiều cá, nhớ cẩn thận khi lái xe trên đường. Thư của anh thưa hơn trước. Hai hôm một bức, rồi ba bốn hôm. Chỉ vì muốn có một chỗ ở đẹp mà anh phải hy sinh nhiều thế... Mỗi lần mở hộp thư không thấy Bent, Miên buồn hẫng cả người. "Bent, không cần phải vất vả thế, mình có thể ở trong căn nhà nhỏ của em mà!". Nhưng Bent bảo: "My dear do not be sad, we have to see what the future has in mind for us" - Đừng buồn em ạ, hãy chờ xem tương lai... Vậy là Miên lại thấy tin tưởng, lại vui...

Rồi tháng chín đến, mùa du lịch bắt đầu và bỗng nhiên tên nickname của Bent tắt hẳn trên mạng. Trước đó Bent đã nói với Miên dự định tháng chín này về Huế. Hay là anh đã lên đường? Nhưng sao anh không nói gì với Miên? Anh muốn dành một ngạc nhiên bất ngờ? Lòng Miên từng bừng vui, cô lau dọn căn nhà nhỏ, mua thức ăn chất đầy tủ lạnh rồi dạo phố sắm cho mình vài bộ cánh mới. Lần này không phải quá e dè nữa, có thể để Bent về đây ăn cơm với mình, anh có vẻ thích hợp với cơm Á Đông, món và chua anh còn xơi được cả đĩa nữa là.

Chuông điện thoại reo. Miên cầm máy, chắc chắn là Bent, ai có thể gọi vào giờ khuya khoắt như thế này.

"Cám ơn chị...", đó là tiếng bà chủ miếng đất - một trong những miếng đất mà Miên đã đi hỏi cách đây mấy tháng. "Tôi đã bán được miếng đất nặng vĩa cho ông Tây đó rồi, muốn gặp chị để gửi chút hoa hồng...".

Sao có thể như vậy được? Vậy là Bent đã về, nhưng đang ở đâu?

Miên gọi điện đến khách sạn Hoa Tím. Liên tục nghe trả lời: "Ông Bent Johnson có ở đây, nhưng ông ấy đi chưa về". Một cuộc taxi đến khách sạn, Miên được cô gái ở quầy tiếp tân mời ngồi chờ. Một tiếng, hai tiếng. Đây là lần đầu Miên ngồi đây vào buổi tối. Trông vẻ căng thẳng của Miên, cô gái làm ở khách sạn đến ngồi cạnh cô, bắt chuyện.

Miên nhìn kỹ cô gái: Đây chính là cô gái lần trước đã góp ý về món và chua... Hôm ấy thu mình trong chiếc áo dày cộm trông cô có vẻ chất phác, nhưng giờ này với chiếc áo hai dây mềm mại

trông cô thật sexy với khuôn mặt tuổi hai mươi và khoe môi đầy nhục cảm. Nghe Miên bảo là cùng làm việc với Bent, cô tâm sự:

"Chị làm việc được với Bent thật giỏi... Chưa thấy ai kỹ tính như anh ấy. Khiếp, mua có miếng đất nhỏ tẹo mà cũng hỏi lui hỏi tới giá cả, thuê phiên dịch đọc giấy tờ, lại còn bảo đã tham khảo nhiều nguồn tin... Em bực mình, dọa bỏ luôn, ảnh mới chịu dứt khoát ký giấy".

Mười ngày sau Bent làm đám cưới với cô dâu nhỏ hơn chú rể hơn ba mươi tuổi. Miên cũng nhận được thiệp mời. Dù vẫn còn khản giọng, sưng mắt, trán còn chưa hết mùi dầu gió, Miên cũng mặc chiếc áo đầm mới mua đi dự tiệc. Dù sao đi nữa, cũng đến để chúc mừng Bent quả thực đã được "nhiều hơn mơ ước", bởi dù sao, anh đã giữ lời, anh không hề nói dối khi bảo Miên: "Hãy chờ xem tương lai...".
của bà chỉ còn lại hư không.

Tháng tư trở lại

Xe ôm vừa về đến cổng làng bà Hải đã cảm giác thấy linh tính của mình không sai. Nhất định có điều gì đó không bình thường đã xảy ra.

Sáu năm qua, viện cố này, cố nọ, bà chưa về quê chồng. đã đành xa cách lâu lắm rồi, nhưng người quen trong làng đâu đã quên mặt bà. Hồi mới giải phóng, bà về thăm quê, đã từng lội xuống đồng cấy gặt với bà con trong họ. Vậy mà bây giờ, gặp lại, sao trong mắt ai cũng ẩn chứa một điều gì đó, nửa như lung túng, nửa như âu lo, lại có khi thương cảm. Chuyện gì đây? Bước chân qua cánh cổng rào râm bụi, bà Hải vừa bước vào sân, đã thấy bà mẹ chồng lò dò chống gậy ra hiên. Bà cụ nhướn cặp mắt lên nhìn một lát, mới nhận ra con dâu đang lững lững tiến vào. Bà cụ khựng lại, run run, mãi sau mới nói, nghẹn ngào như tiếng nấc: "Con ơi! Con lặn lội vô được rặng con?"

Như thế nghĩa là thế nào? Bà Hải ngỡ ngàng thấy bà cụ tám mươi lập cập đỡ nón, đỡ túi cho mình, lập cập dắt bà vào nhà, về chăm chút, nể nang như thể chính bà mới là mẹ chồng, chứ không phải là con dâu. "Mẹ để mặc con". Bà nói, chưa hết bản khoán thì bà cụ đã méo máo ngồi xếp xuống bộ ván, cúi đầu thiếu ão. "Mạ có lỗi với con trăm phần, con thương chồng thì con bỏ qua cho mạ". Ô hay, bà cụ có lỗi gì? Mấy đứa cháu gọi bà bằng thím, bằng mợ, lảng xảng, đứa rót nước, đứa bao nhau đi gọi ông Hải. ông đi đâu? Mới vừa về quê hôm qua, nay chắc ông còn bận đi thăm chòm xóm. Kìa, ông đã về đến cổng, nước da ngăm ngăm khoẻ mạnh nhưng mái tóc đã bạc nhiều. Chẳng hiểu sao, mắt ông lại đầy vẻ lo âu, và khi nhìn thấy bà, ánh mắt ông chợt sụp xuống, không giống gì với vẻ trầm tư quen thuộc. Lòng đầy hoang mang nhưng bà Hải cũng mở lời nói trước:

-Hôm kia tiền mình lên tàu xong, lòng tôi cứ nôn nao, vậy là tôi bảo thằng Việt: việc gì thì việc, cũng lên lấy ngay cho mẹ một cái vé đi Quảng Trị gấp.

Giọng bà trầm đăm, chững chạc, như thói quen luôn bình tĩnh trước mọi việc. Về tình tảo ấy càng làm ông Hải bán loạn, ông nghĩ đấy là chiến thuật thường ngày của bà và chưa chi ông đã nghĩ ngay đến việc bỏ vũ khí xuống đầu hàng vô điều kiện. Ông nói lúng búng: -Thì ra mình đã biết. Mình tha tội cho tôi, chỉ vì tôi sợ mình...không sao chịu nổi sự thật.

Chợt ông òa khóc. Một người đàn ông ngoài sáu mươi tuổi mà khóc như thế, thật đủ hiểu là ông Hải đã lâm vào cảnh nan giải, bế tắc đến mức nào. Bao nhiêu năm sống với chồng, bà hiểu rõ tính ông. Cái cơ quan mà hơn mười năm ông làm thủ trưởng, thực ra là do bà chỉ đạo. Bởi nhất cử nhất động ông đều hỏi ý kiến bà. Ông quá tình cảm, quá tốt bụng, quá được mọi người yêu mến nên luôn cần bà tiếp xúc cho một chút cương nghị cần thiết. Bây giờ ông đã làm gì mà phải tạ lỗi với bà? Một điều gì không có ý kiến của bà? Khỉ thật, sao mặt ông cứ đỏ rừ, thiếu ão chẳng khác gì thằng con trai bà thừa bé, mỗi bận ăn vụng bị bắt quả tang.

Bà mẹ chồng đến bên bà, run rẩy: "Mạ biết, đây là lỗi của mạ không ngăn ngừa mà ra. Nhưng

mà cũng không ngờ. Đến khi vỡ lở ra thì gạo đã thành cơm. Nay nó đã có mang đến năm tháng. Con nghĩ tình mẹ mà cầm lòng, tha thứ cho chồng con”.

Bà Hả tưởng như sét nổ ngay trước mặt. Cái gì? Ai có mang? Ai tha thứ? Trời đất ơi! Bà ngã ngồi xuống bộ ván, trời đất tối sầm. Cả nhà xúm lại bên bà, lay gọi, xoa dầu gió. Không, bà chỉ lịm đi chứ không bất tỉnh. Giá bất tỉnh được thì đỡ bao nhiêu. Đàng này bà vẫn tỉnh. Tỉnh để mà đau đớn. Mà chết đứng, lặng câm. Bên tai bà là tiếng khóc của ông chồng. Chỉ là khóc thối sao! Cứ làm vậy, làm đổ vỡ hết rồi khóc như trẻ con là xong thối sao? Nghĩ vậy bà uất lên tận cổ, chọt vô tình gào lên một tiếng: ‘Khốn nạn, ông không biết xấu hổ sao?’

*

Suốt đêm bà Hả không ngủ được, lắng nghe tâm tư mình bà thấy hình như không phải nỗi đau đớn, mà là nỗi căm hận và kinh ngạc. Căm hận vì cái việc làm phản phúc, như nhục của ông chồng “già đời chưa chịu trót thế”. Thời ông còn trẻ, bà đã bỏ bao nhiêu tâm cơ theo sát đỡ đàn ông từng bước, vì biết rõ trál tim mềm yếu dễ dàng rung động của ông không đủ sức chống lại những mưu ma chước quỷ của những mối nguy hiểm giăng giăng quanh ông: Những người đàn bà góa bụa trong chiến tranh, những góa phụ no cơm rửng mỡ, những cô nhân viên trẻ mong được dựa dẫm vào tình cảm của thủ trưởng mà đi lên. Bà biết, trước bọn họ, ông chồng bà, một người đàn ông thành đạt, thông minh, nhân hậu, quả là một con mồi hấp dẫn sẵn sàng sa bẫy. Nhưng bên cạnh ông đã có bà! Từ miếng ăn ngon, từ những kỷ niệm lễ cưới, từ những nguyên tắc thiêng liêng bà dựng lên trong cuộc sống chung, tất cả đã giữ ông luôn ở lại trong vòng tay bà. Năm bốn mươi tuổi, ôn lại cuộc đời làm vợ, bà cười: “Giữ chân một người đàn ông, cần nhiều thứ lắm: món ăn ngon, phòng ngủ ấm cúng, những thói quen, rồi con cái, đạo đức... vân vân và vân vân”. Nụ cười bà mãn nguyện, y như vẻ mãn nguyện của một sinh viên đã hoàn tất chương trình học và đã nắm được tấm bằng chứng nhận trong tay.

Thế mà bây giờ, giữa lúc bà tưởng cuộc sống đã viên mãn, thì đùng một cái! Bà ngạc nhiên. Đã nhiều năm qua, bà cứ xem ông là một ông già thực sự. Mái tóc rụng đi nhiều và lấm chám muối tiêu. Từ lúc về hưu, lại bắt đầu quên trước quên sau và lảm cẩm. Bà không còn lo cô bạn gái này, cô thư ký kia có thể tranh thủ lảng tránh với ông chồng mình, nên nhiều khi cũng quên khuấy đi những hàng rào phòng thủ kiên cố đã xây dựng trong suốt mấy mươi năm. Những năm về hưu ông ít nói hẳn đi, đôi khi thəm lặng như cái bóng. Mỗi dịp tết ông lại thu xếp về thăm mẹ. Bà cụ năm nay đã yếu lắm rồi. Bỗng vừa qua, giữa tháng ba, ông rụt rè nói với bà, ông cần vào thăm quê, thu xếp công việc họ hàng gì đấy. Bà không phản đối, nhưng ông đi rồi, bỗng có gì trong bà thức dậy. Cái nhạy cảm cảnh giác phụ nữ từ lâu ngủ quên trong chiến thắng, bây giờ chọt như còi báo động hú lên giữa ban ngày. Bà nhớ lại thái độ khang khác của ông, đôi mắt nhìn xuống của ông, vẻ săn sóc khác thường của ông đối với bà trước khi ra đi. Đó là dáng vẻ của một người có lỗi.

Bây giờ bà nằm một mình trong căn chái rộng. Những phút chết đứng ban đầu đã qua. Theo thói quen bà nghĩ ngay “Làm gì trong hoàn cảnh này?”

Mẹ chồng bà vào, sờ soạng cánh tay bà, rụt rè thông báo:

–“Nó” muốn qua chào con. Con cho phép nó mới dám vô.

“Nó” à! Qua những lời nhỏ to của mẹ chồng, bà đã biết. Đó là chị Bưởi ở cách nhà bà cụ hai ba ngõ gì đó. Người đàn bà đang vào tuổi bốn mươi, người gầy gầy, dáng phờ phạc, có đôi mắt to và rất buồn, trước đây có lần bà đã thấy. Sáu năm rồi, bây giờ chị ta ra sao, có lẽ chỉ có héo hon đi thêm một ít vì lao động vất vả. Rồi khốn nạn, thế mà ông lão nhà bà cũng ...bà ngọt nhạt trả lời bà cụ:

–Mẹ ơi, con với người ta không quen không thuộc, chẳng biết gọi nhau bằng gì, chào hỏi làm sao đây. Mẹ bảo cô ấy đi về là hơn.

Bà cụ ra rồi, ông Hả len lén bước vào bên vợ. Mắt ông đỏ thiếu não. Ông kéo ghế ngồi bên bà.

–Mình ơi, tôi ngàn lần có tội. Mình tha thứ cho tôi. Suốt đời, lúc nào mình cũng nâng đỡ tôi.

Còn tôi thì...-Giọng ông nghẹn lại.

Bà Hả thấy cơn giận hạ xuống, và thấy ấm lòng. Ông vẫn sợ, vẫn nể bà, nay bà đã lớn tuổi, nhan sắc không còn, đã đành là thế. Cứ tưởng từ nay chỉ có cúng kỵ, khám sức khoẻ và những

buổi họp hội của hai người cao tuổi. Hoá ra nơi ông lão nhà bà cái chứng đa cảm vẫn còn mà cả cái thói sợ vợ cũng vẫn còn! Bà ghen giọng:

-Sao đến giờ ông mới nhớ làm khổ tôi? Còn cái lúc ông sa ngã, sao ông không nhớ? đã đành tôi khổ- Bà nấc lên- Nhưng còn tình nghĩa mấy mươi năm, còn danh dự gia đình, còn bao nhiêu điều thiêng liêng, ông nở một phút hất xuống sông? Mặt mũi nào ông nhìn con, nhìn dâu, nhìn rể?

Ông Hải cúi gằm. Quả thực, mặt mũi nào nhìn các con nữa. Chúng nó sẽ cười vào mũi cái ông bố trai lơ, đại gál vào tuổi đã làm ông nội. Nhưng sao lại ma đưa lối, quỷ dẫn đường thế này? Ông nhớ lại những ân gặp Bưởi. Ban đầu không ai ngờ. Gần mười năm rồi, từ ngày chị ông bị ung thư vú mà mất, anh rể ông đi lấy vợ, mẹ ông vẫn thui thủi một mình với mấy đứa cháu ngoại còn dại. Mà Bưởi thì một mình, cảm cảnh bà cụ, hay chạy qua chạy lại. Lúc củ sắn, lúc miếng trâu, thành người thân trong nhà. Mỗi lần dịp tết về thăm, ông Hải qua biếu Bưởi ít quà, gọi là cảm ơn cô có lòng thương mẹ ông già yếu. Chưa bao giờ ông liếc mắt nhìn xem người đàn bà lơ làng đó nhan sắc như thế nào, tuổi tác bao nhiêu. Chỉ biết trước đó cô ta đã có chồng, người chồng đi lái xe cho một công ty gỗ trên thị xã, bị cây đè chết đã chín mươi năm nay. Trong làng đồn rằng cô có số sát phu. ước vào tuổi bốn mươi cô gầy mòn, héo hắt vì nổi vất vả, cô đơn và mặc cảm. Hôm ấy, cuối năm, bất chợt cô đau nặng. Bà cụ giục ông sang xem. "Cứu nó, con ạ, nó chỉ có một thân một mình". Là bác sĩ, ông Hải xem qua, biết ngay không có bệnh gì. Bệnh của cô là bệnh Hysterie, một chứng chỉ riêng đàn bà mới có, nó là chứng bệnh của tâm tư chứ không phải của cơ thể. Ông cho cô uống một thứ thuốc bổ, giả như thuốc chữa bệnh, dặn cô nằm nghỉ rồi định ra về... Nhưng sao ông không đành lòng. Lâu nay, ông vẫn xem cô như cô em chất phác quê mùa. Hình ảnh cô em gál gầy gò, héo hon nằm tro trọi làm ông bất nhẫn. Chiều cuối năm, gia đình ai cũng sum họp. Còn người đàn bà này, một chút niềm an ủi cũng không. Sao ông trời bất công, nếu ông đã sinh ra tất cả loài người, lại cho người này quá nhiều, người kia lại quá ít?

Tóc đã chuẩn bị bạc mà ông Hải còn chưa hết ngây thơ, chưa hề biết cảnh giác với cái bẫy mà tạo hoá lúc nào cũng giăng sẵn để bẫy những người đàn ông tốt bụng, thương người và đa cảm.

Bây giờ nhớ lại, ông nhăn nhó mặt mày, vò đầu, bứt tóc. Lúc đó ông có vì khoá lạc không? Hình như là không! mà nếu có, thì cũng rất thoáng qua, khác xa với những ngày bưng bưng thòi trai trẻ. Ông chỉ thấy thương cảm và tủi lòng, tất cả những tình cảm ấy chợt bột phát và ông không kiềm chế được nữa.

Bây giờ như một phạm nhân tự khai, ông ấp a ấp úng diễn tả tâm trạng lúc ấy với vợ. Bà Hải đilen người.

-Cứ mỗi lúc thương người là lao vàoongủ với họ được hay sao? Nếu thế thì cả đời ông hủ hoá đến vạt vụn chuyén. Vừa hờ tay tôi ra, là đã chẳng ra cái gì.

Ông Hải ngồi im. "Bây giờ ông tính sao?" "Mình bảo sao, tôi nghe vậy. Tôi lơ. Chỉ xin mình giấu đừng cho các con biết". "Còn cái bầu tâm sự của con Bưởi?" ông Hải nhăn mặt như uống một liều thuốc đắng nghét.

-Mình tha thứ cho tôi, tôi sẽ không quay lại cái làng này ác. Tôi sẽ đem mẹ ra Hà Nội. Được tin cô ấy có mang, ban đầu tôi cũng không dám nghĩ chuyện vào thăm, nhưng nghĩ lại... không đành bụng nên tôi đành liều lén mình, định về quê đem cho cô ấy ít tiền bạc và giải quyết dứt điểm. Không ngờ...

À ra thế. Nói dễ nghe nhỉ. Xưa nay bà Hải vẫn nhiều lần tắc lưỡi chán ngán cho cái tính xà quần của ông chồng. Đàn ông, họ làm những việc lớn lao thì tài, chứ cuộc sống riêng của họ thì cứ như một cái túi thủng hai đầu, túm đầu này thì hở đầu nọ. Bảo rằng thương người, lén lút vợ làm điều nhăng nhít. Bây giờ lại nói hối lỗi, đòi rú áo như thằng Sở Khanh. Rõ thật già đầu chơl trống bỏi! Hay là ông định nói chiều lòng tôi, để phỉnh tôi. Đừng có hòng!

"Ngày mai, tôi sẽ giải quyết chuyện này. Ông họp cho tôi hội đồng gia tộc!" "Chết chửa, gì mà nghiêm trọng thế mình?" ông giật nảy người,. Nhưng bà Hải đã ngồi thẳng dậy, nghiêm nét mặt:

-Lại còn nghiêm trọng à? Hay tôi phải chết đi, mới là nghiêm trọng với anh?

*

Nói là Hội đồng gia tộc, thực chất chỉ là một ông chú, một ông bác và một ông anh họ xa đại diện cho ngành trưởng. Họ nhà ông Hải phát đạt dần dà ra thành thị làm ăn cả. Cả hai ông chú bác đều đã già, đã sống qua cái thời “Trai năm thê bảy thiếp” Nên xem chuyện này chẳng có cho là to lớn, nhưng cũng biết lờ mờ là thời bây giờ một vợ một chồng, đàn ông khổ hơn trước. Cả hai ông đều rất nể đứa cháu dâu cán bộ nhà nước vừa đức hạnh vừa đảm lược, lúc nào cũng đối xử với họ hàng đau ra đấy, nên nghe lời mời là đi ngay. Ông anh họ trước là sĩ quan, nay phục viên về làng. Mang tâm trạng bất đắc chí nên ông chẳng thiết một thứ gì trên đời trừ rượu. Họp gia tộc, tức là có một bữa rượu kha khá, nhất là hôm nay bà em dâu đảm đang hơn năm sáu năm mới về làng. Ba khuôn mặt hai già một trẻ, đều bộc lộ một vẻ tỉnh táo dửng dưng, pha chút thoả mãn: từ lâu rồi mới có một dịp để họ thấy mình quan trọng, có dịp phát biểu, có dịp quyết định cuộc đời của người khác. Trước lúc đến đây họ đã ghé chân nơi quán rượu bên đình làng, làm sơ sài ba chén và bàn qua loa những gì sắp phải quyết. Ông bác vừa khà khà vừa cười móm mém:

-Cứ như ý tôi thì chuyện này mà hoá hay. Con Bưởi có con đẻ bồng, bà cụ có dâu gần chăm nom. Anh Hải ở Hà Nội, lâu lâu đi về cũng là thêm của thêm con. Đời xưa, có phúc mới được vậy...

Ông chú rụt rè:

-Sợ chị ấy không chịu .

-Không chịu cái gì? Gần sáu chục tuổi đầu , không lẽ lại còn ghen với tuông?

Ông sĩ quan phục viên cười nửa miệng: -Tuổi nào đàn bà cũng là đàn bà...nhất là đàn bà thời bình đẳng ngày nay.

-Mỗi người một ý, rứa thì chút nữa quyết định ra sao đây?

mãi tới khi an vị trong căn nhà ba gian, ba người vẫn chưa nhất trí với nhau một cách giải quyết nào tốt đẹp. Nhưng cả ba đã làm. Bà Hải không mời họ đến để lo giúp việc của bà. Bà mời họ đến là để chứng kiến . Cho nên bà cứ để cho họ phát biểu đủ thứ ý kiến , cãi nhau, mâu thuẫn nhau, dạy khôn nhau chán. bà chỉ ngồi vòng tay nghiêm túc quan sát những người xung quanh. Bà mẹ chồng dần dần nước mắt. Ông chồng như đang muốn chui xuống đất cho xong . Cho chết? Ai bảo gốc gác ở cái tuổi đầu đã bạc. Rồi còn cái người bà không muốn nhìn, nhưng vẫn nhìn chòng chọc, cái người đàn bà nhà quê mà nếu hiện ra ở Hà nội, còn lâu ông chồng bà mới thèm liếc mắt nhìn. Cái bụng đã hơi đùm đùm như đâm vào mắt bà, bà xót xa quay đi, cố giữ vẻ bình thản nghiêm nghị...

-Thưa hội đồng gia tộc. Tôi về làm dâu nhà họ Phan tuy vì hoàn cảnh công tác xa xôi, nhưng lòng tôi lúc nào cũng hướng về dòng họ quê hương. Từ trước đến nay, được cô bác thương, tôi chưa có gì sơ suất trong bổn phận làm dâu làm vợ- bà vừa nói vừa liếc nhìn chồng, và bỗng há hê khi thấy ông cúi gằm mặt khổ sở- nay hoàn cảnh xảy ra không ai ngờ đến, chồng tôi đã có chuyện riêng tư riêng, không còn thương yêu vợ con nữa"-Bà lại liếc sang nhìn ông, và lại há hê thấy vẻ mặt hốt hoảng như muốn cãi chính mà không sao thốt nên lời- giữa khúc quanh cuộc đời này, tôi biết làm sao đây cho trọn đời đường...

Ông bác chùng nóng nảy chờ đợi được phát biểu lâu quá, sốt ruột cắt lời:

-Chị Hải ơi, tội tôi hiểu nỗi khổ tâm của chị lắm.Nhưng sự đã rồi. Tiếc rằng làng nước chúng tôi đây không biết chữ mà biết thì nhất định khuyên can anh, không để xảy ra sự thể này. Chứ biết làm chi hơn, thôi thì gia tộc chúng tôi sẽ quở phạt anh nặng nề, còn chị thì cũng xin nguôi lòng mà tha thứ cho anh đi..

Bà Hải lắc đầu:

-Thưa bác, con cũng biết bác thương con mà mong cho con vợ chồng được vuông tròn. Nhưng còn người đàn bà kia, đứa bé sắp sinh ra kia, lẽ nào con bỏ mặc họ? Mà tình cảm vợ chồng làm sao chia xẻ? Mình phải biết tôn trọng người phụ nữ, phải biết bảo vệ quy chế một vợ một chồng . Thôi thì..con đành phải chấp nhận hy sinh!

Nói đến đó bà nấc lên, làm ông Hải đứng bật dậy, muốn chạy tới đỡ vợ. Nhưng bà trấn tĩnh ngay, nghiêm nghị xua tay khiến ông chỉ dám ngồi xuống, im thin thít. ở một góc nhà, chị Bưởi

cúi mặt, khóc thút thít từ đầu buổi đến cuối buổi.

-Không thể nào không hy sinh! Vợ chồng đến tuổi này, còn dắt nhau ra toà ly dị chẳng bỏ cho người ta cười. Nhưng từ nay, xem như á ân đoạn tuyệt. Con xin đi, để cho anh Hải được tự do lo lắng cho vợ nhỏ, con riêng. Phần con xin đi, con lạy từ tạ mẹ, từ nay cô Bưởi hãy thay con săn sóc mẹ- Bà quay về phía ông Hải- Nay tôi đã già, cam phận sống cô độc. Xin cho ông chọn một bên thôi. Đừng ra tìm mẹ con tôi làm gì nữa. Xin vĩnh biệt!

Bà nói rồi chấp tay cúi chào từ mẹ chồng đến từng người trong họ. Bà cụ khóc ngất, chạy ra ôm lấy con dâu. Ông Hải méo máo: “Minh ơi, mình nói thực sao? Mình bỏ tôi sao mình?” lẳng lẳng không nói một lời, bà gỡ tay mọi người, vào phòng xách túi, đi thẳng ra đầu ngõ. Một chiếc xe đã chờ sẵn, bon bon đưa bà đi...Chuyến đi không trở lại.

Về Hà Hội, việc đầu tiên của bà là tường thuật lại tất cả cho hai con nghe. Cô con gái út khóc ngất: “Vô lý, vô lý quá, con không thể ngờ ba của con...” . Cậu cả tên Việt trầm tĩnh hơn, chỉ ngồi lặng gục đầu:”Mẹ có nôn nóng quá khi giải quyết như vậy không? “Thì con bảo mẹ còn cách nào ? Để cho con Bưởi đem đứa nhỏ ra đây để bôi gio trát trấu vào mặt các ông bà sui gia của nhà ta sao? Để tá lạng cái cảnh đa thê khốn nạn như thời xưa thời xưa sao? Còn cách gì hơn là mẹ đành chịu phần thua thiệt ?”

Cô út Nga đang nằm vùi mặt trong chăn vụt ngừng lên, đôi mắt đỏ hoe: “Gặp em, em cũng làm như mẹ. Người đã phản bội , còn gặp lại làm chi? “. Cậu cả Việt vẫn ngồi trầm ngâm rồi lát sau cậu hỏi, như muốn chấm hết câu chuyện : -

-Thế bây giờ trong đó, ba lấy gì mà sống?

Bà Hải cười khẩy buông thõng : “Đã có lương hưu! Chuyển lương hưu vào cho ông ấy!”

*

Từ ấy không có ông Hải trong toà nhà của ông tại Hà Nội. Cả nhà, không ai nhắc đến ông. Một nỗi đau, nỗi hận vẫn âm thầm len lỏi trong tâm tư từng người. Nhưng ai cũng lặng lẽ, hình như nói đến ông gần nói đến một nỗi bất hạnh lớn. Ngày ngày cô Nga vẫn đưa con đến gửi mẹ để đi làm. Thành bé bi bô hỏi ông, bà Hải chỉ bảo: “ông vào thăm cố, cố ốm nặng”. Vợ chồng Việt thì đi làm cả ngày, tối đến lại đi học thêm. Đến chiều, khi đứa cháu ngoại đã theo mẹ về nhà, bà Hải thui thủi một mình vào ra, thấy căn nhà sao mà giá lạnh và hoang vắng. Vợ Việt về thấy mẹ chồng ngồi co ro, vội vã cầm máy sưởi. “Chết rồi! Mẹ cứ sợ tốn điện làm gì. Sức khoẻ là vàng đó mẹ”. Hà Nội mùa đông lạnh căm. Một hôm cô Nga quấn khăn quàng lông cho thằng bé để chuẩn bị về nhà, bất giác buột miệng : “Mình ở đây nhà kín, khăn áo thế này mà còn rét, không biết bố ở trong ấy...” Như thể lỡ lời, cô vụt nín bặt, vội vã bế con đi...

Với bà Hải, mùa đông năm nay lạnh hơn hẳn mọi năm. Tuổi trẻ mà cô đơn còn dễ chịu, thiếu chi niềm vui thoải mái. Tuổi già cô đơn mới thật là hiu hắt. Tối tối, trong căn nhà vắng lặng, bỗng bà nghe vang lên tiếng ông Hải kêu khi bà bước chân đi ;”Mình nở bỏ tôi sao mình ơi. Mình muốn xem tôi như người đã chết ư? “ Chút thương tâm ngậm ngùi vừa dấy lên, thì lòng hận đã như nước sôi dội xuống. Cho chết! Ngồi nhà nhàn nhã ấm cúng không ưa, thì cho thoải sức mà giặt khăn giặt tã, mà cúi xuống đi cày, mà ngất ngư với cái cảnh cha già con mọn. Khi nào thờ không nổi chạy về đây hăng hay!” . Mắt bà đang hần lên những ý tưởng uất hận, chợt mở to, ngạc nhiên khi tình cờ nhìn thấy mảnh giấy nhỏ trên bàn: phiếu báo phát gửi cho ông Nguyễn Xuân Việt về số tiền gửi cho ông Nguyễn Xuân Hải ...đã đến tay người nhận ngày... Thế này thì quá thực! Té ra thằng Việt vẫn lén bà gửi tiền , cung cấp ô xy cho cái ông bố phản bội của nó! Nó chẳng hiểu ý định sâu sắc của bà. “Việt, con có coi lời mẹ ra gì nữa không? Con có nhớ là giữa chúng ta với ông ấy tình nghĩa đã đoạn tuyệt rồi không? Vợ con mà biết con làm thế này, nó sẽ nghĩ sao? Nó sẽ nghĩ: thế là bố con cùng một giuộc...”

Việt im lặng, đi lui đi tới một lát rồi chợt dừng lại:

-Thôi con xin mẹ. Đến bao giờ mới bỏ được cái thói quen làm bà tướng, lúc nào cũng bảl bình bố trận? Con gửi tiền cho bố là để làm gì mẹ biết không, là để cho bố có tiền trở về. Con biết tổng là mẹ đời nào muốn đoạn tuyệt .Mẹ chỉ muốn trừng phạt bố, đày bố ở lại một cái làng xa xôi thiếu thốn, để cho bố dờ sống dờ chết rồi mới tha. Thôi mẹ ơi, hơn một năm qua đủ lắm rồi! đến bao giờ mẹ mới thôi xem bố là một hình nhân trong tay mẹ?

Bà Hải lặng người. Bà nhận ra không thể điều khiển thẳng con mình như trước đây bà đã điều khiển bố nó.

*

Tháng ba, trời ấm. Việt bảo bà Hải: “mẹ vẫn thường bảo vợ con, đàn ông là giống không bao giờ chịu thua. Vì vậy đừng nên cương với họ, chỉ tổ thiệt”. Bà Hải im lặng: thật ra lời bà dạy con đâu còn có thêm câu này nữa: “Mình phải đối xử với họ với một bàn tay mềm như nhung, nhưng thực ra là nhung bọc sắt”.

Vì vậy, sự tự do mà bà rút lại cho ông chỉ là sự tự do của một con thú nhả, không buộc không nhốt nhưng cũng chẳng lo gì lạc mất. Hàng tháng bà vẫn nhận được thông tin về ông: cô Bưởi đã sinh con gái, đưa con chưa đủ tháng nên nuôi vất vả. Ông Hải thì qua nhiều chấn động tinh thần quá, lại thay đổi cuộc sống đột ngột, ông chẳng ngó ngàng gì tới chi đũa nhỏ, ngày nào cũng ra bên bờ sông ỉu rĩ nhìn nước trôi.

“Đã đến lúc nên tha chưa? Thế đã đủ chưa?”. Bà liếc mắt nhìn lên cuốn lịch. Cũng đến lúc cho ông ấy mãn hạn được rồi. Đàng nào bà cũng phải vào một chuyến, chính bà phải kết thúc một kịch bản mà chính bà đã mở ra...

Mới hơn một năm mà cảnh làng đã đổi thay nhanh thế, một con đường đổ bê tông đưa bà về đến nhà chồng. Ngôi nhà chẳng có gì khác, cũng mái ngói tường vôi đơn sơ như xưa, nhưng trong sân hình như cây cối mọc nhiều hơn. Một con ong bầu xanh đen đang bay xà quần quanh lũ hoa thấy bà vội vã bay biến.

Ông Hải đang ở trong sân, đứng dưới giàn dưa, chăm chú thụ phấn cho những bông hoa dưa màu tím. Trời ối, trông ông chồng bà giờ đây chẳng khác gì một ông nông dân thực thụ! Nhìn thấy bà, ông ngạc nhiên, vẻ mừng hiện ra trên mặt.

Bà Hải cũng mừng, nhưng cố làm nghiêm, thông thả xách túi vào sân. Ông Hải sau phút đầu, chợt như nhớ lại hoàn cảnh hiện tại của mình, thoáng một chút ngập ngừng, rồi cũng ra vẻ nghiêm trang “Sao mình không báo trước để Bưởi ra đón, xách giùm mình cho đỡ nặng?” Câu nói làm bà hơi chạnh lòng, chưa kịp nói gì thì đã nghe trong nhà có tiếng chào: “ôi, chị 1, chị đã vào, trời ối, lâu lắm rồi!”. Bưởi bỗng con từ trong nhà băng băng chạy ra. Cô trao vội con cho ông Hải, đỡ lấy xách trên tay bà rồi lật đật lấy quạt, rót nước, dáng vẻ như mong nhớ lâu ngày mới được gặp, bà cụ chống gậy từ trên nhà xuống, móm mém cười:

-Tau đã nói mà, thế mô sau tết hẳn cũng vô.

Bà Hải ngồi xuống bên mẹ chồng. Mắt bà khẽ liếc ngang, thấy ông Hải đang bồng đứa nhỏ từ ngoài sân vào. Đưa trẻ ốm nhách, trán đúng là trán ông Hải, dô ra trên khuôn mặt nhỏ. Hai con mắt đen thui thao láo. Bà Hải thấy nó xấu, trông như con chuột con. Ông Hải tưng tưng đưa bé trên tay, âu yếm cầm hai tay nó xếp lại: “Chào bác đi con!” Con bé chưa hiểu gì, chỉ thấy nhột, nó cười lên vui tươi.

Mâm cơm chiều dọn lên, nhiều món thịnh soạn, nếm món nào bà Hải cũng thấy mùi mắm ruốc phảng phất. “Chết nỗi, nấu ăn thế này, mà ông ấy ăn làm sao cả năm qua?” Thế nhưng ông Hải, Bưởi và bà cụ cứ nói cười ríu rần, ai cũng gấp thức ăn cho bà, bà chẳng tiện nói ra ý nghĩ của mình, bà cũng đắn đo không biết làm sao mở đầu cái quyết định “tha bổng, mãn hạn” như thế nào cho hợp lý, hợp tình, không mất uy của mình mà cũng không cứng cỏi quá, thành ra khô khan.

Cơm nước xong bà ngồi uống trà với mẹ chồng, đang còn cân nhắc thì chợt nghe tiếng Bưởi nói với ai đó ngoài hiên.

-Hôm nay nhà em không khám bệnh đâu, mai chị đem cháu đến.

Ông Hải nghe tiếng, quay ra:

-Khám bệnh mà hẹn sao được, để tôi ra ngoài xem cho người ta. Quay lại bà, ông nói với vẻ ân cần: “Mình thông cảm nghe, tối nay tôi với mình thức khuya nói chuyện, mình nhé!”

Dáng ông trông chừng chặc, vững chắc, khác hẳn ngày nào khi bà ra đi, ông hóc hu hu như trẻ con. Phía gian ngoài, có tiếng Bưởi nói nhỏ:

-Mình ối, tối nay em và con qua bên ngoài chơi, sáng mai về.

-Chết nỗi, em phải soạn thuốc men cho tôi chứ.

-Dạ, thì em đã chuẩn bị hết, mình làm xong đâu đấy thì em mới đi.
Hai người trao đổi thăm thì gì đó, bà Hả nghe không rõ dù đã cố cố tai nghe ngóng. Bà cụ ngồi bên cạnh chép miệng: “Con Bưởi sinh dậy vừa chăm con, chăm mẹ, lại phải vực chồng, lo cho nó đến từng ly từng tí. Mãi rồi nó cũng nguôi dần. Có người trong làng đau ốm đến nhờ, nó giúp họ một thời gian, thế là từ đó cả làng có bệnh hoạn gì cũng đến. Từ ấy, nó mới vui lên rồi chăm lo đến cửa nhà, con cái.
Bưởi ôm con ngồi ghé bên cạnh, mắt nhìn bà Hả đầy vẻ triu mến:
-Cũng nhờ chị mà có ngày hôm nay, cả đời em không quên.
Câu nói nghe chân tình đầy vẻ biết ơn, mà không hiểu sao bà Hả nghe như có một ngọn roi lửa đang quất thẳng vào ngực. “Thế là nghĩa làm sao, định giựt chồng ta mãi hay sao?”. Bà n ghĩ thầm, cố tự chủ để khỏi lộ ánh mắt tự vệ của người đang bị đe dọa cướp đi một thứ gì quý giá. Nhưng đêm ấy, khi ngồi trò chuyện với chồng ngoài hiên trăng sáng, bà mới nhận ra không phải bà có thể mất mà thực ra bà đã mất ông rồi.
Dưới ánh trăng mát dịu xuyên qua những khe lá của giàn thiên lý, ông Hả cầm tay bà, hơi trầm tư một chút như nhớ lại những ngày đã qua:
-Mình đã quyết xem tôi như chết nên tôi đành chấp nhận chết. Thế là đáng tội cho tôi rồi, chẳng bao giờ tôi dám oán mình. Ngờ đâu, trong cõi chết lại ở ra một cuộc sống mới.
Ông siết chặt tay bà, mỉm cười, nụ cười bao dung, vô tư trên làn da giờ đây hơi đen sạm, những chỗ râu li ti giờ đây chỗ đen chỗ trắng. Ông nhìn bà, người đàn bà đã quán xuyến đời ông. Ông nhớ tới ngôi nhà ba tầng, nhớ tới các con ông, giờ đây chúng đã có vợ có chồng, đã đầy đủ với cuộc sống. Còn bà? bà cứng cõi và ít bộc lộ mình quá. Bà vững chãi, luôn sắp xếp mọi chuyện trong đời đâu ra đấy. Dường như bà luôn có thể tồn tại theo ý mình và tồn tại một mình trên đời. Nhưng có chắc như thế không? Có chắc trong cái vẻ cứng rắn này bà không cần dựa vào ai không?
Ông Hả chợt á ngại cho bà, bởi ông đã biết lúc nào trong đời con người cũng cần tình yêu. Càng lớn tuổi càng cần. Nhưng giờ đây, ông còn làm gì được nữa cho bà? Bà đã đẩy ông vào một thế giới và giờ đây ông đã gắn chặt với thế giới ấy, đã buộc ràng với nó bằng những sợi dây thân thương. Vì chút lòng á ngại mà ông không nỡ nói ra điều ấy.
Nhưng bà Hả đã hiểu rồi, khi nhìn khuôn mặt thanh thản và hiền hoà của ông dưới trăng. Đây là cái vẻ của một người đã tìm lại được chính mình, giống như một cây kiềng trong chậu giờ được thả vào thiên nhiên, nó không còn đầ các, sang trọng nữa nhưng lại được cái hồn vốn có của thảo mộc. Thế mà trước đây bà nghe nói cây đã sống quen với điều kiện và môi trường trong chậu chúng sẽ không thể thích nghi với cuộc sống ngoài thiên nhiên nữa. Hoá ra nhà sinh học vớ vẩn nào đó đã vô tình làm cháy tiêu mất kịch bản của bà!
Bà Hả nghiêng răng, nhủ thầm: “Đã thế thì chẳng cần màu mè nữa, thế nào ngày mai ta cũng ra oai bắt lão về cho bằng được!”.

Trăng nơi đáy giếng

"Tôi xin mình, mình dẹp giùm tôi mấy cái bàn thờ này đi. Chuyện mê tín dị đoan, đâu hay ho gì".
Giọng thầy Phương vẫn từ tốn như thường lệ, nhưng đôi bàn tay liên tục gõ xuống bàn chứng tỏ tâm trạng thầy đang bức xúc. Cô Hạnh chỉ lặng lẽ nhìn: người đàn ông này đã là người cô thương yêu, tôn thờ cho đến nửa đời người. Trước đây, mỗi cái nhìn của ông là mệnh lệnh đối với cô, vậy mà nay cô phải trái ý ông. Ý nghĩ đó làm cô rơm rớm nước mắt.
Hơn mười mấy năm, họ đã sống chung nơi căn hộ bé nhỏ này. Mỗi sáng, người trong xóm đều thấy cô Hạnh xách xô ra đầu ngõ mua bún cho chồng. Những hôm mưa lâm thâm, cái dáng gầy của cô co ro, tay cô cầm chiếc nón cổ che cho kín xô bún, chứ chẳng nhớ che đầu. Thầy Phương người nho nhã, mảnh mai, trắng trẻo. Vốn là con nhà đồng dãi, lại được cưng từ nhỏ

nên thầy kén ăn, phải chăm từng li từng tí.

Nói là kén ăn, không phải là thầy đòi hỏi cao lương mỹ vị, mà chỉ cần những thứ đơn giản thôi, nhưng phải biết ý mới chiều được. Bữa ăn không cần thịt cá, đôi khi chỉ cần đĩa bông bí chấm nước tôm kho đánh, nhưng nước tôm phải thật sánh, thật thơm, đồ rục. Thịt bò thì nhất định phải nấu canh với hoa thiên lý, tô canh diu diu mùi hương ngọt ngào. Đêm khuya ngồi đọc sách, chỉ cần ăn củ khoai bồi dưỡng, nhưng khoai phải ngọt, dẻo, hấp với lá dứa. Chiều thì vài lóng mía tiện thật sạch sẽ, ửng màu đỏ cầm rượu.

Căn nhà nhỏ không có đồ đạc gì xa hoa, nhưng sạch như lau như li. Tính thầy Phương rất sợ bẩn. Trong bếp, phòng tắm, những cái chậu đủ màu được cô Hạnh đặt đúng vị trí của chúng, tất cả đều khô ráo, sạch sẽ. Cái chậu rửa mặt ấy còn tinh tươm quá, này coi chứ chứ... chậm con là vì quá sạch đấy" - các bà hàng xóm đùa. Trong khu tập thể này, các bà đều là cán bộ, việc cơ quan, việc nhà cứ ùn lên, ai cũng bết bát, chẳng có thời giờ nào mà chiều chồng. Các ông chồng trong xóm nào là chẻ củi, đi chợ, đón con, chẳng từ một việc gì, chỉ riêng thầy Phương được hưởng ngoại lệ. Thực ra, đâu có phải vì thế mà hơn mười năm không có con. Cô Hạnh thừa biết điều đó nên nghe người ta đùa, cô chỉ cười...

Ở đầu ngõ, ngay cổng vào khu tập thể là nhà bà Thu, thư ký Công đoàn trường Thuận Đạt.

Ngày ấy, bà Thu hội ý xong với Ban chấp hành Công đoàn trường và quyết định đến thăm chính thức cô Hạnh. Vì lý do tế nhị của cuộc thăm viếng, bà đã cẩn thận chờ cho đến lúc thầy Phương đạp xe ra khỏi, bà mới vào. Bà tìm cách nói với cô Hạnh: "Cô Hạnh này, người ta đồn anh Phương có vợ nhỏ, Công đoàn và Đảng uỷ đã tiến hành kiểm tra, thật đáng tiếc, việc này hoàn toàn chính xác". Cô Hạnh nghe, ngồi nhìn thẳng vào mắt bà Thu, không tỏ vẻ ngạc nhiên. Trái lại, bà Thu kinh ngạc đến hệt hẳng trước vẻ bình thản của người vợ bất hạnh: bà cứ tưởng cô Hạnh sẽ ngất đi, hoặc ít ra cũng níu lấy bà mà hỏi vặn đủ điều. Nhưng không, cô cứ lạng lẽ, dịu dàng, dường như cố nén nỗi khó chịu vì bị quấy rầy!

Chờ mãi không nghe nói gì, bà Thu phát cáu: Chuyện đến thế, chị tính sao? Chị phải có thái độ đi chứ? Hay chị là Phật đất? Cô Hạnh thờ dài: Hoàn cảnh em không có con, dù anh ấy có thể, em cũng chẳng oán trách. - Nói thế nghĩa là chị biết anh ấy phản bội chị mà cố tình giấu giếm tổ chức? Anh ấy không phản bội tôi - cô Hạnh ngắt phắt lên. Vâng, dù rằng ông Phương đã có một người đàn bà khác, có một đứa con không do cô sinh ra, ông vẫn là vị Thánh sống đối với cô. Cô không cho phép ai nặng lời khi nói về ông ấy. Bởi tất cả những chuyện này là do cô: cô đã tự tay sắp đặt, chỉ vì không chịu nổi vẻ buồn trầm lặng trên khuôn mặt ông.

"Không phải dễ dàng mà thuyết phục được anh ấy - Bởi vì anh ấy quá thương tôi. Hơn nữa, là người có chức trách, anh không dám. Tôi phải năn nỉ, ép uổng, hứa giữ bí mật cho anh ấy..."

Bà Thu cau mày: "Sao chị lại làm thế? Chị có biết như vậy là phong kiến cổ hủ không? Chính chị đã đẩy anh ấy vào con đường hủ hoá!"

Cô Hạnh khóc. "Vâng. Có thể là như vậy, nhưng lúc ấy tôi không nghĩ gì hết. Tôi chỉ muốn anh ấy sung sướng". Vâng, khi người ta thực lòng thương yêu nhau, có điều gì mà không thể hy sinh. Một cô gái quê bỗng chốc được cô Hạnh chăm lo từng li từng tí: từng chục trứng gà, từng chai mật ong được chuyển về làng để tắm bổ cái thai mới thành hình. Rồi đến ngày cô được đền bù: Đứa con trai ra đời, cô Hạnh bế lấy nó, đồ hỏn trong lớp tã. Ông Phương quàng vai cô, vỗ về: Con của em đó. Nghe chồng nói, cô ứa nước mắt vì sung sướng...

Nhưng giờ đây, ngồi trước mặt bà Thu, cô mới thấy chuyện đời không đơn giản. Sắp đến kỳ bầu tín nhiệm hiệu trưởng rồi... Ông Phương bảo: Chức hiệu trưởng là cái gì... Bỏ, bỏ hết. Với tôi, chỉ cần mình vui lòng. Tôi chấp nhận mất tất cả.

Ông nói thế, nhưng rồi không giấu được vẻ buồn. Lại cái vẻ buồn trầm lặng làm xót lòng cô. Cả đời ông sống nghiêm nghị, không để ai nói tiếng nặng tiếng nhẹ bao giờ. Giờ đây, tưởng tượng tới khuôn mặt những người lâu nay vẫn đổ kị với ông... Họ sẽ hả hê biết bao trước cái tội lỗi rành rành của vị Thủ tướng đáng kính. Họ sẽ rung đùi, cười khẩy chờ ông đứng lên nhận tội... Để rồi khoái trá xúm lại tổ khổ ông, như bày sói túm lại xé con mồi...

Quả thật, cái tin "ông Phương hai vợ" vừa được tung ra, đã có vài ba người rắp ranh ngấm nghe cái ghé ông đang ngồi. Cuộc bầu tín nhiệm được tổ chức vào đầu tháng 3, được dự kiến

như là ngày chôn vùi luôn sự nghiệp của ông hiệu trưởng nổi tiếng quản lý giỏi, đã đưa trường Thuận Đạt thành một trường tiên tiến dẫn đầu tỉnh hơn năm năm. Người ta chờ ông Phương đứng dậy rút lui và tự kiểm điểm, nhưng sao lâu quá chẳng thấy động tĩnh gì... Sốt ruột quá, một vị đứng dậy cắt ngang lời ông Phương khi ông còn đang trình bày "chương trình hoạt động" mà ông dự kiến sẽ thực hành trong thời gian tới.

Chuyên năng lực của anh Phương thì còn gì phải bàn nữa, dài dòng làm chi mất thời gian. Chỉ có điều, dư luận đang râm ran chuyện gia đình anh, anh em tui rất hoang mang. Vì, lãnh đạo thì không chỉ có tài mà phải có đức...

Ông Phương không nói, chỉ lặng yên bình thần nhìn kẻ địch thủ đang hân hoan, đắc thắng, rồi lại bình thần nhìn cái vẻ hân hoan, đắc thắng đó xẹp xuống, nhăn nhúm lại như một quả bóng xì xuống thất vọng. Bởi vì cô Hạnh đã đứng dậy đưa ra trước Hội đồng tờ giấy chứng nhận ly hôn giữa cô và ông Phương cùng tờ giấy đăng ký kết hôn giữa ông Phương với vợ mới. Lúc đó cả hội trường mới biết rằng, trên pháp luật, ông Phương chẳng có lỗi gì... Nghĩa là cái chức hiệu trưởng của ông, lấy búa tạ mà nện cũng không thể nào rung rinh nổi.

Không rung rinh nổi, nhưng người ta vẫn cứ tìm cách nện. Lòng người đầy ham muốn, đâu có buông tha cho ông Phương qua cửa ải một cách dễ dàng như thế. Vì vậy, trọn năm sau, ông Phương quả là lao tâm khổ tứ, ở không yên ổn, ngồi không vững vàng.

Lại một lần nữa, bà Thu phải đến thăm riêng cô Hạnh. "Khổ thân chị, tôi tìm mọi cách trấn an dư luận để bảo vệ chị, nhưng mà người ta không thể thông cảm như tôi. Nói chị đừng buồn, hoàn cảnh chị rất gay. Chị đã phạm pháp mà không biết: sống chung như vợ chồng với chồng của người khác!

Cô Hạnh sững sờ. Giờ đây ông Phương có còn là chồng của cô nữa đâu? Cô nhìn thẳng bé đang thêm thiếp ngủ trong tay run rẩy. Cô biết, người ta đang lôi tuột ông ra khỏi tay cô. Cô sẽ phải xa ông, bất giác, cô ôm chặt lấy cu Nhút, như cố níu giữ cái phiên bản của người đàn ông mà cô tôn thờ...

Lại một lần nữa, tôi phải năn nỉ anh. Tôi không đành lòng thấy anh cứ gầy rộc đi, mắt hõm, râu mọc xanh cả cằm. "Quân tử ứ hự đã đau, Tiểu nhân dùi đục đập đầu như không". Anh vẫn thường nói thế. Con người anh tinh tế, tự trọng, chịu sao nổi bao nhiêu lời ong tiếng ve. Đành lòng dốc hết tiền của góp trong người mười mấy năm mua một căn nhà ở ngoại ô cho anh ấy đưa cô Thắm lên. Lúc ấy, Thắm lại đang có thai. Thương tôi, anh ấy không chịu rời đi, tôi phải cắn răng làm mặt giận, cấm lửa nhin đói suốt mấy ngày...

Anh đi rồi, căn nhà trống đến khùng khiếp. Đi làm về, tiếng mở cửa tiếng bước chân tôi cứ vang lên lạnh lẽo như từ thế giới nào. Vào đến gian bếp, nhìn thấy chiếc may ô của anh còn sót lại trên dây phơi, tôi sụp xuống, nước mắt khóc...

Thỉnh thoảng anh cũng về thăm tôi. Nhưng anh về một chút rồi lại đi. Tôi không dám trách. Sắp đến đại hội chi bộ, phải giữ gìn. Anh có muốn nấn ná tôi cũng giục anh đi cho được. Anh bảo: "Mình đừng buồn. Tôi nói với mình đình ninh từ khi chưa ly hôn. Nay cũng thế, tôi ở bên ấy nhưng thực ra chỉ có mình mới là vợ của tôi". Tôi nghe, chỉ biết khóc. Vợ chồng mà gặp nhau lén lút như thế này, cái số tôi sao mà trớ trêu? Có hôm bị bệnh nằm một mình không dám nhấc chồng, tôi đành nhắn người mời bà đồng Thơi đến chích lễ giải cảm. Bà Thơi vừa nặn máu cho tôi vừa bảo: "Khí đen tụ ở giữa hai chân mày. Cái uất nén trong lòng mà thành bệnh". Tôi lắc đầu: "Tôi không uất, không phiền. Chỉ vì mệt mỏi quá". Cô Thơi sửa lại áo khăn thấp nén hương giữa trời. Hôm ấy rằm, trăng sáng. Cô Thơi niệm khấn rồi cầm chén nước trong bảo tôi uống. "Để tôi xin cho chị một quẻ Thánh". Cô Thơi xú quẻ rồi nói: "Quẻ của chị là quẻ lộng giả thành chân. Đêm trăng nơi đáy giếng, thấy bóng chẳng thấy hình. Cứ theo quẻ này giả hoá thực, thực hoá giả, giả thực thực giả khó lường". Tôi cũng không tin mấy, chỉ cảm thấy dễ chịu vì có người quan tâm. "Việc gì thực hay giả, mà giả thực liên quan gì đến bệnh cảm của tôi?". Cô Thơi nghiêng đầu như làm duyên, cặp môi son hé cười: "Lời Thánh sâu xa, nhiều khi đến việc mới hiểu".

Đại hội Chi bộ đã qua, anh lại được tín nhiệm cao. Tôi mừng. Tôi nhắn Thắm chăm sóc anh

cho chu đáo. Không có ai khó chăm như anh. Cái gì cũng phải sạch, phải tinh tươm. Áo quần gấp xong nhớ đặt vào tủ, ngay ngắn, bộ nào sắp mặc thì đặt cuối giường chứ đừng đặt đầu giường. Chỗ anh ấy ngồi viết thì phải tinh tươm, ngăn nắp, đừng qua lại nhiều làm phiền anh. Tôi dặn gì, Thắm cũng nhất nhất vâng dạ. Thấy Thắm ngoan, tôi mừng.

Tết đến, tôi lo mua nếp gói bánh. Năm nay nhà đông phải gói nhiều. Đang loay hoay tìm mua lá dong, chợt nghe nói bà Thu sắp có dịp về quê, tôi lật đặt sang nhờ bà ấy mua giúp. Vào đến cửa, tôi chẳng lại khi nghe tiếng anh Phương, rồi tiếng Thắm. Một giỏ quà, ý chừng đồ đi tết, đang nằm trên ghế. Bà Thu cười: Không có tôi thì anh chị còn mỗi người một nơi đến bao giờ? Nhưng mà nói vậy chứ không nhận quà này nhé. Bày vẽ làm gì, cái tình với nhau là chính". "Ấy, chút quà xin chị nhận cho, của thảo lòng thành". Tôi rưng rùi, không nhận ra được giọng cô gái quê thơ ngây chất phác sáu năm về trước... Bà Thu ngọt ngào: "Cái cô Thắm này khéo thật, chẳng trách bà Hạnh cất công tìm tôi chọn lựa mãi". Tiếng Thắm cười: "Chị ấy tưởng thế thôi chứ thực ra trước khi bà thím giới thiệu với chị thì anh Phương đã gặp em mấy lần khi về quê ăn giỗ". "Quả là chồng khéo vợ khéo, trách gì chẳng thành đôi". Họ cười, tiếng cười vui vẻ râm ran trong đêm yên ả...

Tôi rút lui, suy nghĩ khi xuống thêm. Rồi cứ đi trong đêm như người ngây, mãi đến lúc bước vào một ngôi nhà, ngửi thấy mùi nhang trong không gian, và nhận ra mình không hiểu từ lúc nào đã đến nhà cô đồng Thơi. Tôi ngồi sụp xuống nền nhà mà khóc, nhớ lại lời cô nói với tôi đêm trăng hôm nào. "Nín đi em. Em giỏi nín đi. Rồi cô soi cho, cho thấy hết tiền oan nghiệp chướng". Cô cứ tí tê khóc, cô nạt: "Sao lại khóc? Mất gì đâu mà khóc. Cái mất, thực ra đã mất từ lâu rồi. Chừ còn ôm huyễn mộng mà kêu trời như con đười ươi ôm cái ống tre rỗng mà cười một mình giữa núi". Lời cô Thơi làm tôi tỉnh ra. "Tôi sai rồi, còn oán ai. Người ta là vợ chồng, đã có con cái. Còn tôi... tôi chỉ là một vật thừa..." Cô Thơi hứ một tiếng, đồng đành: "Đã thương thì thương cho trót, đã vót thì vót cho tròn. Đã giữ thì giữ riết luôn, đã cho thì cho dứt". Tôi bỗng ngưng ngừng, không khóc được nữa. Ừ, đã cho thì cho dứt luôn, sao tôi đã nói hy sinh mà còn tiếc nuối. Nhưng là người có máu có thịt, làm sao bỗng chốc cắt lia? Tôi đâu có phải Thánh mà một phút dứt bỏ nửa cuộc đời... Không, không phải nửa cuộc đời, anh là cả cuộc đời tôi...

Tết năm ấy, tôi sốt li bì, suốt ba tuần rưng rưng gần nửa đầu tóc. Chiều mùng ba tết, mở mắt ra, thấy anh Phương và Thắm ngồi trước giường. Tôi thờ dài, se sắt. Tôi mong gặp một mình anh, một lần. Để tôi mơ ước được mạnh trở lại, được để dành cho anh cái thau sạch, cái khăn sạch, lựa cho anh củ khoai thật bùi thơm ăn khuya, đọc sách. Nhưng anh không dám đến đây một mình... Tôi ứa nước mắt nhìn hai vợ chồng - vâng, họ mới là hai vợ chồng. "Tôi hiểu cả rồi. Hai người không phải lo cho tôi. Cho thằng cu sang đây với tôi là đủ. Có nó là tôi sống được". Thắm giặt khăn lau mặt cho tôi. Anh Phương không nói gì, cũng chẳng dám tỏ thái độ gì. Tôi cố bình thần che nỗi xót xa. Tôi mất anh rồi, sự thực đã như thế từ lâu mà giờ này tôi mới bề bàng nhận ra... Tháng sau, Thắm sinh con thứ hai, lần này là con gái. Cu Nhứt về ở với tôi, thằng bé bỗng theo một con chó con. Căn nhà tưng bừng lên vì tiếng trẻ con cười, tiếng chó gâu ăng ẳng. Tôi như người sống lại. Thằng bé gọi tôi là mẹ Cả. Tiếng gọi thật ngọt ngào. Tôi rất muốn thằng bé gọi tôi chỉ là "Mẹ" thôi. "Như thế thì cu làm với mẹ hai. Ba bảo cu: Mẹ cả, mẹ hai, hai mẹ đều là mẹ cả, mà!". Tôi bật cười. Cu Nhứt thông minh y như ba nó. Cái mắt sáng, cái da trắng, cái chân mày nét ngang, tất cả đều là của anh. Mặc thằng bé gọi tôi bằng gì đi nữa, nó vẫn là con tôi. Tôi lại trồng khoai, lại nuôi gà, lại để dành từng quả trứng. Thằng bé ăn, tôi thấy ngon. Đêm nó ngủ dụi đầu vào lòng tôi. Tôi đã có con, tạ ơn trời, giờ đây tôi không cần gì hơn nữa...

Lại tháng chạp, tôi đến cô Thơi xin cho cu Nhứt cái bùa đeo cổ để đeo đi chơi tết. Cô Thơi mới tạc pho tượng ông hoàng đứng trên mây, vừa rước lên bàn, thấp nhang xong thì quay ra thấy tôi. Đưa bùa cho tôi xong, cô bấm quẻ dịch rồi bảo: Chiều lòng chị thì rước cho chị, chứ chị xin nhằm giờ không vong, vật tuy có nhưng mà vô dụng.

Tôi băn khoăn về nhà. Ngày xưa, anh Phương thường trách tôi mê xem bói. Anh không biết đó là chỗ dựa tinh thần của những người đàn bà hay bói rồi như tôi... Đến cửa, tôi giặt mình khi thấy Thắm. Cu Nhứt quần mẹ đẻ, cười rúc rích. Thắm khẽ khàng thưa gửi:

- Trình chị, em đã cai bú cho bé, nay xin chị cho cu Nhứt về nhà ăn tết với em.

Tôi khựng lại, đau đớn. Một lát sau tôi đeo cái bùa vào cổ cho cu Nhứt:

- Đeo cho em kéo đi đường gió máy. Mà ăn tết xong mỏng mấy mới cho em về?

Thấm không nói gì, chỉ nhìn tôi, một cái nhìn khó hiểu.

Thằng bé đi rồi, còn lại con chó con luẩn quẩn với tôi. Đã một năm, giờ nó đã choai choai, lảng mướt. Cu Nhứt dặn: "Mẹ cả nuôi cẩn thận cho cu". Bao nhiêu thứ dành cho thằng bé, giờ xẻ hơn nửa cho nó. Thui thủi vào ra, chỉ có nó và tôi.

Từng ngày, tôi chờ con trở về, càng ngày càng trông càng ngóng. Nhiều hôm, nghe tiếng thằng Tèo nhà bên cạnh gọi: "Mẹ ơi!" giọng trẻ con sao mà giống nhau, tưởng con về, đang làm gì tôi cũng vút hết chạy ra. Chỉ thấy sân hiên vắng lặng, không một bóng người...

Rằm tháng giêng. Con chó đột nhiên bỏ đi đâu mất. Tôi tìm ngất ngơ quanh xóm chẳng thấy.

Lòng cồn cào lại càng nhớ, càng thương cu Nhứt. Góp được một chục trứng gà, tôi lững thững đạp xe đi thăm con. Lâu lắm mới đến nhà mới, tôi ngạc nhiên vì nó lạ hẳn so với cái thời hai vợ chồng đến mua. Cây cỏ mọc xanh trong sân, một mái hiên rộng được coi thêm ra, thoáng mát. Tôi từ từ bước, phân vân như đi vào một ngôi nhà lạ.

Cu Nhứt đang chơi ở hiên sau. Vừa đùa với quả bóng, thằng bé vừa hát: "Trên trời cao, có muôn ngàn ánh sao... Nhưng mặt trời chỉ có một mà thôi. Và mẹ em chỉ có một trên đời. ...".

Thấy tôi, thằng bé reo lên, chạy ùa vào lòng tôi... Nhưng nó bỗng khựng lại, đưa mắt nhìn vào trong, rồi cầm tay, thỏ thẻ: "Mẹ Thấm bảo con, thời này mà còn mẹ cả, mẹ hai, nghe cổ hủ lắm. Vậy con gọi bằng gì?". Tôi ôm cái đầu nhỏ bé vào lòng, chỗ có trái tim phập phồng đau đớn.

"Thôi thì... Con hãy gọi bằng bác... Bác tề quá, hôm qua đã làm mất con chó Cún của con". "Ồ, không mất, bác ơi, nó đây này!". Con cún từ sau vườn chạy tới, nhảy lon ton, vẫy đuôi rối rít.

Ôi, cả con chó cũng bỏ tôi tìm về đây mất rồi!

Bàng hoàng, tôi đứng dậy, bước đi. Rồi bỗng quay lui, tôi dạo một vòng sau nhà, như muốn nhìn tận mắt cái thế giới đang hút về tất cả những gì yêu quý nhất của một đời tôi... Sau sân, anh Phương ngồi bên vòi nước, đang lúi húi giặt một đồng quần áo đủ loại, đánh đánh chà chà trên sân xi măng. Chưa bao giờ thấy anh trong tư thế như vậy nên tôi sững sờ, ngăn cả người không sao nói một lời. Không hiểu sao đã chịu đựng bao nhiêu điều nặng nề, mà giờ đây tôi lại không kham nổi cái cảnh tượng hết sức bình thường thế này? Thấm đang ngồi dỗ con, thấy tôi vào chỉ cười, hát hăm về phía đức ông chồng: "Làm trai, học sầy học sàng. Đến khi vợ đẻ thì làm mà ăn". Tôi ngẩn ngơ như người mất hồn, lần thân nói: "Ngày trước ở với tôi, anh ấy chẳng phải động tay tới việc gì. Tôi đi vắng mà trời mưa, anh ấy cũng chỉ lôi giùm tôi cái áo trên dây phơi, chứ cái quần để mặc cũng không hề đụng đến". Thấm khùng khỉnh: "Em thấy chị cũng sạch chứ đâu có bẩn. Mà người quân tử có sợ bẩn thì dùng khoèo mà khoèo, rồi dùng xà phòng mà rửa khoèo cũng được chứ sao? Tôi cảm thấy như có quả đấm giáng vào giữa mặt, lão đảo, trời đất chung quanh tối sầm. Cố gắng về đến nhà, tôi lăn ra mà khóc, khóc thảm thiết. Láng giềng nghe tiếng hờ trời hờ đất chạy sang hỏi: "Ai chết thế?". Tôi không nói được gì, không nghĩ được gì, trong tâm trí chỉ có mỗi một hình ảnh: thần tượng của tôi, vị thánh sống của tôi ngồi chò hờ giặt đồ bên bể nước. Những bọt trắng xà phòng bay, bay tấp tới, nhận chìm tôi, tức tưởi, mê man...

Lại một lần nữa, tôi ốm nặng, tóc rụng lả tả trên gối, nhưng không báo với ai để khỏi ai bận lòng.

Đây là chuyện đời chồng trước của tôi...

Người trong xóm cứ tưởng cô Hạnh phen này chết vì mấy lần cô bắt chuồn chuồn, cầm khấu. Họ ngạc nhiên khi thấy cô không thuốc men gì mà lại đi đứng như thường. Cô xin về hưu non, cuộc đất, làm vườn, lại sống cái đời cần cù và đạm bạc như thuở nào. Sáng sáng, họ lại thấy cô mua bún bò, bung vào ngược con ngõ, những bữa trời mưa lâm thâm cô kéo chiếc nón che tô bún, quên cả che đầu.

Rồi trước hiên nhà lại xuất hiện những cái áo nhỏ màu đỏ, màu xanh phơi trên dây. Ai đi ngang hỏi, cô cười hiên lảnh: Áo thằng cu. May cho cu mặc tết".

Nếu ai tò mò đi theo cô vào căn nhà vắng lặng, có thể thấy ngay giữa nhà là một bàn thờ đồ sộ

mà cô gia công trang hoàng như một cung điện rực rỡ vàng son. Giữa bàn thờ là tượng một người đàn ông đẹp đẽ phương phi, tay cầm kiếm, chân đạp lên mấy tầng mây. Có hỏi thì cô thì thầm: "Ông Hoàng Bẩy, trấn thủ tỉnh Thừa Thiên".

Rằm, mồng một, cô chất hương hoa đầy thánh điện của cô, rồi ra nhà bà đồng Thơi lễ bái. Nghe đâu bà đồng Thơi bảo rằng số cô Hạnh không theo ông Phương được trọn đời vì người âm ung, mà người âm này vai vế lớn lắm, con thứ bảy của Đức Mẫu, quyền sinh sát cả một giang sơn. Lâu nay, ông với cô Hạnh đã được một con trai ở cõi vô hình, mà cô Hạnh đâu có hay.

"Nhờ có Thánh cứu, chứ không thì mấy trận đau, hấn đã chết trọc óc chứ mô còn tới chừ". Bà Thơi nói. Cô Hạnh cười, vẫn cái cười dịu dàng, không còn buồn thảm như xưa, mà phẳng phất một vẻ mơ màng - vẻ mơ màng thường thấy trên gương mặt những người lãng trí. "Sắp tới tháng Ba rồi, phải không chị? Tháng Ba ni chị cho em đi về châu điện Hòn Chén". Bà Thơi nghe cô Hạnh nói, hài lòng gật đầu. "Ừ, tháng Bẩy giỗ cha, tháng Ba giỗ mẹ. Lễ hội tháng Ba này em cũng nên về châu Đức Mẫu cho phải đạo dâu con".

Đầu tháng Ba, ông Phương bỗng về thăm vợ cũ. Từ đó, người ta thấy ông qua lại luôn. "Năm lần bảy lượt tôi nói với mình, mình dẹp cái trò mê tín đó đi giùm tôi. Vì cái chuyện đồng bóng lễ bái của mình mà tôi mang tiếng nhiều lắm rồi, dù gì thì mình cũng là vợ cũ của tôi, một hiệu trưởng, một đảng viên...". Cô Hạnh chẳng nói gì, đang lo đặt đĩa khoai luộc nóng hổi lên bàn thờ. Trông dáng vẻ cô ân cần chẳng khác gì trước đây chăm chút cho ông. Cử chỉ đó làm ông Phương thêm bực tức. "Mình muốn trách khéo tôi phải không? Mình biết là đâu phải tôi muốn thế, chính mình đã muốn hy sinh cho tôi... Tôi xin mình, hãy vì tôi lần nữa...".

Cô Hạnh đã đặt xong đĩa muối chấm khoai, thủng thỉnh ngồi xuống, nhìn ông Phương với đôi mắt rộng lượng như thể từ trên cõi tiên nhìn xuống thế giới nhỏ bé của loài người. "Hôm qua ông đã gặp bà Thơi phải không? Thảo nào bà ấy bảo tôi có muốn quay về với ông thì để bà ấy xin cho cái lễ chẻ đôi chiếc đĩa đồng tiền, li dị với ông Hoàng...".

"Mình đừng giận tôi, thuở ấy người ta còn khắt khe, mình cũng biết hơn ai hết. Giờ đây quan niệm về đời tư cũng cởi mở hơn trước, thỉnh thoảng tôi lại về thăm mình. Để mình thui thủi thế này tôi cũng chẳng đành lòng".

Cô Hạnh nhìn ông Phương một lát rồi cười. Cái cười mơ màng lâu nay vẫn ẩn hiện trên gương mặt cô. "Ông à, thực ra tôi không giận ông. Nhưng chuyện ông nói thì không thể được. Tôi đã vì ông đến nửa đời người, nay ông yên phận rồi, hãy để cho tôi yên phận tôi. Xưa tôi là vợ mình, chỉ biết có mình, nay đã là vợ ông Hoàng, chỉ biết có ông Hoàng. Tôi đã nói với bà Thơi, tôi không cúng, không chẻ đĩa, bẻ tiền chi hết, tôi không bỏ ông Hoàng vì ông ấy đỡ đàn tôi khi thập tử nhất sinh, ông ấy không bỏ tôi, không ruồng rẫy tôi bao giờ...".

"Nhưng làm gì có cái gọi là ông Hoàng, làm gì có cái bóng ma ấy, nó chỉ có trong trí tưởng tượng của bà thôi, bà có biết không?". Ông Phương phát thịnh nộ, không tự chủ được nữa, đập mạnh tay xuống bàn mà nói như quát. Cô Hạnh đứng bật dậy, run bần bật như bị xúc phạm nặng nề. Hai hàm răng cô đánh lập cập vào nhau, rồi bỗng cô thành linh vớ lấy cả cái khay ám chén trước mặt, ném vào người chồng cũ. Đến lúc ấy ông Phương vẫn không nhận ra rằng từ khi bị cô Hạnh bắt gặp ngồi giặt đồ bên bể nước, trong mắt cô, ông chỉ còn là một tượng thần đã mất hết linh thiêng.

Người trong xóm thấy ông Phương phóng xe ra ngược con ngõ, áo và tóc ướt từng vạt nước trà vàng vàng, mặt bừng bừng lửa giận. Hai hôm sau, việc đến tai bà Thu. Bà lắc đầu an ủi:

"Chị ấy tốt bụng nhưng lý trí không vững nên tâm nó loạn. Trước đã bày ra chuyện phong kiến cổ hủ, nay lại sinh ra trò mê tín dị đoan. Thôi thì mặc ý chị ấy, tôi cũng hết phép".

Cô Hạnh chẳng quan tâm đến ai, cứ vào ra trong ngôi nhà vắng tanh với nụ cười mãn nguyện của một người đàn bà hạnh phúc. Chiều hôm ấy cô thung dung đi chợ chọn mua vải may chiếc áo dài mới để tháng Ba này ngược sông Hương trả hội mùa xuân.

Biển đời người



Bim mười lăm tuổi, người lép kẹp như con cá măng, mùa lạnh thì mũi lúc nào cũng ướt. Vậy mà cô Hạnh cứ làm như con cô là tiên. Mỗi lần tôi đến, cô lại trách: 'Vì mày mà sau này em Bim không đi thi hoa hậu được. Lớn lên lo mà đền cho nó'. Tôi rụt cổ, gãi tai, biết là cô đang muốn nhắc đến những cái sẹo to trên người Bim. Mẹ tôi bảo: 'Một cái là do Măng rử nó trèo cây đào. Một cái là Măng chơi u, xô nó té từ trên gác xuống. Một cái là do cô Hạnh sai Măng bưng bát canh, đi đến cửa nóng tay quá Măng hất tung vào người nó'. Nghe kể, tôi ân hận. Thật may là Bim chẳng trách bao giờ. Cứ thấy tôi là Bim nhảy lên: 'Anh Tuấn, cho em hai ngàn đi chơi điện tử'. Thế rồi, băng đi một dạo, mỗi lần tôi sang, Bim lơ đẹp. Tính tình khác, thân thể cũng khác xưa, cao hẳn lên, ngực lờ mờ hai chóp tròn mềm mại sau tấm áo.

Trời mưa đột ngột xối xả vào xế trưa. Đến chiều, con nước dâng nhanh chẳng mấy chốc ngập lòng đường, tiến vào nhà, treo lên phủ ngập giường chiếu. Cả vùng thành nội ngập tràn nước trắng xoá. Bơi đến trước sân, tôi cố vượt dòng tiến vào sát cửa. Cửa đóng, lại cài then phía trong.

'Bim ơi! Bim ơi!'. Tôi cố gào át tiếng mưa. Tiếng Bim khóc nức nở gọi mẹ trong nhà vọng ra. Cố sức dẩy cửa không được, tôi đành gắng trèo lên mái nhà đỡ ngói, lần xuống. Bim ngồi co trên bàn, thấy người leo vào nhà thì hét toáng lên, sau đó nhận ra tôi. 'Anh Tuấn! Em tưởng kẻ cắp sợ quá. Mẹ bảo đóng cửa, ai gọi cũng đừng mở'. Tôi lội đến gần Bim: 'Đồ ngu. Khi mẹ dặn thì trời chưa lụt'. 'Mẹ về ngoại từ sớm chưa về, có sao không anh ơi'. 'Mẹ không quay lại vào giờ này được đâu. Nước lên nhanh lắm, công an cấm không ai được vào cổng thành'. 'Sao anh vào được?'. 'Trèo qua mặt thành. Anh mà không tới kịp, nước lên ngập đầu thì Bim thành bèo'. Mới trao đổi có mấy câu, nhìn lại, nước đã vượt quá lên mấy tấc. 'Trèo lên gác thôi em'. Bim đứng dậy, nhưng sụm xuống, hai chân tê cóng vì ngâm nước lạnh. Tôi cầm hai tay Bim, kéo vòng qua cổ: 'Bám chặt lấy, anh cống'. Tôi trèo từng bậc một lên thang, một tay quàng ra sau giữ cho Bim khỏi rơi xuống nước...

Trời sập tối, hai đứa ngồi thu lu trong gác hẹp. Tôi sợ nước lên nữa không còn lối thoát, thò tay lên đỡ ngói, bẻ một khoảng rui lớn, phòng có nguy thì trèo qua mái nhà. Bim khóc rầm rứt một lúc rồi thiếp đi. Hơi thở Bim nóng như sôi phập phồng qua má tôi. Bim sốt rồi. Tôi hết hoảng. Trời tối thui, chỉ nghe tiếng mưa ào ào trên mái, sát bên tai.

May sao trên gác có tấm chăn cũ. Tôi lần lần cởi chiếc áo ướt cho Bim lấy chăn quàng lại. Cả đêm tôi ngồi ôm cô bé như ôm món quà gói kỹ trong chăn. Cầu cho trời mau sáng, lại cầu cho đêm cứ dài mãi ra vô tận. Sờ thấy áo khô, lại mặc vào cho Bim, trời tối, tôi chẳng nhìn thấy gì, cũng chẳng dám chạm mạnh, vậy mà người cứ run run. Bim thì cứ mê sảng, hết gọi mẹ lại đến sợ chuột.

Mãi đến trưa mai, nước mới xuống. Cô Hạnh thuê đồ chống vào đến ngõ, thấy nước ngập tràn

đến mái nhà, cô khóc vác lên: 'Con ơi là con'. Thấy tôi thò đầu ra khỏi lỗ ngói, cô trợn tròn mắt như quỷ thần. Tôi bơi ra, kéo đồ vào, chỉ cho cô Bim nằm mê man. Cô lại khóc rống lên, lần này vì mừng. 'Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn. Măng ơi! Tao cho mày con Bim'.

Hai ngày sau, Bim tỉnh lại. Cô Hạnh đứt chấu. Nằm trên giường, Bim bảo: 'Anh Tuấn phá mái, bẻ rui nhà em, em bắt đền'. Lại bắt đền! Tôi cười trần, hi hục dọn hàng tấn bùn non ngập đầy sân.

Từ đó, năm nào cũng vậy, trời mới mưa to tôi đã trực ở nhà cô Hạnh rồi. Số Bim là số sướng, mười bảy tuổi rồi mà chưa động tay dọn lũ lấy một lần. Mẹ tôi bảo: 'Sao mà ai cũng thích đẻ con trai. Ăn cơm nhà, vác ngà voi thì nó là số một. Lo kiếm việc làm ăn đi con ạ, cả ngày hết đàn hát lại xách xe đi chùi bóng mặt đường, con gái nó không ưa đâu'.

Nhìn tôi trong bộ đồng phục công nhân màu xanh, Bim lo lắng: 'Rồi ai chở em đi học?'. Tôi dỗ dành: 'Chịu khó đi xe đạp, hôm nào về sớm anh chở đi buổi chiều đỡ nắng'. Ngày đầu đi làm, nhìn ra cả vùng đồng nước Vân Cù mênh mông, thấy cột điện chữ A mọc lên giữa những giường ruộng ngang dọc, tôi ngớ ngẩn hỏi: 'Người ta dùng máy gì mà đưa mấy cái cột nặng thế này ra đến đó?'. Anh Hạp, tổ trưởng của tôi cười: 'Cái xác máy khênh ra, chứ máy gì mà thi công được ở đây?'. Tôi nhìn, phát hoảng. Lần đầu tiên được giao khiêng bộ chân tó để dựng cột, tối về tôi ngủ mơ, nói sáng: 'Mẹ ơi, núi đổ, lòi con ra, lòi ra'. Mẹ lay mãi, tôi mới tỉnh, mồ hôi ướt đầm mình.

Dần dần, tôi mạnh lên, cơ bắp nổi đầy tay, lên rừng xuống biển cũng không còn sợ nữa. Đi đâu thì đi, chiều đến về nhà, việc đầu tiên là tắm gội cạo rửa tinh tươm, đến trường đón Bim về. Có hôm thấy Bim chờ một mình vắng ngắt: 'Bạn em đâu cả?'. 'Tụi nó rủ nhau đi ăn chè'. 'Lần sau em cứ đi với bạn, nhắn lại với bà hàng nước cho anh biết chỗ đến tìm là được'. Bim cười, ngúc ngắc hai đuôi sam: 'Ai lại thế, anh đi làm mệt cả ngày, về mà không thấy Bim, anh có buồn không?'. Lòng tôi như chao đi, lần đầu tiên thấy trên khuôn mặt Bim nét dịu dàng thiếu nữ. Bim của tôi lớn rồi và biết nghĩ, không còn ngốc nghếch ham chơi như tôi tưởng. Bất giác, tôi ôm Bim vào lòng. Bim cười nhắm mắt, rúc vào ngực tôi hít một cái thật dài rồi chuôi người, đẩy tôi ra. 'Sao thế?'. 'Người ta cười'. 'Đồ sợ chết'.

Một buổi sáng chủ nhật bên suối Trà Am, lần đầu tiên Bim cho tôi ôm trong tay... Bim cười, ghé cái tai nhỏ hồng sát ngực tôi, lắng nghe tim đập. 'Nhè nhẹ thôi, anh siết mạnh em đau cả người'. 'Bim ơi!'. 'Gì anh?'. Tôi bồi hồi nhớ lại cái đêm trời lụt. 'Cho anh công Bim đi xem suối'. Chân tôi đi qua những mỏm đá trơn. 'Em sợ anh công em nặng, té gãy cổ cả hai đứa'. Tôi giữ chặt Bim sau lưng. 'Đừng lo. Hai bộ xà sừ vừa nặng vừa cứng anh còn công qua suối Nam Đông, bây giờ công Bim nhẹ và mềm như con gấu bông, anh đi lên thấu trời'. Bim cười, tiếng cười như suối. Tôi đặt Bim ngồi trên cành cây ươoi đổ ngang, giữa những cánh hoa nhưng đỏ hé mở. 'Anh Tuấn ơi! Con muỗi!!'. Tôi định đập, Bim bỗng xua cho nó bay đi. 'Tội nghiệp, tha cho nó anh ạ!. Bắp tay Bim sừng lên một đóm hồng. Tôi gãi cho Bim, Bim nũng nịu: 'Tuấn không có móng tay, gãi bằng cục chai trong lòng bàn tay ấy...'

Cô Hạnh than thở với tôi: 'Em nó ăn nhiều mà sao vẫn xanh. Hay là có giun?'. Tôi chạy mua thuốc xổ. Lại mua cho Bim một đôi giày vải. Sáng sớm tôi đến, gõ cửa, dựng Bim dậy. Bim mắt nhắm mắt mở, chạy thể dục với tôi từ Tây Linh ra đến Tây Lộc rồi lại theo đường vòng quay về. Bữa đầu, Bim khóc méo: 'Tuấn độc tài'. Dần dần quen, sáng nào tôi không ra, Bim giận lẫy. Tôi hỏi Bim: 'Có muốn học bơi không, sáng ra bên Me bơi mát lắm, anh tập cho'. Bim lắc đầu quầy quậy: 'Mắc cỡ lắm'. Tôi chợt nhớ, chân Bim có sẹo. Chẳng hiểu sẹo ra sao? Nếu giờ mà lại có một đêm lụt như đêm nào, tôi sẽ đếm lại những cái sẹo trên người Bim, tôi sẽ đền cho Bim bằng cả đời tôi...

Cái tin Bim đi thi người đẹp làm tôi ngạc nhiên. Cô Hạnh hớn hờ: 'Chương trình có phần thi mặc áo tắm, nhưng toàn thể phụ huynh đều phản đối, dọa nếu thi áo tắm thì đem con về. Thế là Ban tổ chức phải chịu'. Tôi cười: 'Chắc cô Hạnh là người phản đối mạnh nhất'. 'Nghe nói giải thưởng mười triệu cháu ạ'. Nghe giọng cô hí hửng như trẻ con, tôi cười thắm. Hy vọng Bim của tôi trúng giải quá mong manh, nhưng thôi cứ để cho cô tha hồ bay bổng.

Những ngày sau đó tôi quay như cái vục. Nào chờ Bim ra tiệm Mỹ Trang thuê áo soiree. Nào chờ Bim đi may áo dài. Tối lại ra nhà Bim đàn cho Bim tập đi. Rồi lại phải chọn áo. Tôi ngắm lui ngắm tới Bim của tôi trong hơn hai chục cái váy. Cuối cùng chọn được một cái soiree màu lam óng ánh, vải dịu và mềm. Bim giãy nảy: 'Cái này cũ rồi'. 'Nhìn ban ngày cũ thế, nhưng dưới ánh đèn nó sẽ đẹp rực lên. Còn những cái kia trông huy hoàng nhưng lên sân khấu sẽ cải lương hết sức, rồi em xem'. Nói mà Bim không nghe, tôi lại giở thói 'độc tài'. 'Còn thi ứng xử nữa, em nói kém lắm làm sao thi đây'. Tôi kiếm một cuốn sổ nhỏ, lần giở sách báo, tìm những câu châm ngôn sắc sảo ghi vào. Câu nào cũng ngọt ngào bay bổng, toàn những lời có cánh về tình yêu, tình bạn, sắc đẹp, vân vân và vân vân...

Đêm thi đã đến, cô Hạnh lo lắng nhìn cả bữa ăn chiều. Tôi cũng đã xin nghỉ phép hai hôm. Giờ đây, trong tiếng nhạc đánh chậm bài La Paloma, Bim đang xuất hiện dưới ánh đèn sân khấu. 'Vũ Túy Diễm, nữ sinh lớp 10 trường...'. Tôi dụi mắt. Có phải là Bim của tôi đây không? Tôi bỗng nhớ đến những trái táo trên sạp hàng trái cây của mẹ tôi, vốn tầm thường khiêm tốn, chỉ cần lấy khăn lau một lượt, phun nước lên, bóng bóng loáng, chín ửng, ai nhìn cũng muốn cắn. 'Vũ Túy Diễm năm nay mười bảy tuổi, sở thích đọc truyện, ca hát, nấu ăn...'. Hừ, Bim có nấu ăn bao giờ đâu, thoáng nghĩ thế nhưng chẳng nghĩ được lâu vì tôi còn bận dán mắt vào cô gái trên sân khấu, cô gái vốn là Bim của tôi. Một chút ngập ngừng làm tăng vẻ quyến rũ thơ ngây trong dáng đi uyển chuyển. Chiếc soiree màu lam bạc ôm khít lấy tấm thân mảnh mai nảy nở, lớp váy trong rất ngắn cho thấy đôi chân dài thẳng băng, trắng muốt. Lớp váy ngoài xẻ bốn đường rất cao, ôm rất khéo, làm dáng người dài các, thướt tha. Bim đang cười... đôi môi tô son màu hồng, sống mũi cao mềm mại thanh tú, đường nét nào cũng sắc sảo, rực rỡ hơn hẳn thường ngày. Chỉ có đôi mắt là vẫn mở to, ngơ ngơ dưới cặp lông mày cong như trăng hạ huyền. Bên cạnh tôi, cô Hạnh hể hả: 'Đi lòng suốt ba bữa mới mua được đôi tất ngoại mông đẹp như vậy đó. Cháu thấy chưa, tôn tạo lên một chút là ăn đứt... ủa Tuấn, làm chi mà sưng ra rứa, con Bim chứ ai xa lạ?'.

Điểm ngoại hình Bim cao nhất tất cả thí sinh. Tiếc rằng Bim chẳng nhớ câu nào trong số những câu tôi đã tử cho cô bé. Ban Giám khảo hỏi: 'Em nghĩ gì về ngày 8 tháng 3?'. Bim đứng ngẩn một lúc: 'Em nghĩ... 8 tháng 3 là một ngày nhận nhiệm...'. Biền người lố nhố làm Bim hốt hoảng. Sau này, Bim bảo: 'Em quá quá, nhìn xuống mà chẳng thấy Tuấn đâu. Chỉ thấy tay vớ đầu người, hàng vạn cái'. Cô Hạnh cứ tiếc mãi: 'Giá nó trả lời được, thì đã là hoa khôi xứ Huế'. Bim được danh hiệu Á khôi thứ nhất. Với tôi, thế cũng danh giá quá rồi. Đi đâu người ta cũng trầm trồ thán phục Tuấn tốt số, có người yêu đẹp lắm trúng giải nhì kỳ thi Duyên dáng cố đô.

'Ngày nhận nhiệm' đã tới. Tôi xin nghỉ, nhưng anh Hạp không cho. 'Hôm nay thay gấp đường dây ở đường Huyền Trân Công Chúa. Thương tình mà chưa vợ cho nghỉ buổi chiều thôi'. Tôi lấp bộ xà sứ trên đỉnh cột, vừa vặn ốc vít vừa nhìn ra xa, thấy có mấy gánh hàng hoa đang bán. Có hoa hồng nhưng đỏ thắm, hay quá, Bim rất thích hoa hồng ở Huế vì nó nhỏ hơn nhưng nở tự nhiên, chứ những búp hồng từ xa chờ đến đẹp thì có đẹp nhưng do bị phun thuốc nên chẳng bao giờ nở. Làm xong, quần áo còn lấm lem, tôi phóng tới ngôi lều hoa. Mấy cô giáo mặc áo dài đang trả tiền hoa nhìn tôi mỉm cười: 'Cô nào may mắn mới gặp anh này'. Tắm xong, mặc bộ đồ bảnh nhất, tôi phóng đến Bim. Trên bàn một lẵng hoa vừa to vừa đẹp, hoa hồng Đà Lạt đỏ tươi xen lẫn hoa thạch thảo lấm tấm trắng. Tôi khựng lại. Cô Hạnh hể hả: 'Tuấn này, bây giờ

văn minh thật, người ta tặng nguyên cả lăng hoa, cứ thế mà đặt trên bàn chẳng mất công cầm tĩa gì nữa'. Tôi ngồi yên, rầu rầu. Bim từ trong phòng đi ra: 'Hoa 8 tháng 3 của em đâu?'. Thấy vẻ mặt tôi, như hiểu ý, Bim giải thích: 'Không phải của ai đâu. Đó là quà tặng của Hội Phụ nữ, khen tặng thành tích đóng góp...'. Tôi tươi lên như cây héo được tưới nước. Chiều đó, dắt Bim đi ăn kem, tôi khoe đã được thao tác trên cột, lắp đặt xà sứ thành thạo. Bim cầm bàn tay tôi, áp những cục chai to vào má: 'Tuấn nhớ làm việc cho giỏi, sau này nuôi Bim'. 'Ừ, ba năm nữa là Tuấn vững rồi, Bim thích gì Tuấn cũng mua'. Bim cười, nét mặt giờ đây lại mộc mạc như những trái táo chưa chùi bóng: 'Bim chỉ cần ăn cơm có cá, và mỗi tuần được đi ăn kem như thế này'. Tôi trêu: 'Em bây giờ là á khôi xứ Huế rồi, phải kiêu lên đi chứ'.

Tháng năm, thành phố cử Bim đi Sài Gòn dự thi hoa hậu. Cô Hạnh khoe: 'Kinh phí hạn chế nên ngoài hoa khôi, chỉ có á khôi thứ nhất mới đi được'. Ngày Bim đi, tổ tôi thi công lắp đặt đường dây số 6 ở trạm Nong. Bim dặn lui dặn tới: 'Bốn giờ chiều là tàu đi ngang qua ga Hương Thủy. Tuấn nhớ chạy qua ga, Bim thò đầu ra cửa sổ, cầm cái khăn màu xanh, chào Tuấn một cái rồi Bim đi'. Nghe tiếng còi tàu, tôi ba chân bốn cẳng phóng xe. Tàu đi ngang, lừ lừ một chút phóng nhanh, mất hút. Tôi đứng bần thần ngẩn ngơ trên sân. Lùi thối về trạm, tôi đọc mấy dòng chữ trên máy nhắn tin của anh Hạp: 'Tuấn ơi đừng chờ nữa. Bim đi máy bay rồi'.

Tối đó đến thăm cô Hạnh, cô liến thoắng: 'Có người Mạnh Thường Quân có lòng ủng hộ quê hương, bỏ tiền ra lo đi lại, ăn ở cho thí sinh Huế...'. Tôi nhìn cô. Thảo nào, mẹ tôi vẫn gọi cô là Hạnh tồ.

Cả hai cô gái đều phải về sớm không dự kỳ thi hoa hậu được vì ai cũng thiếu một phân chiều cao. Cô Hạnh thất vọng. Giờ đây, tôi đã biết ích kỷ. Sau khi Bim nhận giải 5 triệu ở kỳ thi Duyên dáng cố đô, căn nhà nhỏ đã được lát gạch hoa láng bóng. Buổi trưa, Bim vác gối ra nằm, đi ngoài đường nhìn vào thấy cô nàng nằm khoanh trên sàn như con chó Nhật. 'Vào trong mà ngủ, không được nằm đây'. 'Trong kia nóng lắm'. 'Nóng thì mở quạt. Con gái nằm ngay giữa cửa để phơi cho thiên hạ nhìn à?'. Bim ám ức: 'Tuấn đọc tài. Sau này chỉ có hành hạ Bim!'.

Tổ tôi nhận thi công đường dây Bắc Hải Vân, cả mấy tháng đi liên miên. Cuối tuần mới về chờ Bim đi chơi Trà Am. Tôi nói với Bim tôi làm việc khéo nhất trong tổ. Anh Hạp đề nghị tăng lương sớm cho tôi... Bim chỉ bảo: 'Thế à?'. Hai đứa đi men theo con suối: 'Tuấn cũng Bim nhé?'. 'Thôi, lớn rồi, cũng như con nít ấy, kỳ lắm'. Bim ngồi dưới bóng cây ươi, giữa những bông hoa nhung đỏ. Muối từ ven suối bay lên, Bim tự đập bép bép liên hồi, không nhớ tôi... Tôi ngửa lòng tay nhìn những cục chai to, ngó vu vơ lên trời...

Rồi tôi gặp người đàn ông ấy, một tối trời trăng. Gã ngồi song song với Bim, nơi chỗ tôi thường ngồi. Thấy tôi vào, Bim chào, ngượng ngùng. Cô Hạnh bảo: 'Đây là Tuấn, cháu cưng của cô. Năm nào trời lụt cũng nhờ một tay nó'. Gã chào tôi qua loa rồi nhìn lên trần nhà. 'Chỗ này chỉ cần bỏ vào chùng năm ngàn đô, lên thêm một tầng kiên cố thì chẳng lo gì lụt'. Tôi về nhà, ngồi nhìn ra cửa sổ, châm thuốc hút. Mẹ tôi hỏi: 'Măng, con sao vậy?'. 'Có gì đâu?'. 'Sao con ngậm ngược điếu thuốc?'. Lúc bấy giờ tôi mới nhìn thấy cái đót thuốc đang cháy phừng phừng. Tôi ngược lên nhìn mẹ. Cái nhìn của người vừa bị dao đâm. Mẹ tôi đỏ mắt: 'Chuyện con Bim phải không? Lâu nay mẹ nghe đồn...'. Bà nổi tam bành: 'Đồ tham vàng bỏ ngãi. Cái năm trời lụt to, không có Măng thì còn đâu mà gả đi Tây đi Tàu'. Tôi quờ tay ngăn lại: 'Thôi mẹ ơi. Chuyện xưa rồi, đừng nhắc'.

Tôi biết, Bim của tôi từ nhỏ loanh quanh nơi cái xóm thấp như rún biển, cả đời mới ra khỏi thành phố một lần. Gã phương xa kia với Bim là cả một chân trời. Cũng phải thôi. Ai muốn giam mình trong ao, mà chẳng muốn vươn ra ngoài biển rộng?

Mai lại, đang làm việc, tôi nháng một nhát búa vào tay. Ngón cái dập nhỏ máu. Anh Hạp nhìn tôi thẩn thờ: 'Công anh xúc tép nuôi cò, cò ăn cho lớn, cò dò cò đi'. Thằng Tín cầm lấy cái búa đứng thay vào chỗ tôi, trêu già: 'Cò khôn, cò ăn cơm Tây. Ăn chi tôm tép ruộng lầy quê ta...'. Tôi trừng mắt: 'Chó chết. Câm!'. Trở về, tôi sốt cao, vết thương sưng húp. Mẹ tôi lo cơm cháo hơn một tuần. Bim không biết tôi ốm, có lẽ còn lo cho ngày đi...

Ba năm sau. Tôi đã lên bậc, tăng lương hai lần. Làm được bao nhiêu tiền nướng hết vào thuốc lá. Tính lăm lì, cả ngày chỉ biết làm.

Đi làm về, chưa thay áo, tôi nghe mẹ nói:

- Con Bim mới về, có bông con qua đây thăm.

- ...

- Lấy chồng Việt kiều, đi Tây về mà không mập, lại còn gầy đi nữa chớ.

- ...

- Sao Măng im như thóc không nói gì cả vậy?

- Thì có gì đâu mà nói. - Tôi ư hử.

Mẹ tôi im. Nửa như cụt hứng, nửa lại như mừng thầm. Mừng cho con trai đã quên khuấy chuyện xưa.

Hơn tuần sau, Bim gọi điện cho tôi.

- Nghe mẹ nói lụi năm nào anh cũng vào dọn cho mẹ, em cảm ơn anh nhiều lắm!

Lâu lắm mới nghe Bim nói - giờ giọng Bim khác xưa, từ tốn, buồn buồn. Cái vẻ buồn làm lòng tôi bỗng chùng xuống. Muốn vàn điều muốn nói mà sao chẳng nói được gì. Lâu quá lăm lì đã thành thói quen, phản xạ nói năng hầu như chẳng có. Mãi mới kiếm được một câu để nói:

- Em gắng giúp mẹ sửa cái nhà. Ở có một mình mà năm nào cũng vất vả.

Bim đáp ứng:

- Thương mẹ lắm mà chưa làm sao được anh ạ. Tiền chồng, chồng giữ, tiền vợ, vợ giữ, em mới sang đâu làm được bao nhiêu...!

Tôi thở dài:

- Nghe mẹ anh nói, em gầy hơn trước?

- Dạ, em đi làm xa lắm, mỗi ngày đi về phải ngồi trên xe điện ngầm hơn bốn tiếng đồng hồ.

Ngồi trên xe chẳng biết làm gì, cứ nhớ nhà, nhớ hồi xưa...!

Hai tiếng 'hồi xưa' nghe sao mà âm vang. Tôi lặng yên, bồi hồi lắng nghe tiếng rung ngân của hai chữ đơn sơ ấy.

- Hồi xưa, anh tốt với em nhiều lắm. Khi ra đi, em cứ nghĩ sau này giàu có sẽ đền công anh...

Giọng Bim nghẹn như sắp nức nở. Bỗng dưng, nước mắt tôi ràn ra không giữ nổi.

- Bim ơi, lớn rồi, sao còn nói ngơ ngơ?

Chiều đó, tôi về lại Trà Am, ngồi một mình dưới gốc cây ươi bên suối. Nước cứ chảy xuôi, chảy mãi. Bim ơi, biết nơi đâu là biển của đời người.

Trần Thùy Mai sinh năm 1954 . Đã xuất bản: Thị trấn hoa quỳ vàng, Cỏ hát, Trò chơi cảm, Gió thiên đường, Quý trong trắng (giải B Hội Nhà văn VN năm 2002), Biển đời người, Thập tự hoa (giải thưởng văn học - nghệ thuật 2003), Đêm tái sinh, Mưa đời sau.

TTCN - Một cô Hạnh chịu đựng và hi sinh tất cả cho hạnh phúc của chồng trong Trăng nơi đây giéng (đã chuyển thể sân khấu - vở Hỡi khóc đi em), một sư Mi bắt đầu biết đến sự ngọt ngào và đau khổ trong tình yêu với mối tình đầu sớm vụn vỡ trong Gió thiên đường, một thiếu phụ

giam mình trong kỷ niệm của Thập tự hoa; không hẹn mà gặp những nhân vật trong truyện ngắn của Trần Thùy Mai cùng lúc được đưa lên màn ảnh.

* Theo chị, vì đâu những tác phẩm của chị gần đây thường được các nhà làm phim chú ý?

- Có lẽ là do lúc viết mình luôn nghĩ là viết cho những người đọc của thời bình. Đây là lúc người ta có thời gian để trở lại với những vấn đề gần gũi với cuộc sống: tình yêu, tình người, thân phận con người. Mặt khác, cuộc sống công nghiệp ngày càng căng thẳng khiến người ta cần có những rung động chân thành, lãng mạn để chống lại sự công nghiệp hóa tâm hồn...

* Ngoài Thập tự hoa, Gió thiên đường và Trăng nơi đáy giếng, trước đó đã có những tác phẩm khác của chị được chuyển thể điện ảnh?

- Các truyện ngắn Thương nhớ hoàng lan, Người bán linh hồn... đã được chuyển thể kịch phim, tiếc rằng không có cơ duyên được dựng phim.

* Chị có lo âu rằng những đứa con tinh thần của mình sẽ biến dạng khi được chuyển thể điện ảnh? Và liệu cái không khí văn chương đậm thắm, tinh tế của Trần Thùy Mai có thể hiện được trong phim?

- Một đạo diễn trước hết là một người đọc, một người đọc đã thích tác phẩm của mình, đã chọn nó để khởi đầu công trình của họ, tất nhiên điều đó làm mình rất cảm động. Nhưng truyện ngắn chỉ là một hạt mầm, hạt mầm sẽ thành cây trái như thế nào, còn phải mất nhiều công lao trồng tỉa chăm sóc của đạo diễn và diễn viên...

Mình cũng biết là khi chuyển sang phim, câu chuyện sẽ thay đổi nhiều. Mình chỉ mong muốn sao cái hồn của truyện được giữ lại, các tính cách của nhân vật đừng thay đổi, còn thì phải để cho biên kịch và đạo diễn tự do trong công việc sáng tạo của họ.

Đa số các đạo diễn làm phim của mình đều còn trẻ, có người còn xem đây là phim đầu tiên.

Còn trẻ nên có thể chưa có một bề dày sự nghiệp để được tin tưởng. Nhưng nhiệt tình, sự năng động và khát vọng nghệ thuật của họ có thể bù vào chỗ thiếu kinh nghiệm. Tôi hi vọng như vậy.

* Nếu phải nói ngắn gọn về tình yêu, chị sẽ nói thế nào?

- Tình yêu là đôi cánh giúp con người vượt qua biên giới của chính mình.

* Nhưng tình yêu trong tác phẩm của chị thường thấm vị xót xa...

- Vì trên thực tế có những giấc mộng không thể đứng vững trước cuộc đời. Nhưng không phải vì thế mà người ta thôi ước mơ, không phải vì thế mà những giấc mơ không đẹp.

* Tác phẩm nào của chị nói lên được cái đẹp của tình yêu nhất? Và tác phẩm nào về tình yêu lay động chị nhất?

- Tác phẩm về tình yêu lay động tôi nhất là Đồi gió hú của Emily Brontë. Tôi đã xem phim và rất thán phục các nhà làm phim: không hiểu sao họ có thể chuyển một tác phẩm đầy chất u uẩn nội tâm như thế sang ngôn ngữ của điện ảnh được. Còn truyện của mình về đề tài tình yêu ưng ý nhất có lẽ là Gió thiên đường.

* Chắc chị từng yêu nhiều lắm và sống hết mình cho tình yêu mới có thể viết như thế?

- Cụm từ "sống hết mình" có nhiều cách hiểu quá, không biết mình có xứng đáng được nhận nó không đây? Chỉ biết rằng mình không bao giờ phải hối tiếc khi sống chân thật và sống hết lòng. Điều này không phải chỉ trong tình yêu mà trong mọi mặt của cuộc sống. Khi viết mình thấy thương nhân vật của mình, thế thôi. Đôi khi mình cảm thấy đang sống cùng họ trong những nỗi đau và hạnh phúc đó, dường như cuộc sống của họ là sự nối dài cuộc sống của chính mình vậy.

* Đánh giá của chị về phim tình yêu tay ba, tay tư của Hàn Quốc, từ góc nhìn của một nhà văn chuyên viết đề tài tình yêu?

- Trong thể loại phim giải trí thì họ thật sự thành công, đặc biệt với phụ nữ. Có lẽ có hai lý do để phụ nữ ưa thích phim Hàn Quốc: trước hết vì trong đó không có bạo lực và tình dục, những thứ ăn khách với đàn ông nhưng phụ nữ, nhất là những phụ nữ trẻ, lại không hợp. Thứ hai, trong phim thường đặt ra những vấn đề xã hội mà giới trẻ quan tâm như những quan niệm mới về mối tương quan giữa sự chân thật và lòng chung thủy, tình yêu và sự nghiệp, tình cảm gia đình và tự do cá nhân...

Tôi thấy trong cách giải quyết vấn đề, ý tưởng của tác giả phim rất mạnh mẽ, khai phóng, vượt qua những thành kiến, áp lực (là thứ mà tuổi trẻ rất ghét). Tuy vậy họ biết xử lý rất khéo vấn đề, không để quá đà, gây sốc trong đa số công chúng. Những phim đó góp phần giáo dục cho đa số công chúng thái độ sống đẹp trong những tình huống thực tế mà không phải nói những lời đao to búa lớn gì cả.

* Chị đang viết một cuốn truyện ngắn đề tài lịch sử, với những nhân vật bị cả lịch sử và văn học bỏ quên?

- Vẫn không xa đề tài tình yêu và thân phận, nhưng lần này nhân vật là những người đàn bà trong lịch sử. Cụ thể là một số bà công chúa, cung phi của vương triều Nguyễn. Ví dụ có một bà là vợ của Quang Toản, vua cuối cùng của triều Tây Sơn, sau trở thành vợ thứ ba của vua Gia Long.

Người đàn bà đó là chiến lợi phẩm, trong mấy mươi năm bà ta phải làm vợ và sinh con cho một người đàn ông đã xé xác chồng mình. Con gái của bà, công chúa Ngọc Ngôn, đã lớn lên như thế nào giữa ánh mắt kỳ thị trong một hoàng cung triều Nguyễn sau chiến tranh... Những con người ấy chỉ có cái tên nhỏ trong lịch sử nhưng bi kịch thì lớn, và bi kịch ấy không phải của riêng một thời nào...

* Hình như một chút ngậm ngùi của cố đô Huế - mảnh đất chị lớn lên và gắn bó - đã đi vào văn của chị?

- Mình lớn lên ở Huế và điều làm mình gắn bó với Huế nhất là cái cảm giác bé nhỏ, hiền hiền, thương thương mà lúc nào mình cũng cảm thấy khi nghĩ về xứ sở này. Trong những gì mình viết ra có rất nhiều mảnh đời ở Huế...

* Chị nhận xét thế nào về các nhà văn nữ Trung Quốc đương đại như Vệ Tuệ, Miên Miên, Xuân Thụ...? Còn văn học nữ trong nước hôm nay?

- Đã là văn chương thì viết cách gì cũng được miễn là hay, mình nghĩ vậy. Mình thích Vệ Tuệ, văn cô ấy rất bạo nhưng đầy nữ tính. Những tác giả nói trên đều có chỗ giống nhau, họ phản ánh cuộc sống như nó đang tồn tại chứ không phải như người ta muốn nó tồn tại. Đó là nét hấp dẫn của họ. Văn học nữ trong nước cũng có những động thái tương tự, nhiều dấu hiệu cho thấy các nhà văn, nhất là các nhà văn trẻ, đang tìm cách bút phá để vượt qua ngưỡng cửa của thời đại, mà trước hết là vượt qua mặc cảm hổ thẹn của phái nữ.

Điều mình mong là mọi sự bút phá phải dẫn đường đến cái đẹp, và văn học nữ dù trực diện chất chứa cũng trực diện, chất chứa một cá... ch đáng yêu

Bài hát đêm cuối năm

Giai điệu ngọt ngào của bài hát thời thơ ấu cất lên qua điện thoại có lẽ là thứ âm nhạc kỳ diệu nhất đối với người nghe từ bên kia đại dương, trong giờ phút linh thiêng của đêm cuối năm, khi

lòng đang hướng về quê nhà.

Hồi đó tôi tám tuổi, Tư "sư cụ" lên chín. Đầu nó lúc nào cũng trọc tếu, lún phún mấy sợi tóc con. Trong lớp Tư ngồi gần tôi. Mỗi lần làm toán, Tư bảo tôi nhìn vào bài nó. Còn nhỏ tí nhưng tôi đã biết kiêu hãnh, thà chịu điểm 0 (không) chứ không thèm cóp-pi của con trai. Tuy vậy, nhiều khi tôi cũng lâm vào thế kẹt, vì cô giáo ra nhiều bài khó quá. Để đền đáp lại việc phải thỉnh thoảng nhờ làm giùm toán, tôi giao hẹn sẽ dạy cho Tư những bài hát "của tôi".

Tôi học giỏi tiếng Pháp. Ở nhà, anh tôi lại học nhạc, dạy cho tôi nhiều bài hát hay, Tư thích lắm. Tôi dạy nó hát bài Joli tambour, bài Alouette, bài Au près de ma blonde. Không hiểu sao nó còn nhỏ mà giọng đã ồ ề. Còn tôi hát giọng mũi, y như đầm hát: Dans le jardin de mon père, Les lilas sont fleuris... (Trong khu vườn của cha, những bông tử đinh hương bừng nở...) Cả tôi và Tư chưa thấy hoa tử đinh hương bao giờ. Nhưng khi tôi hát, tôi thấy tử đinh hương nở đầy trên khoảng sân hoang dại sau trường. Hoa nhiều màu lắm, đỏ thắm, vàng tươi, và có rất nhiều bướm bay lượn. Rồi trống giục vào lớp, tôi không hát nữa. Những bông hoa biến mất, khoảng sân chỉ còn lại những lùm cỏ um tùm, những con châu chấu nhẩy tanh tách, tanh tách...

Năm cuối cùng ở trường huyện, chúng tôi thi sơ học yếu lược. Nhà nghèo, nên mẹ tôi định cho nghỉ học ở nhà, tôi không dám nói gì, sợ mẹ buồn thêm. Nhưng đến lớp, tôi khóc. Đứa nào cũng thương tôi. Thầy Tiến trưởng lớp cho tôi một cái kèn ắc-mô-ni-ca nhỏ bằng quả bắp non. Con Lan Huê cho tôi tấm ảnh...

Tôi hỏi Tư "sư cụ":

- Đàng ấy không cho mình cái chi cả à?

"Tui à? Tui không có cái chi cả". Nó nói rồi làm lũi đi vào góc lớp. Một lát sau, Tư trở lại:

- Này tui cho đàng ấy cái ảnh.

Trong tấm ảnh có hình thầy bé con đầu trọc tếu. Một góc ảnh có dính phần tư khuôn dẫu đỏ. Đó là cái hình nó gỡ ra từ trong tấm bằng sơ học yếu lược.

Hôm ấy tôi về nhà, khoe với anh tôi những món quà kỷ niệm. Anh tôi trừng mắt:

- Ai cho Miên cái hình nì?

- Thầy Tư "sư cụ" cho.

Một cái bộp tai làm tôi choáng váng, khóc òa. "Mi ngu lắm! Lần sau không được nhận ảnh của con trai, nghe không?". Tôi khóc tím tấc mãi, không hiểu vì sao mình bị đánh. Hôm sau gặp lại Tư, tự nhiên tôi thấy ngượng ngùng và xa cách thế nào ấy. Tôi trả tấm ảnh cho Tư. Nó có vẻ không vui:

- Răng Miên không cất đi?

- Anh Miên nói không được lấy hình của con trai.

"Rứa à?". Tư "sư cụ" nhìn tôi, hai con mắt nó buồn, buồn ghê lắm.

Đó là lần đầu tiên tôi nhận ra nó có đôi mắt to, đen, sâu hút, hiền như mắt con gái. "Thôi rứa để lần sau tui tìm có cái chi đẹp, tui cho Miên nghe".

Đó là những ngày cuối cùng của chúng tôi trên cái sân chơi um tùm cỏ dại của ngôi trường huyện thời Pháp thuộc.

Biết rằng mình phải thôi học, nhưng tôi cứ nạp đơn thi thử vào Trường Đồng Khánh. Không ngờ, tôi đậu khá cao, được học bổng, lại được nội trú ở trường. Số phận đã phù hộ tôi, cho tôi có một thời nữ sinh. Khác hẳn với trường huyện, trường tôi bây giờ thật đẹp. Những dãy lầu vươn lên khỏi tán lá phượng, những hành lang dài im mát, tất cả nhuộm một màu hồng thiếu nữ. Chiều chiều, tôi và các bạn ngồi sau cửa sổ hát theo tiếng dương cầm thỉnh thoảng vọng lên từ căn phòng dưới cầu thang gỗ. Những lúc ấy, sân trường chìm trong yên lặng, một thứ lặng yên trong sáng và thuần khiết lạ lùng.

Cuối tháng, đến chiều thứ bảy, anh tôi đến đón ở cổng trường. Hai anh em đi ra bến đò Thừa Phủ. Tiếng guốc học trò gõ trên mặt đường nghe lạ lắm. Đò qua sông, sương buổi chiều bắt đầu giăng phủ trên mặt nước. Không nghe tiếng chèo khua, thì không biết thuyền đang lướt sang qua bên kia bờ.

Một lần, tôi lên phòng giám thị làm trực nhật. Cô giám thị đeo kính trắng, người dong dong mảnh mai, không đẹp lắm nhưng rất đài các. Không hiểu sao, bắt ngờ, cô hỏi tôi:

- Chiều nào em rời trường cũng có một người con trai đến đón phải không?

Tôi sợ hãi run cả người, mãi sau mới lí nhí trả lời:

- Dạ... thưa cô, đó là anh ruột của em.

Cô vẫn nhìn tôi chăm chăm, có vẻ nghi ngờ. Sau tôi kể lại, anh tôi bảo: "Ngu, vì mi sợ cho nên cô nghĩ là mi nói láo". Tôi cười thú nhận. "Em run quá, ngó vô mắt cô là em đã khiếp ròi".

Thời gian qua, tôi đã lớn. Cái áo dài phin đã căng lên và nổi ngượng ngùng càng lúc càng tăng. Anh tôi đã đi làm xa. Chiều cuối tháng tôi về một mình. Chiều nào tôi cũng ra sớm, chờ đò dưới gốc cây me. Ở đó có ông xẩm già vừa kéo nhị vừa hát vè:... Ơi em ơi, em ăn ở làm răng cho có đất có trời. Đừng ham duyên mới phụ đời nước non... Một hôm, bẽn vắn, tôi thấy có người ngồi cạnh cụ xẩm mù. Người ấy nhìn tôi, se sẽ gọi:

- Miên!

Tôi ngẩn người một lúc, rồi nhìn ra thằng Tư "sư cụ"! Nhưng bây giờ hấn đâu còn sư cụ nữa. Hấn đã có tóc, cao lớn dềnh dàng như ông Tây. Hấn ngồi nghe hát xẩm, vừa nghe vừa lẩm nhẩm hát theo. À, bây giờ hấn lại có "sư phụ" mới ròi đây. Tôi buồn cười nhớ lại những ngày ở trường huyện. Bây giờ đã lớn, tôi không dám chuyện trò mạnh bạo với Tư nữa, chỉ hỏi nhát gừng vài câu.

- Lâu ni đi mô mà không ai thấy mặt?

- Đi mô mà đi, mình học ngay cạnh trường Miên thôi.

A, thì ra hấn học ở Quốc học. Tôi không nhìn thẳng vào mặt Tư như ngày xưa, vậy mà tôi vẫn thấy đôi mắt hấn to, đen như mắt con gái. Xuống đò, Tư đi theo tôi. Hôm nay đò chỉ có hai người. Tư nằng nằng đòi tôi hát cho hấn nghe. "Ai mà làm rứa, dị òm". Tôi từ chối. Nhưng Tư cứ năn nỉ. Tôi hát đại một bài quấy quá cho qua, giọng tôi lí nhí chẳng ra gì. Tư thất vọng.

- Không được, hát lại. Hát như hồi ở trường huyện ấy.

- Dờ dờ rứa thôi, hành người ta vừa vừa...

Đò cập bến, tôi bết bát lên bờ, sợ nhất Tư đi theo, rùi có ai quen nhìn thấy, họ trêu chọc thì chết. Nhưng Tư chỉ ngồi lại trong lòng thuyền chờ sang lại bến cũ. "Thôi, đàng ấy về, mình qua sông nghe hát vè vậy". Có lẽ hấn mê bác xẩm mù thật. Người chi mà quái dị...

Bẵng đi một thời gian, một hôm chủ nhật, tôi nghe báo có người anh họ đến thăm. Cô giám thị hỏi tôi khi tôi bước vào phòng khách: "C est votre cousin?". Giọng cô cao đến xé tai. Tôi nhìn ra: Tư "sư cụ"! Tự nhiên tôi đỏ mặt tía tai, cái mặt đỏ tức thì tố cáo mọi chuyện. Ngay ngẫu đi vào, tôi nói cấm cản:

- Tui không hát nữa mô! Không hát nữa mô!

Lúc ấy tôi đinh ninh rằng anh đến để bắt tôi hát. Tôi có phải ông xẩm già bên sông đâu. Từ đó, tôi không gặp Tư nữa, dù anh ở rất gần tôi, cách có một con đường hiền hòa nằm giữa hai ngôi trường. Rất lâu sau, tình cờ tôi mới gặp Tư giữa chuyến đò đông. Tụi con trai nghịch ngợm nhảy lên mũi thuyền, thay nhau chèo đò, những đứa khác thì dậm chân thành thành làm cho thuyền rung lên, chao đảo. Tụi con gái mặc áo trắng không muốn ngồi xuống mạn thuyền, cũng không muốn vịn vào người tụi con trai, chỉ biết vừa đứng chệnh choáng vừa kêu lên í ới. Tư đứng gần tôi, cũng dậm chân thật dữ, mắt anh ta nhìn tôi như bốc lửa. Tôi sợ ngã người đụng vào Tư thì thực xấu hổ đành ngồi thụp xuống, tà áo dài vấy bẩn cả. Tức quá, tôi òa khóc...

Mấy hôm sau, trở lại trường, tôi chỉ thấy tấm bảng lớn: "Trường đóng cửa vì thời cuộc". Rồi ít lâu sau, trường học dời ra Quảng Bình. Cả nước đi vào thời kỳ toàn quốc kháng chiến.

Ra Quảng Bình được hai hôm thì đường đi bị cắt đứt. Từ đó, tôi không còn gặp lại mẹ và anh em tôi nữa. Khung trời Đồng Khánh, bến đò xưa, làn sương trắng trên sông, tất cả đã thuộc về một không gian khác. Một không gian kỷ niệm mà mãi ba mươi năm sau, tôi mới trở về.

Hai lần lập gia đình, tôi chỉ được một đứa con trai. Ngày về, mẹ tôi đã mất. Anh tôi đã ra nước ngoài. Trong ngôi nhà xưa tôi chỉ gặp em gái út. Tôi hỏi hồi 56 (năm 1956), tôi có nhờ một người quen đi Pháp gửi hộ bức thư, em có nhận được không. Em tôi òa khóc.

- Có, em có nhận. Nhưng hồi đó em là nữ quân nhân, trường đơn vị gọi lên bảo lần sau không nên nhận thư nữa. Vì thế nên...

Tôi ôm lấy em. Ba mươi năm, những gian khó tôi đã chịu, những hoàn cảnh đã trải qua dạy cho tôi chấp nhận và thông cảm được mọi điều. Em tôi hỏi về cuộc hôn nhân dang dở của tôi. Tôi chỉ bảo "Lúc ấy chị chỉ có một mình, chẳng khác dây bầu, dây bí mới mọc. Ngã vào đâu leo được thì nó leo". Hai chị em tôi giở album ra xem: Ảnh mẹ tôi, anh tôi, những bạn gái cũ ở Đồng Khánh. "Chị nhớ hình người này không?". Tôi ngờ ngợ một lát:

- Chắc là ở bên ngoài, chứ bên nội không có cái mặt này!

"Anh Tư đấy!". "Ừa, sao em biết?". "Thỉnh thoảng em vẫn gặp. Hỏi thăm chị hoài!". Tôi chợt mỉm cười nhớ đến người bạn trẻ con. "Bây giờ anh Tư còn đây không?". Em tôi lắc đầu...

Điều làm tôi vui là con trai tôi rất hiếu thảo. Nó luôn trách tôi:

- Sao mẹ không đến ở nhà mới với chúng con. Mẹ ở một mình, con không sao yên tâm được.

- Mẹ chỉ muốn ở lại căn hộ này. Mẹ con mình ở đây từ lúc vừa trở về. Khi mẹ đến ở ngày đầu, mẹ đã cảm thấy đây là chỗ dừng chân của đời mẹ rồi...

Con tôi phì cười: "Mẹ lại lằng mạn kiêu lắm lắm rồi. Thôi, con biết mẹ ưa yên tĩnh, mẹ chẳng muốn về chỗ tụi con, khách khứa ra vào phiền toái. Vậy thì con bắt điện thoại cho mẹ, lỡ có gì trái nắng trở trời, mẹ gọi ngay cho con".

Có điện thoại rồi, con tôi vẫn chưa yên tâm, nó sợ tôi buồn, bảo vợ cho thằng cu Bi sang ở với tôi.

Hằng ngày, tôi lại đưa cháu đi học. Hai bà cháu dắt nhau đi trên con đường lá xanh. Tôi vừa đi vừa kể cho cháu nghe thời thơ ấu của tôi. Có lúc cháu lắng nghe, có lúc lơ đãng nhìn ra đường. "Xe này là Toyota phải không bà? Còn xe này là Serious hay Future bà nhỉ?". "Bà không biết, khi nào cháu hỏi mẹ xem, mẹ rành lắm. Ngày xưa con đường này yên tĩnh, người nào giàu nhất cũng chỉ đi xe đạp...". Cháu tôi tiếp tục nhìn những chiếc xe, còn tôi tiếp tục với ngày xưa của tôi.

Một hôm, cu Bi bảo tôi:

- Bà ơi, cháu có thư từ nước ngoài gửi về đấy, bà ạ.

- Ai ở nước ngoài mà lại viết thư cho cháu?

- Bố bạn Trần Ngọc Tuấn gửi cho chúng cháu. Bạn Tuấn đi Mỹ với cả nhà đầu năm nay. Trong thư, bố bạn Tuấn nói là bạn Tuấn buồn và lạc lõng lắm vì đến trường ai cũng nói tiếng Anh. Có nhiều trẻ em người Việt nhưng không nói chuyện được, vì tụi nó không biết tiếng Việt. Bố bạn Tuấn gửi thư cho chúng cháu, gửi kèm cả tem để trả lời nữa bà ạ.

Cu Bi đưa bức thư cho tôi xem. Tôi đọc, hình dung ra căn nhà rộng, bên ngoài là mùa đông lạnh giá. Đứa bé ở trường về, nó buồn tủi, đau khổ vì không thể hội nhập với bạn bè. Nó ngồi lệt thốt trong ghế bành, khóc nức nở. Bố nó đã dành con, nhưng không sao an ủi nổi thằng bé, ông cầu cứu đến tình cảm của những bạn bè của con mình ở quê hương...

Ngày nghỉ, cháu tôi rủ bạn hàng xóm sang, nhảy dây, đánh bi, quên hẳn bức thư. Tôi nhắc cháu. Một lần, hai lần. Cháu ở đây với bao trò chơi vui vẻ. Cháu còn bé thế làm sao hiểu nỗi buồn lẻ loi của bạn nó. Còn tôi, tôi đã hiểu điều đó nhiều lần, thậm chí nhất là khi con tôi rời khỏi nơi này.

Kỳ nghỉ cuối năm đến. Con dâu tôi sang đón con về ăn Tết. Tôi lại nhắc cháu viết thư cho bạn.

Con dâu tôi gật đầu tán thành:

- Cũng cần có một số chỗ quen biết bên ấy, sau này có khi được việc lắm. À, mà mẹ nghĩ con nên viết thư bằng tiếng Anh, cũng là một dịp để rèn luyện ngoại ngữ...

Cu Bi dầy nẩy: "Không, không, con chỉ viết mấy câu thôi! Mẹ ơi, khi nào có hội chợ thì mẹ cho con đi chợ chim, mẹ nhé!".

Cháu về rồi. Tôi còn lại một mình. Bánh mứt, con dâu tôi đã đem sang đủ cả. Tôi không phải làm gì, cũng không biết làm gì. Bỏ thư cho cháu xong, tôi về nhà.

Sáng sáng, tôi lạng lẽ thấp nhang bàn thờ rồi tưới hàng chậu kiểng, những cây kiểng con trai tôi mua về cho tôi chơi Tết.

Đêm cuối năm. Yên lặng. Tôi ra sân nhìn trời rồi lại vào. Tiếng chân tôi vang trên nền gạch bóng. Tôi biết mình đang bước trên những giờ khắc cuối cùng của năm sắp hết.

Bỗng có tiếng điện thoại reo. Cu Bi gọi tôi đây, chơi chán chắc nó lại nhớ bà rồi. Nhưng không,

một giọng người lớn. "Alô, đây có phải nhà của em Lê Gia Huy? Tôi là bố của Trần Ngọc Tuấn muốn gặp em Huy". Tôi sửng sốt:

- Alô, xin lỗi ông, Huy là cháu tôi. Xin chúc ông năm mới tốt lành!

- Cảm ơn bà, chúc bà năm mới hạnh phúc. Cháu Huy có viết thư và cho số điện thoại, cho nên tôi muốn gọi điện chúc Tết gia đình và cho hai cháu nói chuyện với nhau.

- Tiếc quá, Huy đã về nhà ăn Tết với bố mẹ. Nhà chỉ còn mình tôi.

"Thế à?". Giọng nói ở đầu dây bên kia có vẻ thất vọng. Tôi tưởng ông ta sẽ chào ngay, nhưng ông chỉ hơi ngần ngừ một lát. Có lẽ hình ảnh một người đàn bà một mình đón giao thừa đã khiến ông ta bất giác muốn nán lại:

- Thưa bà, lâu lắm mới nghe tiếng nói từ quê nhà... Tôi có thể hầu chuyện bà năm mươi phút được chứ? Xin giới thiệu, tôi là Trần Ngọc Tư...

Chút nữa ống điện thoại rơi khỏi tay tôi. "Trời đất! Có phải anh là anh... Tư "sự cụ"?"

- Đúng, đó là hõn danh của tôi hồi nhỏ! Sao bà biết?

- Tôi là Miên, anh còn nhớ không?

Đến lượt người bên kia la lên, như thấy Trời Phật giữa ban ngày.

Gần một giờ đồng hồ, chúng tôi nói chuyện với nhau như những đứa trẻ. Những chuyện của nửa thế kỷ trước, những chuyện nay đã thuộc về chiêm bao và cổ tích. Trước mắt tôi lúc đó không phải là người đàn ông ngoài sáu mươi lưu lạc nơi đất khách, mà là chú bé con có cái đầu trọc tều và đôi mắt đen thui, hiền như mắt con gái. "Anh Tư! Anh có nhớ hồi đó anh cho tôi cái chi không?".

- Nhớ chứ. Tôi cho Miên cái ảnh lật ở bằng Primaire ra. Ngày đó về nhà, thầy tôi đập cho tôi một trận nên thân. Sau đó Miên trả, tôi mới dán vào lại... Nhờ tấm bằng mà tôi đi sĩ quan. Hồi đó, nếu Miên đừng trả lại, thì cuộc đời tôi chắc rẽ sang hướng khác!

Tôi cười... "Sang bên ấy có nhớ Huế không anh Tư". Im lặng vài giây, rồi giọng nói bên kia chợt trầm hơn:

- Đứa trẻ con còn buồn nhớ, hưởng gì tôi? À mà này. Miên hát đi! Hát cho tôi nghe bài gì đấy cũng được!

- Quỷ! Cái anh này, đến già vẫn thế! Hồi ở Đồng Khánh, tôi tức ghê vì thấy cái mặt tôi là anh đuổi theo đòi hát.

Đến lượt Tư cười. "Miên đại lảm, chẳng biết gì cả. Người ta lúc đó muốn xin nhiều, chứ không phải là xin nghe hát thôi đâu. Nhưng giờ thì muộn rồi. Giờ thì điều duy nhất tôi còn xin được, là nghe Miên hát, trong đêm giao thừa này".

Bất giác, sau nhiều năm, tôi lại chợt thấy máu mình dồn lên má. Lúng túng một lúc, tôi mới nói được:

- Tôi hát "Après de ma blonde" nhé?

- Vâng, tuyệt vời!

"Dans le jardin de mon père, les lilas sont fleuris...". Giọng tôi bây giờ đã run ròi. Nhưng thật lạ, nó vẫn còn giữ những âm sắc cũ. Bỗng dừng, đang hát, nước mắt tôi lặng lẽ ứa ra, lặng lẽ tuôn trên má. Ô hay! Có gì đâu mà khóc? Có gì đâu mà tiếc thương?

Chung quanh tôi là cỏ xanh, với thật nhiều châu chấu nhảy tanh tách, tanh tách... Rồi những bông tử đinh hương huyền thoại mọc lên, nở ra, muôn màu dưới bầu trời non dại vô cùng. Tôi thấy mình đã đi hết vòng đời và đang quay trở lại buổi ban đầu. Không biết ở cách tôi bao núi rừng và đại dương, Tư có cảm thấy như thế không, người bạn thời thơ ấu của tôi ơi!

Chú thích :

Dans le jardin de mon père, les lilas sont fleuris : Tiếng Pháp có nghĩa là: Trong vườn hoa của Cha tôi, loài hoa lilas đang đua nở.

Em Dung

Bé Dung người mảnh dẻ, khuôn mặt nhỏ. Đôi mắt to, đen và có cái nhìn mới sáng làm sao. Mẹ tôi mỗi lần nhìn về sáng ấy cứ thì thầm nói với tôi: Sao cứ như là ba con đang nhìn.

- Mẹ cho em ăn uống đầy đủ lắm mà sao em cứ gầy. "Khi con còn nhỏ mẹ đâu có chăm kỹ như thế này phải không?" Có lần tôi hỏi khi thấy mẹ buộc khăn vào cổ em, rồi chọn gấp từng miếng thức ăn bỏ vào cái chén kiểu trước mặt. Mẹ bảo: "Em khác, con khác". Mắt mẹ thoáng về buồn. Cái dáng gầy của mẹ ra vào trong nhà ngoài sân thật đúng như người xưa vẫn ví von: mình hạc xương mai. Lớn lên một chút, tôi thường nghĩ mẹ tôi là con hạc từ trên trời bay lạc xuống đậu trên mảnh đất gồ ghề đầy sóng gió là cha tôi. Cả đời lúc nào tôi cũng mang một ám ảnh. Trong máu của mình, mẹ hay là cha đang ngự trị?

Nhà tôi ở trên bờ sông lớn có con đập chắn ngang. Khi cơn mưa đầu mùa dội về, nước sông cuộn lên vỗ ào ạt như rồng dữ lồng lộn xô mạnh vào bờ đá. Nghe mưa dội ào ào trên mái hiên, em Dung reo lên, chạy ào ra sân nhập bọn cùng lũ trẻ trong xóm, ngửa mặt lên trời tắm mưa. Mẹ tôi hét hoảng kêu lên. Tôi đội mưa lao ra, tóm cổ con bé lôi về. Tóc nó ướt lướt thướt dính bết quanh khuôn mặt gầy nhỏ, hàm răng sún nhe ra vô tư. Quần áo dán vào thân thể, hóa thành mỏng tanh, trong suốt như gương. Mẹ tôi ôm chầm lấy em, bọc nó vào trong cái khăn lông mà lau lấy lau để. Cho thay quần áo rồi, chải tóc hơi chân rồi, mẹ tôi mới lấy cái thước kẻ lớn dần mạnh mấy lần vào bàn tay em. Em tôi rụt tay lại, khóc òa. Mẹ nghiêm giọng quát:

- Con gái nhà lành, ai cho lỏa lồ tắm mưa như thế? Đánh thật đau cho nhớ!

Em Dung cứ tức tưởi khóc, hai con mắt to và đen cứ lấp lánh về uất ức gan lì. Cái vẻ gan lì ấy làm hại nó. Mẹ tôi định tha, nhưng thấy vậy lại bắt em quỳ quay mặt vào vách. Tôi muốn xin cho em, muốn nói với mẹ rằng dù sao nó cũng chỉ mới là một con nhãi ranh còn chưa hỉ sạch mũi. Nhưng mẹ bảo tôi, mắt đỏ hoe:

- Măng non không uốn, để cứng thành tre làm sao uốn được?

Tôi lặng im. Khi nào cũng vậy, nhìn thấy đôi mắt rơm rớm của mẹ là tôi đầu hàng. Hồi tôi còn nhỏ cũng thế, nếu không sợ mẹ đau lòng thì tôi đã không đem đồ cả lũ tượng đất lớn nhỏ mà tôi hì hụi nắn được trong góc vườn. Bắt đầu biết nghịch đất sét, tôi đã mày mò nặn con chó, con mèo, nặn hình ông Thọ, cô tiên. Các bạn rượu của cha tôi xoa đầu tôi mà bảo, "Con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh", con của một họa sĩ thì tương lai rõ là một nhà điêu khắc rồi, không sai... Rất có thể điều tiên đoán ấy sẽ thành sự thật và tôi sẽ trở thành con kế nghiệp của cha tôi nếu một hôm tôi không khờ dại nặn ra pho tượng đất sét ấy. Thấy nó, mẹ tôi choáng váng, nghẹn không nói được. "Huân, con làm gì thế này?" Bức tượng của tôi chỉ dài chừng ba tấc, đây là hình ảnh một người đàn bà không mặc quần áo. Năm đó tôi mười hai tuổi, với cục đất sét tôi thể hiện sự tò mò giới tính của tôi, và không quên dùng một nhúm tóc rối nhét vào giữa hai bắp về pho tượng.

Mẹ tôi đập bể tan tành cái tượng ma quỷ đó. Tôi uất ức, vì đó chỉ là kết quả sự chiêm ngưỡng hồn nhiên khi một lần tôi tình cờ thấy mấy cô hàng xóm đi tắm ngoài bến nước. Mẹ tôi khóc không thành tiếng. Người cho đào hết bọng đất sét sau vườn đem đi, thay vào bằng đất bùn lấy ở bờ sông sau mùa lũ. Bọng đất ấy dài bốn mét, sâu đến hai mét tư, khi vét xong để lại một lỗ trống toang hoác nơi góc vườn. Người ta lấp đầy nó bằng đất thịt lấy ở triền sông. Ba tôi bảo: "Việc gì phải thế". Mẹ tôi chỉ nói: "Đất này trồng cây, trồng hoa tốt hơn". Từ lâu rồi mẹ tôi vẫn thường đối phó với ba tôi bằng cách dụi dằm lảng tránh như thế. Giữa ba mẹ tôi không bao giờ to tiếng, bởi người nhường nhịn lúc nào cũng là mẹ. Mẹ mảnh khảnh, nhỏ nhẹ, tối ngày cố xếp đặt căn nhà, khu vườn thật chẵn chu, ngăn nắp. Ba tôi thì cao lớn, nóng nảy, ra vào trong cái trật tự của mẹ như một con ngựa chiến bị buộc trong chuồng. Từ ngày ấy, mẹ luôn đóng cửa phòng vẽ của ba tôi, nó đã trở thành một thế giới riêng đầy bí ẩn. Ngoài giờ ăn, ngủ, hầu hết thời gian ba tôi giam mình trong đó. Rồi ít lâu sau, người ngủ luôn ở đấy, hầu như không quay về phòng nữa. Cuộc sống gia đình vẫn lặng thầm trôi đi trong êm ả, và với tôi thế giới bên trong căn phòng vẽ vẫn là một thế giới bí ẩn đầy kích thích khiến tôi luôn tưởng tượng mà không dám đặt chân đến bao giờ.

Em Dung quỳ úp mặt vào tường, thật tội nghiệp. Tôi mua bánh chuối ram, gói trong miếng giấy, len lén đem vào cho em. Lúc đó tôi mới biết em đã không quỳ yên một chỗ như tôi tưởng. Em nhích dần dần đến bên cửa sổ, bây giờ em chẳng còn úp mặt vào bức vách mà đang nhìn ra sông. Gió từ ngoài thổi vào, làm tóc mai em bay nhẹ, em nheo mắt và cười, trong khi cao hứng em thì luôn hai khuỷu tay chồm lên cửa sổ như người ngắm cảnh. "Thế mà gọi là chịu phạt đấy à? Mẹ thấy thì lại bắt quỳ thêm cho đến chiều!" Em giật mình, quay nhìn tôi, hơi e dè một lát rồi nhoèn cười: "Suyt, mẹ đang nấu ăn, không thấy đâu". Hai anh em quỳ bên nhau nhìn ra con đập. Con nước đầu mùa vẫn lờng lộn dưới chân kè đá. "Anh Hai ơi, sao mà mắt anh đỏ?". Em Dung hỏi, bàn tay nhỏ của em chạm lên má tôi. "Anh nhớ ba" "Ba ngày xưa ra sao hở anh?" Tôi lúng túng, không biết nói sao. Thực tình là ba đã có nhiều điều không phải với mẹ. Nhưng tôi không thể không yêu ba tôi, không thể không cảm thấy mối liên hệ máu thịt và sức hấp dẫn kỳ lạ toát ra từ người đã cho tôi cuộc sống. Mỗi lần nhìn con đập này, tôi không sao quên được những ngày vừa ngọt cơn mưa đầu mùa, ba dẫn tôi lội nước đến bên bờ sông. Dòng nước đã vượt qua con đập, chảy xiết. Có năm nước dữ, một bên mé đập sạt đi những tảng lớn, sau mùa lũ người ta phải vá lại. "Ba ơi, sao người ta không xây đập cao lên chừng năm tấc nữa cho nước khỏi tràn hở ba?" Tôi hỏi. Ba tôi cười, người cõng tôi lên vai cho nước khỏi làm ướt chân tôi. "Con đập là kỷ cương của dòng sông, nhưng nó không phải là chính dòng sông". Ba tôi nói, câu trả lời của người bay thoảng trong trí nhớ vô tư của tôi hồi ấy, đến giờ tôi vẫn nhớ nhưng chẳng hiểu thật sự người muốn nói gì. Có lẽ đó là những giờ đáng nhớ nhất của hai cha con, vì ba tôi về sau này càng ngày càng lặng lẽ, nếu không giam mình trong phòng vẽ thì cũng đi giang hồ đâu đó, cho đến khi người mất đột ngột trong một chuyến ngao du. Tôi còn nhớ đấy là tháng cuối mùa mưa, tôi sắp tròn mười bảy tuổi.

Mẹ tôi một đời khổ hạnh, âm thầm, nhẫn nhục chỉ để được danh chính ngôn thuận đứng ở đầu quan tài cha tôi khi đưa người đến mộ. Tôi gói những cái cọ vẽ bỏ xuống huyết cho cha tôi. Ở đằng xa, người đàn bà ôm đứa bé đứng co ro, khấp nép, cái nón che nghiêng nửa mặt. Nhiều người ném về phía ấy những cái nhìn khinh rẻ, những cái nguyệt, cái háy đầy vẻ lạnh nhạt. Cô ta xin một chiếc khăn tang. Bà thím tôi trề môi: "Khăn tang gì mà khăn tang, ý nó muốn chia gia tài đó". Nhiều người rĩ tai mẹ tôi: "Đừng cho. Phải thử máu xem có chắc không cái đã". Mẹ tôi chỉ khóc, che mặt không dám nhìn. "Hỏi thằng Huân, nó là con trai, quyền huynh thế phụ" "Đừng cho, bây giờ mà cho, sau phiền phức lắm" - Tiếng người thì thào bên tai tôi. Tôi đau thắt, lòng ngổn ngang, cảm giác như có ai xô ập mình đến bên góc tường. Người đàn bà ấy bỗng đưa bé đến trước mặt tôi. Bất giác tôi đưa hai tay đón đứa bé vào lòng. "Mày điên sao Huân, đã nhắc cho mà biết..." Người nọ, người kia xì xào, có câu đầy mỉa mai: "Thằng này có căn tu, không chừng là Bồ Tát chắc. Mẹ đẻ ra mà không binh, đi nghe lời người dưng". Tôi không nói, ôm em vào lòng. Không cần phải thử máu, tôi thấy nơi khuôn mặt của đứa trẻ là ánh mắt dữ dội của cha tôi, những sợi tóc và đôi môi hoang dã của cha tôi...

Tôi đã không thành nhà điêu khắc mà trở thành một kỹ sư nông lâm, như mong ước của mẹ tôi. Mẹ chỉ muốn tôi sống một đời yên bình, không phải bước lên con đường nghệ thuật đầy sóng gió và bất trắc.

Tôi cũng thích nghề của tôi vì tôi yêu cỏ cây, yêu cái màu xanh thắm sâu từ đất hiện ra rồi vươn cao theo mưa nắng. Thuở đầu đời tôi cũng muốn đi thật xa, nhưng mẹ tôi rơm rớm nước mắt, thế là tôi ở lại... Mẹ ước ao sau này các con tôi lớn lên bên cạnh người, như cành lá từ cội mọc ra rồi lại rụng về cội, ấm cúng thân thương. Mẹ sợ tôi phải sống như ba tôi, người ở đây mà hồn bay xa đến tận nơi nào.

Khi ba tôi mất rồi, tôi mới đặt chân vào phòng vẽ. Những bức tranh người để lại đan kín trên các bức vách rộng, lộng lẫy và hoành tráng, đấy là cả một gia sản mà người để lại cho tôi. Mỗi bức tranh như một ẩn ngữ mà tôi, kẻ kế thừa, chưa có chiếc chìa khóa mật mã trong tay để giải thích. Nhưng cần gì, chẳng phải ngày xưa cha tôi thường bảo: "Cuộc đời là để sống chứ không phải để giải thích" hay sao? Trong những bức tranh này có rất nhiều bức vẽ hình người đàn bà

với da thịt lộ liễu. Từ những mảng màu trên ngực, trên môi, trên đôi tay mọc lên cây lá và cỏ hoa đầy sức sống: cái vẻ rực rỡ của màu xanh cây cỏ, của màu hồng da thịt này, tôi biết cội nguồn của nó. Hào quang lấp lánh ấy tôi đã thấy một lần nơi gương mặt người đàn bà đã trao em Dung cho tôi. Có phải người đàn bà ấy đã đem đến cho cha tôi cái gia sản của sắc màu và ngôn ngữ này? Có thể nói thế hay không, tôi cũng không biết nữa... Đôi khi tôi hoang mang tự nhủ: Lẽ nào tôi đang mắc nợ bà ấy sao, hay là bà ấy nợ tôi?

Trời ngớt mưa, tôi vội vã từ những cánh đồng Hương Thủy về thăm mẹ. Sân nhà sũng nước, mái hiên ngói cổ nhỏ từng giọt, từng giọt vẽ ra một hàng lỗ chỗ trũng xuống trên mặt đất. Em Dung chạy ra đón tôi, hai cánh tay gầy như hai cái que ôm lấy cổ tôi, nhảy thót lên hông tôi cứ như thể em còn nhỏ lắm. Tôi bẹo má em:

- Lên mười rồi nghe, còn làm ra vẻ nhỏ em quá há.

Em cười, cầm tay tôi kéo vào phòng em, chỉ cho tôi những bức tranh màu nước nguệch ngoạc. Em khoe: "Anh Hai ơi, em đi thi vẽ ở nhà Thiếu nhi, được giải nhất".

- Đầu nào, đưa anh coi, tranh mèo cào của Dung sao hên thế.

Em đưa cho tôi xem bức tranh em vẽ dòng sông đang chảy tràn qua con đập, với những con cá đang tung mình nhảy qua theo dòng nước. Những con cá có đôi vú rất nảy nở, như đang căng đầy sữa.

Tôi cười. Em bảo tôi: "Để cho cá con bú thật nhiều, cho nó mau lớn". Tôi nhìn một lát, gật đầu rồi cất bức tranh vào hộc bàn. "Xem chừng mẹ thấy thì chết". Em Dung nhìn tôi: "Sao thế, khi nhỏ em không bú mẹ sao?".

Tôi không trả lời, chỉ nhìn vào mắt em. Mắt em tôi có hàng mi dài và cong đen mượt như mắt di-gan. Tôi biết, mẹ tôi đã phí bao nhiêu công phu để dập tắt cái căn cơ hoang dã trong đôi mắt này. Nhưng vô ích. Tôi biết, rồi một ngày em sẽ ra đi...

Từ lúc yêu cây cỏ và đất đai, tôi cũng đã hiểu dòng sông và con đập. Tôi biết nếu không có con đập thì mỗi mùa mưa cả vùng đồng bằng phía nam sẽ trở thành vực xoáy tàn khốc, nhưng nếu con nước không tràn qua thì hoặc là vùng đất ấy sẽ khô thành hoang mạc, hoặc là con đập sẽ vỡ tan tành trong cuồng nộ của dòng sông mùa lũ.

Vì thế mà hằng năm con đập vẫn chịu đựng vết đau sạt lở. Nó chịu đau để được cùng tồn tại với sông...

Cánh cửa thứ chín

Nghề nghiệp của anh buộc anh phải đi rất nhiều nơi, còn cuộc sống của tôi lại luôn ở đây: những ngày rất dài trong khu vườn lặng lẽ.

Một ngày, một giờ, một khoảnh khắc nào đó, đột nhiên hai cuộc đời riêng rẽ bỗng đi chéo qua nhau. Đó là một ngày cuối năm, ngày khởi đầu của tiết lập xuân. Anh gọi điện nhằm đến nhà tôi. Mặc dù biết đã nhầm, anh không gác máy. Và chúng tôi nhận ra nhau.

Sau đó ít lâu, chồng tôi bảo: "Bệnh của Quyên dạo này khỏi rồi sao?". Tôi chỉ cười lặng lẽ.

Chứng thống kinh hành hạ tôi hơn hai năm nay. Những cơn đau khiến cơ thể tôi lạnh giá. Sau nhiều tế thuốc đắng không chút kết quả, ông lang già cuối cùng đã khuyên tôi tìm tới sự tập luyện của tâm linh.

Buthayoga, đó là thứ nghệ thuật làm nóng cơ thể từ sự khởi động của cái tâm thường bị vùi sâu che khuất. Trong bốn bức tường rêu này tôi có đủ thời gian và sự tĩnh lặng để làm việc đó. Nhưng linh hồn tôi không tĩnh, tôi không phải là đạo sĩ. Tôi chỉ là một người đàn bà. Giờ đây, tôi dần dần ra khỏi cơn đau. Nhờ một sự tình cờ. Một giọng nói. Đó là anh.

Có lần nào đó, tình cờ anh nhắc đến ngày lập xuân ấy. "Quyên có biết vì sao anh không gác máy không? Vì bỗng nhiên anh nghe trong giọng nói tưởng như bình thường của em một điều gì đấy, giống như tiếng kêu cứu của một người tù".

Còn tôi, ngược lại. Từ giọng nói anh, tôi thấy màu xanh và những đám mây. Sau này tôi mới nhớ ra, đó là cảm giác khi thấy đường chân trời. Tôi đã có cảm giác ấy một lần, thuở còn bé, khi về thăm quê ngoại.

A lô, Quyên đấy hả? Này, có phải em thường nghe người ta tả mặt trời mọc trên biển không? Vậy mà bây giờ anh đang nhìn thấy mặt trời lặn trên biển "Sao thế? Vậy là mặt trời lặn ở phía đông?".

"Không... - Anh cười, như thể đang nhìn thấy vẻ mặt ngỡ ngác của tôi. - Chỉ vì hôm nay anh đang ở Hà Tiên. Nơi đây biển ở phía tây đất liền, thế thôi". Trong tiếng anh cười, như có tiếng sóng biển, có ánh hoàng hôn cháy rực trên sóng và phản quang của một vùng đất xa rất xa - Nơi tôi chưa từng thấy bao giờ. Tôi có thể thấy gì, ngoài khu vườn nhỏ bị che kín. Nhưng ở đây, mặt trời, biển và sóng đang hiện ra trong bốn bức tường của tôi: Tôi đi bên anh, trên bờ cát. nắng buổi chiều rất tươi đổ bóng chúng tôi trên những làn sóng mịn. Rồi cả hai cùng ngồi trên chiếc thuyền con, rẽ sóng về phía hòn Phụ Tử. Tóc tôi bay rối tung, trong khi anh chỉ cho tôi những hòn núi đá nhấp nhô trong vịnh Thái-lan. Tất cả đều nhuộm màu mặt trời chiều, mặt trời đỏ au đang từ từ lặn sâu vào sóng biển.

Ngoài cổng, Hòa đã về. Tôi ra mở cửa cho chồng. Chiếc Chaly trắng nõn máy xanh xạch. Như mọi lần đi làm về, Hòa hỏi, giọng bình thản:

- ở nhà có việc gì không?

Cũng như mọi lần tôi trả lời:

- Không, chẳng có việc gì.

Tôi lấy nước cho Hòa rồi vào bếp sửa soạn bữa cơm. Hòa thả người xuống xích đu đọc báo. Làm sao Hòa biết, tôi vừa từ vịnh Thái-lan trở về, và giờ này trong tâm trí tôi vẫn chói rực một mặt trời trên biển tây.

Anh là người đầu tiên giúp tôi biết người ta có thể sử dụng điện thoại để san sẻ cuộc sống với nhau, chứ không phải chỉ để trao đổi những thông tin ngắn gọn. "Hôm nay Quyên có gì vui không?". Tôi cố lục tìm trong ngày dài của mình một điểm sáng nào đó. Những cuộn len. Những tấm áo đan dở. Sự mưu sinh tũn mủn...". A, nhớ ra rồi, trước nhà em có một cái ao, sáng nay có một bông súng hồng vừa nở". "Hôm nay, người hàng xóm đến cho một con mèo màu lam đẹp lắm. Anh có tin có một con mèo màu lam không?". Có hôm anh gọi cho tôi đúng vào lúc nấu xong bữa ăn chiều. "Quyên vừa nấu những gì, nói cho anh biết, cho anh thêm". Tôi kể cho anh nghe: canh mít nấu tôm, cá bóng kho tiêu, rau muống luộc... Anh hít hà trong điện thoại. Tôi rú: "Đến đây ăn cơm". "ừ, nhớ để phần anh nghe".

Dần dần tôi bắt đầu tập cách thổ lộ những gì đã nén quá sâu trong tâm trí, điều trước đây tôi chưa hề quen. Tôi nói với anh về thời thơ ấu, khi mẹ đã bỏ đi và cha tôi đùm bọc đàn con trong một tình thương mà tôi linh cảm có lẫn lộn cả oán thù. Mỗi lần có lỗi, tôi bị đánh mà không được khóc. Giờ đây trước những nỗi đau, tôi đã quen với lối khóc không trào lệ. Tôi đã cảm nín như thế cả vào ngày đưa con trai lên mười được người em chồng đưa về San Diego làm con nuôi. Tôi ôm con vào ngực trước khi trao cho Hoàn, bây giờ ngực tôi còn mãi hơi ấm nóng của đứa trẻ, khiến những phần còn lại của cơ thể tôi mãi mãi lạnh giá.

Chồng tôi thỏa mãn. Một căn nhà hương hỏa, một công việc ổn định, một người vợ hiền, một đứa con trai may mắn được đỡ đầu và chắc chắn sẽ thành đạt. Hòa bảo tôi: "Vợ chồng mình sẽ

sinh thêm đứa nữa". Nhưng tôi không sinh nở. Chứng thống kinh hành hạ tôi. Mỗi tháng một lần, cơn đau bắt tôi cắn răng, không rên rỉ. Mỗi lần ngồi tập môn Buthayoga, tôi thành khẩn nguyện cho mình khỏi bệnh. Những ngón tay, theo đà thúc đẩy của một thứ ký ức siêu nhiên nào đó cứ xoa mãi trên bụng, trên thắt lưng tôi. Nhưng cánh cửa tâm linh không hề mở. Những ngón tay chịu không chạm nổi vào những vùng khuất trong tôi.

Nhưng bây giờ, trong bốn bức tường rêu đã có cả biển trời. Những cơn đau đã dịu xuống. Đã dứt.

"Alô, Quyên đó hả? Hôm nay có gì vui?". "Hôm nay là ngày rằm, người ta gánh hoa sen đến bán. Quyên mua hai bó hoa vừa trắng vừa hồng. Mua hạt sen để trưa nay nấu cháo chay".

"Ngày rằm, Quyên ăn chay, còn anh đang ở rừng Xuyên Mộc. Người ta làm thịt thú rừng chiêu đãi, giết hai con nhím, một con cheo". "Ghê quá!". "Ừ, lúc này sắp bị giết, con cheo cứ ứa nước mắt. Nhìn thấy thương quá, không ăn được miếng nào. Thôi, Quyên hãy tới đây đi. Ở đây có một dòng suối nước nóng, ngâm chân xuống thì uống bao nhiêu rượu cũng không say. Anh sẽ chỉ cho Quyên cây dầu lớn, có hoa rụng trắng xóa cả bãi cỏ". Tôi cùng anh lang thang trên bãi hoa dầu trắng phau, rồi đi ra suối Bang mắc võng trên dòng nước. Tiếng suối chảy lúc trong vắt, lúc trầm đục đủ cung bậc. Trên đầu tôi, trời cao và xanh bao la.

"Quyên ơi, em đã đến đây thì cũng có thể bay lên trời với anh được". Chợt tôi thấy mình vút lên trời xanh. Tôi thấy anh ở bên tôi. Chúng tôi đang bay lên, và đang lơ lửng trước vực thẳm.

Đó là ngày anh không chịu dừng lại ở tưởng tượng để chỉ đòi ăn canh mít non và cá bóng kho tiêu qua đường điện thoại. Anh nói với tôi huyền thoại về chín cánh cửa. "Ngày xưa có người lạc vào sơn động và kết duyên với chúa Tiên. Một hôm chúa Tiên đi châu Trời, giao cho chàng một xâu chín chiếc chìa khóa và dặn chàng mở cửa nào tùy thích, chỉ trừ cánh cửa thứ chín. Trong tám ngày chàng lần lượt mở tám cửa, mỗi khung cửa dẫn vào một cảnh giới tuyệt vời như trên thiên đường... chỉ còn cánh cửa thứ chín, chàng trai tự nhủ, mình không mở ra. Nhưng...".

Cánh cửa thứ chín. Cánh cửa biết mở ra là tai họa mà mọi người cuối cùng đều đã mở. "Quyên ơi, Quyên hiểu anh muốn nói gì không?". "Em hiểu. Em thấy sợ".

"Tại sao?". Tôi không biết làm sao giải thích nỗi sợ hãi của mình. Dường như đã đến lúc tôi có thể nhận diện thứ tình cảm trong lòng mình: Đó chính là tình yêu đang mỗi lúc một lớn lên, và tôi linh cảm cuộc đời tôi sẽ sụp đổ dưới sức nặng của tình yêu ấy.

Một ngày cuối hè, anh lại đi qua phố cổ. Anh muốn gặp tôi. Tôi áp ứng, cố gắng diễn tả cho anh biết rằng người ta thường khuyên đừng đùa với lửa. Đùa với lửa, sẽ bỏng tay, và tôi tự biết mình không chịu nổi xót xa.

Nhưng anh hứa không làm tôi bỏng. Không phải những hồi chuông điện thoại làm rối tâm tư tôi. Làm rối linh hồn tôi, chính là nỗi khát khao được nhìn thấy, dù trong một chút, cuộc đời bao la mà trước nay tôi mới chỉ nhìn trong tưởng tượng.

Chín giờ tối, đứng vào đêm hạ chí, tôi ra khỏi nhà, qua cánh cổng gỗ cũ xưa, rồi đi men theo bờ hồ trước mặt. Hoa sen cuối mùa lan tỏa mùi thơm trong ánh trăng. Anh đang chờ tôi bên kia hồ, dưới gốc cây xà cừ. Bóng đêm lẫn bóng trăng bao trùm thân thể tôi. Hai chân run run, tôi lúng túng, hoảng hốt, cảm thấy thất thố vì đã đến một nơi quá bất lợi cho mình. Nhưng ngay lúc ấy tôi cũng không kiềm chế được mong muốn lao sâu vào khám phá một thế giới - Anh, anh cũng là một thế giới.

Anh bước lại bên tôi, hay tôi đang chạy đến với anh, tôi không biết nữa. Rồi tôi cảm thấy tay anh, mắt anh, môi anh, tất cả rất giản dị, rõ nét và rất giống hình ảnh trong trí tưởng tượng của tôi. Anh rất ấm, và rất dịu dàng.

Đúng như lời hứa, anh đã không làm tôi bỏng.
Tôi không bỏng. Tôi cháy.

Lúc tôi trở về nhà, cánh cổng nặng khép hờ rên rỉ dưới tay tôi. Hòa đã ngủ say, tờ báo rơi trên ngực. Suốt đêm tôi như đang nằm duỗi trong một đám sương mù, lằng lằng, êm ái. Cũng trong đêm ấy, ước mơ được rức cháy suốt quãng đời còn lại chợt như một ám ảnh diên rồ thiêu đốt tâm trí tôi.

Trời mờ sáng, tôi ra sân, đi lảo đảo như người mộng du. Vượt qua cánh cổng, vượt qua cây xà cừ, vượt qua con đường sương trắng, tôi như người diên đập cửa căn phòng lạ.

Người đàn ông của tôi hiện ra trước mặt.

Trong lúc đi trên đường, bên tai tôi cứ lùng bùng những điều định nói cùng anh. Tôi sẽ nói rằng tôi không thể tiếp tục sống trong bốn bức tường lạnh lẽo. Tôi sẽ nói muốn cùng anh đi vớt mặt trời trên biển tây. Tôi sẽ chịu bỏng, chịu cháy, để được đau đớn, được yêu thương. Tôi muốn chịu đựng mọi thứ trên đời, ngoại trừ sự tê lạnh.

Nhưng lúc này, dưới ánh sáng quá rõ của ban ngày, anh hiện ra rất xa lạ với hình ảnh anh trong bóng trắng. Một người đàn ông đến từ một cõi đời khác... Tôi thấy mình đứng trên hành lang, trước người đàn ông này một cách vô lý, ngớ ngẩn và trơ tráo. Kêu lên một tiếng, tôi đâm đầu chạy ra đường. Có tiếng xe đầu đó thảng gập...

Không hiểu sao lúc đó tôi không biết sợ. Mãi đến lúc ngồi trên xích lô qua đường phố dài, cả người tôi mới bắt đầu run lên, cơn run rẩy không cưỡng được của người suýt chết.

Hòa đang cho chim ăn trước hiên nhà. "Em đi đâu sớm thế?". Giọng Hòa bình thản như mọi câu nói vào mọi giờ, mọi ngày khác. Tôi gắng gượng thốt lên một lời nói dối qua loa rồi bước vào nhà.

"Sáng nay anh đi làm sớm, em cho anh ăn mì với hai quả trứng". Hòa bảo, không ngoái lại.

"Vâng, bánh mì với hai quả trứng". Tôi vào bếp với đôi chân chưa hết run. Hòa không biết nấu ăn, cũng không hề có thói quen ăn tiệm. Anh không thể nào xoay sở được nếu không có tôi.

"Ngày mai là ngày hiệp kỵ, nhớ chuẩn bị đồ lễ đưa sang từ đường". "Vâng, em nhớ". Tôi trả lời, những câu trả lời như tiếng vang không âm sắc.

Khi chiếc Chaly trắng xanh xạch đi rồi, tôi để rơi mình xuống ghế. Cơn đau chợt quặn thắt, mồ hôi rịn ra ướt cả hai tay tôi.

Một hồi chuông reo.

"Quyên ơi, em nghe đây: một người tù hèn nhát thì sẽ mãi mãi là một người tù".

Tôi không dám nghe. Tay tôi run rẩy tháo rời dây điện thoại. Anh đã nói đúng, nhưng rất có thể chính anh cũng có bốn bức tường, hai cánh cổng ở đâu đó, và dù đi khắp nơi trên thế gian anh cũng không ra khỏi những thành trì, như tôi...

Cả tuần sau, máy điện thoại tắt ngấm. Tôi hiểu thế nào là sự trống rỗng của lặng im. Căn phòng lạnh, yên lặng đè lên tim tôi như một khối nặng trĩu vô hình. Sự yên lặng khắc khoải, đau nhói âm thầm trong lúc đi, đứng, nói cười, cố sống cuộc đời bình thường.

Vẫn biết chân trời là nơi không đến được, nhưng dù sao tôi cũng phải có một chân trời.

Đến ngày thứ tám, tôi nổi lại đường dây. Nhưng chiếc máy không hoạt động nữa. Chồng tôi đã trả số thuê bao. "Anh thấy nó chẳng có lợi lộc gì mà nhiều khi lại thêm mất ngủ. Chưa bao giờ anh thấy khỏe như tuần qua, khi máy hư". Tôi lặng lẽ nhìn chồng tôi với đôi mắt của người chết đuối. Cơn đau hành hạ tôi. Tôi âm thầm chịu, không rên rỉ.

Đêm ấy tôi nằm mơ thấy một con nai trúng tên, nằm khắc khoải chờ chết trong một xó rừng.

Sáng sớm hôm sau, trong lúc tập Buthayoga, hai tay tôi chợt rời thất lạng, tự hướng về phía đầu, xoa mãi vào huyệt bách hội. Chợt như có dòng nước lũ xoáy mạnh làm vỡ cả con đập chắn ngang. Hoàn toàn không ngờ trước, tôi bỗng òa khóc, khóc tức tưởi, không sao cưỡng

được. Những giọt lệ trào ra từ khóe mắt, những cơn rên rĩ thoát ra từ lồng ngực. Tôi khóc to, khóc thảm thiết, một thứ khóc vô thức kỳ lạ, giữa lúc tâm trí phiêu bồng như đang chìm giữa sương mù.

Cơn khóc dừng khi tôi chìm vào giấc ngủ mê. Khi tỉnh dậy, tôi biết Buthayoga lần đầu tiên đã chạm đến điều gì trong linh hồn tôi.

Chứng thống kinh của tôi đã dứt.

Những hồi chuông điện thoại đã tắt. Không còn mây trời, biển và rừng trong bốn bức tường xây kín. Không còn gì nữa, và tôi cũng không còn đợi.

Tôi cam tâm dừng mình lại trong hai cánh cổng: Cánh cửa thứ chín của mỗi đời người.

Tối hôm sau, trong bữa ăn, chồng tôi bảo:

- Sáng hôm qua mình tập cái môn dưỡng sinh quý quái gì mà cứ rên rĩ y như có ai chết không bằng.

Tôi lặng yên. Làm sao nói cho Hòa hiểu được, một thế giới vừa bị lấp vùi. Tôi đã tự chôn mình cùng với thế giới ấy, và giờ đây tôi đang khóc tôi.

27-7-1997

Phụ đính II :

Một mình...trong tập truyện mới của Trần Thùy Mai Mai Ninh

Không nhớ rõ nhưng dường như “Thị trấn hoa quỳ vàng” là truyện ngắn đầu tiên tôi đọc của Trần Thùy Mai. Không gian và khí hậu truyện đã khiến tôi yêu thích và từ đấy chú ý đến văn chương của chị. Cũng một văn chương vang danh của đất Thần kinh, nhưng khác và xa với thời nào tôi đọc “Mưa trên cây sầu đông” hay “Tôi nhìn tôi trên vách” của những nhà văn nữ quen thuộc trước 75. Dù nếu cố tình thì vẫn còn bắt gặp đâu đó một khoảnh vườn mà hương lá hương cây cho ta biết nó nhất định phải là vườn xứ Huế. Rồi “Quỹ trong trăng” hay “Trò chơi cấm”... càng đưa tôi đến gần với cách viết không cầu kỳ nhưng sâu, đậm, phản ánh tinh tế tâm lý con người - con người thường của đời sống – mà chẳng cần tỏ ra cường điệu tào bạo quá lộ để gây chú ý nơi người đọc.

Mùa thu này, tôi lại nhận được tập truyện mới nhất vừa được ấn hành “Một mình ở Tokyo”* của Trần Thùy Mai như món quà tặng cho một chuyến về. Lướt qua mục lục, tựa các truyện ngắn và ghé mắt vào trang này trang kia, thì ngạc nhiên trước một nội dung có thể nói thuộc nhiều đề tài khác biệt. Những tên nhân vật vừa thoáng thấy là Malio, Steeve, Kyoko, Ando Chie...bỗng chuyển qua vua Gia Long, tả quân Lê Văn Duyệt, Cường Để, Tống Thị... hay một Nhụy, một Nhi ẩn nấp giữa ngôi vườn Kim Long thâm kín. Cũng chính điều ấy đã phủ dụ tôi vội đọc cuốn sách cầm trong tay.

Mười hai truyện ngắn trong tập có thể tạm chia thành ba loại : truyện hoàn toàn với khung cảnh và nhân vật Việt Nam, truyện có nhân vật người ngoại quốc và truyện dựa trên nền lịch sử. Về loại cuối cùng thì đa số độc giả của Trần Thùy Mai hẳn đã nhận ra tài năng của chị trong thể văn này. Tác giả đã nhiều lần sử dụng nhân vật lịch sử lồng vào với nhân sinh quan của mình, tạo nên những câu chuyện nhân bản, mang tính cách phê phán. Một hoàng đế Gia Long chiếm vợ người sau khi phanh thây chồng, đã oai phong lớn giọng trước quần thần : “Trẫm là vua, cả giang sơn này là của trẫm, tại sao lại không thể định đoạt số phận một người đàn bà?”, và trong hậu cung thì ngài khoái trá tâm đắc “...sự sung sướng khi quật mồ kẻ thù (Tây Sơn**) chỉ có một lần. Còn Ngọc Bình (vợ Quang Toản**) là một ngôi mộ sống có thể quật lên bao nhiêu

lần cũng được. Những đêm ở bên nàng, vua tận hưởng niềm sướng thoả của mình, ngài cố ý kéo dài nó, lần này sang lần khác.” Quyền uy là thế nhưng vẫn phải nghe dèm pha “Sao đứa con gái này không giống nhà vua, sao mặt nó giống hệt ngục Toản!”(truyện ngắn *Nàng công chúa té giếng*). Triều đình nhà Nguyễn cũng là bối cảnh của một truyện ngắn khác - *Thần nữ đi chân không* - với một vị vua vừa muốn tỏ ra là người trọng ân nghĩa nhưng không quên tính toán để làm rõ ràng công đức của mình nên đã cho kiệu về một làng quê nghèo khó rước cổ nhân, một người đàn bà lam lũ dẫn một đứa bé và một con chó gầy, vào thẳng nơi ngài ngự. Nhưng chỉ sau một đêm ân ái, khi phát hiện da thịt nõn mượt như lụa của cô nông dân trên chiếc chiếu xô xảm mà ngài từng ôm ấp bên bụi cỏ bờ khe mười năm trước, nay không còn cái mát rượi như xưa dù nó đang nằm trong chăn loan trướng phủ, trên đệm lông chim, thì nhà vua hốt hoảng. Và ngay đêm sau người năm xưa đã bị thất sủng, những chiếc đèn lồng đỏ vẫn xuất phát từ điện Cần Chánh rẽ đi vào nội cung nhưng không dừng lại nơi cư ngụ của nàng cung phi mới. Rồi một ngày, ở thôn nghèo kia người ta lại bảo nhau: “...con bé Ngoạn đi giang hồ theo mẹ lâu nay, bây giờ lại sinh cái chứng khùng, lâu lâu hái hoa cài đầu, tự xưng là công chúa.”

Tôi cũng thích không gian trầm mặc phủ lên nhân vật trong hai truyện ngắn *Ngày xưa ở Kim Long* và *Hải đường tăng* với nhân vật hoàn toàn Việt Nam. Một là của khu vườn Kim Long nhìn ra sông Hương có các tán cây măng cụt rộng như một mái nhà, và một thuộc về ngôi chùa nằm giữa các ngọn núi. Một nhắc tới về những giọt “Mưa trên cây sầu đông” và một vắng lên tiếng chuông chùa gọi nhớ “Hồn bướm mơ tiên”.

Thể loại thứ ba dành cho những truyện mà một trong hai nhân vật của cặp nam nữ là người ngoại quốc. Điều làm tôi chú ý không vì Trần Thùy Mai đưa nhân vật ngoại quốc vào tác phẩm - dĩ nhiên thôi, đây là một khía cạnh không thể bỏ qua của thời đại ta đang sống – mà là số truyện loại này chiếm gần sáu mươi phần trăm (bảy trên mười hai truyện) trong cuốn sách. Tất cả là chuyện tình hay manh nha tình cảm giữa một người Việt với một người nước ngoài, và...tất cả cuối cùng đều đổ vỡ, ngậm ngùi. Nếu nghĩ rằng ở mỗi sự đổ vỡ tình cảm đều có một người bị thiệt hơn, bị đau hơn người kia thì trong tập sách này kẻ đau lại đa số là người Việt, trừ trong hai truyện *Nơi có những cây tùng xanh biếc* và *Brandy bé bỏng*. Ở đó, một cô gái của quân đội Nhật yêu thương, chăm sóc ông hoàng lưu vong Cường Để trong thời gian ông mỗi mòn chờ ngày hồi hương về với đất nước, vợ con (*Nơi có những cây tùng xanh biếc*), và một ông thủy thủ già miền Địa Trung Hải lang thang trong khu phố cổ để tìm tông tích một cô ca sĩ Việt (*Brandy bé bỏng*).

Thật ra không phải chỉ chuyện tình giữa hai người khác nguồn gốc màu da mới tan vỡ, mà mối tình nào trong tập tuyển “Một mình ở Tokyo” cũng đều vậy cả, như thường vẫn thế trong văn chương nhân loại nói chung. Điều đặc biệt trong tác phẩm Trần Thùy Mai là sự nhận chịu số phận của những nhân vật. Nếu là nữ, ta có thể bảo: - thì đấy là bản chất của phụ nữ Á châu, nhất là phụ nữ Huế, có gì lạ đâu! Nhưng sự chịu đựng ở đây có khi lại mang bộ mặt bình thản, sự thản nhiên của một mặt hồ mùa đông lặng lẽ: “Mười ngày sau Bent làm đám cưới với cô dâu nhỏ hơn chú rể hơn ba mươi tuổi. Miên cũng nhận được thiệp mời. Dù vẫn còn khăn giọng, sưng mắt, trán còn chưa hết mùi dầu gió, Miên cũng mặc chiếc áo đầm mới mua đi dự tiệc. Dù sao đi nữa, cũng đến để chúc mừng Bent quả thực đã được “nhiều hơn mơ ước”, bởi dù sao, anh đã giữ lời, anh không hề nói dối khi bảo Miên: “hãy chờ xem tương lai...”(*Lời hứa*). Hay là sự trầm tĩnh không ngờ của một cô gái miền cát khô, nơi có những căn nhà xúm dưới hàng phi lao gầy guộc. Cô đã bỏ nó để đi nước người sống sung sướng mấy năm với anh chồng ngoại quốc cứ tưởng thủy chung, nay đành trở về quê hương xứ cát, một mình: “Mắt Nhụy vẫn to và rộp bóng như ngày xưa, chỉ có ánh nhìn là khác, ánh nhìn đăm thắm, trầm tĩnh và từng trải, như thể trong ấy có biển, có những miền xa xôi mà Nhụy đã đi qua.”(*Vẽ chân trời*).

Nói vậy không có nghĩa những người phụ nữ của Trần Thùy Mai không biết xót không biết đau, nhưng nỗi đau của họ đã quắp vào trong, vào da thịt, như trường hợp người tình Nhật Bản của Kỳ ngoại hầu Cường Để: “Người con trai cả của Cường Để đỡ lấy bình tro di cốt của cha. Mặt ông đầy nước mắt. Ông ngạc nhiên thấy người đàn bà này vẫn bình thản, nét mặt trang nghiêm

dịu dàng chỉ hơi phảng phất buồn. Nhưng người con trai thứ hai đứng cách đó vài bước thấy rất rõ đôi bàn tay Chie sau khi trao bình tro. Đôi bàn tay ấy bấu chặt vào nhau, những móng tay quắp vào da thịt.”(Nơi có những cây tùng xanh biếc). Những người đàn bà quần quanh với phần số, những mối tình ngỡ đẹp để thắm thiết cuối cùng như vỏ ve chỉ lung linh phút chốc nhờ ánh mặt trời : “Chín mươi vỏ ve, những cái chân khăng khiu bám lấy vỏ cây sù sì. Khoang bụng ngực mỏng manh trống rỗng, đọng nước lấp lánh, ánh nắng vừa lên xuyên qua, rạn lên thành bảy sắc long lanh. Trời ơi, Nhi ngậy người đứng nhìn, rồi thò tay bắt lấy một cái vỏ, ôi, cầm lên tay thì chỉ còn là một cái vỏ tầm thường màu nâu vàng, không lấp lánh chi hết.”(Ngày xưa ở Kim Long).

Nếu là nam giới, ngoài nhà sư trong *Hải đường tăng* biết ngâm thơ, nhìn ra cạm bẫy của cảm xúc, biết chủ động, đủ can đảm ứng xử và nói thật, thì những nhân vật đàn ông trong tập truyện “Một mình ở Tokyo” để lại cho tôi ấn tượng mờ nhạt, ít cá tính. Cho dù đây là một anh chàng nghệ sĩ tưởng mình rành đời, mình là chiếc phao cho một người đàn bà đang muốn thoát khỏi nhà tù tiền bạc và thống trị của ông chồng bệnh tật : “Và ai có thể là cái phao ấy hơn là anh, một nghệ sĩ tài danh hiểu thấu những cõi thâm sâu của tâm hồn?”, nhưng ngờ đâu chính nàng sẽ cho anh ta nhìn tỏ sự thật : “..nàng nhìn anh mỉm cười : - Thầy ạ, với em sex là món quà lớn của tình yêu, nó không thể lớn hơn chính tình yêu.” (*Chiếc phao cứu sinh*). Người chồng trong truyện *Chiếc phao cứu sinh* hay truyện *Dịu dàng như cỏ* được miêu tả như người biết thương yêu và hi sinh cho vợ đến mức cam nhận, nhưng sự “cao thượng ” ấy, dẫu chỉ là một chọn lựa, lại không đem đến xúc động bao nhiêu. Tôi đã đọc, lướt qua tâm tình của họ dễ dàng, họ nhạt hơn những người đàn bà trong văn chương Trần Thùy Mai.

Nhưng dù nữ hay nam thì nhân vật của chị đều là những con người cô đơn, khác khoải, phải tự lặng lẽ săn sóc vết thương, như chàng lính kiểm lâm một mình giữa rừng vọng tưởng bóng Sao la : “Gió thổi. Không có người mà vẫn có mùi da thịt gây gây phả vào ngược gió. Huân bắt giắc đưa tay lên môi, bắt chước tiếng chim. Tiếng chim gọi bạn, từng hồi tha thiết trong khoảng vắng. Cũng là tiếng anh gọi Lisa, cô đã hứa sẽ quay về.”

(tháng 12, 2008)

Nơi có những cây tùng xanh biếc

(trích từ tập truyện ngắn “Một Mình Ở Tokyo”, Trần Thùy Mai, nxb Văn Nghệ, 2008.)

Ando Chie cúi xuống, nhúng ngón tay vào chậu nước. Nước ấm vừa đủ tắm. Nàng kéo màn che cửa sổ. Ngoài kia, một cây anh đào vừa nở, những nhành hoa rủ xuống trắng hồng.

-Xin ngài vào tắm kéo nước nguội.

Giọng nàng nhỏ nhẹ và lễ phép.

Ngoài ba mươi tuổi, Chie mạnh khỏe và bầu bĩnh trong bộ kimono giản dị màu lam. Là người giúp việc cho hoàng thân Cường Để , cô đến ở đây đã hai năm theo sự bố trí của Đại tá Wanatabe .

Năm ấy Hoàng thân đã ngoài năm mươi tuổi, dáng vóc nho nhã nhưng khuôn mặt gầy đơm buồn. Ông chăm chú viết, những chữ Nho chân phương rất đẹp trên giấy trắng. Thấy Chie , ông ngẩng lên, vẻ mặt ngần ngừ:

- Lại tắm. Ta mới tắm hôm kia...

Chie mỉm cười. Ông hoàng Việt Nam này rất lười tắm gội. Người Nhật vốn rất sạch sẽ . Bao giờ cũng thế, Chie rất cương quyết với ông .

Chie đến gần, đặt tay lên nút áo ông. Chiếc áo năm thân màu nguyệt bạch với rất nhiều khuy vải. Ở Nhật đã hai mươi năm, ông vẫn mặc áo Việt - Những chiếc áo ông đem theo từ Việt Nam đã cũ nát từ lâu, chiếc áo này là do Chie phỏng theo áo cũ để may cho ông, kiểu áo Việt trên nền lụa Nhật.

Nhưng hôm nay, ông hoàng dường như trái tính hơn mọi ngày. Ông chùn lại, xoa tay, ánh mắt đầy nghi kỵ:

- Để ta yên!

Từ lúc Chie mới đến đây, ông vốn đã không tin nàng. Ông không cho nàng sắp xếp thư từ giấy tờ trên bàn ông, dù chúng thường rất lộn xộn. Mỗi lần đau ốm, ông cố giấu không cho nàng săn sóc.

Chie là người do quân đội Nhật cử đến. Ông nghi kỵ nàng nhưng không thể từ khước nàng. Ông khư khư không cho nàng chạm tới đồng thư từ, nhưng lại quá cần nàng thu dọn giường nằm bệ bộn, pha cho ấm trà buổi sáng, khâu lại áo xống, cả ánh mắt cương quyết của nàng mỗi lần bắt ông đi tắm...

Nhưng hôm nay nhìn về mặt ông, Chie lảng lạng không nài ép gì nữa. Nàng quay ra một lúc rồi trở vào với khay trà – Nàng đã quen, những lúc căng thẳng thế này chỉ có một ấm trà Tàu mới có thể làm ông dịu lại.

Bước qua ngạch cửa, nàng khựng lại. Kỳ ngoại hầu Cường Để, hoàng đích tôn đời thứ 5 của vua Gia Long đang bưng mặt khóc.

Ando Chie vội vã đặt khay xuống án thư, chạy đến đỡ lấy mái tóc chớm bạc đang rũ rượi gục về phía trước. Tầm thân gầy mỏng của người đàn ông như muốn sụp xuống trong tay nàng.

- Điện hạ, hoàng tử...

Chie cứ nghĩ ông sẽ đẩy nàng ra. Nhưng lần này Cường Để chỉ ngẩng lên, mắt nhìn sững vào khoảng không trước mặt. Nàng nhẹ nhàng chạm những giọt nước ứa ra quanh đôi mắt thất thần. “Có chuyện gì...?”

Cường Để không kiềm chế được, khóc nức lên. “Bác Phan mất rồi!”

Tại Tokyo một buổi chiều tháng tư, Cường Để nhận được thư báo. Phan Bội Châu, người đã tìm đến ông khi ông mới hai mươi một tuổi, đã tôn ông làm minh chủ của phong trào Đông du chống Pháp. Người đã đón ông sang Nhật để tính chuyện phục quốc lâu dài. Việc Phan Bội Châu bị bắt ở Thượng Hải đã là một đòn quá mạnh đối với ông. Từ ngày ấy, ông không thôi cảm thấy lạc lõng, hoang mang; cảm giác thối chí thỉnh thoảng lại ám ảnh ông, ông phải hết sức chống lại.

Bây giờ Phan Bội Châu đã mất. Hơn ba mươi năm lưu vong trên đất Nhật, bao nhiêu ý chí, nghị lực của ông dường như được truyền từ sức mạnh tinh thần của con người này. Vậy mà giờ đây người ấy không còn nữa. Số phận đã bỏ rơi ông giữa một thế giới mệnh mông xa lạ, trong cảnh tiến thoái lưỡng nan.

Không phải là chuyện có thể chia sẻ với Ando Chie, nhưng biết nói cùng ai ở nơi lữ thứ này. Phong trào Đông du đã tan rã, Trần Đông Phong đã tự vẫn, Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Siêu đã trốn đi, chỉ còn mình ông trợ trợ giữa trời cùng đất tuyệt.

Chie cố gắng an ủi ông, dù không biết người chết là ai. Nàng dìu ông vào giường, đắp chăn, buông màn cho ông.

“Để mặc ta”. Cường Để nói, xoa tay, quay mặt vào góc tối.

Chie gạt đầu, nàng ém màn vào dưới nệm, bước lùi mấy bước.

“Chie, đừng đi!”

Ông ta búi lấy tay nàng. Chie cảm thấy tất cả nỗi cô đơn, hoang loạn của người đàn ông. Nàng cúi xuống, lồng tay vào chăn, ôm lấy ông vỗ về, bất giác nàng cũng rơi nước mắt.

“Thiếp thương Điện hạ lắm”. Chie nói, những tiếng rất giản dị, nàng biết rõ Cường Để không giỏi tiếng Nhật, và nàng cũng không biết lời an ủi nào hơn. Nhưng linh cảm dạy cho nàng biết phải làm gì: nàng ghé nằm bên ông và áp ủ ông bằng thân thể ấm áp của mình.

Đêm ấy trời mưa, khi trời sáng Chie cuốn màn, mở hé cửa sổ, nàng nhìn thấy những cảnh anh đào sũng nước. Nàng đặt chậu nước nóng cạnh giường, nhúng chiếc khăn bông trắng muốt rồi vắt thật ráo. Người đàn ông của nàng đã tỉnh giấc. Nàng cúi xuống, mỉm cười dịu dàng, lau mặt cho ông.

Kỳ Ngoại Hầu nắm lấy tay nàng, vẻ mặt ông lộ vẻ biết ơn. Chốc lát, ông quên người đàn bà này là người của quân đội Nhật. Ba mươi năm lưu lạc trên đất nước này, ông đã nhiều lần được chở che. Ông Innukai và Kashiwabara đã bảo bọc ông, thuyền trưởng tàu Yayomaru đã hết lòng che chở ông thoát khỏi sự truy lùng của mật thám Pháp. Đó là chuyện hai mươi, ba mươi năm trước. Lúc đó ông còn trẻ, chí khí còn hăng hái; gần mười năm nay, từ khi Innukai bị ám sát rồi, ông quá chật vật với cuộc sống, cô đơn, mệt mỏi. Phải nhận sự bảo trợ của lực lượng Nhật là bất đắc dĩ, ông không thể không dựa vào người Nhật, nhưng ông biết Nhật và Pháp có thể bắt tay với nhau bất kỳ lúc nào. Ando Chie có phải là tai mắt của quân Nhật không? Ai biết đâu được. Dù sao lúc này bên ông chỉ còn có nàng thôi, giờ phút này nàng đang dịu dàng lau mặt ông, cảm giác được chăm sóc làm ông bùi ngùi ứa lệ.

Chie chuyển dần chiếc khăn nóng xuống cổ và ngực ông, nàng nhẹ nhàng mở khuy áo để lau vai và lưng. Bỗng Cường Để buột miệng:

- Về Việt Nam! Ước gì ta được về Việt Nam!

Chie khựng lại một giây, rồi nàng hiểu, nàng nhẹ vỗ vào lưng ông như dỗ dành :

- Rồi ngài sẽ về, nhất định có ngày ngài sẽ về mà.

Ông hoàng lưu vong cảm thấy ấm lòng, ông siết chặt tay nàng như muốn cảm ơn. Trong lúc đó Chie lại thấy lòng âm thầm một nỗi buồn. Ông sẽ đi, sẽ xa nàng, chắc chắn sẽ có ngày ấy...

Cuối tháng, Đại tá Wanatabe gặp Ando Chie ở Bộ Tư lệnh lực lượng. Như thường lệ, Chie nói với ông về tất cả những sinh hoạt của Cường Để. Wanatabe hỏi:

- Cô có thấy ông ta tiếp khách khứa từ xa tới không?

- Không ạ.

- Ông ta có nhận thư từ, tin tức gì từ Việt Nam ?

- Không ạ.

Chie trả lời, chắc chắn đến nỗi Wanatabe không hỏi thêm gì nữa. Ông ta nhìn Chie từ đầu đến chân như muốn đánh giá lại quan hệ giữa nàng và người ngoại quốc lưu vong ấy. Chie đỏ mặt, nàng hiểu cái nhìn của Đại tá. Chắc chắn là ông ta rất khuyến khích việc nàng lên giường với người đàn ông kia, điều đó rất có lợi cho công việc. Chỉ có điều, ông ta không biết hôm qua nàng đã ủ ấm cho Cường Để, không phải với tư cách một nhân viên của lực lượng Nhật, mà với tất cả tấm lòng của một người đàn bà.

Năm năm sau.

Chiến tranh khốc liệt trên khắp đất nước hoa anh đào. Những trận bom Mỹ dội xuống. Những ngôi nhà bằng gỗ và giấy cháy phừng phừng trong các góc phố Tokyo.

Đang mùa lá đỏ nhưng chẳng còn ai nghĩ đến lễ hội mùa thu... Chỉ còn những đoàn người tản cư dạt dứ nhau chạy. Ando Chie gói quần áo vào hai chiếc tay nải. Vội vàng, nhưng nàng không quên những chiếc áo lụa năm thân, áo dài the, khăn xếp, và cả bộ bình trà tàu nhỏ xíu.

- Ông ơi!

Chie gọi. Hoàng thân giật mình, quay ra. Hôm nay ông mặc Âu phục chỉnh tề. Trong cảnh chộn rộn của Tokyo, vẻ chỉnh tề của ông trông thật lạc lõng.

"Mình đi thôi, ông ạ. Mọi người đều tản cư về quê, chiều nay là chuyến chót".

Hoàng thân hốt hoảng:

- Nhưng ta còn phải chờ máy bay... Biết đâu ngày mai máy bay sẽ tới.

Chie nhìn ông, xót xa. Cuối tháng 7, Nội các Suzuki Kantaro đã tổ chức bữa tiệc linh đình đưa ông về nước. Sau 32 năm xa quê, cái tin được về nước làm ông bàng hoàng. Trong bữa tiệc

linh đình tại khách sạn Đế Quốc, ông hân hoan từ giã hết các chính khách đã ủng hộ ông... .
Mãi đến lúc sắp ra sân bay Haneda, cầm gói thức ăn đi đường từ tay Chie, ông mới nhìn thấy vẻ buồn trong mắt nàng. “Đừng buồn Chie, ta về nước rồi sẽ tính chuyện đón nàng sang”.
Chie mỉm cười. Ở Việt Nam, ông còn có người vợ cả và hai con nay đã lớn. Người vợ mà ông đã xa cách từ năm 25 tuổi. Ông sắp về với người đàn bà ấy. Nàng cảm thấy buồn, nhưng nàng mừng cho ông.

Ngày hôm ấy ông đi, rồi đến tối mịt lại quay về. Ông kể, trên sân bay, nhân viên Bộ Tham mưu lục quân Nhật và ký giả báo chí tề tựu để tiễn chân ông... Nhưng máy bay từ Sài Gòn không đến đón. Ông quay về, ngã vật trên giường, mắt mở trừng trừng nhìn lên cao... Chie tháo giày cho ông, lau mặt cho ông. Nàng nhỏ nhẹ bảo ông: “Ông ạ, đừng buồn, chắc máy bay bị trở ngại gì đó thôi, mai lại đến ấy mà!”

Từ đó hôm nào nàng cũng quán sushi cho ông đem theo... Hôm nào ông cũng ra phi trường Haneda, hôm nào ông cũng trở về. Hơn năm hôm sau, nhân viên lục quân lần ký giả không còn ai đến nữa, chỉ còn ông ngày ngày một mình ngồi đợi. Lũn thủi tới, rồi lủn thủi về.

Và hôm nay, ngày cuối tháng 7, bom B29 của Mỹ đã trút xuống Tokyo, ông vẫn còn nghĩ đến chuyện đến phi trường chờ đợi. Chie bảo ông:

- Minh phải đi thôi ông ạ! Phải chạy về quê, nếu không là chết.

- Đúng rồi, nàng cứ đi, ta ở lại, biết đâu...

Chie nắm lấy tay ông. Bàn tay ông gầy quá. Với mọi người, ông là một Hoàng thân, được các cơ quan tiếp đón, các ký giả săn tin, được các nghị sĩ bảo trợ... Còn với nàng, đây là một người đàn ông tha hương, lạc lõng, túng thiếu, cô độc... Lúc này, nàng nhất định phải cứng rắn với ông, như những lúc bắt ông phải đi tắm vậy; nàng khóc tay nải lên vai ông và đẩy ông đi. Cường Để gượng lại, phản đối, nhưng khi bị đẩy đến cửa, dòng người tay xách nách mang chạy loạn đập vào mắt ông, và ông hiểu ngay điều gì đang xảy ra.

Đêm đó trên chiếc xe bò lắc lư trong dòng xe qua vùng ngoại ô, ông nhìn thấy Tokyo bốc cháy, lửa rực đỏ dưới những làn máy bay Mỹ vút ngang. Căn nhà mà lục quân Nhật cấp cho ông đã cháy rụi.

Tháng tám, bom nguyên tử dội xuống Nagasaki và Hiroshima, Nhật Bản đầu hàng. Không còn ai đủ sức nghĩ đến vị hoàng tử lưu vong. Chỉ có một người đàn bà thâm lặng mỗi ngày làm thuê cho một xưởng than ở vùng quê để nuôi một người chồng lớn tuổi. Ando Chie lúc này không còn là nhân viên của lục quân Nhật nữa. Buổi sáng, nàng thức dậy nấu nước nóng cho chồng rồi tắt tả đi; nàng vẫn thế, dù làm ở xưởng than nhưng lúc nào về nhà cũng rất sạch sẽ, còn chồng nàng vẫn vậy, rất lười tắm và suốt ngày ngồi chép những trang sách chữ Hán đã cũ nhàu.

Nhiều người hỏi sao ông chồng nàng chẳng làm việc gì mưu sinh, Chie chỉ cười. Ông ấy là một ông hoàng. Dù rất nghèo và chẳng hề có quyền uy. Ông chẳng làm được gì cho nàng cả, nhưng nàng yêu thương ông với tất cả sự triu mến xót xa. Trong lúc ông thì đau đầu chỉ muốn về quê hương - nghĩa là rời xa nàng. Nhưng nếu ông không có giấc mơ hồi hương, liệu ông có còn là người đàn ông mà nàng thương yêu không?

Năm năm sau. Cơ hội về nước lại đến. Ando Chie lại chuẩn bị hành lý cho Cường Để lên đường.

Nước Nhật đã trở lại thanh bình. Trước ngày Cường Để về nước, bạn bè làm tiệc tiễn đưa. Ký giả báo Asahi cũng đến dự. Cùng ly mừng, nhà báo ngờ ý muốn đưa tin chuyển trở về của vị hoàng thân sau gần 40 năm biệt xứ.

Chuyến đi lần này bằng đường biển, từ cảng Kobe đáp tàu Hải Minh đến Bangkok rồi theo đường bộ qua Kampuchea về Tây Ninh. Vì sao phải về nước qua cửa khẩu Tây Ninh? Vì Việt

Nam đang thời kỳ chiến tranh Việt Pháp, Pháp vẫn còn đóng quân ở Nam kỳ. Nhưng Tây Ninh nằm trong lãnh địa của Giáo chủ Phạm Công Tắc. Với sự bảo trợ của Phạm Công Tắc, ông có thể lên bờ an toàn.

Ký giả Asahi dặn dò:

- Khi ngài tới nơi rồi, xin điện ngay cho tôi biết.

Cường Để ngẫm nghĩ:

- Trong nước hiện đang chiến tranh, tin tức khó gửi. Có lẽ cứ tính theo hải trình, đến trung tuần tháng bảy thì bỉ nhân đã đến quê nhà, quý ông có thể đưa tin được rồi.

Ando Chie đưa ông đến bến cảng. Mùa thu, khí trời se lạnh. Tiếng quạ kêu vang sau những tàn cây lá đỏ. Ông đi rồi, Chie trở lại căn hộ hai phòng ở phố Ogikubo. Con đường bỗng dài hơn bao giờ hết. Ông hứa sẽ có ngày đón nàng sang Việt Nam. Lúc đó nàng chỉ bảo: “Bao lâu cũng được”. Đến bây giờ, một mình trên con đường về nhà, nàng mới thấm thía cả khoảng trống tro vợ trước mặt, rằng có thể nàng sẽ mãi mãi một mình trên đoạn đường còn lại...

Nàng tiếp tục khâu những con búp bê vải – những con búp bê đã nuôi sống nàng và ông từ lúc về lại Tokyo.

Đến tối, chủ nhà, bà Hashimoto gõ cửa hỏi thăm nàng. Bà đem vào cho nàng một gói bánh dẻo.

“Trông em xanh quá. Tôi pha cho em một chén trà nóng nhé?”.

Chie uống chén trà từ tay bà chủ nhà tốt bụng. Trà nóng làm nàng hồi tỉnh. Nhìn hộp bánh dẻo xinh xắn, nàng nhớ đến chồng. Ông ấy vẫn thích loại bánh này. Nhưng dùng trong khi uống trà tàu - Ông vẫn không quen với trà Nhật.

Bây giờ ông ấy đi đến đâu rồi nhỉ? Bà Hashimoto vuốt tóc nàng, dẫn nàng sang phòng làm việc của chồng bà, Giáo sư Hashimoto Masukichi. Trên vách, giữa những tủ sách đồ sộ là tấm bản đồ châu Á. Bà chỉ cho Chie xem chỗ nào là Nhật Bản, Thái Lan, Việt Nam. Chie chăm chú nhìn. Chồng nàng đang ở trên vùng biển xanh xanh kia, ngoài khơi cái khối màu hồng rất lớn mà bà Hashimoto bảo là nước Trung Hoa.

“Em đừng buồn, rồi ông ấy sẽ đạt chí nguyện, sẽ trở lại đón em sang, em phải gắng giữ sức khỏe nhé!” Bà Hashimoto an ủi.

Chie mỉm cười, nàng cúi đầu thật thấp tỏ lòng cảm ơn bà chủ. Chiều hôm ấy nàng đến chùa Senso, bên chiếc đình lớn nghi ngút khói nhang giữa sân chùa nàng vót nhẹ khói hương ủ vào nơi lồng ngực. Lăn trong tay áo, nàng lấy ra số tiền nhỏ, đủ cúng dường để xin một lời nguyện cầu.

Vị sư già hỏi nàng cầu nguyện gì để ghi vào tám thẻ gỗ trắng ngà. Nàng cúi đầu ngẫm nghĩ.

Nàng muốn cầu nguyện những gì, chồng nàng sẽ có quyền uy, sẽ thành lãnh tụ, sẽ giàu sang, sẽ đón nàng về cùng hưởng cuộc sống cao sang? Cầu cho chồng nàng sẽ không quên nàng? Sẽ... Thực lòng nàng muốn gì?

Chie ngập ngừng một lát rồi se se đọc cho vị sư già chép vào thờ gỗ:

- Tôi là Ando Chie... Cầu cho chồng tôi là Cường Để vượt sóng gió về đến quê nhà bình yên, sum họp với gia đình.

Vị sư già ngẩng nhìn nàng. Ông đã viết giúp cho thiện nam tín nữ hàng ngàn lời nguyện. Ông nhìn Ando Chie một lát như muốn hỏi điều gì, nhưng rồi lại thôi, cúi xuống cắm cúi viết.

Khi trở về nhà, nàng thấy Giáo sư Hashimoto đang chờ trước cổng. “Ando, có tin mừng cho cô đây”. Ông đưa nàng tờ nhật báo Asahi. “Hoàng tử Việt Nam đã về đến quê nhà sau 32 năm ly hương”. Chie mừng rơi nước mắt. Chiều hôm đó nàng làm món mì Nhật và sushi cá hồi, mời ông bà Hashimoto để tỏ lòng biết ơn.

Ông bà về rồi, còn lại một mình Chie trong căn hộ vắng lặng. Một đoạn đời đã chấm dứt, đoạn đời mới bắt đầu, một chặng đường dài hun hút mà nàng sẽ phải đi một mình.

Nàng giờ tờ báo Asahi, đọc lại bài viết, rồi lật dần ra những trang sau: những mục tìm nhà, tìm việc.

Cuối tháng 7, bỗng bà Hashimoto đập cửa căn hộ của Ando Chie, hốt hoảng:

- Ando, người ta vừa điện đến cho ông nhà tôi. Cô phải ra ngay cảng Yokohama!

Chie cuống quýt, hai chân run cầm cập, lưới líu lại. Nhưng người phụ nữ Nhật dường như được trời phú cho một nghị lực phi thường, nàng kiếm chế thật nhanh cơn hoảng hốt, cầm lấy chiếc ô, chạy ra cửa.

Bà Hashimoto tốt bụng đã kịp thuê giúp nàng một chiếc xe ngựa.

Trên cảng Yokohama về chiều, có một ông già ngồi trên chiếc ghé dài, ngẩn ngơ nhìn quanh với đôi mắt vô hồn, mặc kệ bao nhiêu người qua lại. Chie chạy lại gần. Sao mới có một tháng mà chồng nàng đổi thay đến thế, y phục nhàu nát, khuôn mặt gầy tọp rám nắng, mái tóc bạc xin đi và bê bết bụi.

- Ông ơi...

Chie cầm lấy tay chồng. Bàn tay ông gầy trơ xương, nhưng vẫn là bàn tay của ông, ông đang ở đây, bên nàng. "Ông ơi, sao ông lại về được?" Chie hỏi, nhưng người đàn ông ngẩn ngơ nhìn mông lung, vẻ mặt sững sờ tuyệt vọng, dường như không còn nhận ra gì chung quanh nữa.

Ông chỉ không ngớt lẩm bẩm: "Không về được! Không về được nữa! Không về nữa!"

Với Chie, về là về Nhật Bản, với ông, về là về Việt Nam.

Hơn một tháng Chie ra sức chăm sóc, Cường Để mới dần dần hồi tỉnh lại. Ông kể với nàng: Tàu Hải Minh bị trục trặc bánh lái nên đã ghé Thượng Hải một tuần. Trong khi đó, báo Asahi đã đưa tin, và mật vụ Pháp biết được rằng chuyến tàu phải cập cảng Bangkok, đã điện cho Bộ ngoại giao Thái. Vì quan hệ giao thương với Pháp, chính phủ Thái đã không cho Cường Để nhập cảnh Thái Lan, buộc lòng phải theo tàu quay về Nhật Bản.

Cường Để không bao giờ còn trở lại như trước kia nữa. Tuyệt vọng, suy sụp, ông đã hoàn toàn là một ông già trái tính trái nết, đau ốm triền miên. Đôi khi, cảm hận số phận, ông ném bất cứ cái gì vớ được vào vách. Chie phải cất bộ đồ trà ông đem theo từ Việt Nam thật kỹ, mỗi sáng pha trà xong nàng đứng chờ ông uống xong, đem cất ấm chén rồi mới dám dời mắt.

Cuối mùa thu có hai người khách ở Việt Nam sang ghé thăm. Họ là hai chính khách đang có thể lực, hứa sẽ tìm cách đưa Cường Để về nước.

Khách về rồi, Chie dọn tách chén trên bàn, định bưng đi. Chợt ông níu tay nàng:

- Nàng ơi, nàng có tin ta còn về nước được không?

Chie đặt khay xuống, quay lại cầm cả hai bàn tay ông, vỗ về:

- Thiếp tin.

- Ta cũng tin vậy. Nghe nói chẳng bao lâu nữa người Pháp sẽ rút khỏi Đông Dương...

Chie lau những giọt mồ hôi đang ứa ra trên trán người đàn ông. Dạo này ông yếu quá, chỉ một cơn xúc động cũng đủ làm mồ hôi toát ra đầm dề.

Mấy hôm sau ông bồn chồn đến mất ngủ, lúc nào khò lại lật giở những thư từ, sách vở đã cất giữ từ bốn mươi năm trước, cả bức "Thư huyết lệ của người Việt Nam" mà ông viết khi mới ngoài ba mươi tuổi.

Ba mươi năm đã qua, sứ mệnh cứu nước không còn nằm trong tay thế hệ ông nữa rồi. Nhưng những bức thư cũ này sẽ mãi mãi là kỷ niệm rực rỡ nhất của đời ông.

- Nàng cất kỹ những giấy tờ này cho ta. Khi ta về nước, đồng bào nhất định sẽ hỏi đến.

Chie đặt chén thuốc xuống bàn rồi đỡ lấy những tờ giấy cũ vàng tén tay ông.

Bây giờ ông đã tin nàng thật sự, ông giao cho nàng những tờ giấy này, đối với ông nó còn quý hơn cả bạc vàng.

- "Uống thuốc đi mình". Chie nhắc. Cường Để gật đầu, không đợi Chie nài ép dễ dàng như mọi lần, ông bưng chén thuốc đắng ngắt uống cạn.

Gương mặt đang rạng rỡ của ông bỗng nhăn nhúm lại, một cơn đau đang âm ỉ dưới sườn non chợt nhói lên.

Chie đỡ cái bát, tay kia vỗ nhẹ lên lưng chồng như muốn xoa dịu phần nào cái buốt nhói trong cơ thể ông. Tuần trước, bác sĩ bệnh viện Nihon Ika Daigaku đã nói cho nàng biết, Cường Để đã mắc bệnh ung thư gan, ông chỉ còn sống nhiều lắm là ba tháng nữa. Chie giữ kín tin dữ không cho ai hay. Nàng biết đây là lúc nàng phải mạnh hơn bao giờ hết. Cường Để cố uống thuốc cho mau khỏi bệnh. Ông xem đi xem lại bức thư của mấy người Việt vừa ghé thăm tháng tám năm ngoái, bức thư hứa sẽ tìm cách vận động cho ông hồi hương. Mỗi lần đọc thư ông thấy khỏe hẳn lên như vừa uống một thang thuốc bổ.

Nhưng đến đầu tháng tư, sau nhiều cơn đau hành hạ, Cường Để cũng nhận ra rằng mệnh của mình đã hết.

Ông cố mở đôi mắt mệt mỏi, gắng nhìn thật kỹ những gì chung quanh: Khung cửa sổ nhỏ, những chiếc áo Việt may bằng lụa Nhật treo trên vách, chiếc chậu đồng dưới chân giường, những vật dụng thường ngày của cuộc sống lưu vong tạm bợ, giờ phút này ông nhìn chúng với ánh mắt bịn rịn vô cùng.

Mắt ông dừng lại nơi khuôn mặt Chie đang nhìn xuống, vẻ trầm lặng và nhẫn nhục đầy yêu thương. Ông quờ quạng nắm lấy tay nàng :“Minh ơi, mình có phải là Phật Bà Quan Âm của tôi không?”

Đó là lần đầu tiên ông nói lời tri ân với nàng sau bao nhiêu năm chung sống. Nhưng nàng không hiểu gì cả, vì ông không biết là mình không dùng tiếng Nhật. Như một bản năng, mấy hôm nay ông chỉ nói toàn tiếng Việt.

Chie vẫn cúi nhìn, vẫn vẻ mặt âu yếm xót xa, nàng áp sát mình xuống thân thể còm cõi của ông, tay nắm lấy cả hai tay ông như muốn bảo : Đừng sợ, có thiếp đây, dù đi đến đâu ngài cũng không cô độc.

Cường Để dần thiếp đi.

Lúc ấy là năm giờ 5 phút sáng mùng 6 tháng 4 năm 1951. Một mình Ando Chie úp mặt khóc lặng lẽ trên thi thể ông.

Ngoài cửa sổ, hoa anh đào đang nở. Hôm ấy là ngày đầu của lễ hội hoa anh đào trên đất Nhật.

Cửa mở ra, hai người đàn ông theo Ando Chie bước vào căn hộ. Đập vào mắt họ là những tấm hình của Kỳ ngoại hầu Cường Để trên vách. Vị hoàng thân trẻ măng hai mươi lăm tuổi ngày mới đến Nhật. Hội chủ hội Đông Du Phục Quốc, sinh viên trường Đại học Waseda, hình chụp với Thủ tướng Innukai, hình chụp với ký giả Asahi trong bữa tiệc long trọng tại khách sạn Đế Quốc... Tất cả là những trang đời đẹp nhất của Cường Để. Còn hình ảnh buồn thảm những ngày chờ đợi trên sân bay Haneda, những ngày chạy loạn nghèo túng cơ cực, ngày về tang thương trên cảng Yokohama... Những hình ảnh ấy giờ đây chỉ còn trong ký ức Chie mà thôi. Hai tay bưng bình tro, Ando Chie trao di cốt Cường Để cho hai con của ông. Nàng cúi mặt trầm nghĩ: Thế là ngài sắp về nhà, giấc mơ cả đời của ngài giờ đây mới thành tựu. Ngài lên đường bình an, lần này thiếp không phải gói sushi cho ngài mang đi nữa rồi.

Người con trai cả của Cường Để đỡ lấy bình tro di cốt của cha. Mặt ông đầy nước mắt. Ông ngạc nhiên thấy người đàn bà Nhật này vẫn bình thản, nét mặt trang nghiêm dịu dàng chỉ hơi phảng phất buồn. Nhưng người con trai thứ hai đứng cách đó vài bước thấy rất rõ đôi bàn tay của Chie sau khi trao xong bình tro. Đôi bàn tay ấy bấu chặt vào nhau, những móng tay quắp vào da thịt, rồi chúng run rẩy bấu víu lấy đôi tay áo kimono, và đến lượt thớ vải giăng co như sắp bị xé rách ra.

Khi hai người đàn ông đi rồi, Chie khép cửa, quỳ xuống sàn. Nàng lấy trong ống tay áo ra một mẫu xương và một nhúm tro nhỏ. Chie đã giữ lại cho mình một phần thân thể của chồng.

Nàng biết mình không làm trái với ý nguyện ông. Dù chẳng hiểu ông nói gì khi sắp mất nhưng nhìn vào mắt ông nàng biết, ông rất muốn ở lại với nàng. Hình như vào giờ phút ấy ông nhận

ra mình sắp đi vào một cõi xa thăm thẳm, ở nơi ấy ông sẽ gọi cả trần gian này là quê nhà. Và ở quê nhà đó, một trong những gì giản dị và thân thương nhất chính là Chie...

Ando Chie mất bốn mươi năm sau, trước khi mất bà để lại di chúc muốn được chôn cùng với nắm tro tàn của Kỳ ngoại hầu Cường Để. Nhưng cho đến nay lọ hài cốt của bà vẫn còn trong phòng mộ tập thể của nghĩa trang Zoshigaya, nơi có những cây tùng xanh biếc và tiếng quạ kêu man mác buồn trong những buổi sáng mùa xuân.

Cố nhân

(tập truyện ngắn “Onkel Yêu Dấu” vừa xuất bản, nxb Phương Nam, 2010)

Ông bắt giắc nhìn lui phía sau khi taxi đến gần bãi đáp trước nhà hàng Tam Mã. Ô. Tại sao phải nhìn lui, giờ mình còn gì phải sợ nữa đâu. CỬ chỉ này, đã lâu lắm ông quên đi, từ khi không gặp Diễm nữa, có đến mười lăm năm nay rồi. Thỉnh thoảng có thấy email của nàng xuất hiện trong hộp thư, ông cũng chỉ đọc qua rồi xóa....Ông là người quyết đoán, đã dứt áo thì thôi, nhất định không ngoái lại.

Mặc dù đôi khi trong đêm thanh vắng, nỗi nhớ cũng day dứt vô cùng. Ở cương vị một quan chức, ông đâu có thời gian để mà ủy mị; Lịch họp, lịch công tác chi chít, con người có lúc chẳng còn là chính mình, nói gì đến nhớ thương. Có lúc trên ô tô giữa hai cuộc họp, ông thiếp đi, chợt nghe tiếng hát của ca sĩ nào đó vang ra từ máy stéreo trên xe. Một bài hát của Cung Tiến, bài *Hoài cảm*. Ông thấy lòng lịm đi, thấy hình ảnh nàng hiện ra trước mặt, thấy nụ cười nàng thơ dại như đứa trẻ, đôi mắt xanh trong, trong đến nỗi khi mới nhìn lần đầu ông ngỡ sau đôi mắt ấy không bao giờ có thể gợn lên một suy tính gì. Cảm giác lúc ấy thần tiên đến nỗi về sau ông giữ mãi trong xe CD ấy, chỉ để thỉnh thoảng nghe một câu da diết: *Chờ nhau hoài cố nhân ơi....*

Rồi ông về hưu, không thường đi lại bằng xe nữa. Chiếc CD lại lặng lẽ tí tê trong phòng ông những đêm khó ngủ.

Nghe là nghe vậy thôi, chẳng bao giờ ông nghĩ đến gặp lại *cố nhân*.

Vậy mà bây giờ ông sắp gặp nàng.

Chuyện này quả thực ngoài dự tính của ông. Ông biết mười lăm năm đã qua, cả hai bây giờ đã khác. Nhất là cuộc gặp gỡ này lại chẳng phải để hẹn hò, mà là để nói một câu chuyện quá nặng nề. Từ lúc về hưu, chuyển vào Nam, mặc dù vẫn còn rất nhiều mối quan hệ, ông đã khước từ mọi chuyện vận động, thuyết phục, xin xỏ. Chỉ muốn rũ áo gác kiếm để thanh thoi trong lòng. Vì vậy, khi nghe vợ thăn thĩ: “Mình cố làm sao giúp Út Lan. Nó đang bị tiểu đường nặng vậy, nếu bị kết án đến mười năm làm sao sống nổi?” Ông chỉ thờ dãi: “Anh biết. Không nói là Út Lan, cho có là con đẻ của mình rơi vào hoàn cảnh đó cũng chẳng làm sao cứu được. Tình ngay lý gian là thế.” Vợ ông chảy nước mắt: “Mình có nhớ tình nghĩa của bác Hai thuở trước không, cái năm em sơ tán ở nhà bác ấy, mỗi lần bom dội bác nằm đè lên cu Tý nhà mình, bị thương tật cũng vì bao che cho con mình. Bây giờ con gái bác ấy gặp nạn, không lẽ mình khoanh tay ngồi nhìn?” Út Lan, từ một chủ tịch lâm trường – đã khai phá hơn năm ngàn mẫu đất Tây nguyên, đã đem lại công ăn việc làm cho mấy chục ngàn dân di cư từ miền Trung vào, đã được khen thưởng, ca ngợi, tôn vinh - bỗng trở thành tội đồ, nay mai sẽ đứng trước vành móng ngựa, đối diện với bản án “Cố ý làm trái” - Vụ án của Út Lan, hàng chục tờ báo tranh cãi, bao nhiêu người ở vị trí còn cao hơn ông cũng đã lên tiếng bênh vực, vậy mà còn chẳng ăn thua. Thử hỏi ông có thể can thiệp được gì? “Sao lại không hỏi ông, người cao hơn ông không nói được, nhưng mà ông thì nói được.” “Bà nói gì tôi chưa hiểu?” Vợ ông nhỏ nhẹ: “Phan Ngọc Diễm vừa về nước tuần trước, ông ạ!” Ông giật mình. Lặng người. Bao nhiêu năm nay ông cứ nghĩ vợ không biết gì về chuyện riêng tư của ông. Máu trong người ông như ngừng chảy trong một lúc. Lát sau, ông nói,

nặng nhọc: “Tôi có biết cô ấy về đâu. Lâu lắm rồi không còn liên hệ gì.” Vợ ông vẫn nhỏ nhẹ: “Tôi biết, tôi tin mình mà.”

Câu nói làm ông tạm yên tâm phần nào. Bà là mối tình đầu, là vợ, là mẹ của các con ông, ông chưa bao giờ muốn làm gì cho bà buồn trong suốt cuộc đời. Hơn ba mươi năm, trên đường công vụ, ông luôn bị những bóng hồng đe dọa. Nhiều nữ nhân viên tìm cách mua chuộc ông, làm duyên làm dáng với ông, có người nhân cùng đi công tác mời ông ghé nhà rồi dẫn thẳng lên lầu nói là để uống trà, nhưng khi lên đến nơi hóa ra lại đối diện với cái giường ngủ. Ông toát mồ hôi rút lui, từ đó hề phát hiện cô nào trong cơ quan có dấu hiệu đầu mảy cuối mắt là ông cách ly người đó ngay không tạo cơ hội cho người ta tiếp xúc với mình. Bởi ông biết rõ thời ấy, bấy tình là cái bấy thể thảm nhất mà nhiều quan chức đã sụp vào, thân bại danh liệt. Tự kiểm chế đã thành thói quen, kể cả những lúc một thân một mình ông cũng giữ gìn quá kỹ. Như lần đi công tác ở Thượng Hải, đối tác cử một cô nhà báo trẻ trung xinh xắn dẫn ông đi tham quan thành phố, chỗ ở họ bố trí cho ông là một suite gồm một phòng khách và hai phòng ngủ trong khách sạn năm sao, cái tróc trên là hai phòng ngủ ấy lại thông nhau bằng một cửa ngách nhỏ. Cô nhà báo xinh đẹp, trước khi lui về phòng mình, lại còn nói rõ với ông: “Ngay sau cánh cửa này là phòng em.” Đêm ấy ông lên giường, không phải với tâm tư rạo rục của người đàn ông trong hoàn cảnh “mỡ để miệng mèo” mà với những phân vân đầy suy tính: Cô gái này có thực là một nhà báo không? Có âm mưu gì sau hảo ý này không? Ông chốt dạ, nhìn quanh phòng, xem thử có gắn camera không, có máy thu âm đâu đó không. Nếu có, thì cũng chẳng tài nào phát hiện được. Rồi ông lại phập phồng lo, nếu nửa đêm cô ta cởi tuột quần áo rồi a lên giường mình thì mình có đối phó được không? Rất may là đêm đó cô gái chẳng động tĩnh gì cả, phần ông sau một ngày đi quá mệt, nên cũng thao thức một lúc rồi ngủ thiếp đi.

Sau này, kể lại với bạn bè, ông thường đùa: “Bây giờ nghĩ lại thấy mình dại quá!” Thật ra trong những phút thử thách đó, ông không thấy có gì khó khăn gay go như nhiều người tưởng tượng. Chủ yếu là do ông bị hút trong công việc nên chẳng còn nhiều tâm trí cho chuyện trăng hoa, hơn nữa, ông có gia đình hạnh phúc, có người vợ hiền hậu yêu thương và luôn nhắc nhở ông giữ mình. Đối với ông, bà chẳng khác gì thiên thần hộ mệnh.

Mọi chuyện chỉ khác đi khi ông gặp Diễm. Nàng xuất hiện trong đời ông vào những năm đầu 90, khi cuộc sống đang bung ra, cách làm ăn bung ra, quan niệm về cách sống cũng khác đi...Đấy cũng là thời điểm khó khăn trong cuộc sống vợ chồng: Vợ ông đang qua khỏi tuổi năm mươi, tám thân mảnh mai ngày nào đã bắt đầu “bể phom”, lại đang thời kỳ mãn kinh với bao nhiêu trục trặc về cơ thể. Hai vợ chồng bắt đầu ngủ riêng phòng, gần gũi nhau càng ngày càng thưa, rồi bỗng nhiên trong lúc đang còn lay hoay tìm cách điều chỉnh sự trục trặc thì bà bỗng đột ngột tuyên bố: “Ngày xưa, bố mẹ em đến năm mươi là đã hết.” Lúc ấy ông chỉ nghĩ có lẽ vợ mình chịu ảnh hưởng giáo dục quá nghiêm khắc từ một gia đình Nho phong. Bây giờ nghĩ lại, rất có thể ngay từ lúc ấy bà đã nắm được thông tin về Diễm, và vì lòng tự ái bà không muốn để chồng âm thầm so sánh cơ thể mình với thân thể một người đàn bà trẻ hơn mình đến hai mươi tuổi.

Chỉ có ông là ngây thơ. Ông đã cố gắng hết sức để cho bà được bình yên. Ngay khi đang yêu Diễm say đắm, ông cũng không quên tạo một lớp vỏ bọc hoàn hảo để bà khỏi nghi ngờ. Rồi khi xảy ra tình huống có thể làm đau một trong hai người đàn bà, ông đã đành lòng để cho Diễm bị tổn thương.

Lúc ấy là tầm giữa chiều, nhà hàng còn vắng lặng, một mình ông bước vào ngồi trong một góc kín đáo sau những chậu cây phát lộc xanh tốt. Cái nhà hàng sang trọng nằm trên một đường chính ở trung tâm thành phố, ở cái nơi “tấc đất tấc vàng” theo đúng cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, vốn là một trong những ngôi nhà của một quan chức hàng đầu trong chính phủ. Ngày ông còn đương chức, có lần vào công cán ở thành phố đã được mời dự tiệc ở đây. Vị quan trên đó đã chết hơn mười năm, bây giờ các con của ông ta cho chủ nhà hàng này thuê mỗi tháng đến sáu nghìn đô. Ông nhìn quanh: chẳng còn chút dấu vết gì của người chủ cũ.

Ông nhìn đồng hồ: ba giờ mười phút. Sợ kẹt xe nên ông đã đi hơi sớm. Mười lăm năm trước, người đến sớm thường là Diễm. Còn ông bao giờ cũng đến sát giờ hẹn, có khi trễ đôi chút, vội vàng vàng. Nàng rất hay đổi, lúc nào cũng nũng nịu trách móc rằng đến trễ lẽ ra phải là đặc quyền của đàn bà... Nhưng rồi hờn dỗi cũng qua thôi, vì ông biết nói những câu làm cho nàng nguôi lòng, luôn có những món quà bất ngờ, không phải những thứ đắt tiền cho lắm nhưng được lựa chọn rất thông minh đủ cho nàng nhận thấy trong đó chứa đựng rất nhiều yêu thương và quan tâm.

Ông đốt một điếu thuốc, tranh thủ hút trước để lát nữa khỏi nói lời xin phép phụ nữ. Đã có thời thân thiết đến thế nhưng dù sao giờ đây Diễm cũng vừa trải qua năm năm trời sống ở Mỹ, khó mà chấp nhận được việc ngửi mùi khói thuốc từ một người đàn ông. Lát nữa đây thôi, họ lại sẽ ngồi đối diện với nhau trong bữa ăn, như cái lần đầu ấy. Thực lòng chỉ muốn về nhà, nhưng người trợ lý mời tha thiết quá, ông phải nhận lời đi ăn cơm niêu, lúc ấy đang là một mới ở Hà Nội. Tưởng là sẽ chén tạc chén thù với một người đàn ông thì ông lại gặp thêm ở đó một phụ nữ. “Em xin giới thiệu với sếp cô em gái, nhờ sếp quan tâm.” Việc mà anh ta nhờ, là giúp cho cô em, vốn là trưởng phòng giao dịch của một công ty nhỏ trong Sài Gòn. Công ty đang trên đà phá sản, đang cần những lời khuyên và kinh nghiệm của ông. Ông cảm thấy thoải mái vì anh ta chẳng xin một điều gì cụ thể, khỏi phải cân nhắc đắn đo, hay tìm lời từ chối. Còn sự ủng hộ, thì là một việc về lâu về dài, một cuộc điện thoại, một chút tin tức, thậm chí nhận cho một món quà cũng đã có thể gọi là ủng hộ rồi.

Điều làm ông có ấn tượng với Diễm là cô chẳng có vẻ gì là một trưởng phòng giao dịch. Tuổi trạc ba mươi, chân dài, đẹp cỡ hoa hậu nhưng trông cô có dáng ngoan hiền và thơ dại của một nhà thơ hơn là một nhân viên kinh doanh năng nổ. Ánh mắt cứ lạc loài như con nai vàng ngơ ngác vậy thì kinh doanh cái gì, ông nghĩ thầm. Ông đưa cái menu cho cô chọn món ăn. Cái menu ấy là menu tiếng Anh. Cô lúng túng, ông nhận ra cô nàng không biết ngoại ngữ. Vào những năm tám mươi, nhân viên giao dịch không biết tiếng Anh là chuyện bình thường, nên ông chẳng lấy làm lạ.

Chính vì chuyện không biết một tiếng Anh bẻ làm đôi nên Diễm suýt đi lạc ở sân bay khi đến Thụy Sĩ lần đầu. Ông bay từ Hà Nội, đến trước nàng mười một ngày, lo xong công vụ ông hồi hộp chờ chuyến bay từ Sài Gòn tới. Nhưng chờ mãi không thấy nàng xuất hiện ở cửa ra. Một người đàn bà non trẻ, không biết tiếng tăm, lần đầu ra nước ngoài, lần đầu đi giữa mê cung của những sân bay quốc tế, nơi tất cả đều được hướng dẫn bởi những con số chứ không có một bảng chỉ tên thành phố, đường bay nào cả; Không chừng nàng đã lỡ mất chuyến bay khi transit ở Frankfurt? Ông muốn phát điên vì tuyệt vọng, nghĩ thầm nếu lạc mất nàng chắc cả đời ông không thể tha thứ cho mình: Vì muốn giữ bí mật tuyệt đối cho ông mà Diễm phải đi một thân một mình như thế đến nơi xa lạ này. Suýt nữa ông đã làm một việc rất liều lĩnh là gọi điện cầu cứu tòa Đại sứ Việt Nam tại Đức. Một chuyện sẽ làm ông hối hận bởi nó hoàn toàn khác sự thận trọng của ông thường ngày. Nhưng ông nhất định đã làm việc đó, nếu Diễm không hiện ra đúng lúc giữa đám đông người, cạnh cửa ra. Nàng hiện ra, mảnh mai và sang trọng, giữa những hành khách da trắng tóc vàng, khuôn mặt trẻ trung tươi tắn dù mới qua một chặng bay dài thâu đêm. Ông sửng người nhìn nàng, mừng rỡ, vui sướng và không khỏi ngạc nhiên: nãy giờ ông cứ lo rằng lạc giữa nơi chốn xa lạ này, ắt nàng phải lo sợ đến phát khóc.

Hóa ra người lo sợ đến phát hoảng là ông. Ông quên rằng một người đàn bà xinh đẹp luôn tìm được sự giúp đỡ. Không biết một tiếng Anh bẻ nửa nhưng nàng đã được một hành khách người Mỹ giúp chuyển máy bay ở Frankfurt, rồi đến đây lại được một người Đức giúp lấy hành lý và đưa đến ngay cửa ra. Cũng may, vì phi trường này có nhiều cửa ra lắm, mà tình cờ cái cửa nàng được đưa tới lại là cửa ông đang cuống quýt tìm nàng.

Ông ôm chầm lấy nàng, hoàn toàn khinh suất, nhưng trong đời người ta phải được khinh suất đôi lần như thế thì cuộc sống mới thực là cuộc sống.

Thế là Diễm đã thuộc về ông sau hai năm trời khắc khoải vừa lảng tránh, vừa theo đuổi. Từ lâu ông đã thấy vẻ dưng hiên ngoan ngoãn trong mắt nàng, nhưng trên cả dải đất Việt Nam ông

thực tình không dám. Ông H, bộ trưởng văn phòng chính phủ, người rất yêu mến ông, thỉnh thoảng gặp ông vẫn nhắc chùng: “Này, cẩn thận đấy nhé, cái ghế chú đang ngồi hiện có mười hai thằng chực nhảy vào đấy.”

Dù sao đi nữa, trong ông vẫn có một người đàn ông. Đến một lúc nào đó, sự khao khát làm ông không còn biết sợ. Và lại, cuộc hẹn hò đầu tiên này được tổ chức quá ư cẩn thận. Trong cái khách sạn nhỏ ở ngoại ô Zurich, nơi có những cửa sổ viền đầy hoa của miền ôn đới, ông đã có đêm hạnh phúc đầu tiên sau hai năm trời ăn nằm chay tịnh, hai năm làm một người đàn ông chỉ có sử dụng tối đa năng lượng của bộ não mà hoàn toàn bỏ mặc năng lượng của con giống. Một cuộc sống khổ hạnh mà nhiều khi nghĩ lại ông không khỏi tự xót cho mình.

Nàng muốn tắt đèn, nhưng ông ngăn lại. Nàng ngược nhìn ông, bối rối, rồi ngồi vào một góc giường khuất ánh đèn nhất, cởi giày ra. Ông ôm lấy nàng, nhẹ nhàng đặt nàng nằm giữa trên giường, để cho ánh đèn tỏa sáng trên đôi ngực trắng tròn. Nàng phản ứng như trẻ con: thay vì đưa tay che ngực, thì nàng che mắt mình lại. Ông cúi xuống ngậm núm vú nàng hồng hồng, cảm thấy sự sống từ đó tuôn vào trong thân thể mình ào ạt như một dòng sữa vô hình.

“Để em yêu anh.” Nàng thì thầm bên tai ông trong khi đẩy ông nằm xuống nệm. Ông hơi ngạc nhiên thấy nàng không còn vẻ e lệ nữa, dạn dĩ ngồi trên người ông, phơi đôi ngực trần rục rờ. Ông hiểu, nàng không muốn ông tổn hao nhiều sức lực vì để gặp được nhau ở đây ông đã phải lao tâm tổn trí hơn nàng nhiều lắm. Ông nhắm mắt, cảm thấy phía trong cơ thể nàng, nóng ấm và trơn ướt, ông trượt lòng bàn tay trên hai bắp vế mịn như lụa. Rồi bất chợt tư thế nằm dưới làm ông cảm thấy bất ổn, ông lật mạnh nàng xuống. Dù bị đè nặng, nàng vẫn không ngừng bám núm vú và siết chặt ông bằng cả cơ thể nóng hổi, cho đến lúc ông kêu lên một tiếng và cảm nhận rất rõ mình đang trào ra khỏi chính mình. “Nằm yên, cấm nhúc nhích!” Ông nói qua hơi thở, vừa nói vừa vòng tay áp chặt nàng vào người. Hai trái tim đập lồng lên bên nhau, chúng cứ đập loạn lên như thế hàng chục phút cho đến khi hai thân thể chùng xuống thư giãn và hai đôi mắt riu lại, chìm vào giấc mơ hạnh phúc.

Zurich.

Ông không bao giờ quên thành phố ấy, trong hàng mấy mươi thành phố mà ông đã đi qua trong suốt đời mình.

“Chú dùng gì ạ?” Người hầu bàn đến bên ông. Ông giật mình. “Cho chú một ấm trà. Chờ một chút, món ăn sẽ gọi sau.” Ông mở cái menu bọc da trên bàn. Có món bò nướng hành kiểu Pháp, giống như ở cái nhà hàng nhỏ ấm áp ven dòng sông Limmat ngày ấy. Mắt ông dừng lại, nhưng rồi ông nghĩ, mười lăm năm đã qua, khẩu vị của nàng chắc đâu còn như cũ.

Mobile của ông rung lên trong túi. Diễm đang gọi.

“Em xin lỗi anh! Cho em đến trễ khoảng nửa giờ anh nhé?”

Nửa giờ. Khá lâu. Ông hơi phật lòng. “Sao? Bạn quá phải không, bây giờ em lo toàn chuyện đại sự mà.” Nàng cười, vẫn giọng cười đó, nghe thoáng một chút nũng nịu rất dễ thương. “

Lại chằm chọc em rồi, tội nghiệp mà. Cho em nán lại một chút vì phóng viên VTV bảo em phải bật ti vi xem ngay chương trình về em. Phải xem một chút kẻo người ta hỏi cảm tưởng lại chẳng biết nói sao.”

“Được thôi, tùy em.” Ông lại phải nói cái câu mà trước kia ông vẫn nói mỗi khi kết thúc chuyện bàn cãi giữa hai người. Chương trình *Thời ta sống*. Gặp gỡ với nữ doanh nhân Ngọc Diễm, chủ tịch tập đoàn New Spaces. Ông nghĩ thầm: “Ai vậy? Có phải là cún bông bé bông của mình không?” Nàng nhỏ hơn ông đến hai mươi lăm tuổi nên ngày ấy mỗi khi ôm nàng vào lòng, ông thường nói đùa: “Anh là một người lớn thích chơi thú bông!” Nàng dịu dàng lờm ông: “Thì người lớn nào mà chẳng thế!”

Khi nói vậy chắc hẳn nàng muốn bóng gió nhắc đến ông bộ trưởng X, người đã nhiều lần gặp trong các cuộc tiếp tân do thành phố tổ chức. Ông bộ trưởng vẫn thường bảo ông trong giờ thư giãn ngoài hành lang tiền sảnh: “Cấp dưới của ông trông khá lắm đấy, được gì chưa?” Ông nhàn mặt đánh trống lảng: “Này, ông đừng có mà vớ vẩn!”

Chiếc ti vi treo trên một góc phòng. Người hầu bàn đã theo lời ông, chuyển kênh sang VTV4. Diễm hiện ra. Ông định gọi điện bảo nàng đến đây cũng xem được, nhưng rồi lại thôi, quả là chẳng thú vị gì sau mười lăm năm gặp lại mà những phút đầu tiên lại đi châu đầu vào màn hình. Mười lăm năm qua, nàng vẫn đẹp quá, hình như thời gian chỉ lướt qua và chạm vào nàng rất khẽ. Người dẫn chương trình đang nói tóm tắt về nàng, một phụ nữ Việt Nam đã kinh doanh thành công ở Mỹ, nay trở về đầu tư vào thị trường Việt. Trên màn hình đang nhấp nháy những dòng tóm tắt về bước đầu khởi nghiệp: Năm 1994, được bổ nhiệm Phó giám đốc công ty Thiên Thanh trực thuộc Ban”

1994, một năm sau cuộc gặp ở Zurich. Thành thật mà nói, ông đã không hề làm động tác gì để cho nàng được bổ nhiệm. Đó là điều ông có thể khẳng định bằng danh dự. Nhưng nàng lên vùn vụt từ khi gắn bó với ông. Hồi đó nàng thường nũng nịu bảo: “Vi em hợp vía mình.” Công việc của nàng luôn luôn suôn sẻ tốt đẹp, vì vậy uy tín tăng lên mở đường thăng tiến cho nàng. Công ty Thiên Thanh từ chỗ sắp phá sản đã ngóc đầu dậy thành một đơn vị có uy tín liên tục được khen tặng. Thực sự ông đã làm mọi điều để yểm trợ cho công việc của nàng càng ngày càng tốt hơn.

Từ sau cuộc hẹn ở Zurich, ông chưa có đêm nào trọn vẹn với nàng. Trên đất Việt Nam ông chẳng thấy nơi nào là an toàn cả. Lại những lần gặp gỡ vội vã. Ông tự bằng lòng với hạnh phúc vá vúi, tự nghĩ chừng đó là quá đủ.

Nhưng cún bông bé bông không nghĩ như vậy. Hôm ấy là sinh nhật thứ ba mươi ba của nàng, ba năm sau ngày họ quen nhau.

Với ông đấy là một đêm bão tố.

Trên ti vi, hình Diễm đang được chiếu cận cảnh. Ông cố nhìn kỹ, chưa hề có nếp nhăn nào xuất hiện. Khuôn mặt này mịn màng và tươi sáng, không giống vẻ mặt nàng trong cái đêm ấy. Bao năm đã qua, bây giờ tóc chắc chắn đã nhuộm, nàng vẫn giữ được nụ cười thơ đại tướng có thể làm xiêu lòng cả Thượng Đế. Chỉ có ánh nhìn trong đôi mắt nàng khác đi, sự từng trải và tinh khôn ẩn dưới cái nhìn hiền hòa, làm ông thấm hiểu được bao nhiêu chặng đời nàng đã đi qua, bao nhiêu độ cao nàng đã đạt tới, và sức nặng của cả khối tài sản kếch sù nàng đang nắm giữ. Trong khi nàng cứ ngồi nghiêng nghiêng với cái vẻ hơi mơ màng, người dẫn chương trình đột ngột hỏi một câu: “Theo chị, tiền là gì?”

Ông mỉm cười. Anh chàng MC này có vẻ muốn biến chương trình thành một thứ live show văn nghệ. Mà tại sao không nhỉ, trong đám đông mấy chục triệu người đang theo dõi chương trình hôm nay, có mấy người biết Diễm là người thế nào, càng chắc chắn không một ai học tập được gì ở kinh nghiệm cuộc đời nàng. Người ta xem là để cho vui, xem để có cảm giác hưng phấn về thời điểm mình đang sống, không phải tâm lý của một người xem live show là gì?

Nhưng Diễm bằng xương bằng thịt đã tới kia rồi. Qua cửa sổ căn phòng đang ngồi, ông thấy chiếc BMW dừng lại, người lái xe bước xuống chạy ra sau mở cửa. Đã chuẩn bị trước nhưng khi nàng bước vào phòng, ông vẫn đột ngột thấy tim nhói lên một cái mạnh mẽ. Theo thói quen từ hai năm nay, mỗi lần thấy tim nghẹt đi như vậy ông lại đưa tay phải bấm vào huyết kích môn trên cổ tay trái cho nhịp tim bình thường trở lại. Diễm mặc đúng bộ váy tím hồng mà nàng đã mặc để xuất hiện trong chương trình ti vi, mặt nàng hướng về phía ông.

Ông đứng dậy nắm lấy tay nàng. Tim ông vẫn nhói, ông nghĩ, có lẽ sắc mặt mình lúc này không bình thường cho lắm.

Nàng cũng vậy, chắc chắn không bình thường, dù miệng vẫn cười tươi tắn nhưng mắt ánh lên một vẻ oán trách hờn dỗi, vẻ trách oán làm ông có cảm giác như mới đêm qua họ vừa gặp nhau nơi cái khách sạn nhỏ hẻo lánh trên bờ biển ấy. Đêm sinh nhật thứ ba mươi ba của nàng. Họ hẹn gặp nhau ở thành phố Cảng, bởi cùng lúc ấy ông đến dự một cuộc họp ở Hải Phòng, được Tổng công ty tại đó đặt phòng trong một khách sạn năm sao ở trung tâm thành phố. Diễm bay ra từ Sài Gòn, tất nhiên ông không dám đón nàng đến khách sạn nơi ông đang ở. Ông đặt phòng cho nàng nơi một khách sạn cỡ một sao rưỡi trên bờ Đồ Sơn, không phải vì keo kiệt tiền

bạc với nàng, mà vì địa điểm hẻo lánh của khách sạn nhỏ ấy làm ông yên tâm hơn về mặt bảo mật.

Không đem hoa, vì một bó hoa trên tay một người đàn ông đứng tuổi chắc chắn sẽ gây nhiều chú ý, ông đem đến cho nàng bộ nữ trang kiểu mới nhất vừa ghé mua ở tiệm kim hoàn ngay trên đường đến Đồ Sơn, vì việc sắm sửa một món quà rõ là dành cho phụ nữ sẽ quá mạo hiểm, nhất là khi vợ ông vẫn có thói quen cẩn thận giúp chồng xếp đặt lại va li và cặp diplomate trước giờ lên đường. Do vội vàng, ông đã phạm sai lầm chết người: Đó là sợi dây chuyền dài nhất, đẹp nhất, nhưng mặt dây chuyền thay vì mang chữ D thì lại mang chữ H- chữ cái đầu tên vợ ông. Diễm đập đầu vào tường, nàng gần như phát điên.

Ông thề thốt xin lỗi, nhưng nàng vẫn không thôi gào khóc, nhắc lại câu hỏi đã lặp đi lặp lại từ ba năm nay: “Anh tính cho em thế nào đây?”

Ông rất yêu nàng nhưng tất nhiên ông đã không tính gì cả. Ông biết có ngày sẽ mất nàng và cứ cố trì hoãn được ngày nào hay ngày đó. Có lúc ông tự huỷ hoại mình, như tất cả những tình nhân trên đời vẫn thường bị huỷ hoại: biết đâu chừng, nàng quá yêu ông nên sẽ chấp nhận sống như thế, mãi mãi là của ông trong vòng bí mật, ông sẽ tìm mọi cách đền đáp và mãi mãi không phụ nàng. Nhưng Diễm không cam chịu như vậy: “Anh định biến tôi thành vợ bé hay sao? Hay tệ hơn nữa, là gái bao cao cấp của anh? Anh nói thẳng một lần đi, anh có lý do được không, có cưới tôi làm vợ được không?”

Lâu nay khi nàng còn thỏ thẻ thì ông luôn tìm cách lảng tránh, hoãn binh, nhưng bây giờ khi bị nàng dồn đến chân tường thì ông chẳng có cách gì hơn là nói thật ý nghĩ của mình. “Em có bao giờ thấy có quan chức nào từ hàng vụ trưởng trở lên dám ly hôn với vợ không? Anh không thể...”

“Quan chức thì không phải là người à? Biết thế thì đừng có ôm lấy tôi!” Nàng càng xô ra, ông càng cố ghì chặt lấy nàng. Diễm nức nở, quấy đạp, rồi bỗng thò tay vào túi áo ông, rút lấy điện thoại của ông. “Tôi sẽ tố cáo anh! Tôi sẽ gọi cho vợ anh!” Tái mặt, ông buông ngay Diễm ra để giằng lấy điện thoại. “Em khùng sao? Ai tin em?” Diễm bấu mười móng tay nhọn sắc vào cánh tay ông. “Sao lại không tin? Tôi sẽ có bằng chứng làm cho bà ấy phải tin!”

Ông đã lấy lại được điện thoại. Nàng vật mình, nhào sang chụp lấy điện thoại phòng. Ông bắt đầu mất bình tĩnh. Dúi nàng xuống giường, ông trừng mắt, gầm từng tiếng:

-Bà ấy sẽ tin, nhưng sẽ nói không tin. Bà ấy sẽ bảo vệ chồng chứ không bao giờ đứng về phía tình địch. Em hiểu chưa?

Diễm nức lên một tiếng, tay chân chột mềm nhũn rã rời, sức mạnh và sự hung hăng tiêu tan. Nàng biết ông nói đúng. Nàng không khống chế được ông, ông thừa sức kiềm tỏa được nàng. Thấy cún bông của mình bỗng chốc rũ liệt như bị nhúng nước, sự tức giận trong lòng ông lắng xuống. Cảm giác yêu và xót lại choán ngập tim ông. Nàng thật thông minh, một khi đã hiểu ra vấn đề thì không bao giờ nhì nhằng rắc rối kiểu đàn bà. Chính vì thế ông rất thích nàng. Đêm đó ông đã vuốt tóc, lau nước mắt nước mũi cho Diễm và âu yếm dỗ dành, nhưng không làm tình, như một cách cho nàng hiểu rằng không thể dùng tình dục để biến ông thành nô lệ. Ông nghĩ lần sau sẽ cương chiều nàng hơn nữa để bù đắp những gì quá tệ hại hôm nay. Đó là sai lầm của ông. Nàng đã cảm thấy như bị hất hủi. Tệ hơn thế nữa, trước nửa đêm ông đã vội quay về khách sạn năm sao, bởi không muốn sáng mai người ta phát hiện mình ngủ ở chỗ khác.

Đêm đó, nằm một mình trong căn phòng trống trải, Diễm đã nghĩ đến việc rời bỏ ông- một điều trước đây nàng không tưởng tượng nổi. Nàng nhận ra rất rõ ràng, dù chiều chuộng nàng đến đâu đi nữa, khi cần ông sẽ hy sinh nàng không lưỡng lự. Xưa nay bao giờ chẳng thế, chỉ có tướng sĩ hy sinh cho chủ soái chứ chủ soái có hy sinh cho ai bao giờ. Trên bàn cờ, con tướng bao giờ chẳng là con còn lại cho đến tàn cuộc.

Nàng quyết tâm tách ra khỏi cái bóng của ông, tự mình lập lấy một thái dương hệ của mình, trong đó nàng sẽ không bao giờ phải làm vệ tinh cho bất cứ ai.

Chắc hẳn kỷ niệm nặng nề năm xưa đang trở lại nên vẻ mặt nàng càng lúc càng nặng trĩu sau vẻ tươi cười. Ông lặng lẽ chờ cho timthôi hồi hộp, chờ cho nàng lên tiếng. Người hầu bàn lại

đến. Diễm chỉ liếc sơ menu. Nàng gọi một đĩa xa lát Nga, món ngày xưa ông vẫn thích. Một chai vang *Chateau de La Tour*, cũng là loại rượu ngon ông thường gọi mỗi khi có mặt nàng. Cảm động vì thấy người xưa vẫn nhớ thói quen cũ của mình, ông không muốn nói ra rằng từ khi bảy mươi tuổi, theo lời khuyên của vợ ông đã bỏ không dùng xa lát Nga vì loại sốt mayonaise chứa quá nhiều cholesterol có hại cho mạch máu, và cũng vì đề phòng huyết áp nên rất hiếm khi ông dùng rượu. Nhưng mà đâu có sao. Hiếm khi nghĩa là vẫn có khi. Một buổi gặp gỡ như hôm nay, có họa là diễm mới đành lòng nói với người xưa: “Anh sợ chết.” Ông muốn làm tất cả những gì nàng thích, miễn là nàng trút bỏ cái vẻ nặng trĩu sau nụ cười kia. Sau cái đêm ở Đồ Sơn, Diễm đã dứt khoát không gặp lại ông nữa. Ông đã mua cho nàng một mặt dây chuyền khác, đẹp hơn, đắt hơn và mang đúng chữ cái tên nàng, nhưng nhiều lần hẹn gặp nàng đã không đến. Cuối cùng ông nhận ra, cún bông đã bỏ ông, như trước đây ông vẫn biết có ngày sẽ như thế. Vẫn là một nhà đàm phán giỏi trên các bàn tròn kinh tế, ông biết mình đã kéo dài cuộc thương lượng này đến hết khả năng của mình, rõ ràng quyền lợi đôi bên không tương thích được với nhau và giờ đây đối tác đã bỏ cuộc.

Trước mặt ông, Diễm bỗng nhiên bật cười. Nàng đang nghĩ gì, thật kỳ lạ, có thể điều nàng nghĩ cũng là điều ông đang nghĩ.

“Mười lăm năm không gặp. Anh có thấy em khác trước nhiều không?”

Nhịp thở bình thường trở lại. Ông không muốn nói những câu đầu môi thông thường mà đàn ông thường nói khi lâu năm gặp lại một người đàn bà: Vẫn đẹp, vẫn trẻ, không khác gì xưa.... “Em đã giỏi lên nhiều quá. Hơn mức anh tưởng tượng. Lúc này trong chương trình giao lưu, em đã có những câu nói rất hay.”

Diễm đã nói về kinh nghiệm kinh doanh ở Mỹ. Làm sao để vay được vốn trong hoàn cảnh hai bàn tay trắng. Làm sao để có khách hàng đông đảo tín nhiệm. Làm sao để tồn tại được trước sự cạnh tranh của các công ty giàu mạnh bản xứ.... Ông nhìn mắt nàng. Có gì đó khó tả. “Những gì em nói là để nói với người ngoài. Chẳng có gì giấu được con mắt anh, vì vậy em chẳng muốn khoác lác với anh làm gì.” Đúng vậy, khi xem chương trình ông đã nghĩ, chẳng ai học tập được theo nàng đâu. Vì họ làm sao biết trong tay nàng là vốn của ai, ai hưởng lợi từ đó, họ càng không thể biết rằng công ty địa ốc của nàng chẳng bán nhà cho người Mỹ mà chỉ mua nhà của người Mỹ thôi, và nàng chẳng cần đến biện pháp kinh tế nào ngoài nụ cười thơ đại và một trái tim xảo quyệt.

Nàng làm được điều đó vì có những người đàn ông luôn đứng sau lưng nàng. Hơn ba tháng sau đêm sinh nhật bão tố ở Đồ Sơn, ông gặp lại nàng trong một buổi tiếp tân ở Sài Gòn. Nàng ngồi cùng bàn với ông Bộ trưởng X. Người ta đang dọn món tráng miệng đặc biệt của miền Nam, trái vú sữa. Ông X tràn đầy hứng thú, vừa cầm trái vú sữa nắn bóp vừa khoái trá nói về cách ăn. “Phải bóp thật kỹ thì ăn mới đã đời!” Cả một giàn thủ hạ mặc complet ngồi quanh cười lên ha ha, tiếng cười thật dung tục.

Khi gặp nàng ngoài hành lang, ông nói khẽ vừa đủ nàng nghe:

“Em có biết ông ta đối với đàn bà như thế nào không?”

Ông không tiện nói cặn kẽ về cả một danh sách phụ nữ người ta đồn đại đã qua tay ông ta. Đây là một người tài giỏi cả về sự lươn lẹo nơi chốn quan trường lẫn tài chim chuột, và nhất là cái tài xóa dấu vết để tất cả mọi chuyện ai cũng biết mà chẳng ai có bằng cứ gì. Nàng quắc mắt nhìn ông :

-Thì đã sao? Anh có tốt hơn không?

Ông giận tím mặt vì sự so sánh làm ông cảm thấy bị xúc phạm quá nhiều. Ngực ông thắt lại khi nghĩ rồi đây biết đâu nàng sẽ thành cún bông của người đàn ông có hơi thở nặng mùi ấy.

Càng buồn hơn khi có rất nhiều đàn bà tranh nhau thở hít chút không khí nặng mùi quanh ông ta. Diễm cười uất hận: “Phải gửi cái hơi thở ấy có đau đớn hơn là chịu đựng những gì anh đã nói với tôi không?”

Diễm đi qua cuộc đời ông bộ trưởng không lâu. Một năm sau, ông ta bị cất chức và bị điều tra. Nàng vẫn không bị liên can gì, và đã có người đàn ông khác. Rồi người đàn ông khác. Cứ một người ra khỏi đời nàng thì nàng lại bước lên một cấp quan hệ cao hơn, thế lực hơn. Gần như

nàng đã xếp những xác đàn ông theo hình chóp nón kim tự tháp để làm bậc thang đi lên vậy. Những tin đồn về nàng không ngừng bay đến tai ông. Vào cái năm trước khi đột ngột bay sang Mỹ, Diễm đang là con nuôi của một nhân vật mang quân hàm cấp tướng.

“Cha nuôi em thế nào, có ổn không?” Ông hỏi thăm cho phải phép, chứ ông cũng biết ông tướng đã bị tai biến não, muốn bước đi phải có hai người xốc nách. “Cha nuôi em ấy à?” Diễm không trả lời mà chỉ đay lại câu hỏi, nhấn mạnh hai chữ *cha nuôi* với một giọng mỉa mai. Người hầu bàn rót rượu, lót tay bằng chiếc khăn trắng. Hai người khẽ chạm ly, màu vang đỏ lung linh sáng sủa như một thứ máu trong suốt. Diễm trầm ngâm: “Anh đã dạy em một điều: Đời là một cuộc thương lượng. Tình yêu cũng là những cuộc thương lượng. Từ khi học được bài học đó em đã không hề biết đau đớn.”

Ông khẽ đặt tay lên bàn tay nàng đang để trên bàn. “Thôi mà, anh xin em.” Vâng, đúng ông đã nói với nàng về cuộc đời như thế. Sau này, khi đã qua tuổi bảy mươi, ông nhìn ra một khía cạnh khác của cuộc sống, ông nhận ra những người hành hương đến trước đền thờ mang theo hương hoa đẹp nhất, thơm nhất mà họ kiếm được, họ không thương lượng với thánh thần và chẳng nhận của thánh thần điều gì ngoài cảm giác ngọt ngào của niềm tin. Lẽ ra tình yêu cũng phải như thế. Tiếc rằng đã không như thế.

Thôi đừng ngậm ngùi nữa. Tất cả đã là quá khứ. Ông dứt khoát quay lại với mục đích ban đầu. “Em còn nhớ Út Lan không?”

“Sao không?” Diễm như sực tỉnh. “Cái cô nàng Bôn sê vích ấy, làm sao em quên được!” Hồi ông còn có Diễm, Út Lan có lần đã làm ông giật cả mình. Một lần từ cao nguyên về Hà Nội họp, cô ghé thăm và nói với ông về chuyện Diễm can thiệp vào các cuộc đấu thầu của bộ ở cao nguyên. Cứ mỗi cuộc đấu thầu sắp diễn ra thì nàng lại gặp nhà thầu và hỏi họ với bộ mặt thiên thần: “Tôi đang định tham gia nhưng nghe nói bên anh cũng muốn vào. Nếu thật anh đã vào chắc tôi phải xin rút thôi.” Nhà thầu nhìn thấy hào quang sau lưng nàng nên mới nghe đã phát sốt, bỏ khí giới xuống hàng ngay: “Trước kia tôi không biết nên định vào thật, nay nghe nói có cô thì tôi xin thôi. Từ nay cuộc nào có cô thì xin cho biết, cuộc nào có tôi, tôi cũng xin báo với cô để nhường nhau, vậy được không?” Nghe Út Lan nói, ông không tin, cảm giác ông lúc đó rất bực bội, nhưng không dám gay gắt vì đang trong bữa cơm thân mật có vợ ngồi ngay bên cạnh. Vợ ông nhẹ nhàng bảo: “Người ta nói con chim bằng nhìn thấy được vạ dấm, nhưng trong khoảng cách từ nửa dặm đến chân nó thì nó không thấy gì hết.” Út Lan xì một tiếng: “Chị có biết vì sao chim bằng lại bị viễn thị như vậy không?”

Ông chợt dạ liếc sang vợ. Út Lan có nghe tiếng tăm gì về ông không? Diễm là bông hoa hương sắc, lại thường lui tới gặp gỡ những chốn quyền lực. Những gì liên quan tới nàng không thể không gây tò mò cho thiên hạ... Tính Út Lan thì thô mộc, có gì nói nấy, chẳng ý tứ gì. Liệu cô ta có nói linh tinh gì làm cho vợ ông suy nghĩ không? Thấy trên mặt vợ vẫn là những nét nhẹ nhõm thường ngày, ông yên tâm, quay sang xoa dịu Út Lan. “Này cô, cứ lo việc thiên hạ mà thân mình thì chẳng lo, đã cất lưới được anh nào chưa hay là bắt anh chị phải đứng ra làm mối đây?” Út Lan đang hùng hổ chợt chùng xuống, xuôi xị: “Chắc em sống chết với nông trường cà phê suốt đời thôi. Cũng tại anh hồi đó tặng em cuốn *Thép đã tôi thế đấy*, em cứ theo gương Pavel Corsaghine phấn đấu đến bại cả người, bây giờ quá lứa rồi, còn ma nào dòm đến.”

“Út Lan bị tạm giam hai tháng rồi. Chắc em có đọc báo?”

“Sao vậy? Em chỉ biết tin chị ấy được nhận huân chương, huy chương, đủ thứ danh hiệu.”

“Lâu rồi. Thời oanh liệt của cô ấy đã qua rồi.”

Diễm lặng lẽ nhìn xuống những móng tay sơn hồng. “Bất ngờ quá. Em không thể nào tin được.”

“Em thật sự bất ngờ chứ? Vậy mà nhiều người nghĩ là chỉ có em mới gỡ rối được cho Út Lan.”

Diễm có dáng vẻ như đang rụt lại. Nàng đang đánh hơi: Có một cuộc thương lượng đang bắt đầu. “Sao vậy? Em thì liên quan gì đến chị ấy?”

Ông cân nhắc một chút, rồi quyết định đánh bài ngựa. Kinh nghiệm sống cho ông biết, trước những người quá thông minh, cách đàm phán tốt nhất là nói thẳng sự thực.

“Người ta bảo, người đứng đằng sau vợ Út Lan chính là em.”

Diễm cười, vẫn nụ cười thơ dại: “Anh nghĩ em nhỏ nhen đến thế sao?”

Không. Ông không bao giờ đánh giá nàng thấp như vậy. Dù con đường của nàng có ma đạo đến đâu thì những bước đi thần kỳ như thế cũng chứng tỏ một bản lĩnh không hề tầm thường. Nàng không đẩy Út Lan vào tù, nhưng sức mạnh của khối tài sản trong tay nàng đã vô tình làm điều đó. “Tập đoàn New Spaces đang xin đất để thực hiện dự án xây biệt thự nghỉ mát ở cao nguyên, phải không?”

“Em lấy làm lạ là đã về hưu rồi mà anh vẫn có nhiều thông tin như thế.”

Nàng nói vậy tức là đã xác nhận. Biệt thự nghỉ mát, trang trại, đồn điền đã thành nhu cầu nóng trong xã hội, khi mà hai mươi phần trăm dân số đang giàu lên rất nhanh. Đó là ngành kinh doanh siêu lợi nhuận. Đất đã thành một thứ của cải nóng bỏng. Vậy mà Út Lan lại đang cai quản bốn ngàn mẫu đất canh tác. Út Lan mất chức, nông trường sụp đổ, miếng đất ấy mới có thể hóa thành vàng trong túi nhiều người.

Một nụ cười âu sầu nở trên môi Diễm. Nàng có vẻ như khó thở, quay về phía sau, nói với người hầu bàn cho nghe một chút nhạc nhẹ. Tiếng nhạc dìu dặt, ông nhận ra bản My Sweet Lady qua tiếng piano của David Osborne. Ông cũng thấy như mình đang thở dễ dàng hơn. “Em đã có quá nhiều. Em còn cần gì thêm nữa?”

Diễm khẽ nhắm mắt. “Anh cũng biết đó, con đường em đi không thể dừng lại được.”

Vì sao? Ông Bộ trưởng đã bị bãi nhiệm, ông Đại tướng bây giờ chỉ còn là một phế nhân, nhưng nàng vẫn còn thời gian trước mặt, vẫn làm chủ được sức mạnh của mình. Còn những ai đằng sau nàng nữa? Ông nhắm mắt nhớ lại: Dưới xương mu nàng có một nốt ruồi, theo tướng số, nếu nốt ruồi chỗ ấy màu đỏ là tướng hoàng hậu, nếu nốt ruồi đen là tướng kỹ nữ. Nốt ruồi của Diễm màu hung hung nâu, giữa đen và đỏ, sách tướng số chưa hề nói đến bao giờ. Nàng là nạn nhân hay là chủ nhân của số phận mình?

Tiền là gì? Lúc trả lời câu hỏi bất chợt của người dẫn chương trình, Diễm đã dè một tay lên ngực, thảng thốt: “Tiền là kết quả của một sự nỗ lực... và của hy sinh!” Ông thấy lòng đắng chát: Trong tất cả những điều Diễm đã phát biểu, chỉ có câu này là sự thật mà thôi. “Khi phải chạy sang Mỹ, em đã tưởng là mất hết. Nhưng không. Từ đó, em biết mình không thể dừng lại vì bất cứ lý do gì cả.” Khi nói về những điều khủng khiếp như vậy giọng nàng vẫn nhẹ nhàng, gần như thủ thỉ.

“Trong chương trình người ta đã nói về việc em sang Mỹ sáu năm trước. Anh chắc họ không biết nguyên nhân của chuyến đi?”

“Biết hay không nhỉ? Có thể anh ta cũng biết, nhưng lờ đi. Anh ta cũng hiểu rõ cái gì cần cho chương trình của anh ta mới quan trọng, chứ không phải là sự thực về cuộc đời em.”

Sáu năm trước Diễm đã lọt vào tầm ngắm của công an. Hồ sơ của họ đã đầy chứng cứ về những cuộc gian lận đấu thầu liên quan đến nàng. Vào đêm công an định bắt Diễm thì một giờ trước đã có một nhóm người xuất hiện ở nhà nàng, họ ăn mặc giả quân đội và đưa nàng ra thẳng sân bay để xuất cảnh với một visa du lịch.

“Luôn có những người đàn ông đứng sau lưng em.” Ông nói, câu nói trên sân bay gần hai mươi năm trước. Diễm cười:

“Có lẽ vậy, nhưng em chắc không chỉ vậy đâu. Em chắc là trời cũng đứng sau lưng em.”

Ông nghĩ thầm, nàng nói đúng.

Một lần nữa, ông cố quay trở lại mục đích của câu chuyện. “Út Lan là em của anh.”

Khuôn mặt Diễm đang mơ màng bỗng thoáng đanh lại. Nàng cười. Cái tiếng cười làm cho ông lạnh tim. “Lại thương lượng rồi. Để xem, anh có cái gì để đặt lên bàn đàm phán?”

“Anh không định đàm phán với em. Anh muốn kêu gọi lòng nhân hậu của một phụ nữ. Một phụ nữ mà anh đã rất yêu quý. –Ông cười hơi chua chát- Có thể em không muốn nhớ nữa, nhưng anh thì tin rằng giữa chúng mình vẫn còn một chút tình nghĩa nào đó.”

“Thật sao? Anh nghĩ là em không nhớ sao? Ha!”

Ông không trả lời, thò tay vào túi. Tay ông chạm một vật cứng vuông vuông nho nhỏ. Đây là cái hộp đựng chiếc mặt dây chuyền có chữ tên nàng. Bao nhiêu năm qua ông vẫn cố giữ nó cẩn thận bởi ông nghĩ có ngày sẽ gửi đến nàng như một lời hối lỗi. Nhưng bây giờ bàn tay ông vẫn

nằm yên trong túi. Diễm nói, hơi thở nàng thấm ướt thành ly rượu: “Làm sao em quên được cái hôm anh bỏ mặc em trong cái khách sạn nghèo nàn ấy được nhỉ?”

Không phải thế. Ông đã định sẽ làm nàng người lòng trong lần sau. Chỉ vì chẳng bao giờ có lần sau nữa.

“Và bây giờ anh lại muốn em vứt đi hàng triệu đô la để làm một người nhân đức theo kiểu của anh. Được rồi, em đã biết yêu cầu của anh, bây giờ anh hãy nghe yêu cầu của em, được không?”

Ông thấy đáng từ cổ tới tim. “Nói đi.”

“Em đã nói rồi. Đêm ấy. Mười lăm năm trước.”

Cú sốc mạnh làm ông choáng. “Anh hãy ly dị bà ấy để cưới tôi.” Diễm đã nói như thế, và khi ông khước từ, nàng đập đầu vào tường như điên như dại.

Nhưng bây giờ không phải là ngày ấy. Ngày ấy ông có quyền lực trong tay, còn nàng chỉ có nụ cười thơ dại. Bây giờ ông đã rũ bỏ hết mọi thứ sau lưng, trong khi nàng đang ở đỉnh cao của “Thời ta sống”. Vì sao nàng lại muốn một người đàn ông ở tuổi ngoài bảy mươi phải phụ rẫy một người vợ già đau yếu để đi theo nàng? Phải chăng nàng muốn biến ông thành một kẻ vô loài để thỏa mãn cái ý thức báo thù chưa bao giờ rời khỏi trái tim bão tố? Để chứng tỏ rằng bây giờ, ông không còn khống chế nàng được nữa, chính nàng mới là người nắm giữ ông?

Ông từ từ rút tay ra khỏi túi. Một cảm giác bó tay đầy chua xót. Trước mặt ông, đôi mắt Diễm sáng bừng bừng như có một ngọn lửa vô minh cháy rực bên trong. Ông hiểu, Thượng đế đứng sau lưng nàng và cả quỷ dữ cũng sau lưng nàng.

Bước xuống taxi, mệt mỏi, trầm ngâm, ông thấy vợ đang chờ trước thềm nhà trong bóng chiều chập choạng.

Ông bước lên thềm, nhìn thấy đôi mắt bà khác ngoài. Bỗng nhiên ông thềm được kêu to một tiếng: “Minh ơi!”

“Sao hồ ông?” Bà run run, nửa muốn nắm tay ông, nửa như ngần ngại.

“Chẳng sao cả.” Ông vừa nói vừa khoác vai vợ, đưa bà vào nhà. Bà bước theo ông, không hỏi, không nhắc điều gì. Vậy là những gì mong mỏi cho Út Lan đã không thành. Nhưng cũng có nghĩa là ông đã quay về với bà, lần này là trọn vẹn. Bà tự hiểu mọi điều mà không cần ông nói, như trong suốt năm mươi năm sống cùng ông, bà vẫn thế.

“Mai em đi thăm nuôi Út Lan, mình ạ!”

Ông đặt tay lên vai vợ: “Anh sẽ cùng đi với mình.”

Ông nghĩ thầm, ngày mai, hẳn phải có rất nhiều người đến thăm Út Lan ở chỗ tạm giam.

Hoa phù dung dưới núi

(trong tập truyện ngắn “Onkel Yêu Dấu”, nxb Phương Nam, 2010)

Khi mới vào tu học, tôi được giao chăm sóc vườn hoa trước chùa. Tên vườn là Vô Ưu, nghĩa là không phiền não. Vậy mà tôi đã bắt đầu ưu phiền từ đó.

Tiết mạch xuân, thầy tôi cho dựng thêm mấy nếp nhà cỏ men hồ. Đệ tử đạo này đã hơn mười người, phải có chỗ để tĩnh tâm, tụng niệm. Mỗi nếp nhà được đặt một cái tên. Nhà tôi ở ngay bên khóm hoa súng tím, gọi là Lăng Hoa Cốc.

Giữa những sơn cốc nhỏ nhỏ hiền lành là khoảng đất vừa khai hoang. Chúng tôi trồng những thứ cỏ cây mà khách hành hương đem tới. Một hôm tôi hỏi: “Bạch Thầy, người ta nói Phù dung sớm nở tối tàn, nó vô phước vô phần, không phải là hoa dâng Phật. Mình có trồng không?”

Thầy bảo: “Thế nào là hữu thế nào là vô, thế nào là sớm thế nào là tối, người đời có lý giải được chưa, sao lại đem gán cho hoa?”

Tôi vào chùa sau chót, ai cũng là sư huynh, ai cũng được hầu thầy còn tôi chỉ có việc loanh quanh trong vườn, không mấy khi lên chính điện. Hóa ra nhờ vậy tôi được gần thầy hơn ai hết. Sớm, chiều, thầy xuống thềm, thăm cây, có lúc cùng tôi tưới hoa. Rồi cho tôi, tưới tốt chưa bao lâu thì có lũ bọ vàng từ đâu bay về. Giống này đặc biệt thích những cánh hoa mỏng và có vị ngọt. Hoa Phù dung hồng, hoa Nương tiêu tím bị chúng ăn như ăn rau. Một góc vườn đang rộ hoa, chúng bu lại nửa giờ sau chỉ còn một đám lá xơ rơ tơi tả. Tôi điên lên, cầm cái chổi tre, thấy con nào sán đến là vung lên đập. Những con bọ nát bét trên mặt đất, máu của chúng tím như nước mỏng tơi bắn ra, dính cả vào áo tôi.

Sư huynh nhìn thấy, bảo: "Vì cái đẹp mắt trong một buổi, mà giết mỗi ngày mấy chục mạng, có đáng không?" Tôi đang tức, dang tay vun vút đập thêm cả chục con. "Thứ đồ phá hoại này, để làm chi hại đời". Đập mãi không tiết noc, tôi hùng hổ vào gặp thầy, xin tiền mua thuốc trừ sâu. Các sư huynh ngồi đấy đều cười. Tôi càng tức. "Con bọ có mạng sống vậy bông hoa không có mạng sống ư? Bạch thầy, xin thầy giảng cho con nghe phải làm sao? Giết bọ cứu hoa hay bỏ hoa để nuôi bọ?" Thầy mỉm cười bảo tôi: "Việc có chừng đó con không tự ngộ được sao?" Tôi thở hắt ra: "Con xin chịu!" Thấy tôi bực bõ như vậy, thầy bảo thôi, ngày mai giao vườn cho người khác, tôi vào làm thư ký giúp thầy.

Thầy viết sách, soạn kinh, lúc nào cũng viết trên giấy trắng. Chùa xa không có điện, không có máy vi tính. Bản thảo của thầy, tôi đem xuống phố đánh máy cho người ta đem in. Nhiều khi thầy làm tôi buồn lòng. Tiền đánh máy đem đi bao nhiêu, đánh xong hết bao nhiêu, mỗi ngày thầy đều đếm trang, bảo tôi kê khai rõ. Thấy tôi buồn lộ rõ trên nét mặt, thầy hỏi. Tôi thưa: "Thầy giao cho sư huynh cầm tiền triệu đi mua sắm, không bao giờ hỏi. Chúng con đều là đệ tử của thầy, sao phân biệt như vậy?" Thầy đặt bút xuống, nhìn tôi. Trong chùa, chỉ có tôi là dám hỏi vặn thầy như thế. Thấy thầy không trả lời, tôi lại cố hỏi. Thầy bảo: "Con không tự biết mình, dù thầy có nói tại sao, chưa chắc con đã cam lòng." Ngày mai, thầy để tôi tự ý, không xem xét gì nữa.

Có lần thầy hỏi: "Con ở chỗ sơn lâm, bây giờ ngày nào cũng vào phố, lên mạng, có bờ ngỡ không?" Thầy e bước vào một thứ phương tiện hiện đại mới mẻ như cái máy vi tính, tôi không bắt kịp. Đó là vì thầy không biết đó thôi. Trong cái máy tính kia còn có những thế giới huyền ảo xa xưa hơn cả mái chùa trong sơn ao này... Thầy không biết, những ngày này, qua phép màu của game online, tôi đang ẩn náu ngay trong Tàng kinh các của Thiếu Lâm tự.

Tên ác ma đã chạy rồi, nhưng Lăng Hoa Tử, tức là tôi, vẫn mãi miết đuổi theo. Tiếng chân, tiếng hú của địch nhân vang dội trong núi rừng. Mặc. Tôi ráo riết. Không thể tha cho hắn. Mới vừa rồi hắn đã khống chế cô gái tội nghiệp, bắt quắp vào nách mang đi.

Tôi vung kiếm. Hắn mặc giáp sắt. Nhưng kiếm của tôi là thanh kiếm bén, đoạt được sau nhiều lần trừ gian diệt bạo. Máu tóe ra từ bụng hắn, đỏ bầm, tung tóe từng chấm lai láng trên màn hình tinh thể lỏng... Cô gái tạ ơn tôi. Cô ta xưng tên là Dung muội, cũng là một nữ kiếm thủ. Nhìn khăn áo và khí giới của nàng thì cũng biết là vào làng game thủ từ lâu rồi, dù bản lĩnh không bằng tôi. Nguy rồi, tình huống mới đã xảy ra, từ bốn nẻo rừng, bọn ác nhân bịt mặt đang túa ra. Dung muội bảo tôi: "Muội phải cắm vào sọ chúng nó mấy chiêu *Cửu âm bạch cốt thảo*. Huynh giúp muội một tay nhé".

Lúc đó đã đến giờ về chùa. Dung muội rĩa tôi là đồ nhát như thỏ đế, thấy lũ bịt mặt thì hoảng nên chạy làng. Tôi phân trần một lúc mới *out* được... Về đến chùa, trời đã tối. Tôi ngồi ăn một mình trong Lăng Hoa cốc. Những chiêu kiếm loang loáng trong tâm trí. Thầy bước vào cốc mà tôi không hay. Thầy gọi: "Phước Tuệ!" Tôi giật mình, buột miệng: "Có tại hạ" Thôi chết, lại quên, lẽ ra phải nói là *Dạ, con đây* chứ. Thầy đến sát một bên rồi mà tôi vẫn còn thấy Dung muội cầm kiếm chạy băng băng trước tên ác ma. Mãi khi thầy vỗ lên vai, tôi mới sực tỉnh: "Dạ, thầy gọi con?" Thầy ngồi xuống chiếc chiếu trải giữa nền ván, gọi tôi đến ngồi trước mặt, niệm chú lâm râm rồi nhẹ nhàng đặt tay lên trán tôi. Thầy bảo: "Ngày mai là bắt đầu mùa an cư."

Thời thầy mới xuất gia, ba tháng an cư không ai được ra khỏi chùa, ai cũng phải an tĩnh để trì tụng. Nay khác rồi, có công việc thì đi, nhưng phải về chùa trước sáu giờ chiều". Tôi nghe, nhướn mắt kinh hoàng, về mặt tôi khi đó chắc nhuốm sắc khí mơ màng của người say thuốc. Tuy vậy, tôi cũng giữ ba tháng an cư không sai phạm điều gì. Để lắm, những bài giảng Phật pháp của thầy, tôi thuê người ta đánh máy hết. Thời gian của tôi dành để lang thang hành hiệp, cùng Dung muội lên núi cao, xuống vực thẳm, có khi rơi vào hầm bẫy của bọn hắc đạo. Dung muội bản lĩnh còn non, bởi thế rơi vào cạm bẫy bọn ác tăng không biết bao nhiêu lần. Tôi thì cao tay hơn. Bây giờ, trong võ lâm giang hồ, nhiều thằng ác ma thấy Lăng Hoa Tử xuất hiện liền phải năn nỉ: "Lạy anh xin tha cho em". Tha sao được, thằng này chính là thằng đâm tặc luôn đón đường bắt cóc Dung muội. Tôi mắng nó: "Tao chờ mày để giết lâu rồi". Kiếm tôi vung lên, xọc ngay vào bụng thằng ác. Máu nó túa ra, bắn những giọt đỏ tươi trên màn hình tinh thể lỏng. Sao nó giống những tia máu màu tím mỏng tơ của lũ bọ vàng tôi đã đập chết vô cùng. Một cảm giác cuồng hăng ào lên, tôi vung kiếm bốn phương tám hướng, xọc vào bụng tên này, chém rụng đầu tên kia, tôi dừng mảnh vô song, tôi là vô địch...

Giữa mùa an cư, thầy cho đệ tử họp lại trước chính điện. Chúng tôi được nghe tam quy và ngũ giới. Sát giới, sắc giới, tửu giới... Ha ha, có bao giờ thầy tưởng tượng được Phước Tuệ này đi dung dăng dung dẻ với cô bé Dung muội nẩy lửa từ núi cao đến vực sâu, chém rụng không biết bao nhiêu là cái đầu và nóc bao nhiêu bình mỹ tửu để luyện "túy quyền"... Nhưng đâu có can gì, đó là trò chơi mà, đâu phải thực. Sự thực tôi vẫn mỗi ngày trì giới ở đây, mỗi ngày từ chùa vào phố đến ngồi trước cái máy tính hiện lạnh, chiều lại về đúng giờ. Sư huynh Đăng Minh bạch thầy: Phước Tuệ siêng năng việc Phật sự, giữ đúng thanh quy, công việc đánh máy thầy giao chưa bao giờ trễ nải. Thầy nghe, lặng im không nói gì.

Sau này tôi tự hỏi: Lúc ấy sao thầy im lặng? Nếu lúc ấy thầy nói thì có thể chuyện sẽ khác đi? Nhưng thầy tôi vẫn bảo: Ngăn dòng nước chảy có ích gì? Lúc ấy, trong tôi không phải dòng nước, mà một dòng thác đang cuộn cuộn ập xuống.

Tôi dần dần nổi tiếng trên chốn giang hồ. Điểm chơi của tôi đã ngoài bảy trăm. Uy tín một cao thủ võ lâm đâu cho phép dừng tay gác kiếm mỗi lần đến giờ về Lăng Hoa Cốc. Mùa an cư chưa dứt mà giờ tụng kinh ở chùa dần dần vắng bóng tôi... Một chiều, mãi chạy tìm tung tích Dung muội trong trại giặc, đến khi giải cứu được nàng, tôi thở phào một hơi dài, liếc ra ngoài trời, ngạc nhiên thấy trời hôm nay sao mãi chẳng thấy tối. "Bác ơi, cho cháu tính tiền giờ". Liếc nhìn phiếu thanh toán, tôi ngạc nhiên, lúc này là 9 giờ sáng, té ra tôi đã chơi thâu đêm mà không hay! Tôi xô ghế đứng dậy, bỗng nhận ra mình kiệt sức, trước mắt đầy đom đóm, trong tai ù ù những tiếng thét khùng khiếp thất đảm của lũ môn đệ phái Độc Vật. Tôi ngã người ra sau, cảm thấy mình đang rơi xuống vực, mê man.

Người ta chở tôi về chùa. Bây giờ thì cả chùa ai cũng biết tôi đi chơi game. Thầy thở dài: "Đời đã ảo, lại chơi trò ảo. Vậy là ảo đến hai lần". Nghỉ ngơi mấy hôm, tôi dần hồi sức. Ngồi nhìn ra từ Lăng Hoa cốc, thấy những cây phù dung trong vườn Vô Ưu đã cao quá đầu, mỗi sáng nở đầy hoa. Đến trưa, hoa chuyển sang hồng thắm, xế chiều thì cuộn tròn đỏ thắm màu sen. Trong đêm, hoa rụng âm thầm, sáng dậy thấy những cuộn tròn đỏ lác đác trên mặt đất. Trên cành lại hiện ra thật nhiều hoa mới, cánh trắng phớt hồng. Tôi trầm nghĩ: Không biết vì sao chẳng thấy lũ bọ vàng quay lại?

Vừa khỏe lên một chút, tôi liền quay lại với giang hồ. Vía tôi đã nằm trong thế giới đó, những gì ngoài đời này chỉ là cái bóng của sự sống. Những đêm dưỡng bệnh trong Lăng Hoa Cốc, tôi nghe tiếng ai kêu thảm thiết trong những hẻm núi hư vô: "Lăng Hoa Tử!" Mồ hôi tháo ra đầm áo, tôi vùng dậy, thấy cái vía mình chạy hoảng hốt lang thang dưới ánh trăng, trên những con đường mòn quanh co trong Thung Lũng Đoạn Hồn. Tiếng ai gọi tôi, thê thiết quá... Đúng rồi, tiếng của Dung muội, tôi đã bỏ nàng một mình, tả xung hữu đột với bọn ác tặc. Tôi vùng dậy, điên cuồng đi quanh bốn góc chòi tranh. Đăng Minh đang ngồi bên chiếu. Sư huynh đã thức

suốt đêm canh chừng tôi, nhưng lúc ấy tôi không nhìn thấy gì cả... Mở cửa liếp, tôi bước ra ngoài trời sương, lao mình theo tiếng kêu cứu của Dung muội. Sư huynh ôm ghì lấy tôi. "Em đang sốt, nằm xuống, đừng đi". Trong đôi tay của sư huynh tôi vùng vẫy kịch liệt, rồi gục xuống, mắt dại đi...

Hôm sau, tôi trốn ra khỏi chùa. Đúng như linh cảm của tôi, Dung muội đã chết. Nàng bị Đông Hải Ma Đầu phóng kiếm trúng, ngã lộn nhào từ núi xuống đáy vực. Một mình nàng làm sao đương cự. Một mình nàng. Không có tôi...

Vậy nhưng trên Yahoo messenger, cái con người đã chết ấy cứ gọi tôi, tiếng gọi tha thiết và đầy âm vọng làm tôi điều đứng. Tôi rã rời, không còn thiết quay lại chốn võ lâm nữa. Không có nàng, tôi cũng dừng bước giang hồ. Lăng Hoa Tử gác kiếm khi điểm chơi đã quá chín trăm, không có tay chơi nào trong võ lâm không nề mặt... Bây giờ, tôi mới biết Dung muội quan trọng đến mức nào, trong cuộc sống của tôi.

Cuối cùng, chúng tôi nhất định phải gặp nhau.

Trong góc quán ven sông, tôi gọi một ly rum, chờ nàng tới. Cả hai chúng tôi đều chọn cùng một dấu hiệu: chiếc khăn mu soa buộc quanh cổ tay. Thiếu gì cách làm dấu, nhưng tôi và Dung muội đều cho rằng cái khăn quấn quanh cổ tay trông có vẻ phiêu du lãng tử...

Nàng đến. Tôi thấy nàng dễ dàng từ chỗ ngồi hướng ra cổng. Bước xuống taxi, vừa đi nàng vừa nhón nhác nhìn lui như sợ có ai nhìn thấy. Bây giờ thì nàng đang sải bước qua những khóm Bonsai trước quán. Tim tôi đập như vũ bão. Nàng không giống hình ảnh của Dung muội trên màn hình, không có bộ ngực cương nở, không có kiếm đeo vai, không có đôi mắt to choán gần hết gương mặt. Nàng gầy mảnh, ẻo lả như hoa phù dung, da trắng xanh như chưa hề gặp nắng trời. Trong bộ quần áo rất mát nhưng nhàu nát, nàng bước đi ngập ngừng như đang lạc vào một thế giới xa lạ, mắt ngơ ngác nhìn quanh với vẻ ngu ngơ xao xuyên đến não lòng. Không giống trên màn hình, nhưng cốt cách ấy chính là Dung muội của tôi: người nữ kiếm khách tuổi *teen* luôn níu lấy tôi nhờ chõu che, vì có nàng mà tôi thành anh hùng, vì có nàng mà tôi thành vô địch. Tôi run run bước lại bên nàng. Nàng nhìn tôi, lặng phất.

"Anh không phải là Lăng Hoa Tử!" Thật bất ngờ, nàng kêu lên, cái miệng xinh xinh méo đi, đau đớn. Rồi nàng bật khóc, khóc tức tưởi. Đôi mắt thỏ trong veo cứ nhìn tôi trách oán. Ước quá, nào tôi có lỗi gì đâu?

Sau này tôi mới hiểu vì sao nàng thất vọng. Còn lúc ấy, chỉ thấy tức giận và hụt hẫng. Lúc đó tôi không thấy mặt mũi mình. Đôi mắt trộm lơ, gò má hốc hác, chiếc áo nâu cũ xốc xếch. Nàng khóc rùng như cha chết, làm nhiều người trong quán bắt đầu quay lại nhìn. Vụt cái, nàng quay lưng, như muốn bỏ trốn. Trong lòng tôi cuồng nộ bùng nổ lên như lửa. Cơn cuồng nộ này đã thường xuyên đến với tôi lâu rồi, nó đã giục tôi xọc kiếm vào bụng, búa gươm vào đầu những con người ảo. Nó cho tôi niềm sướng khoái của chiến thắng khi những giọt máu ảo văng tung tóe, chẳng khác chi thứ máu màu tím mỏng tơ của lũ bọ vàng... Dung muội cũng là ảo. Cô gái đang chối bỏ tôi đây cũng là ảo. Cơn cuồng nộ cháy bùng, tôi chộp lấy vai nàng, kéo lại. Tôi thà bóp chết nàng, chứ không để nàng bỏ tôi đi...

Nàng hét lên, dẫy dựa vọt ra. Cuồng cuồng, nàng lao vào những đám người trên phố. Trông giống hệt con mèo chạy trên đường lộ, chẳng biết chi đến những quy tắc của loài người. Cứ thoản thoắt như đang chạy một mình giữa những vách đá, trong Thung Lũng Đoạn Hồn...

Nhưng đây không phải là dãy Nga Mi với những cánh đồng hoa xuyên tuyết giá băng dưới chân núi.

Tôi hoa mắt. Một tiếng thét kinh người. Nàng ngã xuống giữa đèn xe nhấp nhóa. Tôi thấy máu. Máu nàng không tím, máu nàng đỏ. Không phải là máu ảo.

Một lần nữa, Lăng Hoa Cốc lại áp ủ tấm thân rạc rài của tôi. Tôi thấy như mình chết rồi, như đang đứng trên cầu Nại Hà nhìn xác thân mình trôi bập bênh dưới kia, trên sóng nước. Đấng Minh đút cháo cho tôi. Tôi không muốn mở miệng. Thầy cú xuống, cầm tay tôi, lắng nghe mạch

đập. "Gắng đi con. Không ăn làm sao sống?" "Con không muốn sống nữa. Trên đời chẳng có gì lôi kéo nổi con nữa rồi." Thầy bảo: "Không còn gì lôi kéo được nữa, chính là giải thoát. Chết có khó gì, sao không can đảm sống để đi cho hết nghiệp chướng của mình?"

Tôi nghe lời thầy. Mấy tháng trời, các sư huynh theo giữ, không cho tôi đi đâu. Tôi cũng không thiết đi đâu, ngày ngày cầm bình tưới theo Đăng Minh ra vườn Vô Ưu tưới hoa. Trong vườn, sắc màu dịu dàng chen nhau như những nụ cười hiền hòa dịu ngọt. Tôi cố tìm lũ bọ vàng, nhưng chẳng thấy chúng đâu. Nếu thấy, chắc tôi chẳng biết xoay xử làm sao. Bây giờ tôi sợ máu, sợ vô cùng.

Đăng Minh và các sư huynh khác loay hoay gỡ những vành rơm nhỏ xuống từ thân cây. Tất cả được gom vào trong bao, buộc lại. "Làm gì vậy?" Tôi hỏi. Đăng Minh bảo: "Bọn anh tết những vành rơm này buộc quanh thân cây. Trong mùa đông, côn trùng vào trốn lạnh, chúng sống trong đó, đẻ trứng trong đó. Minh gom lại, mỗi lần lên núi đem theo, cho vào chỗ hoang dại. Khỏi phải dùng đến thuốc trừ sâu." Tôi ngược nhìn phù dung nay đã thành cây lớn, sắc hồng rợp trời. Sắc hồng làm tôi bỗng đau lòng... Thầy ơi, con phải đi. Phải đi cho trọn nghiệp của mình...

Thầy cho tôi làm lễ cởi áo. Lòng nao nao, tôi quỳ trước mặt thầy. Thầy bảo: "Ta vốn biết con không có căn duyên ở chùa. Nhưng ở đời mà sống lành, cũng là tu Đạo".

Tôi đi tìm Dung, khi ấy đã được gia đình đưa về Bắc. Hơn hai tháng điều trị trong bệnh viện mà đôi chân bị cưa vẫn chưa lành hẳn. Những ngày tĩnh tâm đã khiến khuôn mặt tôi dần lấy lại được dáng vẻ của mặt người...Vậy mà Dung vẫn lấy gối che mặt để khỏi nhìn thấy tôi. Mãi sau, nàng bỏ gối xuống, nước mắt chảy tràn trên mặt. Không phải trong thế giới ảo, đây là cuộc đời thực cay đắng. Dung cứ sụt sịt khóc, còn tôi lặng đi không còn lời để nói.

"Không có ai chăm sóc em sao?" Tôi hỏi. "Hôm nay thì không. Ba và dì ghẻ em thay phiên nhau, mỗi tuần mới vào một lần. Có thuê một người nuôi bệnh. Vài ngày nữa bà ấy nghỉ, mấy hôm nay dì đang cáu vì lo không tìm được người khác."

Tôi thầm cảm ơn Trời Phật đã thôi thúc tôi đến đây đúng lúc.

Một tháng trời tôi cần mẫn chuộc tội bên giường bệnh. Mẹ kể Dung cứ ngỡ tôi là người làm thuê lấy tiền, nên thường xuyên bắt tôi nghe những lời than vãn. Con bé èo uột, con bé được ba nó cưng chiều quá sinh hư. Suốt ngày đóng cửa ngò trong phòng với cái máy, lớn tướng rồi mà ngây ngô như ngỗng đực. Ai rủ rê mà nó đem chiếc xe đạp Nhật mới kít bán có hơn trăm bạc, mua vé xe tốc hành đi vào Nam. Đi rồi vác cái thân que về, sau này phải nuôi nó cả đời. Dung nghe mẹ kể một cách lơ đãng, miệng lẩm nhảm hát, hình như cô bé đã nghe nhiều lần lắm rồi, cái tâm hồn non nớt và đại ngộ đã sớm gan lì với nỗi đau. Về sau, gặp lúc vui vẻ, cô bé kể cho tôi nghe: lần đó vì chỉ đủ tiền mua vé xe nên dọc đường phải nhịn suốt, trời lại mưa, vừa đói vừa lạnh, ngồi co ro như con mèo ốm. Vậy mà chẳng biết khổ cực gì cả, chỉ mong mau đến để gặp Lăng Hoa Tử.

Nghe nhắc đến cái tên ấy, tôi bật cười. Hai bàn tay Dung nhỏ bé, mềm và lạnh, đầy mồ hôi, ấm dần lên trong tay tôi. Giờ phút ấy tôi biết định mệnh của mình. Cả hai chúng tôi đều rất đau, nên sẽ phải dựa vào nhau mãi mãi.

Mùa thu năm sau, chúng tôi dọn về gian nhà nhỏ trong thung lũng dưới chân đồi. Tôi trồng cây, khai hoang, lúc rảnh thì đi nhận hàng thuê cho Dung. Thầy mỗi lần xong bản thảo vẫn sai đệ tử đưa xuống cho tôi. Bây giờ không như trước, tôi vừa đánh máy vừa suy ngẫm những điều thầy viết.

Đến rằm, mồng một, Dung cũng theo tôi lên chùa lễ Phật. Thấy tôi đẩy xe lăn cho Dung qua đường dốc gập ghềnh, các sư huynh cho đắp đá con đường lên núi. Qua ba con dốc dài, vườn Vô Ưu hiện ra... Dung ngược nhìn tôi, hỏi:

- Người ta nói phù dung sớm nở tối tàn, sao chùa lại trồng trong vườn hờ anh?

Tôi cười, nhớ lại có lần mình đã hỏi thế. Tôi giảng giải cho nàng hay: So với những sinh linh chỉ hiện hữu trong một sát na, thì hoa phù dung là quá thọ. Và sự sống dù là mong manh thoáng chốc, cũng đáng cho mình nâng niu quý vô cùng.

Trong sân chùa, tôi gặp lại các sư huynh. Ai cũng trêu đùa vợ chồng tôi. Tôi cũng trêu: "Ì ạch theo xe vợ thế này, càng lúc càng xa Niết bàn". Thầy nghe, lại cười. Mùa xuân vừa rồi, thầy có hành hương sang đất Phật. Thầy bảo tôi: "Niết Bàn không phải là một địa danh. Ở xứ Phật, người ta bảo, để cho lò than *niết bàn* đi, để cho ly nước *niết bàn* đi. Không vọng động, không sôi sục, ấy là Niết Bàn ngay trong lòng. Làm sao biết giữa chúng ta, ai xa, ai gần nơi ấy?".

Huế tháng chín 2008.

Nàng công chúa té giếng

(tập truyện ngắn "Onkel Yêu Dấu" vừa xuất bản, nxb Phương Nam, 2010)

Quan ngự y Phùng Thất ngần ngừ đặt bút viết thêm vị thuốc cuối cùng. "*Phá cố chi*". Liệu đơn thuốc này có giúp gì được cho nàng công chúa nhỏ?

Trước mặt ông, đệ tam phi yên lặng nhìn theo ngọn bút. Ngồi trên chiếc đoản kỷ chạm xà cừ lấp lánh, nàng như đang ngồi trên một bụi gai.

Đôi mắt to và đen dịu của nàng vẫn rất đẹp nhưng đầy mệt mỏi. Về đau đớn tâm nín này đã ở trên gương mặt nàng từ lâu, lâu lắm rồi.

Vậy mà trong cung, người ta vẫn bảo trong ba người vợ chính thức của Hoàng đế, đệ tam phi Ngọc Bình là người được sủng ái nhất. Chẳng khó khăn gì mới nhận ra điều đó. Vì nàng trẻ hơn đức Hoàng đế đến hơn ba mươi tuổi, vì nàng đẹp như thế, vì cung Gia Ân của nàng luôn luôn được vinh dự đón Ngài đến nghỉ ngơi.

Nhưng lúc này đây Quan ngự y Phùng Thất đang thấy rõ hơn bao giờ hết nỗi khổ tâm của Ngọc Bình. "Ông có tin lần này thuốc hiệu nghiệm không? Ngọc Ngôn đã uống nhiều thuốc lắm rồi mà bệnh không thấy giảm".

Phùng Thất cúi rạp đầu: "Xin lệnh bà tạm bình tâm. Con người có số mệnh". Ngọc Bình nghe vậy, nhắm mắt như có một cái gai rất dài đâm thấu tim.

Nàng lão đạo đứng dậy, đi về cung. Ngọc Ngôn, nàng công chúa lên sáu đang dựa vào tay hai bà nữ mẫu và một bầy thị nữ. Tất cả đang xúm vào giữ không cho cô bé xé quần áo trên người. Càng bị giữ, cô càng tức tối, quay qua xé áo bọn thị nữ, làm họ ré lên khiếp sợ, chạy tán loạn.

Ngọc Bình thấy cảnh tượng nhón nháo, nàng vẫy tay ra hiệu cho hai nữ mẫu lui ra, nhưng cả hai người đàn bà hầu như không nghe lời nàng, họ cứ ra sức đè Ngọc Ngôn xuống. Ngọc Bình điên lên, nàng lăn xả vào ôm chầm lấy con. Lúc ấy hai người đàn bà vạm vỡ mới chịu buông. Dường như vòng tay ấm êm của người mẹ dễ chịu hơn hẳn, Ngọc Ngôn bắt đầu dịu lại, cô bé như lả ra, cái đầu bé nhỏ ép sát vào ngực mẹ.

Hai nữ mẫu quay đi, nhưng họ không đi đâu xa, họ chỉ lùi lại một chút sau bức màn. Cũng có thể là họ lo lắng rằng công chúa sẽ lên cơn phá phách trở lại, mà cũng có thể vì đối với đệ tam phi họ đã quen chỉ vâng lời chiếu lệ thôi. Ngọc Bình biết hai nữ mẫu đều là người của hoàng hậu cử đến, họ phục vụ mẹ con nàng nhưng trong lòng họ âm thầm khinh thường nàng. Cả cung điện này khinh thường nàng. Khi Ngọc Ngôn ra đời đủ ba tháng mười ngày, theo lệ trong cung, nàng bỗng con đến ra mắt vương hậu. Toàn bộ cung tần đều có mặt trong cung Khôn Thái. Nàng tiến vào, hai tay đưa con gái dâng lên cho vương hậu xem mặt. Tổng nguyên phi, vừa được phong hậu nửa tháng trước đó, bỗng đưa trẻ lên, rung rung âu yếm. Bồng Nhị phi họ Nguyễn ngồi cạnh chợt như buột miệng: "Sao trông mặt công chúa giống..." Câu nói nửa chừng nín bật. Tổng vương hậu lừ mắt, tất cả nín im thin thít. Ngọc Bình ngẩn ngơ không hiểu vì sao cả cung phòng chợt lặng đi ngọt ngọt như thế. Sau này, nàng mới hiểu, trong cái lặng lẽ ghê sợ đó, trong óc mỗi người đều vang lên cùng một câu: "Sao đứa con gái này không giống nhà vua, sao mặt nó giống hệt ngự Toàn!".

Nhà vua cùng với Tiền quân Nguyễn Văn Thành băng qua những công trình đang xây dở. Cung điện Phú Xuân xây dựng từ thời các chúa Nguyễn, được xây thêm nhiều cung phòng dưới triều Tây Sơn Nguyễn Huệ. Những cung phòng ấy làm vua Gia Long không ưng ý, vào thịnh thời của Quang Trung hoàng đế, tiền bạc không thiếu, nhưng triều Tây Sơn mới nổi chưa tạo được cho mình một tầng lớp quý tộc thực sự biết hưởng thụ cái đẹp. Trong mắt Gia Long, ông vua dù sao cũng sinh ra và lớn lên trong đền chúa, những đường nét kịch cỡm nặng chất nông dân trong những cung điện xa xỉ xây thời Tây Sơn thật khó chịu. Đến thời Quang Toản, hơn mười năm chiến tranh làm kiệt quệ ngân khố, những dinh thự vốn đã không đẹp lại bị bỏ mặc không chăm chút bảo trì, nên càng ỉ ê thô thiển. Gia Long bảo Nguyễn Văn Thành:

- Mới xong binh lửa, lẽ ra còn nhiều việc phải lo. Nhưng cung điện không thể không xây lại. Cung điện cũ sẽ làm cho lòng người nhớ lại triều đại của Ngụy Tây, trẫm không cho phép điều đó. Lăng Đan Dương của Ngụy Huệ đã bị tận phá, chỗ chết của y, ta còn không để lại dấu vết, huống hồ chỗ sống.

Nguyễn Văn Thành nói ngay, không lưỡng lự - Chuyện này, ông đã nói với vua nhiều lần lắm rồi:

- Tàu bệ hạ, vậy mà vẫn còn một dấu tích sống của Ngụy triều, ngày ngày đêm đêm kề cận bệ hạ đấy thôi. Nhà vua cười gượng, biết ông đang nói đến Ngọc Bình. Đây không biết là lần thứ mấy mươi, Nguyễn Văn Thành nằn nì nói đi nói lại về số phận người đàn bà này. "Xin bệ hạ đừng quên, để ngụy hậu kề cận mình rỗng là một việc quá liều lĩnh, chẳng những can hệ đến chuyện an nguy mà còn ảnh hưởng đến thanh danh của người nữa". Đáp lại thái độ căng thẳng của Nguyễn Văn Thành, nhà vua thường chỉ cười xuề xòa, làm như chẳng có gì quan trọng: "Khanh đừng lo, một người đàn bà chân yếu tay mềm làm gì được ta? Chẳng qua là một cọng cỏ thôi mà". "Nhưng còn thanh danh của bệ hạ? Đến nay hạ thần vẫn còn phải sai quân tướng lùng tìm dư đảng của Ngụy Tây Sơn. Các bộ tướng của thần sẽ nghĩ sao khi thấy ngụy hậu vẫn nhởn nhơ ngay giữa cung đình?" Nghe nhắc đến thanh danh, nhà vua sa sầm vẻ mặt, không còn giữ được vẻ cố tình vô tư nữa. "Tại sao khanh cứ một tiếng ngụy hậu, hai tiếng ngụy hậu? Khanh đừng quên, tam phi vốn là công chúa nhà Lê. Quang Toản trước đây cưới nàng làm hoàng hậu là nhằm mục đích ve vãn đám công thần cũ của triều Lê thôi. Bây giờ trẫm dung nạp nàng, cũng chính vì mục đích ấy".

Nghe vua nói, Nguyễn Văn Thành im lặng một lúc, rồi không nhịn được, thốt lên:

- Tàu bệ hạ, vua Lê Hiển Tông có đến mấy chục con gái, cứ sao bệ hạ nhất định phải lấy một người?

Vua Gia Long tím mặt lại, ngài nói đồng dục từng tiếng:

- Trẫm là vua, cả giang sơn này là của trẫm, tại sao lại không thể định đoạt số phận một người đàn bà?

Biết không nói được nữa, Tiền quân Thành im lặng, cuộc chuyện trò giữa vua tôi bỗng gián đoạn. Cả hai sải từng bước dài qua những cung điện đang xây dở, chú mục nhìn vào thợ thuyền đang làm việc mà lòng trĩu nặng những ý nghĩ bực bội. *Trẫm là vua*, mấy tiếng ấy lâu nay vẫn thường chặn họng Tiền quân Thành những lúc ông nói năng sôi nổi quá. Trong lòng Nguyễn Văn Thành dấy lên một nỗi chua chát. *Trẫm là vua*. Ngày trước ông ta không nói thế. Ngày trước ông ta nói nhún nhường: "Quả nhân đức bạc, may nhờ chư tướng hết lòng phò tá..."

Tả quân Lê Văn Duyệt thì khác, không thường căng thẳng như Tiền quân Thành. Kể về quyền bính ông cũng ngang ngửa với Tiền quân, kể về thời gian theo vua, ông còn phò vua trước. Nhưng ông không bao giờ nói ngang trước mặt vua. Vốn xuất thân là hoạn quan trong Dinh chúa Nguyễn, ông hiểu rõ những trò trái tính trái nết của vua chúa: đấy là một đặc quyền của

đế vương, nếu không thì người ta xây bức thành cao ngất vây quanh che khuất Tử Cấm Thành làm gì?

Vốn là hoạn quan nên Tả quân Duyệt tiện việc ra vào nội cung, thường gặp Nhị phi trong viện Đoan Trang. Trước ba quân, ông là võ quan hét ra lửa, còn với Nhị phi thì ông vẫn là một ông Thái giám già để bà trút bầu tâm sự. Nhị phi theo vua từ lúc mười sáu tuổi, lúc vua đang còn bôn ba cơ hàn, mấy lần sanh xong phải bồng con chạy tránh nạn Tây Sơn lòng bất. Lúc nằm gai nếm mật chỉ mong cho đến ngày chiến thắng...

“Cực thịnh thành suy, người xưa dạy thế, quả không sai?” Nhị phi lẩm bẩm, nhìn Tả quân Duyệt như chờ một lời chia sẻ. Tả quân hôm nay được Nhị phi vờ vào để tặng cho ít bánh gai cung nữ vừa làm, nhân dịp ngồi chơi vài ván tổ tôm, rồi câu chuyện lan man, Nhị phi kể chuyện hôm qua gieo quẻ Mai hoa bốc .

“Ông thấy có đúng không, cực thịnh thành suy. Những năm gian khổ chỉ mong đến ngày này. Tưởng là vinh hoa hạnh phúc, ai ngờ đến khi vui mừng tột bậc thì lại sinh mối lo buồn như thế.” Tả quân Duyệt đặt quân bài xuống chiếu, nói khò lấp đi:

- Lệnh bà lo buồn làm gì. Cơ nghiệp nay đã vững vàng trong tay bệ hạ, đó là điềm thịnh quá lớn. Chút chuyện nhỏ nơi phòng khuê sao có thể nói là suy?

Nói thế chứ Tả quân cũng biết thừa, với ai thì là chuyện nhỏ, chứ với Nhị phi thì là chuyện lớn, lớn vô cùng. Trước nay lòng luyến ái của nhà vua đối với bà thực sâu nặng. Những năm gian nan, Nguyên phi Tống thị vì là vợ cả, phải giữ phận làm dâu, ở lại phụng dưỡng mẹ chồng. Theo sát mình rông trong những lúc bôn ba chỉ có Nhị phi. Thế rồi đến ngày vinh hoa phú quý thì một người đàn bà khác trẻ hơn, đẹp hơn, dòng dõi sang cả hơn bỗng xuất hiện, chiếm hết bao nhiêu sủng ái.

“Mà nào phải cho quý gì cho cam, cái phùng phản chúa lộn chồng ấy. Nếu biết giữ gìn thế giá thì phải tự vẫn chết theo ngụy chúa mới phải?” Nhị phi nói, nổi căm tức làm rặng bà nghiêng lại. Tính Nhị phi mạnh mẽ. Không chịu ngậm hờn nuốt tủi trong lòng, có gì tức tối cứ thế mà tuôn ra. Lê Văn Duyệt thì không thể như vậy được, ông biết mình phải giữ mồm giữ miệng. Không muốn kẹt vào những chuyện rắc rối trong nội đình, ông nán đợi xong ván bài rồi tìm cơ rút lui. Làm đại tướng, làm đại thần, ông đâu có thời gian rảnh rỗi, nề Nhị phi lẩm ông mới ngồi hết ba ván tứ sắc. Tả quân Duyệt đi rồi, Nhị phi càng thấy âm ức trong lòng, bà thầm nghĩ: “Ông này hồng. Bây giờ chỉ biết lo giữ tướng ấn, đức vua phải quấy gì cũng mặc không dám can ngăn”. Trong khi đó, Tả quân Duyệt sai những bước dài ra khỏi khu vực nội cung. Ông vừa đi vừa ngẫm nghĩ đến ván cờ quyền lực đang mở ra trước mắt. Hoàng hậu họ Tống đã lớn tuổi, không sinh nở được nữa, con trai là Hoàng thái tử Cảnh mất sớm. Nhưng Cảnh vẫn còn để lại hai con trai, sau này có thể kế thừa ngôi báu. Nhị phi cũng có hai con trai đã trưởng thành. Nhưng Nhị phi không phải là Hoàng hậu, con bà vẫn không thể xem là con đích. Giờ đây bà không phải là vợ cả, lại cũng không còn là vợ yêu. Vua đang sủng ái Ngọc Bình, nàng còn trẻ, có thể sẽ có con trai sau này. Tả quân Duyệt nghĩ thầm: Nhị phi không ăn yên, ngủ yên, đâu phải chỉ vì ghen tuông thói thường của đàn bà. Câu chuyện tâm sự hôm nay, thực chất là một lời đề nghị liên minh lực lượng. Nhưng ông không muốn đặt cược thế lực của mình vào cửa này.

Tả quân chưa thấy mặt Ngọc Bình, nhưng cũng đoán chắc nàng đẹp lắm. Phải thế nào mới khiến một ông vua mẫu mực luôn nói đến đạo lý quân thần, phu phụ bỗng chốc quên hết những nguyên tắc.. Đường vẫn còn dài, Tả quân tự nhủ, không việc gì phải vội. Rảo bước, Lê Văn Duyệt ra khỏi Đại Cung Môn, không biết rằng ngày ấy, giờ ấy ông đã tính sai một ván bài chính trị, cái sai mười lăm năm sau sẽ đưa cả nhà họ Lê đến họa diệt tộc.

Hoàng thành xây xong, đẹp tráng lệ, dân Phú Xuân mê mẩn ngắm những vọng lâu lộng lẫy nhô cao giữa trời xanh. Kể từ đây, thế giới sau những cánh cổng thành đóng kín trở thành hoàn toàn bí ẩn. Hồi mới hết chiến tranh, người ta còn nghe gia nhân, đầy tớ nhà các quan, lính thị vệ trong dinh vua kháo nhau những chuyện về vua quan. Giờ đây đã có lệnh cấm bàn tán những chuyện trong cung phủ, nên chẳng ai biết gì xảy ra sau những bức thành cao ngất.

Vua Nguyễn nương nấu hơn mười năm ở phương Nam, quân tướng phần lớn chiêu mộ trong ấy, các hoàng tử công chúa ra đời rồi lấy vợ lấy chồng cũng trong ấy. Đương thời ở kinh đô, nghe giọng Nam là biết người sang, biết là nơi có thần có thế. Vì vậy nhiều người Huế cũng bắt chước nói giọng Nam lơ lớ, rồi cuộc cái giọng ấy trở thành một thứ thời thượng lúc bấy giờ. Sáng hôm nay trong cung Khôn Thái của Hoàng hậu Tống thị, người nữ quan hầu đọc sách cũng đang đọc bằng cái giọng nửa Nam nửa Huế ấy. Tống hoàng hậu thích đọc truyện, bà thường vui hết phi tần rồi cho nữ quan đọc những chuyện về phi hậu các đời để làm gương. Thị nữ dâng bánh gai, bánh gấc để dùng trà, đặt trên mấy chiếc mâm chân quỳ trên sập. Trên sập, Tống hoàng hậu ngồi uy nghi, chiếc kỷ kê thấp hơn là dành cho Nhị phi, một chiếc thấp hơn nữa dành cho Tam phi Ngọc Bình. Dưới nữa là cung tần trong các viện. Nhị phi đang nói điều gì đó với nữ quan. Nữ quan ngửa trông lên hoàng hậu:

- Bẩm Hoàng hậu, lệnh bà Nhị phi muốn nô tỳ đọc truyện Ngu Cơ.

Hoàng hậu gật đầu, tán thành:

- Phải rồi. Truyện ấy, ta cũng thích. *Hạng Vũ thất trận Bạch Đằng thành, Ngu Cơ tuấn tiết, hồn thành cỏ thơm.*

Một cung tần khe khẽ thưa:

- Bẩm, truyện này hôm trước chúng thần thiếp đã nghe rồi.

Nhị phi bảo:

- Nghe rồi thì nghe lại. Chuyện trung hiếu tiết nghĩa phải nghe nhiều lần để lấy làm gương.

Hoàng hậu thì vô tình, mà Nhị phi thì hữu ý. Năm lần lần bảy lượt, Nhị phi luôn đòi nữ quan đọc hết truyện Ngu Cơ lại đến truyện My Ê. Ngu Cơ tự sát để khỏi rơi vào tay Hán vương, kẻ đánh bại chồng nàng. My Ê, vương phi Chiêm Thành, nhảy xuống sông để khỏi phải hầu hạ Lý Thánh Tông, người chiến thắng. Tất cả những tấm gương liệt nữ ấy được tấm tắc khen ngợi là nhằm làm cho Tam phi Ngọc Bình ngồi trên chiếc ghế cao kia mà như bị chôn xuống tận bùn đen.

Suốt cả buổi đọc truyện bao giờ nàng cũng ngồi chết lặng, khuôn mặt dài ra, tái nhợt. Nàng cũng đã từng tự tử, nhưng không thành. Cuộc tình duyên ngắn ngủi với Quang Toàn không cho nàng đủ can đảm để tự tử một lần thứ hai. Cô bé Ngọc Bình mười sáu tuổi, là công chúa nhà Lê, nhưng nhà Lê lúc ấy có còn đâu, một mảnh cung điện cũng không còn, Ngọc Bình theo mẹ về làng quê ẩn trong trang trại ở quê ngoại. Nhưng cuộc chiến máu lửa đã lan về tận làng quê Phù Ninh xa xôi ấy. Quang Toàn và triều đình Tây Sơn thất trận ở Phú Xuân, kéo nhau chạy ra Bắc, tính chuyện lâu dài để chống lại quân nhà Nguyễn. Theo lời quần thần hiến kế, Quang Toàn tìm công chúa út của nhà Lê lập làm hoàng hậu để tranh thủ sự ủng hộ của các cựu thần nhà Lê ở đất Bắc.

Mười sáu tuổi, Ngọc Bình bị lôi ra khỏi trang trại của mẹ, mặc áo thêu, đội mũ phượng ngồi bên mình ông vua trẻ mới hai mươi tuổi. Mọi nghi lễ vẫn cố giữ đầy đủ, thậm chí hơi khoa trương một chút, ồn ào một chút để cho bàn dân thiên hạ phải lưu tâm. Người ta bảo, xem ra triều Tây Sơn vẫn còn thịnh, đám cưới vua trẻ năm nay cũng chẳng kém huy hoàng so với đám cưới của đức Quang Trung hoàng đế và Ngọc Hân công chúa thưở trước. Nhưng người hiểu thời cuộc thì biết rõ, việc tuy giống mà nội tình chẳng giống chút nào. Thời cuộc đổi thay nhanh quá, mới ngày nào đức Quang Trung phò Lê diệt Trịnh, đại phá quân Thanh, uy danh lẫy lừng trong thiên hạ. Thoáng một cái, mới có hơn mười năm mà triều đại đã suy tàn, cả triều đình mục ruỗng như cây cột bị một đục đến tận tim.

Vị vua trẻ, sau những lần bại trận hãi hùng, luôn bị ám ảnh bởi viễn cảnh rừng rợn của hồi chung cuộc, không còn nhuệ khí của tuổi hai mươi. Đêm đầu tiên làm vợ, Ngọc Bình chưa hết run sợ sau lần đầu chặn gối, bỗng giật mình khiếp hãi khi nghe tiếng ken két vang lên ngay trong màn... Quang Toàn nghiêng rặng, vật vã trong giấc ngủ. Ngọc Bình thu hết can đảm nhìn vào mặt người chồng mới cưới: khuôn mặt nhăn nhúm tuyệt vọng, những tiếng ú ớ phát ra cùng với hơi thở gấp: ông ta đang đẩy dụa, gào thét không thành tiếng trong cơn mê.

Chỉ ba tháng sau, quân Nguyễn Vương đánh đến Bắc Thành. Triều Tây Sơn sụp đổ. Quang Toàn bị giải về Phú Xuân rồi bị xé xác. Cái cực hình thảm khốc ấy, chắc chàng trai hai mươi tuổi đã mơ thấy trong đêm tân hôn của mình, ba tháng trước.

Ngọc Bình lặng đi vì những hồi ức thâm thẳm, nàng ngồi đó mà hồn để tận đâu đâu.

Nữ quan đọc dứt câu chuyện, Nhị phi lên tiếng:

- Hạng Vương biết mình sắp bị diệt, khuyên Ngu Cơ khéo thờ người mới. Ngu Cơ lấy gương tự sát để tỏ lòng trung thành với chồng. Thiệt là tấm gương cho chị em mình noi theo.

Đám cung tần im thít, trong đầu mỗi người đều liên tưởng đến Tam phi. Một vài cung tần thân tín của Nhị phi phụ họa :

- Nghe chuyện Ngu Cơ nhiều lần rồi, mà lần mô em cũng không cảm được nước mắt. Vừa thương vừa cảm phục.

Họ sợ uy hoàng đế nên không dám đá động gì đến Tam phi, chỉ hòa nhau ca ngợi Ngu Cơ để cho nàng phải nhột. Nhưng Ngọc Bình cứ thẫn thờ nhìn ra khoảng không phía trước, không thấy, không nghe gì cả. Nhị phi liếc nhìn mặt Tam phi, lòng không khỏi nghĩ thầm: “Quái lạ, ngụy nữ dạo này xuống sắc, mặt mũi bơ phờ, trông tiều tụy hẳn đi, sao hoàng thượng cứ ngự mãi ở tam cung không chán? Hay là nó có yêu thuật gì?”

Bà nghĩ vậy mà lo âu cho đáng quân vương. Ý tưởng ấy, Nhị phi không dám nói với nhà vua, chỉ thầm thì tâm sự với Tổng hoàng hậu. Cả chuyện vì sao Ngọc Ngôn mặt mày chẳng giống vua mà nghe đâu lại giống ngụy Toàn. Ý Nhị phi muốn mượn miệng Tổng hậu nói lại với vua.

Nhưng Tổng hậu chỉ gạt đi:

- Phi lo xa quá... Sau khi ngụy Toàn bị ta bắt đến sáu tháng sau Tam phi mới vào hầu hoàng thượng, một năm sau mới sinh Ngọc Ngôn. Làm sao mà có máu huyết của ngụy được.

- Tâu, biết đâu được, cũng có khi trời đất sinh sự dị thường. Chuyện Tàn Thủy Hoàng ngày xưa nằm trong thai mười hai tháng mới sinh, chắc lệnh bà còn nhớ.

Tổng hoàng hậu chỉ cười không nói. Bà hiểu tâm trạng Nhị phi. Làm gì mà chẳng hiểu. Hai mươi năm trước khi Nhị phi Nguyễn thị được tiến làm Tá cung tần cho Nguyễn Vương, bà cũng đã xót xa đến chết đi sống lại. Bây giờ thì những xót xa đã chết hẳn. Bà tự biết cái đức lớn nhất mà tất cả những người vợ cả phải có, là không biết ghen. Và lại, tự đáy lòng, bà cũng thấy thương nàng công chúa nhỏ. Từ lúc con trai bà, hoàng thái tử Cảnh mất, bà đã ngẫm nghiệm ra tất cả những hư vô của kiếp người và sự thảm khốc của chiến tranh.

Không được Tổng hoàng hậu tán đồng, Nhị phi buồn bực về cung, lòng vẫn hậm hực: “Yêu nữ có thuật gì mà bệ hạ say mê nó đến thế?”

Đêm nay, cũng như rất nhiều đêm, cung Gia Ân lại được thắp đèn đuốc sáng choang, đón hoàng đế ngự đến.

Viên Thái giám theo xe vua đến trước thềm cung, vẫy tay ra lệnh cho đoàn tùy tùng lui ra, rồi đứng nghiêm chầu hầu. Sau buổi tiệc khuya, những lồng đèn đã được tắt bớt, ánh sáng dịu dịu tỏa trên những hàng hiên chạm trổ. Bảo mẫu già bồng một đứa bé gái rón rén bước ra, đứa con gái nhỏ bị bịt miệng dấy dụa.

“Đi đâu?” Viên Thái giám thì thầm hỏi.

“Đưa sang cung Khôn Thái. Hoàng hậu bảo nếu hoàng đế đến thì đưa công chúa qua bên ấy cho khỏi kinh động mình rờng”.

Viên Thái giám tránh sang bên cho bảo mẫu xuống thềm. Qua quan ngự y Phùng Thát, ông biết công chúa Ngọc Ngôn mắc một chứng bệnh thần kinh mà từ xưa người ta thường gọi là bệnh té giếng. Nhà vua không thích nhìn thấy công chúa, bởi dù Hoàng hậu và Nhị phi không nói nhưng cũng đã lắm người trong tôn thất nói rằng công chúa trông giống ngụy Toàn. Họ bảo: “Cái tà khí của ngụy còn sót lại trong bụng người mẹ đã ám ảnh thai nhi nên mới như thế”. Ban đầu, ngài cười xòa gạt đi như khi nghe ai kể chuyện hoang đường. Nhưng một lần, hai lần, ba lần, ngài bắt đầu để vào tai.

Bảo mẫu đi rồi, cửa cung đóng lại. Như lệ thường, tất cả thị nữ lui ra ngoài, trong khi viên Thái giám già lúi vào trong, túc trực trong hành lang sát bên trướng gấm. Dưới ngọn đèn lồng, bóng người thái giám già đồ dài, đơn độc.

Như mọi đêm ứng hầu ở cung Gia Ân, ông đã quen với tiếng hét hãi hùng của Tam phi. Giọng nhà vua ôn tồn: “Trẫm có làm nàng đau đớn đâu?” Không, nàng kinh sợ không phải vì đau, nhà vua là một người đàn ông trầm tĩnh, nhẹ nhàng và lịch lãm. Nhưng Ngọc Bình thét lên vì trong lúc ấy nàng vừa thấy Quang Toàn hiện ra, người đầm đìa máu.

Sâu thẳm từ bên trong, nhà vua thấy một cảm giác khoái lạc kỳ lạ khi ở bên nàng, điều mà không người vợ nào đem lại cho ngài được. Không phải vì tuổi trẻ, sắc đẹp của nàng, cũng không phải vì cảm giác nhục thể. Cội nguồn sự thống khoái ấy hình như bắt rễ từ đâu đó sâu kín vô cùng, từ trong vô thức. Có một lần trước đây ngài đã có được cảm giác như vậy, đó là khi đứng nhìn quân sĩ quật mộ ba vua nhà Tây Sơn. Cái cảm giác sững khoái ngất trời, bù đắp cho hơn ba mươi năm cay cực gian nan trong đời ngài, kể từ lúc chín chúa tổ tiên nhà Nguyễn bị quân Tây Sơn hốt cốt đổ sạch xuống sông xuống biển.

Nhưng sự sững khoái khi quật mộ kẻ thù chỉ có một lần. Còn Ngọc Bình là một ngôi mộ sống có thể quật lên bao nhiêu lần cũng được. Những đêm ở bên nàng, vua tận hưởng niềm sững thỏa của mình, ngài cố ý kéo dài nó, lần này sang lần khác. Nó đáp ứng những khao khát báo thù sâu thẳm trong lòng ngài, khiến ngài không thể sống thiếu nó, không thể nào dứt ra với nàng được.

Trong lúc đó, bên cung Khôn Thái, Tổng hoàng hậu đã xong một ngày mệt mỏi. Địa vị đứng đầu tam cung khiến bà phải bận bịu từ sáng sớm cho đến bây giờ. Bà tự tay mở áo bào, tháo mũ phượng, trút bỏ đôi hài cánh trả thù hoa lộng lẫy. Như lệ thường, mặc dù có thị nữ châu hầu nhưng bà vẫn tự mình thay đổi y phục. Khi chỉ còn lại mấy người thân tín, bà khoác lên mình chiếc áo tràng lam, ngồi xếp bàn trên chiếc chiếu trải giữa cung phòng.

Có tiếng động. Bảo mẫu đưa Ngọc Ngôn vào. Cô bé vẫn dấy dựa, bảo mẫu nhét khăn vào miệng cô để khỏi vang tiếng kêu ồn ào trong nội điện.

“Đưa hoàng nữ vào đây cho ta” Hoàng hậu hé mở đôi mắt đang nhắm nghiền, bảo.

“Tâu lệnh bà, sợ e hoàng nữ không chịu yên...”

Tổng hoàng hậu vẫy tay, bảo mẫu lại gần đặt Ngọc Ngôn xuống rồi lùi ra. Không biết vì cái uy của bậc mẫu nghi thiên hạ, hay vì dáng vẻ hiền hòa thương xót trong mắt người mẹ kia, mà thần trí cô công chúa nhỏ bỗng nhiên dịu lại. Cô bé ngồi xồm, mở thao láo đôi mắt nhìn vào hoàng hậu.

Qua quan ngự y Phùng Thất, hoàng hậu biết chứng bệnh của Ngọc Ngôn không có thuốc nào chữa được, vì “Thuốc chỉ chữa được tật bệnh, chứ không thể nào chữa được oan nghiệt của nhân gian.”

Tổng hoàng hậu cầm hai bàn tay bé nhỏ. Bà nhớ lại bàn tay bé nhỏ của những đứa con mình đã mất. Bà nhớ lại tất cả những điều linh, tan tác, oán thù trong nửa thế kỷ.

Cởi vòng tràng hạt trên tay mình, bà đeo vào cổ tay Ngọc Ngôn, miệng thì thầm:

“Phép Phật nhiệm màu, xin chữa lành cho con.....” - Huế tháng 5 –2008

Thiên thạch

Trên cánh đồng mênh mông, mảnh thiên thạch đã đáp xuống từ cơn mưa sao một thuở xa, xa lắm. Qua nhiều triệu năm, vùng đất quanh đó đã bị những dòng lũ xói mòn, khiến mảnh đá nhô cao sừng sững với cái bóng đổ dài đến tận bờ con sông lớn.

Gọi là mảnh, bởi vì nó quá bé nhỏ giữa đất trời vô tận. Còn so với vóc dáng của Eta thì mô đá này là một vật thể khổng lồ. Eta chạy đến như con nai xuyên rừng, hít hãi, nép sát mình vào mô đá. Một gã đàn ông đang rượt theo cô. Đôi mắt thèm khát của gã dán chặt vào thân thể Eta: Đôi vú để trần, tròn cứng với chiếc núm hồng nhọn hoắt như cặp nhung nai.

Eta quay ngoắt lại, nhất định không để gã đàn ông nắm được những chiếc sừng nai non xinh đẹp ấy. Nàng nhào người, búi lấy một thân cây mọc cạnh đó, một cành khô gãy rắc. Nàng nghiêng răng quất khúc củi vào mặt gã đàn ông. Hấn kêu rú lên đau đớn, nhưng tay vẫn chộp được Eta, đè sát nàng vào mô đá dựng đứng. Gã gầm lên:

- Đò xấu xa, mà không sợ trời phạt à?

Eta run sợ, nằng gục đầu xuống, rên rỉ như biết lỗi. Nhưng khi hai bàn tay gân guốc của hắn ta đè Eta ngã chúi xuống thì nằng lại vùng vẫy, dấy dựa kịch liệt. "Anu! Anu!" Nàng kêu thét lên, tiếng kêu cứu vang dội trong khoảng không.

Từ trong thung lũng xa, Anu đang săn cáo chợt nghe tiếng kêu ấy. Tiếng kêu với tín hiệu lâm nguy mà người Aya thường dùng để gọi nhau khi bị thú dữ tấn công. Lập tức chàng quay ngựa trở về, con ngựa rừng thuần hóa chưa lâu cứ bắn vọt lên dưới đôi chân đứng mảnh kẹp cứng hai bờ hông rắn chắc.

Hai người đàn ông lao vào nhau dưới chân thiên thạch. Hai mũi lao đồng phang vào nhau tóe lửa. Anu khỏe hơn, nhưng Sogi được nhiều người cổ võ hơn. Cả bộ tộc giật mình bởi tiếng va chạm của vũ khí, bởi đám bụi bốc lên từ phía sông, đã kéo nhau lũ lượt đến xem. Một hàng rào người vây quanh, hầu hết đều mắng mỏ Anu thậm tệ.

Dưới chân thiên thạch, Eta ngồi thu lu một mình, ôm mặt khóc nức nở. Một vài đàn bà trong đám đông không rời mắt khỏi đôi vú Eta, ánh mắt họ tối sầm. Đây là những phụ nữ đã từng khóc nhiều lần vì phải chôn những đứa con chết non. Nhiều mùa gieo trồng trôi qua, chìm ngập trong mong ước vô vọng về sinh nở, họ đã lao vào những cuộc giao hoan vô độ. Bây giờ, họ nhìn xuống thân thể héo hon của mình rồi lại nhìn Eta, không giấu được sự phẫn nộ. Thật đáng giận khi một người nữ từ khước khát vọng truyền giống của người đàn ông.

"Nhưng tôi muốn chỉ thuộc về Anu thôi!". Eta vừa khóc vừa gào lên với những người đàn bà đang sỉ vả cô.

"Thật xấu xa!" Đám đông bảo nhau. Anu là một thằng con trai mạnh mẽ, thông minh. Nó bắt được nhiều nai, nhiều cáo nhắt, chạy nhanh nhất, bơi giỏi nhất. Nó biết cách bắt ngựa rừng về để cỡi. Nhưng nó thật ích kỷ. Thật nhục nhã, lẽ nào người đàn bà lại có thể thuộc về đàn ông như một hòn đá lửa trong tay chủ nó hay sao?

Có tiếng rống lên trong đám bụi, Sogi hực lên đau đớn, cái đầu nhọn hoắt của Anu vừa lao vào giữa lồng ngực hắn.

- "Dừng lại! Những đứa con trai của bộ tộc Aya, hãy dừng lại!"

Một tiếng tù và rúc dài, và tiếng nói đầy uy quyền của tộc trưởng Aya vang lên.

Dưới chân thiên thạch, người ta khiêng đến những vật thiêng được tôn thờ: *Yuôn*, một khối gỗ tròn dẹp có xẻ một đường rãnh và *Lin*, một trụ gỗ nhọn bóng dựng thẳng trên *Yuôn*.

"Eta, con đã xúc phạm đến quyền năng của *Yuôn* và *Lin*. Lá đã đâm chồi, đất đã khô ráo, mùa sinh sản đã bắt đầu, những đứa trẻ phải khóc oe oe trước khi cây rừng vàng lá. Con hãy tới đặt tay lên *Yuôn* và *Lin*, hãy tạ tội và đừng tự trách mình ra khỏi bộ tộc Aya".

Eta vẫn nức nở:

- Con không muốn Anu ghét bỏ con. Anu không muốn chia với người đàn ông khác.

Tộc trưởng Aya trừng mắt:

- Anu ích kỷ, tộc Aya sẽ đuổi nó đi, nó sẽ thành một linh hồn thất thế đi hoang ngoài đồng vắng.

Eta sợ hãi sụp xuống. Cô đặt tay lên thớ gỗ bóng, miệng lẩm bầm lời xin lỗi trong khi những người già vây quanh, lảm rảm những câu thần chú.

"Sogi, mày thảng rồi đó". Mẹ Sogi cười rạng rỡ bảo con.

Thêm hai lần mặt trời lên rồi lặn. Khi bình minh đến lần thứ ba, Anu đeo cung tên đứng dưới chân thiên thạch. Chàng sắp ra đi. Hai bên sườn con ngựa treo lủng lẳng những thứ của riêng chàng: những tấm da thú, những túi da đựng những hòn đá màu. Trên cổ chàng, một vòng chuỗi xương nanh thú rừng, trong đó có răng của cả beo và cọp.

Eta nhô ra từ chỗ nấp sau mô đá. Anu thúc ngựa tiến lại. Chàng chộp lấy cô gái như người ta bắt một con thỏ, rồi quắp lấy nàng, phóng ngựa về phía sông lớn.

Con mồi xinh đẹp của chàng ngồi phía trước vắt ngang lưng ngựa; Khác hẳn mọi con mồi, con mồi này ôm chặt lấy người săn, hối thúc chàng phóng nhanh, nhanh hơn nữa.

Sau lưng họ, bộ tộc Aya đã tỉnh dậy, họ không rượt đuổi mà chỉ đứng nhìn. Tộc trưởng là người giận dữ nhất, không ngớt ném theo Anu và Eta những lời rửa sả. Gió đưa những lời nguyện rửa

đến tận tai những người ra đi ,nhưng họ không quay lại .Một cái bè giầu sắn ở ven sông đưa họ qua bên kia bờ.

Cuối mùa xuân họ đã dựng xong gian lều nhỏ bằng đủ thứ cây lá. Eta đã có thai và Anu rất sung sướng vì biết chắc chắn những đứa trẻ nàng sẽ sinh ra là con của mình. Điều đó đối với chàng rất quan trọng, vì chàng có nhiều tật khô, da thú, cá khô, đá màu, răng thú, chàng không muốn chia đều những thứ do mồ hôi nước mắt mình làm ra với con cái của kẻ khác.

Anu đi săn, hái những cây có trái ngọt về cho Eta trồng, những con thú nhỏ và hiền anh cũng bắt về cho nàng. Eta tước vỏ cây ,đập chúng to ra ,nàng dùng chúng để che kín ngực .Những thứ nàng che đi đều rất đẹp ,nhưng nàng cứ bảo là xấu bởi không muốn ai đụng đến,ngoài Anu .Nàng yên lòng vì cứ ở nhà , giữ lửa, để con và nấu cho Anu ăn cũng còn sung sướng hơn là chia đều với nhau những mảnh lương thực nghèo nàn trong bộ tộc .

Mùa xuân sau,con trai Eta ra đời. Một người đàn ông, một người đàn bà và một đứa bé, họ không bao giờ biết rằng họ đã làm nên một gia đình đầu tiên, và cái gia đình ấy đã được thành lập trong sự rửa sả của đám đông. Dù vậy , cạnh chỗ của họ đã mọc thêm mấy nóc lều nữa.Trong mỗi lều là một chàng trai Aya cùng với người nữ mà anh ta đã chọn làm vợ.Không phải ai cũng gặp may ,bởi trong lúc qua sông nhiều người đã bị sóng nhận chìm,nhất là phụ nữ. Tuy vậy xóm nhà ấy vẫn ngày càng đông hơn, trở thành một bộ lạc mới.

Vào một mùa đông rất lạnh, sau đám tang của tộc trưởng Aya, người ta nhìn thấy người cuối cùng cũng đang vượt sông. Đó là Sogi, lúc bấy giờ đã luống tuổi rồi.

Một vạt làn mặt trời lên rồi lại khuất sau mô đá thiên thạch.

Dòng sông nay hẹp hơn xưa, bởi con nước chuyển dòng do những cơn địa chấn ở vùng hạ lưu, đã cạn bớt nhiều vì phải chia nước cho hai nhánh sông dài hướng ra hai phía.

Những ô ruộng san sát nối nhau đến tận chân trời.

Đêm nay, trên đồng trống dưới chân mô đá, dân làng Đại Mạc kéo ra, quây kín một khoảng bờ sông.

Tiếng trống gõ đều đều như giục giã. Những ngọn đuốc bập bùng cháy, chiếu xuống mặt nước một thứ ánh sáng đỏ kinh rợn. Trong tiếng bàn tán xôn xao, chợt có tiếng khóc hực lên, như tiếng tru thảm thiết của con thú trên đường đến lò tế sinh.

Một hình người dầy dựa tuyệt vọng trong chiếc rọ tre. Năm sáu người đàn ông lực lưỡng xách cái rọ lên thuyền. Một bà già chạy theo sau họ, mặt lấm lem bùn và nước mắt, không ngớt kêu gào:

- Làng nước ơi, xin rủ lòng thương.

Những người chung quanh níu bà lại.Một trong sáu gã khiêng rọ quay lại quát:

- Thương cái gì? Cái thứ lộn chồng trốn chủ này, trời không dung, đất không tha.

Chiếc thuyền xa bờ dần dần, tiếng trống vẫn dồn dập thôi thúc bên sông. Một người đàn bà bước tới đỡ cụ già đang nằm mọp trên đất bùn dầy, cố gắng diu cụ quay về. Bà ta lẩm bẩm:

- Tội nghiệp cho Tang Nương, lão phú hào ấy đối với nó có ra gì đâu. Tối ngày chỉ thuốc phiện bàn đèn với mấy con vợ bé, vậy mà...

Một ông cụ đứng cạnh quay lại, vặc ngay:

- Chị này nói hay thật, chị khôn hơn cả làng hay sao. Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng. Xưa nay bao giờ chả thế!

Ngoài xa kia, giữa sông, một vật trắng sáng lóe lên trên mặt nước, một tiếng thét ghen ngào, rồi chẳng còn gì trên mặt sông phẳng lặng.

Năm trăm năm nữa trôi qua.

Rất nhiều chiếc cầu bắc ngang sông, những dòng xe liên tục đi qua, đêm ngày không nghỉ.

Những khối nhà cao tầng san sát bên nhau, thành phố càng ngày càng tiến sát vào chân núi.

Đã có lúc người ta tính bạt núi để san phẳng mặt đất. Nhưng rồi dự án dừng lại khi người ta

nhận ra mô đá sừng sững nơi dốc đồi ấy vốn là một mảnh sao trời. Toàn bộ khu vực ấy được khoanh vùng lại để bảo tồn. Gần nơi đó, một khách sạn lớn mọc lên, mang tên là khách sạn Thiên Thạch.

Trong một căn phòng ở tầng thứ bốn mươi - tức là tầng sát mái, Nori đang ngồi trước bàn viết, trước mặt cô là những biểu đồ trên giấy; Tuy mới chỉ là bản sơ thảo, những biểu đồ này đã chứa đựng rất nhiều thông tin đáng giá, thu hút Nori đến nỗi đã hai giờ chiều mà cô quên hẳn bữa điểm tâm ngon lành dọn sẵn ngay bên cạnh.

Có tiếng gõ cửa. Nori cau mày. Cửa vừa mở, một thanh niên xách va li ào vào, ôm chặt lấy cô. Nori dấm thùm thụp vào lưng gã đàn ông, cô cười phá lên sung sướng. "Tim, sao anh không báo cho em biết để đi đón?". Tim cởi áo khoác ném lên giường, tháo cặp kính cận, rồi anh lại ôm lấy cô và hôn cô ngấu ngiến. Mỗi lần môi Tim rời ra, anh lại nói, ngắt quãng từng đoạn một:

- Anh phải đến bất ngờ, anh muốn biết có phải lúc nào em cũng nghĩ đến anh không.

Giọng lười dầy vẻ ghen tuông của người đàn ông làm Nori nhún vai đầy vẻ thách thức. Tim kéo Nori ngồi xuống giường, anh nói với vẻ trách móc:

- Nori, bao giờ thì em về? Em có biết anh cần có em chừng nào không?

Nori cười, nằng véo vào tai Tim như véo tai một đứa trẻ. "Tim, công việc của em đang tốt lắm, em đã tìm thấy mối liên hệ về AND giữa những mẫu xương tìm được trong phù sa hai bên sông Đại Giang".

Tim chẳng hứng thú gì với những sơ đồ AND đó, anh chỉ thấy trước mắt anh Nori với thân mình đầy đặn, với chóp mũi cao mềm mại cứ quệt vào má anh mỗi khi nàng ghé sát vào. Nàng sôi nổi nói về những thứ linh kính trên bàn giấy, những thứ liên quan đến các địa tầng của hai bờ con sông kia - Con sông mà anh chỉ nhìn thấy -qua cửa sổ, từ trên tầm cao của bốn mươi tầng lầu - như một vật thể vô nghĩa chẳng gọi nên mây may cảm xúc.

- "Những mẫu xương người ta cung cấp cho em, thật lạ, toàn là xương phụ nữ. Chúng bị vùi lấp như thể đã tấp vào bờ từ nhiều thế kỷ".

- "Mặc kệ những cái xương đàn bà ấy đi em. Anh muốn hỏi đến bao giờ thì em nghĩ đến chuyện của mình một cách nghiêm túc. Một gia đình, những bữa ăn chung, những đứa con. Mình kết hôn đi em".

Nori lặng yên, nàng không chống lại ý kiến của Tim nhưng cũng không mặng mà cho lắm.

Những câu nói này của anh, nàng đã nghe nhiều lần; Theo nàng, anh đang chịu ảnh hưởng méo mó của nghề nghiệp: Tim là nhân viên của một tổ chức văn hóa có khuynh hướng bảo thủ, chuyên cổ xúy cho việc duy trì gia đình truyền thống.

Trong khi Tim nhìn nàng chờ đợi thì nàng lơ đãng và lảng tránh, tựa như có ai đang muốn tròng một sợi thòng lọng vào cổ nàng. Để khỏi trả lời câu hỏi bức thiết của Tim, nàng nằm xuống bên anh và bắt đầu trấn áp anh bằng những cái hôn dài.

Nàng thường hôn anh và vuốt ve anh âu yếm như thế mỗi khi nàng muốn xoa dịu những cơn dằn dỗi của anh. Vì không muốn mất anh nên nàng ngại nói ra lời, rằng nàng không thích giống như những AND đang được tái hiện trong những sơ đồ trên bàn kia: Những người đàn bà ngồi bên bếp lửa để chờ người thợ săn dưng mảnh trở về. Trong cuộc săn trên mạng bây giờ, nàng đã vồ được những con hổ lớn hơn những con của Tim nhiều, mà cái dự án nghiên cứu nhân chủng học nàng vừa giành được đây là một.

Như mọi lần, trước sự âu yếm Tim trở nên ngoan ngoãn như một đứa trẻ dễ dụ. Nhưng lần này, dường như anh hiểu. Bởi vậy, sau cơn hoan lạc, một cảm giác trống trải, tê nhạt chợt tràn ngập trái tim anh, khiến anh cảm thấy Nori như đang ở rất xa anh dù nàng vẫn nằm ngay bên cạnh. "Ích kỷ, cô ta thật ích kỷ. Chúa ơi, người không còn cứu vãn nổi linh hồn cô ta ư?". Trong cảm giác tủi thân, anh nhận ra sự thật phũ phàng: Anh cần một người đàn bà khác. Nhưng giờ này, tìm đâu ra một người như anh mong muốn? Hình ảnh một văn phòng môi giới hôn nhân chợt hiện ra trong trí nhớ của anh...

Và trong khi đó...

Đang nhìn vào thiên thạch, nhưng từ một khoảng cách vô bờ bến, một nhân vật mà ta tạm gọi bằng ký hiệu J - Đó chỉ là một ký hiệu để xác định về Ngài: Một thực thể mang linh hồn lớn. Ngài đang nhìn vào thiên thạch, nó giống như một chiếc kính lúp tí hon giữa vũ trụ, lưu giữ những hình ảnh trong suốt dòng thời gian. Ở đó có những giọt nước mắt của Eta , tiếng thét tuyệt vọng của Tang Nương, nỗi khó xử của Nori, và hàng triệu đàn bà khác nữa. Không ai biết được ý định của J, cũng không thể biết về hình dáng của Ngài. Qua nhiều đời người ta đã cố miêu tả Ngài dưới những hình ảnh khác nhau. Có người khoác cho Ngài hình ảnh một lãnh chúa khắc nghiệt, luôn mắng mỏ, rủa sả và ra lệnh đánh chết những người trái ý mình. Có người lại mô tả Ngài như khối vật chất hỗn mang thần bí và lãnh cảm... Nhưng đây đều chỉ là phỏng đoán của người đời, bởi Thực- the- mang- linh- hồn- lớn ấy ở ngoài tầm của sự nhận biết bằng giác quan. Và dù người ta đã viện Ngài ra để hù dọa những người đàn bà đáng thương từ đời này qua đời khác, nhưng chắc chắn Ngài chẳng nhúng tay vào việc của họ. Trong tình không vắng lặng, tiếng của J đang hỏi:

- Năng lượng của mặt trời còn cháy được trong bao nhiêu năm?

"Còn một triệu lần khoảng thời gian từ Eta đến Nori ". Đó là tiếng vọng từ một thực thể khác. Ta tạm gọi là G, vì đã có lần được gọi bằng cái tên Gabriel.

Vậy thì còn nhiều vòng xoay nữa. Và tên ta còn được viện ra hàng vạn lần. J tự nhủ.

Trên bờ con sông muôn thuở, ánh nắng của một ngày mới đang chiếu xuống, sáng lòa trên thiên thạch.

Gió thiên đường

Lần đầu tiên đến lớp khiêu vũ ở nhà tôi, Hiếu còn mảnh dẻ như cây tre non. Khi tôi cầm tay Hiếu chỉ những bước đầu tiên. Hấn gọi tôi là "Sư Mi". Tôi bảo : " Vậy từ nay Mi là "sư phụ" của Hiếu đó nghe". Hiếu cười, khoe chiếc răng mẻ rất dễ thương: " Vâng, xin sư phụ dạy bảo cho đồ đệ".

Trong lớp này tôi phải dạy đến năm sáu anh chàng, anh nào cũng dẻo mồm. Đôi khi tôi thậm chí trách ba. Lẽ ra ba không nên phó mặc mọi việc cho tôi, lẽ ra ba phải đứng dạy mấy ông con trai to xác này để đỡ cho con gái mười tám tuổi của ba. Có lúc bực mình tôi bảo: " Ba có nghe mấy chữ "con gái rọu" không? Rọu có đem chôn kín thì mới ngon ". Ba tôi lừng khừng: " Rọu tốt không sợ bay hơi ". Mắt ba tôi nhìn xa xôi đượm buồn.

Tự nhiên tôi thương ba. Lại lẳng lẳng gánh hết mọi điều, để ba lặng thẳm trong cõi riêng.

Những băng nhạc để tập trong lớp đều do ba tôi chọn. Nhạc valse với Le Beau Danube Bleu của Strauss, Thu Vàng của Cung Tiến, bebop với Love is blue, tango với Vũ nữ thân gầy, La Paloma. Hiếu bảo tôi: "Mi biết vì sao lớp nhà em ít người học không? Tại nhạc chán quá ". Tôi ức : " Nhạc thế này mà còn chê. Toàn những bài bắt tử". " Nghe cổ lắm". " Vậy Hiếu tới đây làm chi?". " Nhạc sầu lắm nhưng cô giáo thì dễ thương". Tôi mím môi, không thềm đáp. "Yêu ai, yêu trọn một đời ", giọng Khánh Ly diu dặt vang lên theo đĩa nhạc. Chừng nghe giai điệu quen thuộc, ba tôi ngồi lặng, mắt nhìn như soi vào quá khứ. Hiếu nháy mắt, hát nhại theo: "Yêu ai, yêu chỉ vài giờ". Tôi nhăn mặt không nói gì, thừa lúc Hiếu bước sai tôi giả vờ lỡ chân đạp cho hấn một cái đau điếng.

Cả dòng họ tôi, trừ tôi ra, ai cũng có đôi mắt đẹp và buồn. Mắt ba tôi cũng thế, lúc nào cũng u uẩn đầy kỷ niệm. Ngày xưa, ba tôi cũng có một mối tình lớn . Người con gái ấy tên là Lý Thanh Thúy, dân chơi ngày ấy thường gọi là Thanh Thúy Tàu. Đó là bông hoa nổi tiếng nhất ở vũ

trường Đà Nẵng . Tất nhiên trong mắt ông bà nội tôi, một người con gái không thể nào bước vào một gia đình thế gia vọng tộc tuy đã sa sút về tiền của nhưng chưa hề đánh mất nề nếp gia phong . Đám cưới của ba tôi, cho đến giờ, những người bạn thân vẫn còn nhớ. Một đêm trước Giáng sinh, ba tôi và mấy người bạn đến vũ trường, đem theo một bó hoa và một chiếc bánh cưới. Vào cuối đêm vũ trường vắng người, đôi tình nhân vừa cầm tay đi theo nhạc *Oui Devant Dieu* vừa dẫn đến bậc cầu thang dẫn đến phòng riêng. Đèn tắt từng ngọn, tắt ngấm, tất cả chìm trong bóng đêm. Rồi những ngọn đèn nến được thắp sáng dần, từng ngọn một, và Thanh Thúy Tàu thấy người yêu đang nắm tay mình, lồng vào ngón tay một chiếc nhẫn cưới. Nàng bật khóc vì hạnh phúc ... Từ đó chàng sĩ quan ở lại với Thanh Thúy Tàu, không về nhà cha mẹ. Thanh Thúy Tàu không tiếp những khách chơi giàu có nữa, và đáp lại, chàng trai hai sáu tuổi nổi tiếng khiêu vũ giỏi cũng tự nguyện không bao giờ nhảy với ai ngoài người vợ yêu của mình.

Thanh Thúy Tàu về sau đã phản bội cha tôi, đúng như lời tiên đoán của bà nội tôi ngày trước. Nàng quá đẹp và mong manh, mà những năm tháng dài mà ba tôi ở trong trại cải tạo là một thử thách quá lớn. Cha tôi trở về vào tuổi ba mươi hai, cảm thấy hụt hẫng từ mọi phía, nhận ra những kỹ năng của nghề lính không giúp ít gì được cuộc sống trước mắt. Ông lấy vợ, sinh con, bị buộc phải nghĩ tới mưu sinh, và không ngờ cái tài khiêu vũ, trước đây là thú vui, nay lại là sinh kế. Cuộc đời nghiệt ngã không cho ông giữ đúng lời ước nguyện: Không nhảy với ai ngoài Thanh Thúy Tàu. Nhưng từ đó điệu vũ của ông không còn là niềm say mê nữa, nó chỉ còn là việc kiếm sống nhọc nhằn. Có vẻ như ông chờ rất lâu cái ngày tôi mười tám tuổi, để trao lại cho con gái tất cả cái gánh nặng vui vẻ này.

Hiếu bảo tôi : "Suỵt Mi ơi người nhảy giống như cá bơi trong nước. Mi tập khiêu vũ mấy năm rồi ? " Tôi không nhớ nổi đã tập bao lâu. Mới lớn lên, có trí nhớ là đã nắm tay ba đi hết các fan promenade. " Hồi Mi bắt đầu tập với ba, mỗi lần nhảy phải đóng cửa lại. Ba nói hồi ấy uống cà phê buổi sáng còn bị phê bình, nói gì đến khiêu vũ . Các học viên đi học phải gói theo giày; hết giờ lại đi dép về nhà". Hiếu hỏi : " Mười mấy năm ở đây , Mi thấy học viên nào vừa ý nhất? " Tôi cười, lắc đầu. Nếu như thực lòng được nói ý mình, tôi sẽ nói : " Hiếu". Nhưng mà ngưỡng lăm , nếu để cho y biết rằng người đầu tiên mà tôi thay thú vị khi nhảy cùng, chính là y.

Không phải y nhảy giỏi, nhiều người thuộc và biết nhiều fan hơn y. Nhưng y nhảy rất có hồn, y say đắm với vũ điệu, không phải chỉ nhảy bằng hai chân mà còn cả tóc, mắt, miệng cười và niềm vui sôi nổi toát ra từ thân thể. Tôi dạy y phần kỹ thuật, còn chính y bằng năng khiếu trời cho đã dạy tôi rằng động tác vũ chẳng là gì cả nếu không thấm đẫm niềm hạnh phúc, không gọi cho ta cảm giác về khát vọng sống, khát vọng tình yêu. Vì tự ái nghề nghiệp, tất nhiên không bao giờ tôi thú nhận với y về điều đó.

Ba tôi xem chừng không có cảm tình với Hiếu. " Cái đầu rẽ giữa trông khó thương". Tôi nhìn Hiếu, nhưng lại thấy đầu tóc hai mái rất hợp với vẻ mặt lãng tử. Ba tôi một thời đã bất chấp tất cả, thế mà bây giờ vẫn không thể vượt qua mấy phân xê xích của đường ngôi. Tôi nói với ba: "Con nghĩ cái quan trọng là cái bên trong đầu tóc ". Ba tôi nhún vai: " E rằng trong ấy chẳng có cái gì ngoài những câu tán tỉnh sáo rỗng. Bao giờ cũng thế, khi yêu con gái trở nên bạo dạn, còn con trai thì hóa ra nhút nhát. Những thằng miệng tía lia trong bụng chẳng có gì ". Tôi nao núng. Hôm sau Hiếu tới. Tôi đi slow với y. "Mi có áo mới phải không ?". " Đẹp không?". "Rực rỡ y như Claudia Schiffer". Y vừa nhảy vừa nhìn tôi như ngắm một con nhân sư từ Ai Cập tới. Nụ cười rạng rỡ thường ngày rất dễ thương, tự nhiên hôm nay làm tôi sợ. Như thể tự vệ, tôi bắt giác dí ngón tay vào trán Hiếu: "Đeo vừa thôi. Cái mặt này đều lăm nghe chưa". Nghe chữ đều Hiếu khựng lại, đột ngột ngừng nhảy bỏ về ghế ngồi. Tôi biết mình lỡ lời. Từ đó, Hiếu không đến nữa. Thoảng hoặc có đến, cũng không mới tôi nhảy. Tôi bối rối, ân hận nhưng sự đã rồi. Mặt mũi nào nói lời xin lỗi. Trong nửa tháng, tôi sứt ký, gầy xuống trong thấy. Soi gương tôi tự an ủi: "Càng hay. Gầy càng có dáng".

Trước Giáng sinh, Hiếu đến gặp tôi: " Vũ trường có gửi vé cho mình không?". "Có". " Cho Hiếu xin một cặp vé". Tôi lẳng lặng mở hộp đưa cặp vé cho Hiếu. Hiếu cảm ơn rồi về, không chào. Ba tôi bảo: " Giáng sinh năm nay lớp mình đi chơi ở sân Ngọc Anh, Nguyễn Huệ hay Ngô Quyền?". Tôi tần ngần nghĩ ngợi. Ba tôi nói: "Ba sẽ nhảy với con một bản valse tuyệt vời, như Giáng sinh mọi năm". Tôi lẳng im. Chút gì đó như chán nản. Chút gì đó như ghen ngào. Tôi mười tám tuổi, nóng lòng chờ một điều gì mới, không phải như mọi năm...

Đêm Giáng sinh, ba tôi đi với cả lớp. Tôi ở nhà. Tôi sợ, sợ một điều gì không rõ. Sợ gặp Hiếu đi với ai đó, trên sân nhảy. Một người nào quan trọng với Hiếu đến thế, khiến Hiếu phải dành vé trước cả mười ngày trời? Y sẽ nhảy với ai đó, bằng cả thân mình, cả tóc , mắt và nụ cười..." Su Mi, ở nhà một mình hả? ". Chợt Hiếu hiện ra sau lưng tôi, mảnh dẻ và dễ thương, sạch đẹp hơn hẳn mọi ngày, trông tươi mát y như một gói quà Giáng sinh.

Tôi dụi mắt, tưởng mình đang nằm mơ.

Lúc đó là mười một giờ khuya, chuông nhà thờ đổ, và Hiếu, và tôi, và đêm Thánh vô cùng.

" Đi với Hiếu". "Đi đâu?". Hiếu rút túi ra cặp vé còn y nguyên . " Su Mi dở quá, không biết vì sao Hiếu xin cặp vé này à?" Tôi nhìn y, lòng muốn lao vào vòng tay y mà cấu, mà xé, " Đồ mắc dịch, đồ chết toi, đồ đùa dai, đồ mất dạy, làm người ta muốn chết đi được". Nhưng lẽ nào con gái mà lại tuôn ra những lời rửa xã như thế? Cho nên tôi đành lẳng im, nhìn Hiếu như thể một người con gái dịu hiền và ít lời nhất trên đời này. Hiếu cười cười, nụ cười răng mề mà lâu nay tôi vẫn nhớ. "Su Mi, muốn chửi rửa gì thì rửa to lên đi, Hiếu sẵn sàng nghe đây". Tôi ngậm bò hòn làm ngọt: " Thông minh lắm chưa nói đã hiểu rồi". Hiếu chở tôi đi. Bỗng nhiên tôi sợ . "Sợ gì ?" " Sợ người ta thấy Hiếu đi với Mi". " Mặc kệ thiên hạ" tôi không mặc kệ được. Giờ này mà đến vũ trường, ba tôi sẽ nhìn tôi như thế nào đây, nhất là đi cạnh chàng trai dẻo mồm mà ông luôn cảnh giác. Hiếu bảo: " Dù sao, đêm Giáng sinh cũng không cho Mi ngồi nhà đâu". Hai đứa qua cầu Mới, lên dốc Bến Ngự. Quán cà phê Dã Thảo đêm nay lung linh ánh nến và tiếng nhạc, trông như một thế giới huyền thoại. Tôi run chân, như cô bé lọ lem bước vào lâu đài của hoàng tử. Hiếu dẫn tôi lên lầu. Một bình hoa hồng nằm trên chiếc giá gỗ nơi lưng chừng cầu thang." Mi thích không?". Không đợi tôi trả lời Hiếu nhón ngay một bông hoa lạ. Tôi xanh mặt " Sợ quá. Người ta nói chết ". Hiếu cười "Đồ thổ đế "

Bên khung cửa sổ rộng mở, trời đen như nhung, lác đác sao. Bên dưới là cỏ xanh, lá xanh và những tia nước lấp lánh. Hiếu khuấy cà phê sữa cho tôi." Sao Mi thờ người ra như thế?". Tôi không nói đây là lần đầu tiên tôi đi với một người con trai vào quán cà phê. Vừa lo sợ vừa cảm thấy thích thích, hồi hộp, như thể đi vào một cuộc phiêu lưu, một thế giới khác. Một ngôi sao băng vụt ngang, rơi qua bầu trời. Hiếu kêu "Mi ơi" , nhanh lên hãy ước một điều gì đi". Tôi ước thầm một điều, nhưng khi Hiếu hỏi, tôi không nói. Một điều ước thầm kín, có thể một ngày kia sẽ nói ra, nhưng không thể bây giờ...

Từ năm ấy, tôi mới hiểu thế nào là đêm Giáng sinh.

Không biết ba tôi sẽ nghĩ sao, nếu biết mỗi tuần tôi gặp Hiếu vài lần ở quán cà phê Dã Thảo. Cũng trước khung cửa sổ mênh mông đó, không có những ngôi sao, nhưng có trời chiều và những bông hoàng hậu lác đác hồng. Hiếu hỏi " Mi hút thuốc không?". " Sợ lắm". " Cái gì cũng sợ. Thử cho biết". Tôi phải hút thử vì Hiếu đưa điếu Ngựa Trắng tận miệng. Tôi sặc. Không thấy ngon lành gì, nhưng cảm thấy mình ngầu ngầu. Người Hiếu trông cứng cỏi, lác cát vậy mà khi ngồi bên tôi lại rất dịu dàng. Từ nhỏ tôi đã không được ai dịu dàng chăm sóc. Anh chị không có, mẹ tôi quá chất phác vô tư. Hiếu thì khác, tế nhị và kiên nhẫn. Có hôm tôi đến trễ nửa giờ,

Hiếu vẫn chờ trước quán, ngồi trên xe, dưới mưa. Thấy tôi đến, mặt Hiếu sáng lên với nụ cười đến là dễ thương. " Ngồi đồng trước quán thế này, không sợ người ta dòm ngó à ?". " Việc gì đến ai đâu mà sợ. Chỉ sợ Mi không dám đi vào quán một mình". Gió đông lạnh, Hiếu vẫn đòi mở rộng cửa sổ cho Hiếu nhìn trời. " Hiếu có phải là quý sứ không? Chẳng bao giờ cho Hiếu mệt, Hiếu lạnh, Hiếu bận việc". Hiếu cười : " Hiếu mê cái quán này vì nó đầy gió. Nhất là từ khi Mi tới đây. Mi đừng đại mặt áo ấm kín mít làm gì. Mỗi năm mình đâu cần có hai mùa hè". Tôi nghe lời Hiếu, mặc phong phanh ngồi trước khung cửa sổ mênh mông, nghe mưa. Dần dần tôi hiểu mùa đông, yêu mùa đông, biết thế nào là vẻ đẹp của gió, của giá buốt và hơi ẩm khi ở bên nhau .

Hiếu ít khi ở nhà tôi, đơn giản vì cảm thấy ba tôi không thích . Tôi bảo Hiếu: "Nếu nghĩ tới Mi thì sửa đầu tóc lại". Hiếu bướng: "Tóc là của Hiếu. Hiếu rẽ ngôi trên đầu Hiếu. Khi nào Hiếu rẽ ngôi trên đầu người khác, người ta mới có quyền có ý kiến". " Nhưng Mi không thích cái đường ngôi ấy". Tôi vờ bảo thế. " Sao Mi cứ muốn Hiếu trở thành con người khác ?"

Trong suốt mùa đông tôi đã không còn cảm thấy lạnh, không còn thấy những giờ dạy khiêu vũ là mệt mỏi, không thấy những buổi học luyện thi là chán chường, không thấy nổi lo, nổi căng thẳng khi mẹ tôi nói hết tiền, em cần mua sách vở, ba cần thuốc uống... Cả cuộc sống đang khó nhọc trở nên thật nhẹ nhàng. Quán cà phê trở thành địa chỉ thứ hai của tôi, đến nỗi hễ tôi và Hiếu đến để người ta không đợi gọi, dọn ra thức uống quen thuộc: hai ly cà phê và hai đĩa ngửa Trắng.

Một hôm trời mưa, xe Hiếu chạy nhanh văng bùm đầy gấu quần jean của tôi. Đến quán, Hiếu đòi lau cho tôi nhưng tôi ngượng, chạy vào toilet tự vẩy nước chùi một mình. Tiếng những người phục vụ nói cạnh đó vọng vào, họ nói tự nhiên vì không trông thấy tôi: " Một phê đá một sữa tươi phải không?". " Không phải. Cu cậu này có hai "mái ", một mái tóc xõa mới uống sữa tươi, con bé này tóc demi chuyên uống phê sữa. Coi chừng đưa lầm". Tôi lạnh gáy. Cổ giả tình tảo, tôi nhảm nháp hết ly. Hiếu rất tinh ý, vặn hỏi tôi mãi . Tôi bảo " Mi mệt. Bắt đầu cảm thấy gió lạnh thật rồi ". " Mi nói dối ". Nói vậy nhưng Hiếu vẫn mở cái áo jacket ra ủ lên vai tôi. Tôi cố gắng ngồi nhưng ngồi không vững. Hiếu xúc tôi lên, bế xuống cầu thang như bế em bé. Tôi mệt lã nhưng cũng biết xấu hổ. Hiếu dỗ dành: " Nằm yên cho khỏe, Hiếu đem Mi về nhà. Thương Mi lắm, đợi Mi lên đầu đi khắp phố cũng chẳng sao".

Tối ấy tôi không đứng dậy nổi nữa, đành phó mặc mọi chuyện cho ba tôi. Gọi điện về nhà Hiếu. Không có Hiếu. Tôi đứng dậy mặc áo. Ba tôi lo ngại " Con đi đâu ?". Tôi lắc đầu , đi như người khùng. Tôi là con của ba tôi, một dòng máu bất chấp. Tôi phải nhìn vào sự thật, dù sự thật ấy như thế nào. Xe của Hiếu đang ở trước quán cà phê. Và Hiếu ngồi đó với một cô gái tóc dài trạc tuổi tôi, không phải trước cửa sổ, mà khuất sau một cánh cửa. Có lẽ Hiếu không bao giờ ngờ rằng tôi lại có can đảm một mình đi vào quán.

Tôi một mình, ngồi vào bàn bên cạnh. Người ta bưng cho tôi cà phê sữa như mọi lần. Sữa ngọt không làm giảm nổi vị đắng. Hiếu bỏ cô gái sang bàn tôi " Mi đi đâu vậy ?". " Đi để nhìn. Để thấy con người không đơn giản". Nói rồi tôi đứng dậy, ra về. Ba tôi đã nói đúng, nhưng khổ thay chỉ có lời dạy của cuộc đời mới đủ sức thuyết phục đối với đứa con bướng bỉnh như tôi...

Cô bé tóc xoã ngồi trước mặt tôi, trông vẻ mặt cô xinh xắn và hiền. Cô từ chối chỗ ngồi trước khung cửa sổ. " Sợ gió lắm. Em thích cái quán này vì nó có những góc ấm". Chúng tôi ngồi vào một góc kín sau chậu thủy trúc : " Em biết chị là Mi chạy khiêu vũ ở đường Phượng bay. Nói thực, em không ngờ lâu nay Hiếu vẫn đi nhảy. Em đã bảo Hiếu, em biết Hiếu nhảy rất đẹp nhưng Hiếu phải biết tôn trọng người yêu của Hiếu là một người không biết nhảy ". Thế Hiếu bảo sao?". " Hiếu đã hứa với em không bao giờ khiêu vũ nữa". Tôi lặng lẽ không nói gì, tự mình

gọi một điều Ngựa Trắng và... hút. Chắc lúc ấy tôi trông giống một con quái vật lắm. Nhưng ít nhất không nói được, thì tôi cũng phải làm một cái gì đó, dù là một điều gì thật quái đản. Cô gái tâm sự: " Chị biết không, em và Hiếu yêu nhau đã ba năm nay. Hồi đầu ba em không cho, bắt em nhốt trong phòng riêng trên lầu. Nhớ em quá, Hiếu dựng xe trèo cột điện mà lên thăm em. Ba em chụp được, dong Hiếu xuống tầng dưới mở cửa tổng ra. Hiếu về nhà xong lại quay lại, trèo cột lên lần nữa. Lần này ba em không thêm mở cửa mà lại bảo " Mày trèo lên đường nào thì cút xuống đường ấy ". Hiếu trèo cột xuống xe về, lại đi bộ đến... Sáng mai ba em lên, thấy chúng em vừa cắn hột dưa vừa nói chuyện ngoài lan can, ba em bảo : " Ba keo mèo cắn cổ, tao thua chúng mày. Mày nói ba mẹ mày đến lo mà rước con gái tao về ". Tôi hỏi "Rồi sau đó thì sao?". " Hiếu lui tới nhà em đã hai năm. Ba mẹ em xem như con. Sáng, trưa , chiều Hiếu đều ghé, thường ăn cơm ở nhà em. Em không có đoán ra là Hiếu có thời giờ đi vớ vẩn đâu khác ". Ừ tôi thầm nghĩ . Con gái thật khờ , ai cũng thế. Một ngày có đến hai mươi bốn giờ. Dù có ghé sáng, trưa, chiều cùng lắm cũng chỉ mất mười tiếng đồng hồ. Chỉ cần một ngày một giờ, chàng trai đủ tạo nên một huyền thoại phiêu lưu mới. Và một trong những huyền thoại phiêu lưu ấy là tôi ...Tôi ghen như nuốt phải mật đắng . Dã Thảo ơi, ta sẽ không bao giờ còn đến đây. Từ biệt khung cửa sổ mênh mông, và gió. Và những bản nhạc mà Hiếu thích. Giờ đây tôi hiểu vì sao Hiếu không thích nghe những bản nhạc tiền chiến. Trong đó không có cách yêu, cách nghĩ của Hiếu. Thôi đừng nghĩ tới Hiếu , đừng nghĩ nữa...

Tôi bước đi, ngang qua góc cầu thang, nơi Hiếu đã lấy trộm bông hồng xanh cho tôi. Nơi ấy bây giờ chỉ còn độc một bông cúc tím. Tiếng hát Cẩm Vân mãnh liệt mà ghen ngào: " Còn trông mong chi cơn mơ phù du theo gió mây bay xa thật xa. Hãy thôi đam mê vấn vương buồn thương, nỗi đau trong đời sẽ qua..." Buổi tối, tôi ra đứng lớp, dạy điệu bebop cho các học viên mới. Một vũ điệu vui nhộn và lả lướt. Tôi nhảy, tôi cười. Chuyện đã qua, xin hãy qua... Tôi cố ăn thật nhiều. Mẹ tôi bảo rất vô tư: " Con này thất tình mà không ốm lại mập lên mới quái! ".

Hiếu đến, lâu lắm Hiếu mới đến nhà tôi. Trông Hiếu gầy và xanh, giống cây tre non hơn bao giờ hết. Tôi hầu như không nhận ra hắn. Hắn không cười và không nói năng dẻo quẹo. Nhưng Hiếu cũng không nhút nhát. Hiếu im lặng và dữ dội, ngồi một mình trên ghế nhìn tôi. Mắt Hiếu cứ thiêu đốt và tôi cứ cố làm cho lòng mình trở nên băng giá. Không biết trong cuộc chiến im lặng này, ai lì hơn ? Lừa trong mắt Hiếu sẽ tắt trước hay tảng băng trong lòng tôi rã trước ? Tôi giấu nỗi đau bằng vẻ điềm nhiên, nhưng làm sao giấu được con mắt sắc sảo của ba tôi. Ba tôi bảo:"Can đảm lên con. Còn đau đớn là còn có thể tha thứ . Mà tha thứ là sẽ tiếp tục đau thêm nữa ". " Con mắt Hiếu nhìn con, không phải là con mắt của kẻ lừa dối ". Con đừng ảo tưởng. Cụ thể đã quá rõ ràng mà con còn có thể ngụy biện cho nó nữa ư ? Ngày trước khi từ trại cải tạo về, biết được Thanh Thúy lừa dối ba, ba nhất định cắt đứt dù cô ấy quỳ xuống đất van lạy hết lời. Với ba, tình yêu là sự chân thành tuyệt đối, sự thủy chung như nhất trước sau không thay đổi ". Tôi thầm nghĩ: " Mẹ con với ba lúc nào cũng chung thủy , nhưng có phải là tình yêu không?".

Hiếu đến đều đặn mỗi tối, không nhảy, không cười. Tôi không trách móc, không nặng lời, không cau mặt, xem như cuộc phiêu lưu vừa qua chỉ là một giấc mơ . Dần dần bỗng tôi thú vị với những cuộc gặp lạnh lẽo đó: giống như một bản nhạc không lời, êm dịu và sâu vô tận.

Cuối tháng, cả lớp đi chơi Ngọc Anh, Hiếu cũng có mặt. Hiếu cứ ngồi, không nhảy với ai. Bỗng nhiên như ma xui, tôi bước ra và quay lại vẫy tay : "Hiếu!". Giọng ra vẻ một cô gái uy quyền, mà thực ra là một kẻ đầu hàng. Hiếu sáng trưng mặt mày, lâu lắm mới nhìn thấy nụ cười răng mè. Tôi và Hiếu cùng bước trên sàn nhảy, và tôi thấy hạnh phúc từ đầu tới chân, quên cả việc trước đây một giờ Hiếu đi đến đâu , ăn cơm ở nhà ai, làm gì...

Hiếu chỉ nhìn tôi, bao nhiêu lời lẽ bay đi đâu hết. Mãi sau mới đưa ngón tay cái lên môi tôi : " Mi

cẩn đi. Cẩn một cái cho đau, cho đáng đời Hiếu". Tôi bắt giác ứa nước mắt không cầm được: "Cẩn một cái mà đủ sao, Hiếu ơi!". "Hiếu biết tội rồi. Nhưng ai bảo hồi đó Mi nói Hiếu đều làm chi. Nói người ta đều thì đều cho biết mặt". Tôi nói "Ăn trả, oán trả. Mi cũng biết tội rồi. Từ nay khỏi nợ nhau". Hiếu bắt giác đưa tôi xoay tròn như cơn lốc. "Mi không biết đâu. Đầu là đều, sau là thực. Hiếu không cho Mi hết nợ đâu, Hiếu sẽ đi theo Mi đến cùng trời chiếu đất".

Á à, lại còn thế nữa chứ. Tôi đâu còn dễ tin như tôi ngày xưa. "Vậy mấy cái cột điện ai sẽ trèo đây?". Hiếu trừng mắt nhìn tôi "Đó là quá khứ. Một quá khứ đang chờ chấm hết. Lúc đó Hiếu đã sống hết mình, và giờ đây Hiếu cũng đã sống hết mình."

Hiếu nói rồi nắm chặt lấy tay tôi, lòng bàn tay Hiếu tỏa hơi ấm như lửa. Bỗng nhiên tôi muốn òa khóc. "Rồi mai đây, Mi sẽ là quá khứ sao?". "Không ai nói trước được chuyện tương lai. Hiếu không nói chuyện tương lai, chỉ biết bây giờ". Hiếu nói rồi nhẹ nhàng ôm tôi trong tay, và những đốm sáng đèn muôn màu, và nhạc valse, và tôi lại là cô bé lọ lem trong đêm vũ hội của hoàng tử ...

Khi tôi trở về, ba tôi không nói gì, chỉ nhìn. Đôi mắt đẹp của ông, dù bao qua thời gian, vẫn sâu thẳm và đầy dĩ vãng. "Con biết ba sẽ trách con. Nhưng con...". Tôi muốn nói: Nhưng con hạnh phúc quá. Con không cảm lòng được. Ba tôi lạnh lùng: "Chỉ vì không chịu nổi đau đớn, nên nạn nhân không đứng vững, phải dựa vào chính tên sát thủ. Rồi lại nhận làm đó là người chữa vết thương cho mình. Có biết đâu như thế là bị giết lần thứ hai". Tôi nghẹn: "Hiếu không phải là người như vậy".

Bỗng ba tôi không giấu được vẻ phẫn nộ: "Con muốn làm kẻ cướp đoạt sao? Thành Hiếu đến đây ba sẽ đuổi. Nó đã phản bội một đứa con gái, nay lại định lừa dối một đứa con gái khác".

Tôi khóc. Hiếu bảo tôi: "Đồ ngốc nghếch. Không ai sở hữu được ai trên đời này thì làm gì có chuyện cướp đoạt ở đây". Nhưng mọi người bảo thế. "Mọi người có sống giùm cuộc đời mình không?". "Mọi người không tin Hiếu". "Hiếu không cần mọi người. Mọi người không ai hiểu rằng người ta có thể cố gắng học, cố gắng làm, nhưng không ai có thể cố gắng yêu. Người ta chỉ có thể yêu cái người mà lòng mình luôn hướng tới. Cái người mà nhắm mắt mình vẫn thấy. Hiếu nhắm mắt là thấy Mi, Mi tin Hiếu không?".

Tôi tin Hiếu. Bởi chỉ có lòng tin mới giúp tôi sống. Như câu nói của Krishna Murti: "Đó là ánh chớp lóe lên trong khoảnh khắc, ai thấy là thấy, ai không thấy là không thấy, không thể nói cho người khác".

Hiếu nói đúng. Cuộc đời như dòng sông, ai nói trước được nó sẽ qua những ghềnh thác nào. Nhưng hôm nay, dòng sông đang trôi qua những bờ cỏ mịn màng, đang in bóng trời xanh mây trắng. Lẽ nào sợ thác ghềnh mà sống không dám chảy?

Năm nay Giáng sinh.

Trời khô lạnh. tôi ngồi nhìn ra cửa sổ phòng mình. Ba tôi bảo: "Đừng buồn. Tối nay đi với cả lớp đến Ngọc Anh. Ba sẽ nhảy với con một bản valse tuyệt vời, như mọi năm". Tôi lặng im, không nói. Nước mắt thập thò trên mi. Thèm đi một bản Blue Christmas trong tay Hiếu. Thèm ngồi cạnh Hiếu sau khung cửa mênh mông của cà phê Dã Thảo, chia sẻ với Hiếu một cơn gió. Thèm cùng đi một xe với Hiếu trên con đường dài, Hiếu thỉnh thoảng vừa cười vừa ngã đầu ra sau khiến những sợi tóc cứng đâm vào má tôi...

"Sao ngồi thừ ra thế, mau lên con gái". Ba tôi nhắc. Biết ba cố tình không cho tôi có thời gian

để nghĩ tới chuyện riêng tư, tôi đứng dậy mặc áo, đi giày. Mở cửa, hơi lạnh tạt vào, tôi không cảm lòng được, kêu lên " Nhớ quá?" . " Nhớ gì?". Ba tôi hỏi ."Nhớ gió!". Để tránh cái cau mày của ba, tôi vội quay soi mình trong gương lần chót trước khi ra đi. Bỗng tôi nhìn ra trong gương, đôi mắt tôi giờ đây mênh mông và buồn, giống hệt mắt ba tôi ...

Và tôi chợt hiểu, mình đã lớn. Đã trở thành một ai đó khác mình năm xưa. Đã biết thế nào là yêu thương và chịu đựng. Đôi mắt này, nỗi buồn này, Hiếu đã để lại cho tôi ...

Sàn nhảy đêm Noel tưng bừng rực rỡ với những ngọn nến muôn màu. Từng đôi, từng đôi trai gái bên nhau hân hoan...Ba tôi bảo: "Nào, ra sàn với ba". Nhưng tôi ngồi yên, giữa tiếng nhạc vang lên như những cơn xoáy dịu dàng. Thấy tôi bất động, ba tôi cũng không ép. Giờ lâu, ông bảo tôi : " Thôi con ạ. Đến tuổi này ba mới nhận ra: Trong tình yêu hạnh phúc thật ngọt ngào, mà cả khổ đau cũng đều thi vị. Chỉ có trống rỗng chán chường của kẻ không yêu mới thực là khủng khiếp ". Nói rồi ông dỗi mắt nhìn xa xôi về phía trước. Bỗng nhiên tôi se lòng. Thương ba. Thương tôi. Và chợt hiểu vì sao mãi mãi ba tôi không quên được Thanh Thủy Tàu, một con người phân bội

Bức tranh cuối cùng



Căn phòng vẽ của anh hồi ấy chỉ có mình anh ra vào. Mỗi lần bước ra, anh lại khóa chặt cửa. Sở dĩ như thế là vì anh ngấm ngấm giận tôi. Suốt đời tôi sống nhẫn nhịn, vâng lời chồng, cưng con, chiều lòng được cả họ. Vậy mà hôm ấy, tôi đã đánh thẳng Hân gãy một cây roi dâu.

-Tôi vừa đánh con vừa khóc như điên dại.

" Có gì nghiêm trọng vậy ?". Khi trở về, nhìn những dấu roi trên tay thẳng con, anh hỏi.Sau vườn nhà có một bông đất sét, thằng Hân đã lấy nặn thành tượng một người nữ lỏa lồ, giữa hai bắp vế đầy vun nó còn cẩn thận nhét vào một nắm tóc rối. Tôi mắng con " mất dạy ! ". Hân méu máo: " Con thấy sao thì làm lại y như vậy mà. Sau lưng nhà mình có mấy cô chiều nào cũng xuống bến sông tắm ". Tôi nghẹn lời. Nó mới mười ba tuổi. Nhìn những mảnh tượng vỡ, anh bảo: " Con rất có hoa tay. Nó còn nhỏ, biết gì là tốt xấu. Sao mình nặng tay như vậy ". " Động trời như thế mà anh còn xem là nhẹ ? ". Tôi không hiểu về mặt tôi lúc đó thế nào mà anh quay người, bỏ vào phòng vẽ đóng sập cửa. Tính anh vẫn vậy, giống như sấm sét, khi bùng lên thì không sao dập tắt nổi.

Thực ra đã lâu rồi, hai vợ chồng rất ít nói với nhau. Tối đến, trước khi đi ngủ, tôi niệm kinh trước bàn Phật, những lời nguyện cứ kéo dài ra, khi tôi vào phòng thì anh đã ngủ. Hồi mới cưới, anh thường trêu tôi, bảo tôi trông giống cô bé không thuộc bài phải lên bục giảng. Sau này, mỗi lần cố thức đợi tôi, anh không còn nụ cười âu yếm chế giễu ấy nữa. Về chịu đựng của tôi cuối cùng đã làm anh tự ái. Sau chuyện cái tượng của thằng Hân, anh rút về bên phòng vẽ,

ngủ luôn bên đó. Sau đó, chúng tôi đã trở lại hòa thuận, nhưng anh cũng không quay về nữa. Tôi một mình, nước mắt nhiều đêm chảy ướt gối. Tôi không hiểu điều gì đã xảy ra. Tôi yêu chồng, một lòng tận tụy với chồng. Vậy mà mỗi lúc anh gần tôi, một nỗi ghê sợ tự thâm tâm làm tôi chùn lại, như con ốc thu mình vào vỏ cứng...

Hai vợ chồng riêng giữ hai phòng đã là chuyện bình thường trong suốt năm sáu năm. Thế rồi, một tối mùa đông, bỗng anh vào phòng tôi. Đã lâu tôi quen với những đêm thanh tịnh, nên thấy anh bước đến ghé nằm vào bên giường, tôi lùi lại, cảm giác như người ăn chay lâu ngày người thấy mùi tanh thịt cá ở miệng chén. " Ba nằm đây thì để em ra phòng khách ngủ ". Nghe nói thế, anh níu tay tôi: " Đừng, đừng, ngồi lại với anh một chút ". Anh phều phào nói.

Lúc ấy tôi mới thấy bàn tay anh lạnh ngắt, và mặt anh đỏ tía, mắt lác thần. Tôi kêu thét lên. Những dấu hiệu của một cơn đột quỵ. Vậy là cuối cùng anh đã quay về với tôi, không phải để sống, mà để chết.

Đêm cuối cùng trước cửa phòng cấp cứu hồi sức, tôi đứng lặng, gió lạnh phả từng cơn vào mặt. Gió buốt thấu xương, chẳng biết từ đâu thổi lại ? Hình như cơn gió này đã theo tôi suốt một đời rồi. Bạn bè, bà con đến. Tôi bảo: " Anh khá rồi, không sao ". Con trai tôi ngạc nhiên: " Bác sĩ bảo ba con đã trụ mạch rồi. Mẹ không nhớ à ? ". Tôi trào nước mắt, úp mặt vào vai con: " Con đừng hỏi, mẹ xin con, để mẹ yên...Mẹ sợ lắm ! ".

Tôi sợ. Anh đã quay về với tôi. Điều đó đối với tôi có ý nghĩa lớn lắm. Tôi không muốn ai biết giờ chót của anh, sợ e có người nào sẽ đến...Linh cảm đàn bà mách bảo cho tôi những điều chẳng lành...Đúng như vậy, con trai tôi quay ra phía sau bệnh viện để lo thủ tục, quay ra bảo tôi: " Ai vừa vào thăm ba ? ". Tôi giật mình." Ai ? ". " Con thấy một người quàng khăn đen che gần hết mặt bước ra ". " Sao mẹ không thấy ? ". " Mẹ quên à, phòng này còn có cửa sau ". Anh trở về nhà trong chiếc quan tài phủ kín hoa. Người ta lấy hết những bức tranh còn lại treo quanh chỗ anh nằm. Hân nhắc tôi: " Mẹ à, trong phòng vẽ của ba chắc còn vài bức nữa ". Tôi nhớ, nhưng căn phòng đã khóa. Nhiều người khuyên phá khóa ra. Tôi bảo: " Đừng ". Căn phòng đó là thế giới riêng của anh, tôi đã cách ly nó với toàn bộ ngôi nhà khi anh còn sống. Giờ đây anh vừa nhắm mắt, tôi sợ kinh động đến nó. Dường như tự thâm tâm, tôi sợ nó sẽ nhập vào ngôi nhà, sẽ giành lại anh, anh giờ đây đã quay về với thế giới của tôi...

Trong ba hôm, những vòng hoa ngập căn phòng lung linh ánh nến. Sao những bông hoa này cũng tươi như hoa cưới của tôi ngày xưa ? Anh đang nằm đây, sát bên tôi, im lìm và thanh khiết, không gây cho tôi cảm giác như khi người chiếc chén của người ăn mặn. Qua tấm kính, khuôn mặt anh hướng về tôi, mắt nhắm, thanh thản lạ lùng...

Tôi đưa anh đi. Trầm nhang xông ngát cả khu vườn trước khi đám giàn cai vào rước anh. Hình như chưa bao giờ tôi cảm thấy rõ ràng tôi là vợ anh bằng lúc này, cái cảm giác mà khi anh còn sống tôi đã không hề cảm thấy.

Ngoài bờ rào, một người đàn bà bỗng một đứa trẻ đang hướng về phía tôi. Cô ta đang nhìn anh lần cuối, cũng như tôi, khuôn mặt dày nước mắt. Tôi run lên, vịn tay vào vai con trai, bước đi. Cùng lúc hai nỗi đau trùn lên tim tôi. Cô ta không quàng khăn che mặt nữa, khuôn mặt như phơi ra trước những đôi mắt nhìn soi mói. Đứa trẻ trong tay cô ta ngược đôi mắt thơ ngây nhìn ra chung quanh, chân tay nó khua khoáng không ngừng trong lòng mẹ. Một tiếng " choang " vang lên, người ta đã đập vỡ cái bình gốm thô. Tiếng đập ấy nhằm báo hiệu cho linh hồn biết chẳng còn gì để lưu luyến nữa, và báo hiệu cho tất cả những người sống biết từ đây cuộc đời đã chuyển sang một chặng khác rồi...

Ngoài bờ rào, người đàn bà và đứa bé vẫn đang nhìn về phía tôi. Tôi cảm thấy rất rõ nỗi tủi hổ của họ. Cô ta đã xin bịt khăn tang, nhưng con trai tôi từ chối. Cô ta không có vị trí nào trong gia tộc của chúng tôi. Tôi quay đi. Tôi đã ngậm đắng nuốt cay, nhẫn nhịn gần nửa cuộc đời chỉ để hôm nay đứng ở vị trí này, danh chính ngôn thuận đưa chồng đi lần chót.

Một năm sau, khi nhận được giấy tòa án mời đến, tôi mới biết Thảo đã đưa đơn xin truy nhận

cha cho con mình. Thần kinh tôi vừa mới tạm dịu xuống chợt như đột ngột hoảng loạn. Bên tai tôi đột ngột nghe tiếng " xoảng " khủng khiếp, tiếng xoảng xua đuổi linh hồn, tiếng của chiếc bình vỡ tan.

Tôi chạy vào phòng mình, trùm chăn kín mặt, nghẹn ngào lắm lắm: Anh đã quay về rồi mà ? Anh đã quay về, ghé lưng nằm trên chiếc giường này, anh là của tôi. Điều đó đối với tôi có ý nghĩa lớn lắm...Con trai tôi đến ngồi bên tôi: " Mẹ nghĩ sao ". Tôi run run; " Con cứ bàn với luật sư, mẹ không có can đảm nhắc tới chuyện này nữa ".

Tôi không ra tòa. Tôi biết Thảo bỗng con đến tòa nhiều lần, nhưng vẫn chưa toại nguyện...Luật pháp đòi hỏi phải xét nghiệm ADN, mà muốn con trai tôi chấp nhận thử ADN cùng với đứa bé thì phải có bằng chứng cụ thể thuyết phục được quan tòa...Nhưng sẽ không bao giờ có bằng chứng cụ thể...Chồng tôi không lưu lại một dấu tích gì nói lên ý nguyện của anh về đứa bé... Năm này tiếp năm khác trôi qua. Trên bàn thờ anh, những cây thần tài trong lọ sứ đã vươn cao, xanh ngắt. Năm tháng làm lòng tôi dịu lại. Con trai tôi đã thi đậu kỳ thi công chức. Sáng sáng, tôi ủ sơ mi và cà vạt cho con đi làm, nóng lòng mong con sớm có người chăm sóc. Một đời nữa sẽ sống trong ngôi nhà này...Từ khi anh mất đi, các gallerie càng ráo riết tìm mua tranh của anh, dường như những bức tranh ấy là một gia tài mà anh đã để lại để chuộc những nỗi đau anh đã không tránh được cho chúng tôi khi còn sống...

" Con nghĩ là trong phòng vẽ vẫn còn một số tranh nữa " - con tôi nói.

Không còn cách gì hơn là phá ổ khóa, bởi chìa khóa đã mất tăm không ai tìm được. Cánh cửa rít lên mở ra nơi ẩn náu cuối cùng của anh, với những đồ đạc trong phòng: chiếc ghế đầu mà anh ngồi vẽ, chiếc sofa đơn độc mà anh nằm năm xưa. Cả giá vẽ cũng phủ đầy bụi...chừng mười bức tranh còn nằm trên vách, trong những bức tranh ấy, những người đàn bà hiện ra với hoa trái và chim câu, với sông với suối...rất nhiều người nữ nhưng chỉ có một khuôn mặt. Trên giá vẽ vẫn còn bức tranh cuối cùng. Cũng khuôn mặt người nữ ấy, trong trạng thái nguyên sơ, với thân thể mịn màng sáng chói giữa hai bên là mặt trăng, mặt trời tỏa rạng. Da thịt ấy được thể hiện như suối như đồi, từ đó mọc lên những cây xanh đầy hoa trái...Một thứ ánh sáng rực rỡ và huyền nhiệm phủ khắp trên bức tranh, khiến sự trần trụi không hề mang vẻ dung tục, mà chứa đầy sức cuốn hút từ cội nguồn sự sống.

Tôi khựng lại, từ từ ngồi xuống chiếc sofa. Tôi nhìn xuống tấm thân mảnh khảnh của mình, bỗng như thấy lại những tháng ngày rất xa, xa lắm, khi anh còn nhìn tôi bằng ánh mắt âu yếm chế riễu và bảo tôi là cô bé trả bài chưa thuộc...Trời cho tôi không ít hơn cho những người đàn bà khác, vậy mà tôi lại để hoang hóa cánh đồng của mình đến suốt một đời. Đâu phải lỗi tại tôi, mà tại một mặc cảm gì đó sâu thẳm lắm đã ở trong tôi từ thời thơ ấu...

Hân đến ngồi bên tôi. Tôi mở mắt, bảo con:

- Những bức tranh này không phải của mình, rồi có ngày mẹ và con sẽ đem vào trong ấy cho cô Thảo.

Hân ngạc nhiên:

- Việc gì phải thế. Cô ấy chẳng có quyền gì cả !

Tôi nhẹ nhàng, xót xa:

- Nếu không có người đàn bà này, ba con có vẽ được không ?

Hân quay lại, phóng một ánh mắt ghê sợ lên bức tranh khỏa thân. Tôi chợt nhớ tới pho tượng đất nặn nào nó nặn ra mà tôi đã đập tan. Có phải khi tôi còn thơ ấu cũng đã có ai gieo vào lòng tôi nỗi ghê sợ truyền kiếp đối với xác thịt con người ?

Mùa hè năm sau, thấy khỏe trong người, tôi vào Sài Gòn chơi, nhân dịp thăm Thảo.

Hai mẹ con Thảo sống trong căn phòng chung cư nhỏ trên tầng năm. Tôi đến rất sớm vào sáng chủ nhật, đứa trẻ còn ngủ. Một đứa con gái chừng lên sáu, có vàng trán cao với đôi lông mày thanh thoát. Trông đứa bé nằm, khuôn mặt ngăm ngăm, mái tóc quăn quăn, cái cằm và đôi môi ngang ngạnh, tôi bỗng nhớ đến cảm giác mỗi lần nhìn anh nằm ngủ - như sấm sét còn ngủ trong lòng đất.

Tôi ngồi bên Thảo. Hai chúng tôi đều muốn nói nhưng chẳng biết nói gì. Tất cả đã qua rồi...Không còn gì thay đổi được nữa. Không, có một điều: Tôi nói với Thảo, tôi đã khuyên con

tôi đồng ý cho thử ADN.

Trái với điều tôi chờ đợi, Thảo nín lặng một giây, rồi bảo tôi:

- Cảm ơn chị. Ngày ấy em đã vội vã quấy rối cuộc sống của chị. Lẽ ra em phải để cho chị được yên, như ý nguyện của anh lúc còn sống...

Tôi cúi xuống, không muốn Thảo nhìn thấy đôi mắt đỏ. Nhưng Thảo không nhìn tôi:

- Lúc ấy em cứ vội vì sợ cháu sẽ đứt lia với nguồn cội của mình... Nhưng bây giờ thì em nghĩ lại rồi, không cần phải thử ADN nữa !

Tôi giật mình. Điều gì đã xảy ra ? Thảo hiểu ý, bảo tôi:

- Vì cháu đã bắt đầu vẽ.

Cô kéo tấm màn che vội ở cuối giường, để tôi thấy những bức vẽ màu nước nhỏ ngồn ngàng trên nền gạch cũ mòn vẹt. Những bức tranh với màu sắc rực rỡ và mạnh mẽ. Thảo đã tin ở điều gì, tin rằng những bức tranh này chứng minh với người đời rằng những gien của anh đã truyền qua đứa bé ? Hay tin là rồi đứa bé lớn lên sẽ tự làm lấy cuộc đời mình, không cần ần chứng ?

Tôi cúi nhìn khuôn mặt thơ ngây và hai bàn tay nhỏ mở ra trong giấc ngủ. Những vân hoa hiện rõ trên tay đứa bé, cũng như trên tay con tôi ngày xưa. Ngày xưa...

Tôi thở dài, đã bao nhiêu nước chảy qua cầu từ hai tiếng ngày xưa, ngày mà tôi còn có anh.

Vòng Cora quanh núi thiêng Kailash Ký sự của Trần Thùy Mai

Càng ngày càng nhiều người Việt quan tâm đến Kailash – Ngọn núi tuyết trong dãy Himalaya. Tuy chiều cao (6.638 mét) chưa thể so với Everest (8.848 mét và chỉ ở cách đó có 600km), nhưng Kailash mới chính là ngọn núi thiêng được chiêm bái nhiều nhất trên thế giới.

Đồng thời, đây cũng là ngọn núi nguy hiểm nhất: Hàng năm vẫn có những khách hành hương bỏ mạng trong khi đi quanh núi: Với người dân bản địa, cái chết ở Kailash không phải là một tai nạn, đây là một ân phước.

Đi Cora quanh Kailash là một kiểu hành hương đặc biệt của người Tây Tạng. Hành trình mất khoảng hai ngày rưỡi, bằng thời gian để trèo lên đỉnh Fansipan của nước ta, và đường đi cũng không khó khăn bằng đường lên Fansipan. Nhưng thực tế cho thấy đi Kailash nguy hiểm hơn rất nhiều lần...

Những người đi cora quanh Kailash đa số không phải là những nhà thám hiểm. Phần nhiều họ đi với niềm tin, và niềm tin đã nâng đỡ họ. Trên đường cora, chúng tôi đã gặp Wang Feng, một nữ giáo viên quê ở Dương Châu. Cô tâm sự: Đi lần này là lần thứ ba, với ước nguyện cầu cho mẹ khỏi bệnh. Không phải chỉ có những Phật tử Tây Tạng mới xem Kailash là núi thiêng, niềm tin ấy đã lan tỏa trong nhiều người từ nhiều quốc gia khác nhau.

Kailash, vì thế không phải chỉ là một ngọn núi cao với thách thức về mặt địa lý, không phải là một nơi mà người ta chỉ cần đi cho biết, chụp hình rồi quay về. Kailash là giao điểm của văn hóa tâm linh Tây Tạng với khát vọng tâm linh của con người trên khắp thế giới.

Từ Kathmandu lên cầu biên giới

Tuy vậy, hội chứng thiếu dưỡng khí trên núi cao là một thứ ai cũng ngán, và tất nhiên ai cũng mong đi an toàn để trở về. Bay đến Kathmandu, thủ đô Nepal, chúng tôi được Satish, một người bạn ở đây mách cho biết: kinh nghiệm dân gian là dùng củ hành, nhai sống hoặc hít khói đốt củ hành cũng rất tốt. Nhưng trên đường cora, làm sao mà đem hành cho tiện, nếu đem thì đem bao nhiêu cho đủ. Hay hơn hết vẫn là uống thuốc ngừa mỗi ngày, thuốc này có bán ở một vài tiệm thuốc tại Kaathmandu với giá khá đắt đỏ. Chiếc xe mui sáu chỗ nóng bức tung lên vật xuống gần nửa ngày trên đoạn đường đầy ổ voi từ Kathmandu lên biên giới phía Bắc Nepal.

Xe dừng, Souson bảo: “Các anh chị đã đến biên giới China.” Tôi ngạc nhiên: “Chúng tôi đi Tibet (Tây Tạng) mà?” Souson, người dẫn đường của công ty du lịch ở Nepal nhìn tôi như không hiểu tôi muốn nói gì. Tôi chợt nhớ ra: Tây Tạng đã nhập vào Trung Quốc từ hơn nửa thế kỷ rồi! Từ lãnh thổ Nepal qua bên kia biên giới là một cây cầu, mỗi nước giữ một nửa. Hai bên là hai bộ mặt xã hội hoàn toàn khác biệt: Phía bên Nepal chỉ có mấy nhân viên mặc thường phục đứng lơ phờ, còn một nửa cầu bên Trung Quốc thì hai dãy lính Tàu bông súng đứng nghiêm tắp, mặt lạnh tanh còn hơn hai hàng lính “Uy vũ” trước cửa Bao Công.



Một dân phu Tây Tạng đang thồ hàng qua biên giới

Chokyi, người bạn Tây Tạng chờ chúng tôi ở cuối cầu. Anh chào đón chúng tôi bằng cách khoác lên vai mỗi người một dải khăn trắng có vẽ hình tám dấu hiệu: cái còi, cặp cá vàng, cái ô, chiếc phướn, hoa sen, cái bình, bánh xe pháp luân và dải lụa thắt nút vô tận. Theo phong tục, đây là những dấu hiệu tốt lành mang ý nghĩa cầu phước.

Chokyi mới hai mươi lăm tuổi nhưng trông khá già dặn, khuôn mặt khắc khổ rám nắng, chỉ khi cười mới thấy khuôn mặt tươi lên một chút. Trên đường đến Yangmu, anh mở cho chúng tôi nghe tiếng nói của đức Dalai Lama lưu sẵn trong phone của anh. Tôi hỏi anh hiện nay người dân có được tự do nghe lời và treo ảnh của Dalai Lama không, anh im lặng lắc đầu.

Phố núi Yangmu

Trên quãng đường từ biên giới đến Thị trấn Yangmu xe di chuyển rất khó khăn, kẹt kìn kít cả dãy dài vì đường rất hẹp mà xe nào cũng muốn lách chạy lên phía trước. Nếu trên cầu biên giới lính Trung Quốc bông súng đứng canh dày đặc thì ở đây lại chẳng có một móng công an nào, các tài xế cứ thế lay hoay thu xếp với nhau.

Đến chập tối chúng tôi mới đến được Yangmu. Khí hậu đã khác hẳn, cái nóng oi bức ở Kathmandu đã thay thế bởi cái lạnh buồn buốt trên da thịt. Bước vào nhà nghỉ bốn tầng, thấy mỗi phòng kê đến 4 giường, cũng may chăn nệm khá sạch. Sau một ngày đi đường quá ê ẩm, chúng tôi ai cũng ngã lăn ra làm một giấc đến sáng. Đến sáng ở đây có nghĩa là 9 giờ, vì ở đây đã là “Khu Tự trị Tây Tạng” thuộc nước Trung Quốc, phải sử dụng giờ Bắc Kinh, cho nên tuy đồng hồ chỉ 9 giờ mà ngoài trời chỉ mới lờ mờ thôi.

Yangmu là một phố núi, nhà cửa ẩn hiện trong mây mù, làm cho tôi chợt nhớ đến bài hát “*Phố núi cao, phố núi đầy sương. Phố núi quanh co, trời thấp thật buồn*”. Đây là một thị trấn vùng biên có vẻ ăn nên làm ra, nên người Trung Quốc đã kéo đến ở đông đặc, nhà cửa của người Tàu san sát bên các con đường bên vách núi. Ở đây có nhà hàng ăn uống, có tiệm massage, có internet, có photocopy... Nhà nghỉ có nhà vệ sinh tuy còn lạc hậu nhưng cũng khá sạch. Cứ tưởng đây chỉ là những tiện nghi thông thường tối thiểu, nhưng chỉ hôm sau khi đi khỏi Yangmu, chúng tôi mới biết đây là những sự sung sướng không thể nào có lại trong suốt hành trình hơn mười ngày ở Tây Tạng.

Đọc theo Himalaya

Rời Yangmu đến Saga, xe đi qua con đường dài hun hút, càng lúc độ cao càng tăng lên, chẳng bao lâu sau cảnh tượng hai bên đường khác hẳn. Không còn một mống cây xanh nào nữa, chỉ toàn là núi đá, lớp dưới thì gân guốc lạnh lùng, lớp trên chông chênh xa xa với những chóp núi nhọn hoắt phủ tuyết. Chokyi ngồi ở ghế trước quay lui bảo :
- Đây chính là Himalaya!



Dọc theo Himalaya

Một cảm giác xao xuyến sững sờ tràn ngập trong tôi, không ngờ giờ này mình đang đi dọc theo dãy Hy Mã Lạp Sơn tưởng chỉ có thể nghe nhắc đến trong sách vở. Quá hùng vĩ, nhưng cũng quá khắc nghiệt. Không một ngọn gió nào lọt qua được dãy trường thành sừng sững này, chỉ có ánh nắng chang chang rực rỡ chiếu lóa trên mặt đất khô khốc đầy đá sỏi và cỏ cằn cõi khô vàng; Nắng đến nỗi người Tây Tạng luôn phải bịt mặt trong khăn, nhưng đồng thời lại lạnh muốn cắt cả ruột. Trong xe đóng kín, cái lạnh càng lúc càng thấm dần vào, tôi vốn là đứa nhát lạnh nhất trong đoàn, vội vàng lấy áo len, áo phao ra mặc.

Bước vào khách sạn – Chokyi bảo là khách sạn lớn nhất ở Saga- tôi cảm thấy ngạc nhiên vì những căn phòng thấp bé, trên khoảng sân vuông vức khá rộng nhưng không được tráng lát gì cả, chỉ có nền đất với những vết nứt nẻ lổ chỗ; Càng kinh hãi hơn với cái điều mà không một ai trong số những người đi trước viết lại: Nhà vệ sinh thực sự là một nỗi kinh hoàng, giống y như nhà vệ sinh ở miền Bắc trong những thập kỷ 60, 70. Trời ơi, tôi thảm nghĩ, đến thế kỷ này rồi, giữa một thị trấn hàng ngàn du khách đi qua, trong một khách sạn lớn nhất, mà người Tây Tạng còn phải sống trong những điều kiện như thế này sao? Trong những thiên du ký của các tác giả mà tôi đọc say mê trước đây chỉ có một Tây Tạng huyền bí, sâu sắc, với đời sống tâm linh sâu thẳm. Chưa nghe ai nói đến một Tây Tạng nghèo nàn lạc hậu như thế này. Mọi thứ đều thô sơ và bám đầy bụi.

Cũng may, nổi bật lên giữa khung cảnh nghèo nàn ấy, có một thứ rất tốt, tốt đến không ngờ, đó là chăn nệm trên giường. Người Tây Tạng dệt chăn bằng lông trâu Yak, lông cừu nên rất ấm, khăn trải giường lúc nào cũng trắng sạch, tôi không hiểu họ làm sao giặt giũ và giữ sạch được như vậy trong tình hình nước rất khan hiếm. Một điều đau khổ nữa: Trong cả khách sạn không hề thấy cái phòng tắm, cũng không ai nhắc đến khái niệm phòng tắm ở đây. Tất cả mọi nhu cầu vệ sinh, khách phải xoay sở với hai cái chậu và một phích nước để ở đầu giường, thôi có vậy đã là may lắm rồi.

Saga đầy bụi, bụi mờ cả mắt. Lạnh như kim châm trên da thịt. Ở nước ta, điểm có độ cao nhất là chóp núi Fansipan 3142 mét. Ở Saga, đứng trên mặt đất bằng phẳng đã ngang với độ cao ấy rồi. Trên cao nguyên Tây Tạng này, chúng tôi đang đi trên nóc nhà thế giới.

Buổi sáng, chúng tôi được bà chủ khách sạn chuẩn bị cho món bánh bột lúa mạch cán dẹp rồi áp chảo với mỡ trâu Yak. Để giữ cho lửa cháy đều, bà liên tục xúc vào lò những xèng...phân ngựa phơi khô. Đây là thứ chất đốt độc nhất tôi nhìn thấy ở vùng này.

Chín giờ sáng, chúng tôi tiếp tục lên đường, đi về hướng Manasarova.

Từ Saga trở đi, tôi bắt đầu lo lắng cho sức khỏe, vì hai lỗ mũi đã cảm thấy rát, hít thở hơi khó chịu. May quá có đem theo chai thuốc xịt mũi làm bằng bông ngũ sắc, cũng cứu vãn được tình hình. Lại thỉnh thoảng bắt đầu thoáng thấy đau nhói hai bên thái dương. Lại dùng dầu xanh bôi vào, cứ thế suốt hành trình, hai cái chai đó luôn kè kè trong túi tôi. Dù đã đề phòng, việc ăn uống vẫn làm khổ tôi kinh khủng. Từ Yangmu trở đi hầu như tôi không ăn được gì, mặc dù rất cố gắng.

Thiếu ăn, thiếu thở, không được tắm, chống chọi với khí lạnh....Vây mà chuyến đi vẫn vô cùng kỳ thú, bởi quang cảnh Tây Tạng đẹp một cách kỳ lạ. Không nơi đâu trời xanh hơn ở đây, không nơi đâu nhiều mây trắng như ở đây, không nơi đâu núi cao, vực sâu như ở đây! Cái kỳ vĩ ấy, khắc nghiệt ấy chỉ có thể nhìn và cảm nhận bằng mắt chứ khó tả nổi bằng lời. Nhất là khi đi qua Drongba, vượt qua hai ngọn đèo Lalung cao hơn 5000 mét, nhìn xuống khe sâu là cả một cảnh tượng thần kỳ, tưởng như đang đi trên chín tầng mây biếc.

Khi đến Manasarovar, trời đã xẩm chiều. Thị trấn Manasarovar cao 4.550 mét, được đặt tên theo tên một hồ nước mệnh mộng xanh biếc. Đây là hồ thiêng, hàng năm cả ngàn người đến hành hương. Manasarovar cũng là hồ nước ngọt ở độ cao nhất thế giới. Chúng tôi xuống tận bờ hồ. Nước trong vắt, mệnh mộng như biển, nhìn sang bên kia chẳng thấy bờ. Bên kia hồ là dãy núi Gurla Mandhata với những chóp tuyết trắng xóa. Bên này hồ....Tôi ngẩng đầu lên nhìn về phía đối diện, và chợt thấy núi thiêng Kailash hiện ra! Không thể nhầm lẫn được, bởi tuy chưa đến bao giờ nhưng hình ảnh ngọn núi này, tròn trĩnh, phủ đầy tuyết mịn, với vài gợn lỗ chỗ nơi sườn núi ...Trong cơn xúc động tôi chạy trở về nhà nghỉ để lấy máy ảnh, nhưng khi chạy xuống thì Kailash đã biến mất, như một phép lạ chỉ hiện ra trong khoảng thời gian ngắn ngủi. Nhìn về phía ấy chỉ còn mây trắng phau che phủ kín cả chân trời.

Dấu chân Bồ Tát

Sau một đêm ngủ lại ở chỗ gọi là “Holy lake hotel”, mà tiện nghi cũng chẳng hơn gì khách sạn ở Saga nếu không nói là còn tệ hơn, chúng tôi quyết định lên đường sớm. Phải tranh thủ thời gian vì thời tiết đang rất tốt, để lỡ thời cơ nếu gặp mưa thì rất ỏng. Chokyi ngăn lại: “Dù vội thế nào cũng phải thăm đền Chiu Gompa. Hồ Manasarovar sở dĩ thành hồ thiêng cũng là nhờ thánh tích này.”

Ngôi đền này rất nhỏ bé, kiến trúc cũng rất thô sơ, nhìn từ đường cái vào thoạt tiên tôi cứ tưởng là một cái lô cốt nhỏ. Khi bước vào, mới hiểu vì sao khắp nơi đến đây chiêm bái: Đây là một trong những nơi lưu dấu ấn của Bồ tát Padmasambhava (Tức Liên Hoa Sinh), người đã có công đưa Mật Tông Phật giáo từ Ấn Độ vào Tây Tạng. Người dân Tây Tạng vô cùng sùng bái vị bồ tát này, xem là “Đệ nhị Phật”.

Trên đỉnh đồi cao đầy gió, Chokyi kể sự tích Ngài Liên Hoa Sinh:

“Theo lời truyền, vua Tây Tạng vào thế kỷ VIII là Shantarakshita rất mộ đạo Phật, ngài định xây một tu viện lớn nhưng bị các quỷ thần ở trong vùng quấy phá. Cuối cùng theo lời khuyên của triều thần, vua sai người sang Ấn Độ mời Đại sư Liên Hoa Sinh sang giúp. Một trận đấu phép giữa Bồ Tát và vua quỷ đã diễn ra ròng rã trong 7 ngày, ngay trên hồ Manasarovar này. Đến bây giờ dấu chân của Ngài Liên Hoa vẫn còn in lại trên vách đá.” Cũng vì cái dấu chân này mà ngôi đền bé nhỏ thô sơ mới trở thành danh lam hàng đầu của Tây Tạng, thật đúng như người xưa nói : “Chùa đất, Phật vàng”.

Thấy chúng tôi chăm chú lắng nghe, Chokyi kể thêm về sự tích Ngài Liên Hoa:



Tu viện Chiu Gompa

Những câu chuyện của Chokyi làm tôi không khỏi kinh ngạc. Chokyi hiểu thắc mắc của tôi, cậu ta giải thích: Vào thời đó, với môn phái Kim Cương Thừa, những cao tăng không phải từ bỏ tình dục, ngược lại còn xem đó là một lãnh vực tu chứng. Và mối liên hệ giữa Phật giáo với những quan niệm phồn thực cổ sơ là một đặc điểm tôn giáo rất độc đáo ở Tây Tạng cũng như ở một số nước láng giềng vào thời xa xưa ấy.

Chúng tôi rời Manasarovar, Chokyi ngồi phía trước quay lui khoe hai con cá khô tối qua vừa tìm mua được, vẻ hí hửng lắm. “Người ta đánh bắt cá dưới hồ để làm khô à?” “Không, không phải, cá già rồi, chết tự nhiên và nổi lên tự nhiên. Chữa được nhiều bệnh lắm. Bố mẹ vợ tôi đã dặn, có dịp đến Manasarovar phải mua cho các cụ.”



*Tượng Liên Hoa Sinh trong đền Chiu Gompa
(Bên trái là công chúa Ấn Độ Mandarava,
bên phải là công chúa Tây Tạng Tsogyal)*

Thấy tôi im lặng có vẻ bán tín bán nghi, Chokyi tặng tôi một gói muối nhỏ, đây là muối từ nước hồ, anh bảo muối này xoa bóp có thể trị được bệnh khớp và nhiều chứng đau đớn khác. Được xem là nước ngọt nhưng nước ở Manasarovar lại có độ mặn, cô đặc lại thì thành muối. Theo Chokyi, có giả thuyết cho rằng triệu triệu năm trước toàn vùng Tây Tạng vốn là đáy biển, sau này địa chấn nâng cao lên thành cao nguyên nhưng tính chất nước biển vẫn còn sót lại trong các ao hồ. Có lẽ vì thế mà cả vùng đất này chỉ có cát và đá, không một cây xanh nào mọc được, trừ một thứ cỏ dạng tảo mọc lưa thưa trên các triền núi, động vào là ngứa kinh người. Chokyi bảo từ xưa tới nay chỉ có thuật sĩ lừng danh Milapera là dám ăn lá cỏ ấy thôi.

“Milapera là ai?” Tôi tò mò hỏi. Chokyi gật đầu cười: “Sẽ kể. Nhưng bây giờ thì đi thôi, phải đến Darchen trước khi trời tối.”

Darchen là chặng cuối, nơi chúng tôi sẽ bắt đầu hành trình đi Cora.

Đêm trước Cora

Darchen có độ cao 4600 mét.

Đến đây sức khỏe của tôi đã xuống dốc khá nhiều, tuy suốt ngày chỉ ngồi trên ô tô nhưng phải chịu đựng khí hậu thật khắc nghiệt, vừa buốt giá và khô khốc, nắng dữ dội muốn lòi cả mắt mà đồng thời lại lạnh buốt đến cọng cả tay chân. Chưa bao giờ tôi độn nhiều áo xống trong người như thế, ba lớp áo quần bằng len cán, lại thêm cái áo phao dày cộp, thế là đủ ấm rồi nhưng còn cái mặt, mỗi lần mở khẩu trang để chụp hình tuy giọng cười nhưng sự thật là đang cảm thấy tối tăm mặt mũi. Khổ nhất là hai lỗ mũi đã sưng rất vì hít cái gió khủng khiếp này. Trên đường đi tôi đã liên tục xịt thuốc, vậy mà thỉnh thoảng hỉ ra khăn vẫn thấy màu đỏ nhò nhò của máu loãng.

Trên đường đến Darchen, ngồi trên xe tôi bắt đầu thấy từ vai gáy đến cánh tay mỗi ê ẩm. Rồi một bên chân bắt đầu thỉnh thoảng bị chuột rút. Cảm thấy đây là những dấu hiệu mở đầu của hội chứng thiếu oxy nên trong lòng tôi không khỏi lo lắng. Đã thế lại chẳng được bữa ăn nào vừa miệng, mấy thanh “High Calories” chắc cũng giống thức ăn ở trên phi thuyền, chỉ giải quyết cho mình cái chuyện khỏi chết đói chứ chẳng đem lại một chút cảm giác nào.

Tôi cố giảm bớt động tác để giữ sức, vì cứ ngồi yên thì hơi thở rất bình thường, nhưng hễ động tay làm một cử chỉ gì nhỏ nhặt: Với tay lấy cái khăn ở đầu giường chẳng hạn, hay lục tìm chai dầu trong ba lô, chỉ một vài cử động đơn giản ấy thôi cũng đủ khiến tôi thở hồng hộc như vừa vác một cái gì nặng lắm.

Khách sạn ở Darchen, nơi mỗi ngày hàng trăm du khách từ khắp thế giới tụ về, cũng chẳng hơn gì khách sạn ở các vùng đã đi qua. Vẫn vậy, không có chỗ tắm rửa, nhà vệ sinh khủng khiếp. Cả vùng này tuy có ống nước nhưng nước dẫn đi đâu không rõ, tôi thấy ngay trước khách sạn người dân đã đào đất lôi cái ống nước nhỏ xíu lên, bẻ đôi cho nó phun nước ra, cả vùng đến hứng lấy nước về xài. Quả là một hành vi phá hoại, nhưng nếu không tạo ra cái chỗ phun nước bất đắc dĩ này, họ phải xuống suối bưng lên từng hũ như ta vẫn thấy trong những bức tranh dân gian vẽ hình cô gái Tạng đi lấy nước.

Chiều hôm ấy chợt Souson từ ngoài chạy vào kêu to:

“ Kailash kia kia!”

Thì ra mây vừa tan, nhìn qua cửa sổ chúng tôi thấy Kailash trắng toát hiện ra ở xa xa, trên mấy lớp núi xanh phía dưới.



Kailash nhìn từ Tarboche

Chúng tôi quên cả mệt, vội chụp hình, chụp liên tục mặc dù nhìn từ Darchen thì còn xa lắm. Nhưng cứ chụp đã, vì nghe nói đã có nhiều đoàn đã đến đây mà rồi cũng chẳng có duyên đi đến chân núi, và nhất là gặp ngày âm u thì có đến tận nơi cũng chẳng hề thấy cái đỉnh núi huyền thoại.

Đêm đó tôi lên cơn nhức đầu dữ dội, càng nhức đầu thì càng khó thở. Tôi lo âu hết sức, tình hình này biết sáng mai có đi nổi không đây, nhất là từ mai sẽ đi ngựa chứ không có chuyện

ngồi trong ô tô nữa. Lo quá nên tôi mất ngủ, càng mất ngủ càng đau đầu hơn. Lòng tôi hoang mang: Có nên tiếp tục đi không?

Có đi tiếp không? Câu hỏi đó có lẽ đã xuất hiện trong lòng rất nhiều người khi đến cái cung đường quyết định này. Vì đến đây thì sức đã cạn, xảy ra nhiều hiện tượng lũng củng trong cơ thể. Hôm nay nằm trong chăn ấm mà còn như thế, ngày mai đang mình giữa nắng và có thể cả mưa ướt lạnh...rồi sẽ còn lũng củng đến đâu? Độ cao sẽ tăng dần theo hành trình, rồi còn hiện tượng gì sẽ xảy ra? Những chuyện chết người ở Kailash trong quá khứ lại ám ảnh tôi...

Khi bình minh đến, tôi ngồi dậy, đầu đã bứt đầu nhưng trong người cứ như trống rỗng, bước đi như bước trong chân không. Bỗng dưng thèm được ăn một tô phở, thèm đến cháy môi. Giá có một tô phở bây giờ, chắc tôi lành bệnh liền. Lúc đó bỗng nhiên quờ tay vào vali thấy một gói cà phê hòa tan đem từ Việt Nam, tôi liền nhờ Souson xuống bếp xin giúp ít nước sôi nóng để pha. Thật bất ngờ, uống xong cốc cà phê quen thuộc tôi thấy người dễ chịu hẳn, đầu óc tỉnh táo trở lại. Tôi quyết định theo đoàn lên đường, không quên nhắc Souson ôm theo 10 bình oxy.

Đường đến núi thiêng

Từ khách sạn Darchen đến Tarboche khoảng 15 cây số. Chúng tôi xuống xe, trước mắt là một vùng hoang vu chỉ có hàng đàn trâu Yak đang đứng sẵn để chờ thò hàng cho du khách.

Mấy người chăn ngựa dắt ngựa đến gần. Những con ngựa Tây Tạng, chân cao, đuôi dài, bờm tung lên dững mãnh, đẹp hơn hẳn những con ngựa mà tôi đã thấy ở Mexico hay ở Bhutan.

Cũng như Mông Cổ ở gần đó, Tây Tạng là nơi sinh ra những con tuấn mã đẹp nhất nhì thế giới.

Tôi chỉ vào một con ngựa trong bầy, nhưng Chokyi ngăn lại. “Phải bắt thăm.” “Sao vậy?” “Vì mỗi con ngựa có một số phận riêng, cũng như mỗi người chúng ta đều có vận may rủi khác nhau.”

Nghe vậy tôi thoáng cảm thấy một luồng hơi lạnh chạy ngang lưng. Chokyi nói vậy, nghĩa là con ngựa này sẽ nhân danh số phận để đưa tôi đi xuyên qua một đoạn đường sinh tử.

Thú thực lúc đó tôi cảm thấy sợ, nhưng khi đã đến Tarboche, mỗi khách hành hương cũng giống như mũi tên đã lấp vào cung, chỉ còn việc phóng đi.

Quả là số tôi không may cho lắm, nên con ngựa tôi cỡi không phải con ngựa hiền. Thỉnh thoảng đang đi chú ngựa Tây Tạng bỗng chồm lên, xoay tít như đang nhảy valse vậy, làm tôi hết hồn hết vía. Trên con đường này, có đủ Tây, Tàu, Tạng nói đuôi nhau lũ lượt, kẻ đi bộ, người đi ngựa, nhưng ai cũng chăm chú lo đi, nên dù tôi kêu lên oai oái thì cũng chẳng ai cứu được. Đánh là “Chót lên voi phải cầm vó”, nhắm chặt mắt, kẹp chặt hông ngựa, may sao sau vài phút nó hết cơn hứng thì lại đi túc tặc như thường. Sau lần đầu bạt cả vía ấy, tôi nắm được quy luật của nó rồi nên thấy nó trở chứng thì cứ nhắm mắt bám chặt lấy mồm yên, nín thở chờ nó qua cơn trái tính là xong.

(Hình 13, 14)



Trâu Yak thò hàng lý theo sau

Chặng đầu tiên từ Tarboche đến Dirapuk là một chặng đường vô cùng thú vị, trời xanh lồng lộng bao phủ trên đầu, hai bên là hàng hàng lớp lớp núi hùng vĩ, những tảng đá khổng lồ chồng lên nhau, nhẵn thín, trơn trượt. Sau gần một ngày đường, đến xế chiều chúng tôi mới kết thúc chặng đầu cora, dừng chân ở nhà nghỉ Dirapuk.

Đến Dirapuk là đã đến chân núi Kailash! Ngọn núi tuyết hiện ra ngay trước mắt, sáng lóa màu tuyết trong nắng chiều. Trời đã hoàng hôn mà hình ảnh Kailash vẫn hiện ra tròn trĩnh, đẹp lồng lộng.

Ngọn núi này được sùng bái bởi tín đồ cả hai đạo: Đạo Bon, tôn giáo nguyên thủy của Tây Tạng, và Mật Tông Phật giáo.

Với đạo Bon (một dạng thần đạo cổ sơ của người bản địa) thì đây là nơi Thủy tổ Tongpa Sherap từ trời xuống đất.

Với Mật tông Phật giáo thì đây là nơi thường trú của Chakrasamvara, một vị Phật được xem là hình ảnh của Cực lạc.

Với chúng tôi, những người hâm mộ ngọn núi phi phàm, thì có một điều thật xứng đáng để mình phải vượt ngàn dặm đến đây : Ở nơi này, thiên nhiên kỳ vĩ là cánh cửa tuyệt đẹp mở ra một thế giới văn hóa tâm linh mênh mông như biển, bước vào đó ta có thể đi mãi không ngừng trong cái bề sâu hướng nội vô tận của nhân loại.



Kailash nhìn từ Dirapuk

Vui lắm, nhưng tất cả chúng tôi ai cũng mệt, mệt rã rời và ai cũng cố gắng cử động rất hạn chế, để giữ oxy trong máu. Độ cao của Dirapuk đã là 4.900 mét.

Đêm lạnh không thể tưởng tượng. Khách người châu Á tất cả đều nằm trong phòng, còn một số khách Âu Mỹ, tự cho là quen với cái lạnh, nên thuê lều vải ngủ ngoài sân cho nó thêm “phong trần”. Nhưng đến khoảng 10 giờ đêm trời rét dữ dội, họ đều phải bỏ lều chạy vào phòng hết.

Nửa đêm, Chokyi đập cửa phòng tôi, hỏi tôi lấy mấy bình oxy. Cậu ta bảo có 5 khách hành hương bị kiệt sức phải cấp cứu. 5 khách này là 5 thanh niên Trung Quốc, ý sức khỏe nên đi bộ mà lại không mang theo bình. Đến sáng sớm có chiếc xe cứu thương cộc cạch đến đưa họ vào bệnh viện. Tôi hỏi Chokyi bệnh viện cách đây bao xa, cậu ta bảo: Cách ba trăm cây số!

Rút kinh nghiệm ở Darchen, tôi đã cố gắng ngủ, và sáng sớm lại pha cà phê Việt Nam uống cho tỉnh người. Vẫn còn mệt lắm nhưng lần này tôi biết sức mình có thể đi được.

Nhưng đến đây Chokyi bỗng trở giọng bàn lui:

- Dirapuk là chỗ ngắm núi đẹp nhất rồi, có đi nữa cũng chẳng có gì mà xem.

Lẽ nào lại thế. Chúng tôi đã gắng lên đến độ cao gần 5000 mét. Chỉ phải ráng lên cao thêm khoảng bốn trăm mét nữa thôi. Vậy mà Chokyi cứ một điệp khúc “Nothing to see”. Souson, anh bạn người Nepal cũng phụ họa để tìm mọi cách cho chúng tôi nản lòng. “Nên về thôi, không có gì hơn nữa đâu.”

Chắc các cậu sợ trong chúng tôi có ai đó lăn ra chết thì phiền phức biết bao nhiêu. Lúc đó tôi cũng cảm thấy nao núng, vì nhớ lại mùa hè năm qua hai du khách Singapore, một 60 và một 62

tuổi đã chết đột ngột sau khi vượt qua đèo Dromo-la, nghĩa là khi vừa đi hết chặng thứ hai của vòng Cora quanh núi.

Chokyi và Souson là những người đưa đường giàu kinh nghiệm, biết lo xa, thấy chúng tôi đã có tuổi, sợ nguy hiểm nên không muốn liều. Nhưng bác sĩ Tâm, trưởng đoàn của chúng tôi là người có máu mao hiểm, ông cứ lên ngựa và quát to : “Đi! Đi lên đỉnh núi!”

Lúc bấy giờ tôi hiểu. Cái tiếng tăm chết người của Kailash, cũng chính là sức hút mãnh liệt của ngọn núi này.

Chokyi và Souson không còn cách nào khác, đành phải tiếp tục đi.

Bên cạnh chúng tôi, nhiều người Tây Tạng đang “tam bộ nhất bái” trên đường. Cứ ba bước một lạy, họ chẳng hề để tâm đến cảnh tượng quanh mình, chỉ tập trung vào thế giới lặng lẽ bên trong.

Nói đại, nếu lỡ ra trong đoàn tôi có ai chết thì sao? “Nếu mà chết thì khỏi có chuyện đem xác về nhà, sẽ thiên táng trong bụng chim trời.” Tôi nghe mà hú vía. Chokyi nói, không phải cậu ta dọa đâu, người Tây Tạng đến nay vẫn giữ tục lệ ấy cơ mà.

Tranh thủ một lần nghỉ mệt, tôi vừa thở vừa nói thật với Chokyi là tôi thấy tục lệ ấy dễ sợ lắm, có phải người Tây Tạng phải giữ tục thiên táng là vì đất đá khô cứng quá không đào nổi huyệt mộ, củi gỗ cũng chẳng có để hỏa táng?

Chokyi lắc đầu bảo không phải. Trước kia người Tây Tạng từ vua chúa đến dân thường khi tạ thế đều được an táng trong lòng đất. Nhưng kể từ khi gần như toàn dân theo đạo Phật, nhiều người muốn đem thân xác bố thí cho các loài chim, như vậy người chết có thể làm được một việc phước cuối cùng. Lâu dần thành tục lệ chung. Như vậy thiên táng không phải một tập tục dã man, mà biểu lộ lòng từ bi vô lượng của người Tây Tạng.

Chặng đường thứ hai của vòng cora kết thúc ở đèo Dromo – la, đỉnh cao nhất của hành trình (5.470 mét).

Dromo-la được đặt tên theo tên nữ thần Dromo, còn gọi là nữ thần Tara, vị nữ thần tượng trưng cho phúc đức và lòng nhân ái (Cũng là nữ Bồ tát, bởi cả Đạo Bon thờ thần và Đạo Phật Tây Tạng đều sùng bái Tara.) Những ngày ở Tây Tạng, tôi được xem tranh cổ dân gian (Thangka), và rất ngạc nhiên thấy ở đây Quan Âm Bồ tát (Avalokitesvara) là đàn ông, vì vậy hình tượng Quan Âm ở Tây Tạng khác xa hình tượng Quan Âm bên ta. Tara, với vẻ mặt hiền dịu và dáng vẻ xinh đẹp mới chính là vị nữ thần, nữ Bồ tát mang hình ảnh người mẹ cứu khổ trong tâm tưởng người Tây Tạng.

Người Tây Tạng nguyện cầu Tara mỗi khi họ gặp khó khăn, tai nạn, bệnh tật, như đứa con kêu cầu tình thương và sự che chở của mẹ. Có lẽ vì vậy mà tên Dromo (Tara) được đặt cho điểm cuối chặng thứ 2 vòng cora, bởi đây là đỉnh cao nhất nơi mà người hành hương phải vượt nhiều đoạn cheo leo hiểm trở mới đến được, cũng là nơi thường xảy ra những vụ chết người vì hội chứng loãng oxy. Trong khoảnh khắc sinh tử, danh hiệu Tara được gọi lên, giúp cho người lâm nạn sức mạnh tinh thần để vượt qua cõi chết.



Bồ tát Tara

Đến đèo Dromo, xem như cuộc hành hương đã đạt, nên người hành hương Tây Tạng thường ném lại một mẩu áo cũ, một chiếc mũ cũ... với ý nghĩa tượng trưng là từ nay sẽ lột bỏ thân xác cũ để tái sinh trong một chặng đời mới đầy ân phước. Những mảnh áo mũ vứt đi này nằm vương vãi trên những đám cỏ lơ thơ ven núi.

Để tôn vinh Tara, những lá cờ nguyện cầu rực rỡ được người hành hương giăng khắp triền đèo. Theo Chokyi, cờ nguyện cầu có năm màu là biểu thị năm yếu tố cấu thành vũ trụ theo quan niệm của người Tây Tạng: hư không (xanh dương), gió (trắng), lửa (đỏ), nước (xanh lục), và đất (vàng). Treo cờ nguyện cầu là ghi lời nguyện của mình vào vũ trụ bao la, và cũng là góp phần vào hòa điệu vô tận của trời đất. (Quan niệm của người Tây Tạng về các yếu tố cơ bản của vũ trụ khác quan niệm về ngũ hành *kim mộc thủy hỏa thổ* của người Trung Hoa ở chỗ họ không nhắc tới yếu tố mộc (cây) và kim (kim loại). Điều này có lẽ cũng xuất phát từ hoàn cảnh thiên nhiên ở xứ sở vùng cao trơ trụi này.)

Qua khỏi Dromo-la, những con dốc xuôi dần xuống thấp. Cuối chặng đường, sau vài giờ đi bộ, tu viện Zutul Gompa hiện ra.

Zutul nghĩa là cái hang, đặt tên như vậy vì ở đây có cái hang nhỏ nơi nhà thánh thi Milarepa đã ngồi thiền định. Đến đây, qua khỏi những nỗi âu lo, Chokyi mới nhớ ra còn nợ tôi câu chuyện về Milarepa, là nhà thơ đồng thời là thuật sĩ vĩ đại của Tây Tạng vào thế kỷ 11.

Và đây là câu chuyện của Chokyi trong buổi tối dừng chân nơi trạm nghỉ này:

Milarepa vốn là một đứa con cô nghèo khổ có tuổi thơ bị đầy đọa, ông căm thù những kẻ đã đối xử tàn tệ với mình nên đi học phép phù thủy và dùng phép để báo thù. Trong phần hận, ông dùng phép thuật làm ra một cơn bão lớn, khiến cho cả trang trại của kẻ thù bị tàn phá, ba mươi người chết sạch trong một đêm.

Lòng căm thù đã hả, nhưng ông không thấy vui, trái lại, nỗi trống vắng lạnh lẽo xâm chiếm tâm hồn ông. Khuôn mặt của những người chết ám ảnh ông, nỗi ân hận càng lúc càng lớn. Thế rồi ông quyết tâm theo Phật, dứt bỏ lòng hận thù để đến với tình thương và tha thứ. Sau nhiều thập kỷ tu tập và thiền định, Milarepa đã được xem là vị Phật sống, trở thành người kế tục dòng truyền thừa của Phật giáo Mật Tông Tây Tạng...

Câu chuyện rất người của đời ông là chứng thực của điều Phật dạy: Buông dao xuống, kẻ sát nhân có thể thành Bồ Tát.

Cuộc đời kỳ vĩ của vị Phật sống đã được Neten Chokling dựng lại trong bộ phim Milarepa nổi tiếng thế giới.

Một ngàn năm nữa...

Từ Zutul – Gompa trở đi, đường dễ đi hơn nhiều. Sau nửa ngày đi theo những đoạn đường ngoằn ngoèo, lại đến một thung lũng hẹp, rồi con đường men núi rẽ sang phía tây. Lúc này khách hành hương đang đi về hướng Darchen, đi khoảng 3 giờ đồng hồ sau mới thấy thị trấn hiện ra đằng xa với những mái nhà xám xịt.

Lé ra theo hành trình, Chokyi sẽ gọi xe đến đón chúng tôi ngay ở đây rồi lên đường về lại hồ thiêng Manasarovar. Nhưng đã quá mỏi mệt vì chuyến đi, và cũng để nhâm nhi niềm vui của mình thêm một chút, chúng tôi quyết định quay về khách sạn Darchen với kế hoạch “liên hoan” một bữa để mừng đi đến nơi, về đến chốn.

Chà chà, muốn liên hoan cũng khó đây, vì biết ăn gì bây giờ. Vị trưởng đoàn của tôi vốn rất quan tâm đến ẩm thực, chợt nhớ ra trên đường đến khách sạn Darchen có thấy một nhà hàng mang bảng hiệu tiếng Hoa, tên là Tứ Hải gì đó, có ghi chú là bán các món ăn Hoa Nam. Chokyi tỏ vẻ ngần ngại không muốn đi, nhưng sau nể khách quá nên cũng chiều. Nhà hàng đông khách, tất nhiên toàn là khách vắng lai đi qua Darchen chứ dân Tạng thì không hề có ai xuất hiện ở đây. Chokyi ghé tai nói nhỏ cho tôi biết lý do khiến anh ngại ngần: Theo anh thì các nhà hàng Hoa ở đây thường lấy thịt chó giả làm thịt bò, mà anh là Phật tử Tây Tạng, tuyệt đối kiêng thịt chó (Rất giống thói quen của Phật tử ở Huế). Tôi chợt nhớ lại khi vào cửa nhà hàng đã nhìn thấy cả đàn chó ngao nằm la liệt trong sân, thấy ớn lạnh nên dù đã đói cả tuần nay và các món ăn đều thơm phức hấp dẫn nhưng tôi chỉ dám húp nước mà thôi...



Đàn chó ngao trong sân nhà hàng

Chokyi cũng không ăn uống gì nhiều, chỉ nhắm nháp lấy lệ. Không biết giờ phút ấy người bạn Tây Tạng của chúng tôi đang nghĩ gì? Suốt trên đường đi, không biết bao nhiêu lần Chokyi đã phải lên xe, xuống xe để trình giấy tờ qua các chốt gác có lính Tàu canh giữ. Ở Tây Tạng bây giờ, các trường học đều dạy bằng tiếng Hoa, các bảng tên đường cũng tiếng Hoa, cả những thánh tích cũng có bảng chỉ dẫn tiếng Hoa. Nhưng, trong khi người dân những nước láng giềng đã quên đi khái niệm Tây Tạng về mặt địa lý, thì trên toàn thế giới người ta vẫn nhắc về quê hương của Dalai Lama như một đất nước, một dân tộc với tất cả những bản sắc độc đáo có lẽ đời đời không thể nào bị đồng hóa.

Từ Kailash trở về trong lòng tôi khắc sâu hình ảnh gương mặt rám đen cần cỗi của những người bạn đã gặp: Chokyi, ông lão chần chừ, người phu khuân vác hành lý, những khách hành hương tam bộ nhất bát trên đường. Với niềm tin sâu sắc khó dời đổi, họ giữ trong lòng những tập quán tâm linh, những thánh thần sông núi của ngàn xưa, giữ cho văn hóa Tây Tạng mãi mãi là một thực thể rất khó bị tan hòa.

Tôi bỗng nghĩ, nhất định sẽ có một ngày Tây Tạng độc lập. Người Việt Nam đã từng nội thuộc Trung Hoa cả đến một ngàn năm. Tây Tạng mới nội thuộc Tàu bảy mươi năm. Vậy từ nay cho đến chín trăm ba mươi sáu năm nữa, lẽ nào lịch sử không cho những người Tây Tạng một cơ hội?

Rời Darchen, chúng tôi tiếp tục đi. Hai bên đường là cảnh tượng hùng tráng của thiên nhiên, tương phản với cuộc sống lam lũ nghèo nàn của con người. Chúng tôi đang trên đường đến

Everest Base Camp, nơi có thể chiêm ngưỡng chóp núi cao nhất thế giới. Chokyi bảo hãy chuẩn bị tinh thần, sẽ được xét giấy tờ kỹ lưỡng đó vì mỗi năm hàng trăm người Tạng trèo qua Himalaya để vượt biên qua Nepal.

Trong tiếng gió lạnh khô buốt, tôi tưởng mình đang nghe được những lời nguyện cầu thẳm lặng từ những lá cờ ngũ sắc mà người Tây Tạng đang giăng khắp các rừng sâu núi thẳm...

2014